# VănHọc

**TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ**


**phạm duy, người nghệ sĩ tự do**
*phố tịnh*
**thương tiếc hoàng lão-sư**
*nguyễn đình-hoà*
**phan khôi, ngọn hải đăng giữa biển động**
*trùng dương*
**đầu xuân đọc sách**
*mai kim ngọc*
những truyện thật ngắn
*kinh dương vương ● hoài mỹ*

truyện
*nguyễn quí đức ● lê minh hà ● hồ minh dũng*
*trần mộng tú ● hàn song tường ● phạm chi lan*
*nguyễn hiền ● trúc chi*
thơ
*ngu yên ● trần minh hiền ● y chi*
*khoa hữu ● sử mặc ● như chi ● triều hoa đại*
*nguyễn đức thanh ● nguyễn thượng đức*



SỐ 132 ● THÁNG 4 NĂM 1997

# VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

**Đại diện Văn Học ở Canada:**
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

**Đại diện Văn Học ở Âu châu:**
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

**Đại diện Văn Học ở Úc châu**
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

**Đại diện Văn Học ở Houston, Texas**
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
**E.Mail:** vanhoc@saigonline.com
**Homepage trên Internet:** http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: (714) 894-8535
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

# Văn Học

## số 132 ● tháng 4, 1997


| | | |
|---|---|---|
| VĂN HỌC | 2 | thư tòa soạn |
| PHỐ TỊNH | 3 | phạm duy, người nghệ sĩ tự do |
| TRẦN MINH HIỀN | 10 | *tháng giêng và em* |
| NGU YÊN | 11 | *diễn văn, quá muộn* |
| VÕ THU TỊNH | 14 | triết lý dân tộc VN qua tục ngữ |
| Y CHI | 26 | *mừng xuân vội, mâu thuẫn* |
| NGUYỄN ĐÌNH HOÀ | 27 | thương tiếc hoàng lão-sư |
| KHOA HỮU | 35 | *thứ dân* |
| TRÙNG DƯƠNG | 36 | phan khôi, ngọn hải đăng... |
| LÊ MINH HÀ | 52 | nợ |
| NGUYỄN QUÍ ĐỨC | 57 | tâm thần |
| HỒ MINH DŨNG | 61 | thị lộ |
| TRẦN MỘNG TÚ | 67 | máy trợ thính |
| HÀN SONG TƯỜNG | 73 | về nhà |
| SỬ MẶC | 79 | *phương đông* |
| NHƯ CHI | 80 | *tưởng vọng* |
| PHẠM CHI LAN | 81 | lớp vỏ |
| KINH DƯƠNG VƯƠNG | 89 | những truyện thật ngắn |
| TRIỀU HOA ĐẠI | 92 | *ở lại cùng cây cỏ* |
| NGUYỄN HIỀN | 93 | chút hương kỷ niệm |
| HOÀI MỸ | 103 | ba truyện ngắn ngắn |
| TRÚC CHI | 108 | hai lần tiễn đưa..., tùy bút |
| NGUYỄN ĐỨC THANH | 116 | *mưa, em và quê nhà* |
| MAI KIM NGỌC | 117 | đầu xuân đọc sách |
| NGUYỄN THƯỢNG ĐỨC | 136 | *chuyện (dài) làng thơ* |
| NGUYỄN QUỐC TRỤ | 137 | tạp ghi |
| VĂN HỌC | 145 | giữa người viết và người đọc |
| VĂN HỌC | 154 | thư tín |
| VĂN HỌC | 156 | hộp thư, giới thiệu sách mới |



Copyright by authors and Văn Học, 1996
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

# Thư Tòa soạn
## *Văn Học*

Số báo này đến với bạn đọc vào đầu tháng Tư, trong lúc cộng đồng người Việt tị nạn ở khắp nơi, bằng nhiều cách khác nhau, chuẩn bị tổ chức kỷ niệm năm thứ 22 ngày Việt Nam Cộng Hoà sụp đổ. Những kỷ niệm đau thương ngày xưa lại về, nhưng thời gian hơn hai mươi năm qua cũng tạo ra những hy vọng mới. Một thế hệ trẻ trưởng thành trên xứ người đạt được nhiều thành công trên đường học vấn, và đang tiếp tục thành công khi nhập vào dòng sinh hoạt chính của quê hương thứ hai. Chủ nghĩa cộng sản sụp đổ ở Liên sô và Đông Âu tạo ra một làn sóng tị nạn mới, mở sinh lộ cho những người lâu nay sống âm thầm tuyệt vọng dưới một chế độ độc tài chuyên chế.

Những biến chuyển xã hội ấy tất nhiên phản ảnh qua văn chương. Điều đó thể hiện rõ ràng qua cách nhìn vấn đề, cách khai thác kinh nghiệm sống, cách đánh giá ý kiến của người khác qua những bài viết đăng trên Văn Học. Khi nhiều người viết, người đọc từ nhiều xuất xứ khác nhau cùng gặp nhau trên Văn Học, kết quả trước tiên của những cuộc gặp gỡ gián tiếp ấy là mỗi người thoát ra khỏi vòng rào chật hẹp của đời mình, nhìn rộng ra thân phận và tâm trạng những người khác; từ đó mỗi người nhìn người khác với cái nhìn bao dung hơn, cảm thông hơn.

Phố Tịnh đề nghị một cách nhìn mới đối với hai nhạc sĩ có ảnh hưởng lớn lao với công chúng Việt Nam: Phạm Duy và Trịnh Công Sơn. Nhà văn Trùng Dương thách thức giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam khi định lại vai trò của Phan Khôi. Giáo sư Nguyễn Đình Hoà tưởng niệm cố học giả Hoàng Xuân Hãn mặc dù không cùng quan điểm chính trị với vị ân sư của mình về văn hoá. Ba lối nhận định khác nhau nhưng cùng chung một nỗi thiết tha với văn hoá dân tộc và lý tưởng tự do. Phải chăng đó cũng là chỗ gặp gỡ giữa người đọc và những người viết trên tạp chí này.❐

# Phạm Duy - người nghệ sĩ tự do

*Phố Tịnh*

Phạm Duy là một trong những cái tên ăn sâu trong trí nhớ người Việt. Mỗi người Việt Nam trong chúng ta trong năm thập kỉ qua đều khắc ghi hình ảnh Phạm Duy gắn liền vào những kỉ niệm nào đó của đời mình. Hơn năm mươi năm qua , sự có mặt của Phạm Duy đã rất bền bỉ, liên tục. Không như rất nhiều nhạc sĩ sáng tác khác, ông luôn gây chú ý trong công chúng qua những hoạt động âm nhạc của mình. Có điều này thường ít được chú ý: Phạm Duy rất gắn bó với sinh hoạt nghệ thuật đương thời. Ông luôn có mặt trên tiền trường của sinh hoạt âm nhạc Việt Nam trong hơn năm mươi năm qua. Điều này có ý nghĩa gì?

Sinh hoạt văn nghệ cũng như muôn nghìn dạng hoạt động xã hội khác, là tổng hợp từ những sinh hoạt thường ngày của mỗi cá nhân hay một tập thể. Điều kiện sinh hoạt của mỗi cá nhân hay tập thể sẽ quyết định giá trị của những hoạt động của họ. Xã hội phong kiến có những quy định không thành văn về những quyền hạn và vai trò của người nghệ sĩ đối với hoạt động sáng tác, và chỉ có lí hội những điều kiện như thế trong bối cảnh xã hội của nó. Chẳng hạn, người nghệ sĩ nho gia phải tôn trọng phép "huý kị" trong khi viết: không được viết những từ kiêng kị trong thời mình sống, tên cúng cơm của vua là một huý kị đầu tiên phải nhớ. Đến cả mục đích sáng tác của người làm văn làm thơ cũng thế, "văn là để chở đạo lí". Các xã hội chuyên chế độc tài ở thế kỉ XX cũng có những huý kị của chúng. Một huý kị lớn lao của xã hội này là: văn nghệ là để phục vụ chính trị, và tuỳ mục tiêu chính trị giai đoạn mà có những sáng tác kịp thời để phục vụ phong trào. Khi lãnh đạo cho phép được cởi trói thì tha hồ tự do viết trong khuôn khổ được phép ; hễ không biết tự chế mà đi quá đà

là bị chính trị trừng phạt, nghĩa là tước quyền ăn nói đi. Hoạt động văn nghệ ở đất nước chúng ta nếm đủ mùi vị của tình cảnh đáng buồn: nó luôn luôn là một đứa trẻ dại khờ trước những ông hộ pháp ghê gớm là chính trị.

Xã hội Việt Nam bước vào thế kỉ XX hoàn toàn chưa hề được tạo điều kiện để bảo đảm rằng mọi công dân cùng có ý thức chính trị để đóng góp phần mình vào hoạt động quốc gia. Các chế độ chính trị nối tiếp nhau luôn tìm cách khống chế quyền tự do của công dân, xem như một điều kiện để củng cố quyền lực chính trị của nhà cầm quyền. Chính trị đã đồng nghĩa với quyền lực thống soái. Hệ quả của tình trạng hoạt động văn nghệ ở những xã hội như thế là gì? Xã hội thì bị kìm hãm trong lạc hậu, địa vị người công dân thì nhỏ bé như con ong cái kiến.

Trong một xã hội như thế, người nghệ sĩ muốn làm tròn vai trò là một phát ngôn nhân của xã hội thì thật là khó, vì nó đòi hỏi một nỗ lực lớn lao ở người nghệ sĩ: ý thức trách nhiệm với xã hội, và sự đảm lược cá nhân. Văn nghệ và trí thức trong một xã hội như vậy thường bị đẩy vào tình cảnh là họ phải chấp nhận một thứ hợp đồng bất thành văn với tầng lớp chính trị cầm quyền. Họ trở thành những kẻ phục tùng chính trị lãnh đạo kiểu này hay kiểu khác.

Người nhạc sĩ sáng tác ở miền Bắc trước 1975 thì chỉ được phép hát về thi đua sản xuất, chống Mĩ cứu nước. Thế thôi. Đi chệch ra khỏi quỹ đạo sáng tác đó là có vấn đề. Sự chỉ huy văn nghệ đã thật là chu đáo, như người cha nghiêm khắc đối với những đứa con thơ. Người nhạc sĩ sáng tác trong xã hội miền Nam trước 1975 xem ra cũng không may mắn hơn. Không khí chính trị luôn luôn có những cạm bẫy rình rập đáng nghi ngại: chế độ kiểm duyệt, và màng lưới mật vụ dẫn đến tình cảnh bơ vơ của thân phận nghệ sĩ và trí thức. Người ta chọn giải pháp cầu an bằng thứ văn nghệ phi chính trị, vô can với sinh mệnh xã hội lúc nào cũng như khẩn trương. Văn nghệ phi chính trị - mà có thời bị gán cho một thuộc từ không mấy dễ chịu: *viển mơ* - thường lẩn tránh vai trò phát ngôn nhân của xã hội mình đang sống. Xã hội thì chiến tranh tàn phá không thấy chút ánh sáng nào ở cuối đường hầm, con người thì phân hóa, khổ đau. Thế nhưng thống kê các tác phẩm âm nhạc ra đời trong hai mươi năm đó sẽ thấy nổi lên lên một chủ đề lớn tuyệt đối: lời rên rỉ của những con người lạc lõng li cách khỏi những vấn đề chung của xã hội. Nhạc là để lẩn trốn vào cái tôi bẩn chật, để mà rên rỉ. Phạm Duy cũng như bao nhiêu người khác trong xã hội đó, cũng đã có những bài hát rên xiết về con tim đơn côi rướm máu (*Mùa thu chết, Tình ca mùa thu, Bao giờ biết tương tư, Trả lại em yêu...* ), ông cũng từng đêm đi đến các hộp đêm, phòng trà để ca hát quay cuồng mua vui cho khách du hí. Tuy vậy, đó chỉ là một nửa Phạm Duy, con người xã

hội của ông phải kiếm cơm áo cho một gia đình đông con, mà ông thì chỉ hoàn toàn lấy ca nhạc làm phương tiện sinh sống, như anh công chức hay anh lính phải làm việc để lĩnh lương, như anh kí giả phải viết lách - thậm chí chửi bới loạn ngôn - để nuôi thân.

Nhưng còn một con người Phạm Duy khác đã từng làm nên những công trình sáng tác lớn lao, những sáng tác mà dù thời gian có qua đi, chúng vẫn ở lại với lòng người Việt Nam, những sáng tác của Phạm Duy vẫn sống trong lòng người, dù cho chính quyền cộng sản đang tìm cách muốn bôi xóa trong kí ức dân chúng. Sáng tác của Phạm Duy xứng đáng làm tiêu biểu cho một thời đại trong lịch sử âm nhạc Việt Nam hiện đại. Cùng thời với ông có không biết bao nhiêu là nhạc sĩ, cơ man những nhạc phẩm ra đời. Nhưng không phải nhạc phẩm nào cũng có thể được thừa nhận là những tác phẩm lưu lại trong lòng người những xúc cảm lâu bền.

Con người Phạm Duy trần tục sẽ qua đi, nhưng con người nghệ sĩ của Phạm Duy sẽ còn lại qua thời gian. Đó là Phạm Duy của kho tàng tác phẩm đồ sộ vào bậc nhất trong số các nhạc sĩ sáng tác Việt Nam hơn nửa thế kỉ qua. Nhưng là một Phạm Duy còn xa lạ với công chúng. Bảo rằng Phạm Duy là một người xa lạ, là một cách nói quá. Nhưng nó phản ảnh một sự thật là: người ta không muốn, không chịu tìm đến Phạm Duy và hiểu ông như một người nghệ sĩ tự do.

Người nghệ sĩ tự do là một người dám sống là mình, sống chân thật với những yêu ghét thật lòng mình. Khi sáng tác, người nghệ sĩ tự do dám sống thật với cuộc sống chung quanh mình, cảm xúc thật sự trước những buồn vui xảy ra quanh mình, và sáng tác về những tâm cảnh về cuộc đời có thật quanh mình. Người nghệ sĩ tự do là người muốn gìn giữ tư thế độc lập (autonomy) của mình trước chính trị. Họ chỉ chấp nhận vai trò làm người chứng của thời họ sống.

Rất khó nhận diện người nghệ sĩ tự do trong một xã hội độc tài. Chỉ khi họ bị chính trị thoá mạ, bắt bớ, đàn áp, công chúng mới chợt nhận ra họ. Victor Hara bị bách hại sau đảo chính quân sự ở Chilie năm 1973 là một thí dụ về ý đồ triệt tiêu người nghệ sĩ tự do trong một thể chế chính trị độc tài. Không có dấu hiệu gì cho thấy là đã chấm dứt hiện tượng đối nghịch giữa chính trị áp bức và nghệ sĩ trong những xã hội thiếu dân chủ. Trong xã hội liên tiếp chịu ách độc tài, phần thưởng dành cho những người nghệ sĩ tự do thường là nhà tù, là sự khủng bố, là sự bách hại. Hãy nhớ lại ngày Gia-Long thống nhất đất nước , những người trí thức nghệ sĩ Tây-Sơn (như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy ích chẳng hạn) đã bị làm nhục, bị khủng bố như thế nào!

Người nghệ sĩ tự do là một khái niệm còn khá xa lạ với xã hội Việt Nam, mặc dù trong xã hội đó , người ta nói đến mòn môi hai chữ "tự do". Bởi vì có một sự thực mỉa mai là: chưa bao giờ xã hội Việt Nam hiện đại là một xã hội tự do thật sự. Làm gì có tự do của người nghệ sĩ khi mà đất nước liên tiếp bị thống trị bằng những chế độ chính trị thiếu vắng dân chủ? Sự đàn áp dã man những người nghệ sĩ khi mà đất nước liên tiếp bị thống trị bằng những chế độ chính trị thiếu vắng dân chủ? Sự đàn áp dã man những người nghệ sĩ của phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm tại Hà-Nội (1955 - 1957) là một minh chứng hùng hồn cho địa vị người nghệ sĩ tự do trong xã hội độc tài cộng sản. Có hay không người nghệ sĩ tự do trong xã hội miền Nam trước đây? Hồ sơ về những bắt bớ đàn áp người nghệ sĩ dưới chính thể gọi là cộng hoà không phải là ít ỏi gì, mặc dù không ở cấp độ nghiêm trọng như biến cố Nhân Văn-Giai Phẩm ngoài Bắc. Những vụ bắt bớ đàn áp nghệ sĩ trong Nam là những bằng chứng về sự chà đạp tự do của người nghệ sĩ. Cái chết đặc biệt của người nghệ sĩ trí thức Nhất-Linh là một điển hình để lên tiếng tố cáo sự đàn áp nghệ sĩ trong xã hội miền Nam những năm cuối chế độ đệ nhất cộng hoà.

Trong một xã hội áp bức, anh nghệ sĩ được tự do viết lách, hát ca, vẽ vời...miễn là với tư cách một kẻ ngoài lề xã hội một kẻ viễn mơ giữa hiện thực cuộc đời. Anh cứ rong chơi ngày tháng bồng bềnh, ôm trái tim đau nhức mà rên rỉ cho đến khi nào chán thì thôi. Nhưng anh không được phép hát về thân phận đất nước "u mê ngàn năm" của anh. Anh có thể lang thang qua hết thứ văn chương "nôn mửa", rồi đến thứ văn chương thiếu vắng con người, chán chê rồi thì hãy viết văn chương "phòng the". Nếu không thì bẻ bút đi. Bởi vì anh nghệ sĩ cần phải biết rằng không làm gì có văn nghệ hiện thực cả. Hiện thực chỉ là những cái nhàm chán vô vị của thế giới đồ vật chung quanh anh mà thôi. Hoặc giả anh muốn phơi bày hiện thực chỉ là vì anh muốn nối giáo cho địch hoặc là đâm sau lưng chiến sĩ. Những người sáng tác có ý thức như Trịnh công Sơn hay Phạm Duy chẳng hạn đã nổi lên như những hiện tượng lạc lõng, hiếm hoi trong sinh hoạt âm nhạc miền Nam. Bởi vì họ đích thực là những nghệ sĩ tự do.

Để làm người nghệ sĩ tự do, không phải chỉ có ý thức về hiện thực chung quanh anh, mà còn phải có đảm lược để làm phát ngôn nhân cho xã hội anh đang sống. Trong hai mươi năm văn nghệ miền Nam 1954 - 1975, không nhiều lắm những người sáng tác âm nhạc có đủ ý thức về những lừa dối hào nhoáng mà chính trị đã phơi bày hàng ngày. Nhìn lại hai thập niên của chế độ cộng hoà ở miền Nam, có thể thấy là thập niên đầu (1954 - 1964) là giai đoạn đi tìm một mô hình cho văn nghệ. Trên báo chí, chẳng hạn tạp chí *Bách-Khoa* và *Sáng-Tạo* (bộ mới), đã liên tục có những đợt đặt

vấn đề về quan điểm sáng tác. Trong những đợt thảo luận, phỏng vấn này, giới sáng tác âm nhạc đã không chứng tỏ sự có mặt của mình trên diễn đàn văn nghệ. Phải buồn bã nói ra một sự thực là giới nhạc sĩ sáng tác thời đệ nhất cộng hoà chỉ là những kẻ đi bên lề văn nghệ. Trừ Phạm Duy. Sang đến thập niên sau (1965 - 1975), một lần nữa, vấn đề thái độ và quan điểm sáng tác của người nghệ sĩ lại được đặt lại trong sinh hoạt văn nghệ Sài-Gòn. Hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ là những đấu trường gay gắt của văn nghệ. Trên sách báo luôn diễn ra những tranh luận về những vấn đề lí luận văn nghệ. Thế nhưng sáng tác âm nhạc giai đoạn này chỉ dễ dãi chấp nhận thân phận làm thằng mõ cho chế độ chính trị cầm quyền đang chủ động trong chiến tranh, hoặc là anh làm cái loa cho "quốc gia", hoặc là anh "nằm vùng" cho Việt cộng. Hoàn toàn thiếu vắng người nghệ sĩ tự do. Trừ Phạm Duy và Trịnh Công Sơn, và những nhạc sĩ trong nhóm sáng tác Du ca. Sau 1975, nhiều nhạc sĩ "nằm vùng" đã vỗ ngực kể lể về phong trào "hát cho đồng vào tôi nghe" tại thành thị miền Nam trong thời chiến tranh khốc liệt, ra cái điều là mình cũng có ý thức cách mạng. Họ không ngờ là làm thế họ đã tự thú nhận vai trò làm cái loa cho một trong hai thứ chính trị đã có thành tích áp chế đất nước. Chẳng có vinh dự nào cho những kẻ tình nguyện bán rẻ tự do và quyền độc lập tư tưởng của người nghệ sĩ cả.

Một số người thiếu ý thức về một nghệ thuật tự do trong một xã hội dân chủ, nên đã tỏ ra bất công với Phạm duy và Trịnh Công Sơn, chỉ vì họ cố tình đánh tráo những tiêu chuẩn giá trị, nhắm mục đích phủ nhận tính cách của hai người nhạc sĩ này. Và đó là thái độ giả trá.

Nguyên nhân của tình trạng tha hoá văn nghệ nằm ở cả hai phía: người văn nghệ và cơ chế chính trị xã hội. Chính trị đã không đủ khiêm tốn để nhìn nhận vai trò của văn hoá - văn nghệ trong việc nâng cao trình độ hiểu biết về con người và xã hội, để nuôi lớn thế hệ mai sau. Đẩy lùi văn hoá - văn nghệ xuống địa vị thặng dư của xã hội, chính trị cả hai miền nam bắc đã đẩy lùi luôn việc giáo dục dân trí - cụ thể là giáo dục ý thức công dân trong cộng đồng đất nước. Người trí thức - nghệ sĩ phải chia sẻ trách nhiệm về sự thất bại trong việc xây dựng một sinh hoạt văn hóa - văn nghệ đích thực, phản ánh những bi hoan của con người Việt Nam ở nửa sau thế kỉ XX. Trong khung cảnh xã hội Việt Nam nửa sau thế kỉ XX, có một sự khiếm khuyết rất lớn, là đảm lược của một thế hệ trí thức-nghệ sĩ. Trong nền cộng hoà của Platon, người thi sĩ còn được choàng vòng hoa trước khi bị tống cổ đi; nhưng trong cả mấy cái cộng hoà của Việt Nam ở thế kỉ XX này, địa vị người nghệ sĩ chưa hơn một tên tôi đòi của chính trị. Trong tình cảnh tối tăm đó, ánh lửa Nhân Văn - Giai Phẩm hay

ánh lửa Nhất Linh, Quảng Đức là những đốm sáng cực kì hiếm, nhưng đủ nối liền lại ngọn lửa truyền thống kẻ sĩ như đã từng được thắp sáng lên từ gác Khuê Văn nơi Văn Miếu.

Gần đây, khi đọc một số bài viết về Phạm Duy trên các báo ở bên ngoài, chúng ta có thể nhận thấy có hai lối tiếp cận không đúng cách: lối thứ nhất là triệt để phủ định bất cứ điều gì liên quan đến Phạm Duy; lối thứ nhì là người viết dựa vào những cảm nhận chủ quan của họ, tuỳ theo những kỉ niệm khác nhau về những bài hát Phạm Duy trong đời họ.

Đánh giá Phạm Duy theo kiểu thứ nhất là lối hành xử của chính quyền cộng sản trong nước. Họ đã kiên trì từ bao nhiêu năm nay trong chính sách xóa sạch, giấu sạch. Gần đây, họ chỉ thị cho bộ máy truyền thông xóa bỏ hoàn toàn cái tên Phạm Duy; họ sổ toẹt hết mọi giá trị của một người sáng tác liên tục và bền bỉ trong suốt hơn nửa thế kỉ. Nói cho ngay, họ cũng cố công chắt lọc lại chút ân huệ, và biện luận là dù sao thì Phạm Duy cũng có đóng góp "nhất định" vào giai đoạn kháng chiến chín năm bằng mấy chục bài hát rất nổi tiếng, nổi tiếng đến nỗi người dân quê - tức là "nhân dân" của họ - cũng thuộc nằm lòng. Nhưng ân tình cũng chỉ đến thế thôi. Chín năm ngắn ngủi trong thời kháng chiến không đủ cứu Phạm Duy khỏi lưỡi đao xử trảm của chế độ cộng sản. Giới cầm quyền cộng sản đã thực hiện chính sách quen thuộc của những chính thể độc tài: tên tuổi Phạm Duy phải bị xoá sạch khỏi trí nhớ của cái gọi là nhân dân. Năm 1994, khi kỉ niệm 50 mươi năm bài hát tân nhạc Việt Nam, cái tên Phạm Duy cố tình bị gạt ra khỏi danh mục những nhạc sĩ được vinh danh sự nghiệp. Đảng cộng sản Việt Nam để lộ chân tướng là những con người hẹp hòi thiển cận khi họ đã chọn thái độ như thế đối với những nghệ sĩ như Phạm Duy. Bây giờ chỉ còn sự phán xét của thời gian. Mà thời gian thì thuộc về lịch sử chứ không bao giờ nằm trong tay thiểu số cầm quyền. Nó thuộc về khối quần chúng bảy mươi lăm triệu người đang sống ở đời này. Lịch sử sẽ gạn đục khơi trong, để cho thấy lối nhìn nhận Phạm Duy trên đây là một thất bại. Như số phận của bao nhiêu chính sách khủng bố văn nghệ xưa cũng như nay.

Một lối tiếp nhận khác là nhìn Phạm Duy qua ngả kỉ niệm riêng tư của cá nhân, hay của một nhóm người. Cách nhìn nhận này cũng nguy hiểm không kém, và lại tự mâu thuẫn: người ta cố tình cắt lìa sự nghiệp sáng tác Phạm Duy ra nhiều đoạn rời, và họ sẽ khen chê tùy thích theo chủ quan của mình. Thái độ như thế nguy hiểm vì nó không dựa trên một thứ luận lí nào cả, mà chỉ dẫn đến những xuyên tạc hay ngộ nhận trầm trọng, vì thiếu hẳn những cơ sở thảo luận chung. Chẳng hạn một anh trí thức du học từ những năm 50, nay viết về Phạm Duy, chỉ nhớ đến hình ảnh một

Phạm Duy áo trấn thủ, hát bên ánh đuốc bập bùng giữa núi rừng Việt-Bắc. Rồi cho đó là giá trị, là đỉnh cao. Sau đó chỉ còn là một Phạm Duy tuột dốc, sa đoạ. Một thí dụ khác, Phạm Duy sau 1989 đã nhìn thấy một kỉ nguyên mới của đất nước, và ông hát cho một ngày mai khi dân chủ đa nguyên về với đất nước (*Bài ca dân chủ, Bầy chim bỏ xứ*). Những người bạn đã một thời nghĩ tưởng rằng Phạm Duy "mặc kaki chống cộng đến chiều" bỗng nhiên cảm thấy có sự gì không ổn nơi người nhạc sĩ già này. Còn rất nhiều những thí dụ như thế, để minh hoạ cho một sự không đồng điệu giữa người nghệ sĩ và những người muốn ông dừng lại ở những mốc thời gian thuộc về dĩ vãng. Phạm Duy còn vươn tới những sáng tạo mới, không ngừng. Thế mà người khen hay chê ông chỉ dừng lại ở chỗ đứng một người quen từ những ngày kháng chiến chống Pháp, hoặc là ở giai đoạn quốc cộng quyết đấu, thì cơ sở gặp nhau giữa người sáng tác và "phê bình" (!) sẽ rất chông chênh.

Qua những phân tích trên đây, có thể nhận thấy một số điểm rất đáng lưu ý khi muốn thẩm giá sự nghiệp âm nhạc Phạm Duy:

Trước hết, Phạm Duy sáng tác liên tục và bền bỉ trong suốt năm mươi năm qua. Ông đã sống gắn bó với hiện thực cuộc đời Việt Nam qua những thăng trầm, vinh nhục...Cuộc đời riêng, chung của Phạm Duy là hiện thân cho những tâm tình Việt Nam trong nửa thế kỉ qua. Đời ông là một hành trình dài qua rất nhiều chặng. Biết ông ở thời trai trẻ không có nghĩa là sẽ hiểu ông ở tuổi về già. Biết ông khi ở trong nước không hẳn là có thể hiểu ông trong giai đoạn lưu vong hiện nay. Để hiểu một con người động đạt thì cái nhìn tĩnh tại là một cái nhìn lệch lạc.

Phạm Duy là nhạc sĩ sáng tác đa dạng, một phần vì thời gian sáng tác của ông quá nhiều, một phần nữa là ông luôn luôn tìm tòi sáng tạo, luôn tự vượt mình. Hiểu ông qua những bài tình ca không hẳn là sẽ hiểu ông qua tâm ca, hoặc thiền ca, hoặc nhục tình ca. Hiểu dân ca kháng chiến không đủ để hiểu ông của trường ca hay rong ca. Nói cách khác, sự nghiệp sáng tác đồ sộ của Phạm Duy sẽ không dung được những cách đánh giá phiến diện, một chiều, giản lược.

Phạm Duy đã luôn xông xáo trên tiền trường sân khấu văn nghệ Việt Nam trong suốt hơn bốn thập niên. Ông là một trong số nhạc sĩ Việt Nam đếm được trên đầu ngón tay, đã xây dựng cho mình một quan điểm sáng tác rất nghiêm chỉnh, đứng đắn. Cốt lõi của quan điểm sáng tác Phạm Duy là ở thái độ chọn lựa tự do sáng tác, chọn lựa thái độ hát về tâm tình những con người vui khổ quanh ta. Phạm Duy có một ý thức nhất quán và thuỷ chung về chất liệu sáng tác là từ những chất liệu dân gian mà nâng lên thành những thẩm thức mới cho thời đại của mình hôm nay. Quan

*tháng giêng và em*
TRẦN MINH HIỀN

*Vầng trăng ngọc ngập ngừng trên cao lắm*
*Mắt em xinh như chưa thế bao giờ*
*Cơn gió thổi từ tim anh mê đắm*
*Cánh buồm lòng giương bến sông mơ*

*Hoa lá xuân tươi thắm bến bờ*
*Em vẫn thế ngọt ngào anh đau đớn*
*Bóng mai buồn thôi ngã xuống đời anh...*

điểm sáng tác của những người nghệ sĩ tự do như ông không có mấy người áp dụng được triệt để. Những người bạn nhạc sĩ có cùng thái độ và quan điểm sáng tác nghiêm túc như Phạm Duy thì hoặc đã phải bị buộc ngưng sáng tác gần nửa đời người (Văn Cao), hoặc vì áp lực của chính trị mà phải múa may qua ngày trên chính quê hương mình (Trịnh Công Sơn). Nhưng Phạm Duy vẫn được tự do đau nỗi đau của những người lưu đày, vui với ngày bức tường Berlin đổ xuống, với những niềm vui lớn của một đời người chứ không phải quay quắt trong những bon chen chật hẹp, bủn xỉn. Phê phán một nhạc sĩ như thế không phải là một chuyện đơn giản nữa.

Kỉ niệm dưới đây là một kinh nghiệm cho những ai muốn giản lược Phạm Duy: năm 1972, có một anh giáo trẻ đã làm chuyện liều lĩnh là muốn hạ bệ Phạm Duy. Anh ta đã làm việc theo lệnh của giới lãnh đạo cộng sản để làm việc khai tử Phạm Duy. Tuần báo *Khởi Hành* ở Sài Gòn dạo ấy đã in ở trang bìa một bức tranh hí họa của Chóe, vẽ một anh trai trẻ hì hục tròng dây thừng để kéo giật xuống một ngọn núi cao sừng sững giữa trời. Anh giáo trẻ loay hoay mãi mà không dè rằng sợi dây chão đã sắp đứt, có nguy cơ xô chính anh ta xuống vực.

Làm văn nghệ theo cung cách người văn nghệ tự do, cũng như leo dây xiếc. Không khéo là gieo xuống vực. Nhưng đáo bỉ ngạn là niềm hạnh phúc lớn. Hôm nay chúng ta phấn đấu cho một xã hội dân chủ đa nguyên, chính là để tạo nền móng xã hội tốt lành cho một nền văn nghệ của những con người tự do vậy.□

# thơ ngu yên

## diễn văn

*xin quí vị tha lỗi*
*đừng nghĩ rằng tôi ngạo nghễ hay vô thần*
*xin hãy cho tôi một lần nói thật*
*có phải cuộc đời này dùng để vui chơi ?*

*xin nói thật*
*tôi muốn làm thượng đế*
*tôi xin làm thượng đế chỉ một giờ*
*để đổi thay lịch sử của nhân loại*
*để sửa lại tất cả chuyện trần gian*
*để quí vị và tôi tha hồ sung sướng*

*cho tôi làm thượng đế*
*những kẻ gạt người gạt tiền gạt danh gạt tình ái*
*hóa phép họ thành những kẻ sắp chết treo*
*họ sẽ thấy trước giờ le lưỡi*
*không có gì hơn được lương thiện làm người*

*cho tôi làm thượng đế*
*những vợ chồng nào ganh tị đày đọa thù hận lẫn nhau*
*hóa phép họ thành những người biến thái*
*họ sẽ biết tình yêu là một đặc ân*
*ghê gớm như ma quỉ*
*quyền thế như thiên thần*
*muốn mà không được*

*cho tôi làm thượng đế*
*những hitler, stalin, mao trạch đông,..*
*vân...vân..và vân...vân...*
*những kẻ xấu làm nên lịch sử*
*hóa phép họ thành những phụ nữ*
*để họ biết cảnh mất chồng trong lúc chiến tranh*

*cho tôi làm thượng đế*
*tôi sẽ giả dò làm một ngày tận thế*
*kẻ ác, kẻ tội lỗi, kẻ giả hình sợ hãi chết trắng tay*
*khi sống lại họ sẽ hiền, sẽ dễ thương và chân thật*

*xin quí vị ủng hộ tôi làm thượng đế*
*trong một giờ rồi truất phế cũng không sao*
*tôi xin hứa sau khi làm thượng đế*
*quí vị sẽ cười, sẽ vui, sẽ hạnh phúc triền miên*
*quí vị có biết tại sao không?*
*vì phút cuối cùng khi còn quyền tuyệt đối*
*tôi sẽ hóa phép mời thượng đế cũ tiêu tan*

*Houston, 28-01-97*

## *quá muộn*

*nếu có thể làm lại từ đầu*
*em sẽ không sống một đời lận đận*
*sẽ không thức khuya dậy sớm*
*sẽ không lo sầu cho hư nát ruột gan*
*sẽ không chết trước tuổi già*

*tôi là một thằng trí thức dại dột*
*biết đau thương mà không hiểu đau thương*
*thấy người chết mà không chờ cái chết*
*giải thích buồn vui mà không sống tận vui buồn*

*tôi chỉ là một thằng đàn ông tầm thường bất lực*
*có con đường từ nhà xa vạn dặm đến nhà thương*
*có mắt thấy tai nghe em hấp hối*
*có đớn đau và chán nản làm người*

*tôi chẳng có gì đáng giá ngoài trái tim*
*trái tim biết hát dỗ dành em những đêm mất ngủ*
*trái tim biết vỗ tay những lúc em cùng con đùa chơi*
*trái tim biết múa những lần em âu yếm*
*trái tim biết thì thầm bên em lúc buồn lo*
*trái tim đã khóc khi nhìn em tiều tụy*
*trái tim đã chết trong tháng ngày em quằn quại ung thư*

*tôi chẳng còn gì ngoài một trái tim*
*xin được đốt chung lò em hỏa táng*

*Houston, 08-03-97*

# triết lý dân tộc Việt Nam qua tục ngữ

*Võ Thu-Tịnh*

Về ý nghĩa của tục ngữ, trong *Việt-Nam văn-học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã nhận xét: " Các câu tục ngữ là do những điều kinh nghiệm của cổ nhân đã chung đúc lại, nhờ đấy mà người dân vô học cũng có một trí thức thông thường để làm ăn và cư xử ở đời... ". (1)

Phạm Thế Ngũ, trong*Việt Nam Văn học sử giản ước tân biên* đã ghi: "Tục ngữ là kho tàng kinh nghệm và hiểu biết của người xưa về vũ trụ cũng như về nhân sinh....Có thể nói đó là một quyển sách khôn mở ngỏ và lưu truyền trong giới bình dân từ xưa đến nay. " (2)

Tóm lại, theo các nhà biên khảo nầy thì các câu tục ngữ là một "quyển sách khôn, một kho tàng kinh nghiệm và hiểu biết về vũ trụ và về nhân sinh" giúp cho dân gian ta "có được một tri thức thông thường để làm ăn và cư xử ở đời".

Trong các tục ngữ của chúng tôi đã sưu tập, ngoài những câu nói về "mưu sinh" và "tâm lý người đời" ra (như canh nông, thời tiết, nghề nghiệp, phong tục, luân lý, lý sự đương nhiên..., mà ở văn chương truyền khẩu nước nào cũng có), thì phần nhiều là những câu về "cái biết", về "cái khôn" của người đời, rồi đến những câu về "vũ trụ" (như đạo Trời, vận mệnh con người, Phật, tu hành, phúc đức...), về "nhân sinh" (như trung với vua, quan lại tham nhũng, các kinh nghiệm ứng xử khôn ngoan giữa xã hội với nhau).

Chúng tôi nghĩ rằng đây là cẩm nang, là bản chúc thư của tiền nhân, truyền lại cho con cháu cả một "triết lý dân tộc" xây dựng trên cái "biết" và cái "khôn", để cư xử cho đúng "đạo làm người", theo "Lẽ Trời và Tình người". Tuy tiền nhân không nói rõ ra, nhưng con cháu chúng ta phải hiểu rằng dụng ý của các Ngài không ngoài mục đích tối thượng là chỉ đường cho chúng ta "tranh đấu bảo tồn nòi giống, đất nước, chống xâm lăng cho khỏi bị đồng hóa, diệt chủng".

Các nhà Nho, các thành phần sang giàu, các thị dân có những sách vở của Nho giáo để căn cứ vào đấy mà ứng xử với nhau. Còn dân gian nông thôn không có chữ, nên trong sự giao thiệp, ứng xử thường ngày, chỉ căn cứ vào các câu tục ngữ, là kho tàng hiểu biết, khôn ngoan, kinh nghiệm mà tiền nhân đã truyền miệng lại cho chúng ta. Tục ngữ nước ta rất nhiều, không có một trường hợp nào mà dân gian không có thể dùng một vài câu tục ngữ để minh chứng cho thái độ, hành vi của mình.

Ở bài *Parémiologie viêtnamienne et comparée* ("Tục-ngữ- học Việt Nam và đối chiếu"), học giả Thái Văn Kiểm có kể lại câu chuyện về công dụng của tục ngữ trong một việc tranh chấp giữa dân gian với nhau, tóm lược như sau:

" Trước đây có một lái buôn bán cho người Việt Thượng một cái áo bằng vải bông giá 50 đồng, trả được 30, còn thiếu 20 đồng, thì người Thượng bỏ lên núi không thấy quay lại thanh toán. Sau một thời gian khá lâu, người lái buôn gặp lại người Thượng xuống đi chợ, liền túm lấy dẫn đến viên cai trị người Pháp để kiện. Người Thượng nói áo mua, vải không tốt, không xứng 50 đồng, nay y chịu trả thêm 10 đồng nữa mà thôi. Còn người lái buôn nhất định đòi cho được 20. Viên cai trị Pháp xét việc cũng không có gì rắc rối, mà y lại nói tiếng Việt và tiếng Thượng thông thạo, thấy không cần gọi viên chức Việt đến giúp. Không ngờ suốt cả buổi mai y giải thích luật lệ, khuyên dụ đủ mọi cách, mà cả hai bên nguyên bị vẫn không ai chịu nghe theo. Cùng lắm, y cho gọi viên chức Việt đến.

Viên chức Việt chỉ nói qua nói lại có mấy phút mà người lái buôn bằng lòng nhận 10 đồng. Viên cai trị Pháp lấy làm lạ, hỏi, thì viên chức Việt kể lại là đã dùng các câu thành ngữ, tục ngữ để nói với người lái buôn rằng: "Anh cho người Thượng mắc chịu như vậy cũng như "thả trâu vô rú", nay được người Thượng bằng lòng trả thêm 10 đồng, là như "của đổ mà hốt" lại thôi. Xưa nay anh có thấy ai hốt của rơi lại cho đủ không? Ông bà ta thường nói: "gạo đổ lượm chẳng đầy thúng". Bây giờ họ bằng lòng trả 10 đồng là được rồi, chớ bày chuyện kiện cáo vì tục ngữ ta có câu: "Được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn ". Khôn dại, hơn thiệt thế nào, là một thương gia, anh hẳn thấy rõ." Người lái buôn cho là phải, nên nghe theo." (3)

***1- Khôn dại trong thi ca***

Vấn đề "khôn dại" rất quan trọng trong việc xử thế, cho nên trong văn thơ của các bậc thức giả xưa nay, vẫn thường thấy được nói đến.

Từ thế kỉ thứ XV, Nguyễn Trãi, trong Quốc-âm thi tập, đã nêu lên

vấn đề "khôn dại" này:

*"Chẳng khôn chẳng dại, chỉ ương ương,*

*"Chẳng dại người hòa* (tất cả) *lại chẳng thương."*

Đại ý nói rằng nếu ta chẳng chịu nhận là dại thì tất cả mọi người chẳng ai thương mình...

Đến thế kỉ thứ XVI, trong *Bạch-Vân am quốc ngữ thi tập*, Trạng Trình cũng phân biệt hai chữ "khôn dại" như sau:

*"Khôn thì người dái* (sợ, nể), *dại thì thương,*

*"Nhắn bảo bao nhiêu người ở thế,*

*"Chẳng khôn đành dở, chớ ương ương."*

Nghĩa là: Khôn thì thật khôn cho người ta sợ, dại thì rõ ràng dại đi cho người ta thương, nếu không khôn được thì đành chịu dại, chớ không nên ương ngạnh.

Vào cuối thế kỉ thứ XIX, khi người Pháp bắt đầu đặt quyền thống trị ở nước ta, Nguyễn Khuyến cáo bệnh từ quan, làm ra vẻ ngây ngô để khỏi bị ép ra làm việc lại. Ở Nam Định thời bấy giờ, có một người đàn bà tên là Mẹ Mốc, chồng đi mất tích (có thuyết cho là theo kháng chiến), bà giả điên giả cuồng và hủy hoại nhan sắc để khỏi bị chọc ghẹo. Nguyễn Khuyến thấy tâm sự của bà giống với tâm sự của mình, nên cảm tác ra một bài hát nói, có câu kết như sau:

*"Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhơ,*

*"Đắp tai, ngảnh mặt làm ngơ,*

*"Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.*

*"Khôn kia dễ bán dại này..."* (4)

Rồi đến đầu thế kỉ thứ XX, Trần Thế Xương cũng than lên:

*"Thiên hạ đua nhau nói dại khôn,*

*"Biết ai là dại, biết ai khôn?*

*"Khôn nghề cờ bạc là khôn dại,*

*"Dại chốn văn chương, ấy dại khôn..."*

Vấn đề "khôn, dại" này, từ thời xa xưa, ở Trung Hoa, Khổng Tử (551-479 t.T.L.) cũng đã nêu ra để giảng dạy cho các môn đệ, rằng: "Ninh Võ Tử, khi trong nước có đạo lý thì ông ta tỏ ra có tài trí (để ra làm việc), nhưng gặp khi chính quyền vô đạo, thì ông làm như ngu dại (để khỏi bị ép ra cộng tác, tiếp tay với quân cường bạo sát hại nhân dân). Cái khôn của ông nhiều người làm được, đến như cái ngu của ông thì không mấy ai bì kịp." (5)

***2- Khôn dại trong tục ngữ***

Trong các câu tục ngữ của ta, dân gian đã nói nhiều về "khôn" dại",

và đặc biệt, cũng có một câu giống như các câu thơ của Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh Khiêm vừa thấy trên đây:

*"Khôn cho người dái* (nể, sợ), *dại cho người thương*

*"Dở dở ương ương, tổ cho người ta ghét."*

Nhưng vì sao dân ta cho rằng cần phải phân biệt dứt khoát "khôn", "dại" như thế?

Nguyên là trải qua bao thế kỉ, dân tộc Việt thường xuyên phải chọn lựa giữa hai con đường: Đầu hàng, cộng tác với địch, hay kháng chiến chống lại với ngoại xâm và bạo quyền độc tài tàn ác. Con đường nào là khôn? Con đường nào là dại?

Nhưng khôn hay dại, thường bị các thành kiến chủ quan thiên lệch của người đời chi phối. Lắm khi, điều mà ta cho là khôn, thì người khác lại cho là dại, hay ngược lại, như trong cổ tích "Trâu rừng với trâu nhà ":

"Trâu rừng chê trâu nhà là dại, vì để cho chủ bắt làm việc cực nhọc, rồi cuối cùng cũng bị chủ làm thịt, và cho mình là khôn vì đã chọn cuộc sống tự do, không bị cưỡng bách lao lực. Còn trâu nhà thì chê lại trâu rừng là dại, vì ở rừng bị đói khát, nhất định có ngày sẽ bị beo cọp ăn thịt, và cho mình là khôn vì thường ngày có cỏ để ăn, có nhà để ở, khỏi bị dãi dầu mưa nắng, khỏi bị thú dữ sát hại. Bên nào cũng tự cho mình là khôn hơn bên kia, và cảnh cáo lẫn nhau: "Khôn thì sống, mống (dại) thì chết". (Truyện cổ nước Nam, Nguyễn Văn Ngọc, tập 2, tóm lược truyện số 28).

Trong suốt bao nhiêu thế kỉ bị ngoại thuộc hay hay bị kềm hãm dưới các chế độ bạo ngược, cái "khôn thật", "khôn giả", và cái "dại thật", "dại giả" thường bị lẫn lộn với nhau.

Tuy vậy, dân gian không phải là không phân biệt được, song không dám nói rõ ra, mà trái lại, thường còn làm như dại khờ không biết đến. Cũng như Nguyễn Khuyến, dân gian đã có câu kín đáo tự hào rằng:

*"Rù đầu, giả dại, làm ngây,*

*"Khôn kia dễ bán dại này mà ăn !"*

Sau đây, chúng tôi xin mượn lời của Lê Văn Siêu, tác giả *Văn-minh Việt-Nam*, để giải thích thêm về vấn đề nầy:

"Làm thế nào khác hơn được? khi một dân tộc bị sống trong hoàn cảnh đe dọa diệt tộc thường xuyên, bởi một kẻ mạnh gấp trăm ngàn lần mình, ở ngay bên nách mình, nếu chẳng nghĩ tha thiết đến sự sống còn, đến con cái nối nghiệp, thì chỉ sơ sẩy để đầu óc viễn vông một chút thôi, cũng đủ mất tích vào trong bản đồ của địch thủ. Cho nên Trạng Trình, một vị hiền triết được dân chúng kính trọng là có tài tiên tri, đã chỉ dạy có một điều rất gọn:

*"Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống".*

Biết tương quan lực lượng giữa mình và người, biết tâm lý khát vọng giữa mình và người, biết dằn lòng chờ cơ hội thuận tiện để thực hiện ý định, biết giả dối để che đậy bí mật hành động cho khỏi hại, biết cương quyết tiến lui, biết cứng mềm tùy lúc, biết thích ứng hoàn cảnh để sống còn, biết lẩn tránh mũi dùi của địch... toàn là những cái biết rất thực tế, có thể kiểm điểm lại qua mọi sự kiện lịch sử, và có thể thấy rất rõ ràng là chính nhờ cái biết ấy mà nước Việt Nam chúng ta còn được tới ngày nay". (6) "Khôn cũng chết " như Trạng Trình nói, đó là cái "khôn giả"; và "dại cũng chết " như Trạng Trình nói, đó là cái "dại thật". Chỉ ai biết phân biệt được "khôn thật" với "khôn giả", "dại thật" với "dại giả", thì mới có thể sống được mà thôi.

Cũng như Trạng Trình, tục ngữ đã kết thúc rằng:

*"Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống."*

Xem như thế, "biết" là điều kiện chính yếu để biện biệt cái "khôn" với cái "dại", giúp cho chúng ta có thể thực hiện được "đạo làm người", giúp cho dân và nước Việt Nam chúng ta khỏi bị diệt vong.

Cho nên tưởng trước hết, chúng ta nên tìm hiểu qua các câu tục ngữ : "Biết là thế nào?" và "Khôn là thế nào?"

*A) "Biết " là thế nào ?*

1- Biết là suy xét cho đúng phép: suy chín, xét xa, biết rõ gốc ngọn, vắn dài, đắn đo nặng nhẹ, nông sâu:

*"Làm người suy chín, xét xa,*
*"Cho tường gốc ngọn, cho ra vắn dài"*
*..."Làm người phải đắn, phải đo,*
*" Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu."*

Biết suy nghĩ rất quan trọng, cho nên dân gian thường nhắc đi nhắc lại cho chúng ta ghi nhớ rằng:

*"Làm người mà chẳng biết suy,*
*"Đến khi nghĩ lại, còn gì là thân."*

2- Biết còn là suy đoán phân biệt để nhận diện đúng sự vật. Suy đoán là sở trường của những câu đố.

Câu đố - Câu đố có hình thức một câu gọn ngắn có vần hay không có vần, có bản văn nhất định, nhưng câu đố cũng có hình thức một chuyện kể ngắn, không có lời văn nhất định. Tuy vậy vì nội dung hoàn toàn thuộc về trí tuệ, suy luận, nên chúng tôi vẫn xem câu đố như là một loại tục ngữ.

Câu đố thường dùng để mua vui, giải trí sau những giờ làm việc mệt nhọc, nhưng câu đố cũng góp phần không nhỏ với tục ngữ để luyện tập, một cách linh động, tinh thần và lề lối suy đoán, biện biệt cho dân gian.

Ở đây chúng tôi không thể đi sâu vào việc nghiên cứu toàn thể các

câu đố, mà chỉ dẫn ra một số câu đố liên hệ hơn cả với cách suy đoán biện biệt, bổ túc thêm về cái "biết" trong các câu tục ngữ mà thôi. Chúng tôi chú trọng nhiều đến các câu đố gọi là đố mẹo, nghĩa là dùng những cách kín đáo, khéo léo để "gài bẫy", làm cho người nghe hoặc không thấy được, hoặc hiểu sai lệch chủ đề, nên không biết đâu mà suy đoán giải đáp.

a) Về loại câu đố mẹo này, trước hết, có những câu đố "vừa đố vừa giảng" rất dung dị, song người nghe qua tưởng lầm là vấn đề khó khăn, rắc rối, nên suy nghĩ xa xôi, đi tìm lời giải ở ngoài lời đố, không ngờ lời giảng lại nằm sờ sờ trong câu đố rồi:

*"Con cua tám cẳng hai càng, một mai hai mắt, rõ ràng con cua "*

*"Tổ kiến, kiến tố, vừa đố vừa giảng"*

Đố: Là những con gì, vật gì ?

Giải: Là con cua và tổ kiến (có ghi rõ trong các lời đố).

Người Pháp cũng có một câu đố mẹo như thế: "Quelle est la couleur du cheval blanc d'Henri IV?" (Màu lông con ngựa trắng của Henri IV là màu gì?). Giải: Màu trắng (có ghi rõ trong lời đố).

b) Có các câu đố mẹo khác, trong lời đố cố tình làm lẫn lộn các ý niệm "đồng thời" với "lần lượt", "trọng lượng" với "khối lượng" khiến cho người nghe nào sơ ý, hấp tấp sẽ giải đáp sai:

"Luộc 1 cái trứng 4 phút là chín, vậy muốn luộc chín 8 cái trứng phải tốn bao nhiêu phút?"

"Một tạ sắt với một tạ gòn, tạ nào nặng hơn tạ nào?"

Giải: Luộc chín 8 quả trứng cũng 4 phút thôi (bỏ 8 trứng chung vào một nồi mà luộc đồng thời với nhau). Một tạ sắt và một tạ gòn, không tạ nào nặng hơn tạ nào. (Vì tạ là 100 cân, thì tạ sắt cũng nặng 100 cân, tạ gòn cũng nặng 100 cân như nhau).

c) Có câu đố mẹo cố tình làm cho lẫn lộn các ý nghĩa (đồng âm dị nghĩa) để đánh lạc hướng người nghe:

*"Trục trục như con chó thui,*

*"Chín mắt, chín mũi, chín đầu, chín đuôi."*

Đố là con vật gì?

Giải: Con chó thui (Vừa đố vừa giảng; chữ "chín" ở câu nầy không phải là số 9, mà nghĩa là "thui chín", trái nghĩa với "sống")

d) Cũng có câu đố mẹo đã cố tình sắp đặt sẵn một câu giải đáp khôi hài nghe qua cũng hợp lý, mà thật ra thì "lãng nhách" (trả lời không đâu vào đâu cả) và ngộ nghĩnh, để "chọc quê" người giải câu đố:

"Vì sao khi hành nghề, mọi tên ăn cắp, móc túi phải nhìn trước rồi nhìn sau? "

Giải: Vì hắn không thể nhìn trước và nhìn sau cùng một lượt.

đ) Đặc biệt có câu đố mà có thể có nhiều lời giải đúng, như:

"Con gì đứng thì thấp, ngồi thì cao ? "

Trong sách, thấy ghi lời giải đáp là: "Con chó". Nhưng thật ra, lời giải có thể là "con mèo" vì mèo cũng "đứng thì thấp, ngồi thì cao", như con chó. Mà con beo, con cọp cũng vậy.

Về "đố toán số" cũng có trường hợp một câu đố mà có thể có vô số lời giải đúng. Chẳng hạn như:

"Ba người mua trứng. Người thứ nhất mua nửa giỏ và nửa quả, người thứ hai cũng thế (mua nửa só trứng còn lại trong giỏ và nửa quả). Người thứ ba mua số trứng còn lại. Hỏi số trứng là bao nhiêu? "

Trong sách chỉ thấy ghi có mỗi một lời giải như sau: Số trứng trong giỏ là 7, rồi giảng thêm:

Người thứ nhất: Ba quả rưỡi + nửa quả = 4 quả

Người thứ hai : (còn lại: 7 - 4 = 3. Phân nửa của 3 = 1 quả rưỡi) một quả rưỡi + nửa quả = 2 quả.

Người thứ ba: (7 - 4 - 2) = 1 quả.

Nhưng thật ra có vô số lời giải đúng khác nữa, như số trứng trong giỏ là 11, 15, 19, 23, 27... chẳng hạn.

Số trứng là 11: thì người thứ nhất 6, thứ hai 3, thứ ba 2 quả.

Số trứng là 15: thì – 8, – 4, – 3 quả-

Số trứng là 19: thì – 10, – 5, – 4 quả.

Số trứng là 23: thì – 12, – 6 , – 5 quả.

Số trứng là 27: thì – 14, - 7, – 6 quả...

Cái mẹo trong câu đố nầy là đưa ra việc mua thêm "nửa quả" trứng. Đó là điều trên thực tế không thể làm được. Điều nầy làm cho người giải câu đố bị hoang mang. Cho nên trước tiên, phải tìm hiểu vì sao lại có việc mua thêm "nửa quả", thì mới tiếp tục suy đoán được.

Là vì số trứng trong giỏ là một số lẻ, nếu chia thành hai phần đều nhau (nửa giỏ) thì, trên lý thuyết kế toán, trong mỗi phần sẽ có "nửa quả". Cho tiện việc mua bán, người mua, ngoài phần nửa giỏ trứng ra, lại mua thêm "nửa quả" nữa, cho có được trọn y một quả.

Như vậy, số trứng trong giỏ phải là một số lẻ. Từ điều kiện tiên quyết nầy, người giải câu đố mò mẫm với những con số lẻ, từ số nhỏ đến số lớn, từ 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, 25 đến 27 chẳng hạn ..., thì thấy các con số đáp ứng với các tiêu chuẩn trong câu đố, là 7,11, 15, 19, 23, 27.

Và nhận thấy thêm rằng: lấy số 7 mà cọng với 4, hay cọng với các bội số của 4 (cho đến vô tận), thì chúng ta sẽ có rất có vô số lời giải đúng.

Cái hay của câu đố nầy là ở chỗ giúp cho ta hiểu được rằng:

1- Cần đối chiếu với thực tế mà kiểm soát sự việc mới có thể suy đoán

hữu hiệu.

2- Thường không phải chỉ có một lời giải (của mình) là đúng mà thôi, cũng có nhiều lời giải khác đúng nữa. Phải có sự "truyền thông" với nhau giữa những thành phần nhân loại.

e) Để kết thúc phần nầy, chúng tôi xin dẫn ra một vài câu "đố tục, giảng thanh", chẳng hạn như:

*"Bộ tịch quan anh xấu lạ lùng*
*"Khom lưng, uốn gối, cả đời cong*
*"Lưỡi to mà sức ăn ra khoét,*
*"Cái kiếp theo đuôi có thẹn không?"*

Câu đố nghe qua, thì thấy rõ ràng là một thóa mạ" một ông quan "có hành động xấu xa lạ lùng, bên trên thì cả đời khom lưng, uốn gối nịnh bợ, phía dưới thì ra sức hà hiếp, đục khoét dân đen, thử hỏi cái kiếp nô lệ theo đuôi ấy, tự mình có thấy hổ thẹn không?"

Lời chê bai, hạch tội có phần tục tằn, sống sượng, nhưng khi giảng giải khác đi, thì nghe thanh nhã:

Câu nầy tả cái cày. "Cái cày hình dáng không đẹp, cán uốn cong, lưỡi cày to, bao giờ cũng phải theo đuôi con trâu để cày". Rồi dân gian, nhân cách hóa cái cày, mà lên tiếng hỏi rằng: "Sống cuộc đời theo đuôi con trâu như vậy, "quan anh" có thẹn không?" (Chữ "quan" trong "quan anh", chỉ "người có địa vị không phải đi phu, tạp dịch trong làng, dưới thời Pháp thuộc" (theo Từ-điển tiếng Việt, Nguyễn Lân, 1991).

Kinh nghiệm: Một chuyện mới nghe qua cho là chướng tai, biết đâu nếu đứng vào một lập trường nào khác mà nhìn, thì không phải vậy.

Dân gian biết dùng lối vừa đùa cợt giải trí, vừa đào luyện cho nhau về suy đoán và cân nhắc trong nhận định, một cách không kém phần sâu sắc.

*B) Khôn là thế nào ?*

Khi đã "biết" suy xét, nhận định, suy đoán, thì có thể phân biệt được "khôn" với "dại", để hành động cho khỏi sai lầm:

1- Khôn không phải là làm khôn, (tiếng Việt, có chữ "làm khôn" nghĩa là tỏ ra mình khôn ngoan hơn người và can thiệp, xía vào việc của người khác), như thế chỉ có hại cho mình.

*"Khôn vừa chứ, khôn lắm lại chết non."*

Từ thế kỉ thứ XV, Nguyễn Trãi đã có câu thơ đại ý như thế:

*"Hễ kẻ làm khôn thì phải khó."*

Và Trạng Trình cũng khuyên đừng "tranh khôn" mà có hại:

*"Tranh khôn ắt có bề lo lắng."*

Mà trái lại, tục ngữ bảo ta phải biết cư xử cho nhún nhường, khiêm

tốn:

*"Ai nhất thì tôi thứ nhì,*

*"Ai mà hơn nữa tôi thì thứ ba."*

2- Mà khôn là thận trọng biết giữ gìn lời ăn tiếng nói.

Chỉ vì thiếu tinh thần cảnh giác, không thận trọng, nên người ta thường thốt ra những câu hớ hênh, vô ý thức, gây ra bao nhiêu tai họa cho bản thân và cho công cuộc đấu tranh của toàn dân:

*" Vạ ở miệng ra, bệnh qua miệng vào."*

*..." Thứ nhất là tội miệng mà..."*

Cho nên:

*"Khôn thì ngậm miệng, khoẻ thì cắp tay."*

*..." Người khôn đón trước rào sau,*

*"Để cho người dại biết đâu mà dò."*

*..." Chim khôn tiếc lông, người khôn tiếc lời."*

*"Sông sâu, sào ngắn khôn dò,*

*"Người khôn ít nói, khôn đo tấc lòng."...*

*..." Người khôn nói mánh, người dại đánh đòn."*

Ông cha chúng ta có cách nói gần, nói xa, rào trước đón sau, để khỏi phật lòng người nghe và nhất là để không ai có thể bắt bẻ, hay buộc tội mình được. Đó gọi là "nói mánh".

(Trong *Đại Nam quốc âm tự điển*, 1896, Huỳnh Tịnh Của định nghĩa chữ "mánh" là "ý tứ, tình ý, màng dò" và "nói mánh" là "nói ý tứ, xa gần, nói ướm thử" để người nghe suy nghĩ mà hiểu lấy).

3- Khôn không phải là quỉ quyệt để làm thiệt hại người khác:

*"Đã khôn lại ngoan,*

*"Đã đi làm đĩ lại toan cáo làng."*

Nếu khôn mà quỉ quyệt, thì trước sau gì cũng:

*"Khôn ngoan quỉ quyệt chết lao, chết tù..."*

*"Càng khôn ngoan lắm, càng oan trái nhiều."*

Ở tiếng Việt, từ "ngoan" vốn có hai nghĩa trái ngược nhau: "ngoan" là khôn, nhơn lành, (như ngoan đạo, đứa bé ngoan), mà "ngoan" cũng có nghĩa là khó trị, quỉ quái (như ngoan cố, gian ngoan), (Đại Nam quốc âm tự vị, Huỳnh Tịnh Của, Saigon, 1896). Trong mấy câu trên đây, từ "ngoan" được hiểu theo nghĩa thứ hai, tức là "gian tham, quỉ quyệt".

4- Mà khôn là thật thà ngay thẳng, vì cuối cùng cái khôn ngay thật bao giờ cũng hơn cái khôn gian trá:

*"Khôn ngoan chẳng đọ thật thà,*

*"Lường thưng, tráo đấu chẳng qua đong đầy."*

(Đấu: thùng bằng gỗ để đong lúa, gạo; thưng: 1/10 đấu).

Tức là: Khôn ngoan không bằng thật thà, ngay thẳng; có gian lận, tráo đổi cũng không bằng làm ăn đứng đắn, lương thiện: đong đầy, cân đúng.

Chưa kể, "khôn" mà làm điều gian ngoan, bất nhân, thất đức, chết đi sẽ bị xuống địa ngục; còn ở đời nầy dại mà hiền lành, chết đi sẽ được lên thiên đàng:

*"Khôn thế gian, làm quan địa ngục,*
*"Dại thế gian , làm quan thiên đàng"*

5- Khôn không dùng để hại dân, bán nước: không phải là đem cái khôn ra chống lại với đồng bào, phản lại quyền lợi chung:

*"Khôn ngoan đối đáp người ngoài,*
*"Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau."...*
*..."Chim không đánh chim cùng một tổ*
*"Trâu một chuồng, đâu có húc nhau.*
*"Cùng chung một giọt máu đào,*
*"Nỡ nào hại nước, nỡ nào hại dân."*

Và

*"Tiếc thay con chim phượng hoàng còn dại chửa có khôn,*
*"Núi Tam Sơn chẳng đậu, lại đi đậu cồn cỏ may !"*

Dân gian ở vùng của chúng tôi cũng có một câu nữa tương tự như thế:

*"Chim kia dại lắm không khôn,*
*"Núi Lam Sơn không đậu, lại đậu cồn cỏ may."*

Lam Sơn là nơi ngày xưa Lê Lợi khởi nghĩa, ở đây "Lam Sơn" dùng để tượng trưng cho "kháng chiến". Câu nầy đại ý nói: Thương hại cho những kẻ dại dột không biết theo kháng chiến cứu nước, mà lại đi theo phường Việt gian (đậu cồn cỏ may là một thứ cỏ, mỗi lần ta ngang qua, thì bị những hạt nhỏ của cỏ móc vào quần, rất dơ bẩn, phải mất thì giờ mới gỡ hết được).

Và cũng có câu:

*"Gáo đồng múc nước giếng tây,*
*"Khôn ngoan cho lắm tớ thầy người ta."*

"Giếng tây" là "giếng ở phía tây" mà cũng có thể hiểu là "người Tây"; "múc nước giếng Tây" có thể hiểu là "đem nước dâng cho Tây". Đại ý câu nầy là: Cọng tác với Tây, mà tự cho là mình khôn, nhưng có khôn cho lắm, cũng chỉ là đem thân ra làm nô lệ cho ngoại nhân mà thôi!

6- Mà khôn dùng để giữ vững lập trường, đừng để cho đối phương lung lạc, mua chuộc, dụ dỗ đưa vào con đường bán nước, phản dân:

*"Người đời phải xét thiệt hơn,*

*"Đừng nghe tiếng sáo, tiếng đờn mà sai."...*
*"Đây ta như cây giữa rừng,*
*"Ai lay không chuyển, ai rung không dời"*

7- Khôn mà ý thức được giới hạn của cái khôn.

Chính tục ngữ đã vạch ra cho ta thấy rõ những hoàn cảnh khách quan và chủ quan đã hạn chế cái khôn của người đời:

a) Hoàn cảnh khách quan đã hạn chế cái "khôn", như: tiền bạc, lẽ phải, may mắn, thiên thời, địa lợi... :

*"Cái khó, bó cái khôn."*
*..."Khôn như tiên, không tiền cũng dại."...*
*..."Khôn chẳng qua lẽ, khoẻ chẳng qua lời."...*
*..."May hơn khôn."...*
*..."Chẻ vỏ (biết nhiều) vẫn thua vận đỏ."...*
*..."Người đời ai có dại chi,*
*"Khúc sông eo hẹp phải tùy khúc sông."*
*..."Khôn ngoan ở đất nhà bay,*
*"Dù che, ngựa cưỡi, đến đây phải luồn."*

b) Hoàn cảnh chủ quan đã hạn chế cái "khôn", như: dục tình, nhẹ dạ, bản tính trời sinh, già nua lú lẫn...

*"Miệng khôn, trôn dại."*
*..."Khôn ba năm, dại một giờ "*
*..."Khôn từ trong trứng khôn ra,*
*"Dại dẫu đến già cũng dại."*
*..."Trẻ khôn qua, già lú lại."*

***Tổng kết***

Qua tục ngữ, chúng ta thấy được đường lối nghìn năm của ông cha chúng ta, là trường kỳ tranh đấu cho sự sống còn của dân tộc, của quốc gia, mà triết lý căn bản là: "biết thì sống", biết "phân biệt dại và khôn" để bản thân, nòi giống khỏi bị diệt vong, một triết lý xây dựng trên tình người , trên sự làm lành, đùm bọc, giúp đỡ, cứu vớt lẫn nhau, một lề lối ứng xử chừng mực vừa phải, biết thận trọng, ẩn nhẫn, chịu đựng để thích nghi hóa với mọi hoàn cảnh để sống, để tồn tại, để chờ thời, chờ cơ hội thuận lợi mà vùng lên.

Nguyễn Thùy, trong *Tinh thần Việt Nam*, cho rằng: "Có như thế, dân tộc ta mới tồn tại, mới bảo vệ được tinh thần của mình, mới tiếp thu được mọi thứ của người để có thể thể hiện được một hội nhập tròn đầy cái lý dịch hóa của vũ trụ vạn vật và của con người vào thời kỳ cuối của kỉ

nguyên. Cái tính "chấp nhận để từ khước", "hòa mà không đồng", "tỏ ra thua thiệt để không đầu hàng", "chịu thiệt thòi để không mất tất cả", nếu có đưa dân tộc đến chỗ phải gánh chịu nhiều trầm luân, nhưng chính là một cuộc "chạy trốn về đằng trước" rất tế nhị của dân tộc ta để sửa soạn cho một bước đi tốt đẹp vào hồi chung cục. Chịu đựng tất cả để khỏi bị tiêu diệt." (7)

Tinh thần kết hợp cái "khôn" và cái "biết" trong tục ngữ, đã chi phối mọi xử sự, thông truyền giữa dân gian nước ta. Tinh thần ấy cũng phần nào giống với quan niệm kết hợp "khôn" và "biết" trong triết học hiện đại Tây phương. Một giáo sư Pháp, Didier Julia, cũng xác nhận rằng: "Cái "khôn", theo nghĩa xưa, là cái "biết" bằng trực giác về những qui luật của vũ trụ, và theo định nghĩa hiện đại, là cái "biết" về những vấn đề của những người khác. Nói một cách thông thường hơn, cái "khôn" là một khái niệm luân lý chỉ sự "thăng bằng" của phẩm cách con người : sự "tiết độ" (theo Platon), hay sự "chừng mực" của mọi ham muốn. Theo nghĩa ấy, cái "khôn" trái lại với sự "say mê", cũng như trái lại với cái "dại". Cái "khôn" có khuynh hướng hóa đồng với sự "thận trọng". (8)

Từ-điển về Triết-học Pháp cũng đã định nghĩa: "La sagesse est le but de la philosophie", nghĩa là "cái khôn là cứu cánh của triết học". (8)

Tóm lại, dân tộc Việt Nam quả đã có một triết lý riêng của mình, triết lý mà ông cha chúng ta dụng ý trối gửi lại qua các câu tục ngữ. Bổn phận con cháu chúng ta là khám phá cho thấy được triết lý ấy, để hành động cho đúng, hầu tiếp tục đấu tranh bảo tồn nòi giống và quê hương. Và danh từ "triết lý" trong đầu đề "Triết lý dân tộc Việt Nam" mà chúng tôi dùng trên đây, tưởng không phải là lạm xưng!❐

CHÚ THíCH

(1)- Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn học sử yếu, q. I, Paris, SudAsie, 1986, Tục ngữ, tr. 6,7.

(2)- Phạm Thế Ngũ, Việt-Nam văn-học sử giản ước tân biên, q. I, Đại Nam tái bản, Glendale,CA., năm ?, tr. 22, 23. (3)- Thái Văn Kiểm, Parémiologie viêtnamienne comparée , in Présence Indochinoise, Paris, No1 - Avril 1979, pp. 81 - 117.

(4)- Nguyễn Khuyến - Mẹ Mốc:

So danh giá ai bằng Mẹ Mốc,
Ngoài hình hài gấm vóc cũng thêm ra.
Tấm hồng nhan đem bôi lấm xóa nhòa,
Làm thế để cho qua mắt tục.
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc,
Tâm trung thường thủ tự kiêm kim.(a)

## *Thơ Y Chi*

### *Rừng xuân vội*

*Nắng ngã rớt dịu dàng trên cỏ rối*
*Xôn xao chim quấn quít cánh bụi mờ*
*Người choàng tỉnh giữa một rừng xuân vội*
*Nghe tim mình lồng lộng những vần thơ*

### *Mâu thuẫn*

*Em muốn nhỏ để cười hồn nhiên mãi*
*Anh khô queo cần lắm nụ cười lành*
*Nhưng nít nhỏ chỉ thương hoa với bướm*
*Hay là mình lớn chút, kịp thương anh?*

Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,
Giữ son sắt êm đềm một tiết.
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết;
Mảnh gương trinh vằng vặc quyết không nhơ.
Đắp tai ngảnh mặt làm ngơ,
Rằng khôn cũng kệ, rằng khờ cũng thây.
Khôn kia dễ bán dại này !

(a)- Kiêm kim = vàng ròng

(5)- Luận Ngữ, bản dịch của Đoàn Trung Còn, Paris, SudAsie, năm ?, chương Công Dả Tràng, tiết 20, trang 76: "Tử viết: Ninh Võ Tử, bang hữu đạo tắc trí, bang vô đạo tắc ngu. Kỳ trí khả cập giã, kỳ ngu bất khả cập giã"

(6)- Lê Văn Siêu, Văn minh Việt Nam, Saigon, Nam Chi tùng thư, 1964, tái bản Glendale CA., Đại Nam, năm ?, tr. 92, 93.

(7)- Nguyễn Thùy và Trần Minh Xuân, Tinh thần Việt Nam, San José CA, Mékong Tỵ nạn, 1992, tr.195-196.

(8)- Didier Julia, Dictionnaire de la Philosophie, France Loisirs, Paris, 1992, p. 252: Sagesse , "Cette définition est certainement la plus rigoureuse: la sagesse est, au sens antique, la connaissance des lois du monde et, au sens moderne, la compréhension des problèmes d'autrui. Plus communément, la sagesse est une notion morale qui désigne l'"équilibre" de la personnalité : la "tempérance" (Platon) ou la modération des désirs. En ce sens, la sagesse s'oppose à la passion, autant qu'à la bêtise. Elle tend à s'identifier à la prudence."

# Thương tiếc Hoàng Lão-sư

*Nguyễn Đình-Hoà*

Lời Toà soạn: *Nhân ngày giỗ đầu Học-giả Hoàng Xuân-Hãn ngày 10 tháng 3 năm nay, Giáo-sư Nguyễn Đình-Hoà viết lại một số hồi-ức về vị thầy kính yêu. Trong bài này, Giáo sư Hoà ghi lại một số ý-kiến của Hoàng Xuân-Hãn về thời-cuộc chính-trị, về biến cố 1975, về chính-sách của Hoa Kỳ trong chiến-tranh Việt Nam . Những người chủ-trương tạp-chí Văn Học không đồng quan-điểm với học-giả Hoàng Xuân-Hãn về những ý-kiến trên, nhưng không lược bỏ đi, vì muốn bài viết này là một văn-sử-liệu đáng tin cậy cho những nhà nghiên-cứu sau này muốn tìm hiểu sự-nghiệp của Hoàng Xuân-Hãn, hoặc tâm-thức phức-tạp của ông trước những biến-động chính-trị của đất nước.*

Mỗi người học-sinh chúng ta lại có những kí-ức khác nhau đối với mỗi thày giáo hay cô giáo của mình. Trong trường-hợp của tôi, suốt bảy năm mài đũng quần trên ghế học-trò ở Trường Bưởi, tức Trường Trung-học Bảo-hộ (dịch *Lycée du Protectorat*) bên bờ Hồ Tây, Hà-nội, tôi đội ơn rất nhiều thày cô. Song riêng về Thày Hoàng Xuân-Hãn, thì tuy tôi chỉ được học Thày có một môn Toán trong năm chót ở Bưởi (Ban Triết), niên-khoá 1943-1944, nhưng tôi lại thật-sự được học-hỏi rất nhiều ở Thày về địa-hạt Việt-học bắt đầu từ nhiều năm về sau - qua thư-từ hoặc những lần Thày tiếp tôi tại tư-thất bên Ba-lê nhân tôi có dịp từ Việt-nam hay từ Hoa-kì ghé thăm. Lần nào, sự tiếp-đãi của Thày Cô cũng đều ân-cần, không những tôi được ăn cơm ta rất ngon mà lại còn được Thày cho xem sách quí, giảng văn, nhất là giải-mã nhiều trường-hợp chữ nôm.

Tôi nhớ có lần Nhạc-sư Trần Văn Khê đưa tôi đến thăm Giáo-sư Hoàng, sau bữa cơm thịnh-soạn, G.s. Khê hát và ngâm thơ làm ai nấy trầm-trồ khen-ngợi, Thày Hãn nhận-xét thêm về nội-dung các câu, các

bài dân-ca, tôi lại càng thêm khâm-phục một nhà toán-học, một công-trình-sư tốt-nghiệp Trường Bách-khoa, làm sao mà biết nhiều đến thế về văn-chương bình-dân cổ-truyền của nước nhà. Học-trò thế-hệ của tôi, không ai không dùng *Danh-từ Khoa-học* của Thày, và sau 1945 tất cả các giáo-chức đã được hân-hạnh dạy học theo cái chương-trình trung-học gọi là "chương-trình Hoàng Xuân-Hãn."

Vì được Cụ Cử Nguyễn Văn Bình cho tôi một bản nôm *Lâm-tuyền Kì-ngộ* (mà Cụ dùng ở Đại-học Văn-khoa Sàigòn), nên tôi bắt đầu học đọc những văn-bản chữ nôm bằng cách tra trong tập sách của bạn Nguyễn Đức Rật. Sang Paris tôi trình Thày Hãn thì Thày khuyến-khích và nói "có căn-bản chữ Hán thì đi vào nôm-học không khó lắm đâu!" Câu chuyện đầu-tiên Thày dí-dỏm nhắc lại là chuyện đời Lí Anh-tông, giữa thế-kỉ XII, có quan Đỗ Anh-Vũ (phụ trách công-việc nội-ngoại trong cung) tư-thông với Lê Thái-hậu (mẹ vua). Khi ấy có Vũ Đái giữ chức "Điện-tiền đô chỉ-huy sứ", không trừng-trị họ Đỗ mà lại cùng đồng-bọn đem quân vào cung, hiếp vua nhỏ tuổi. Lúc bắt được Anh-Vũ rồi, lại nhận của đút của Thái-hậu (là vàng giấu trong đồ đựng thức ăn cho tù) mà ngơ đi. Nguyễn Dương đòi giết Anh-Vũ, và nói "Điện-tiền Vũ Đái thì cũng như Vũ Cát chứ gì?" (Đại-Việt Sử-kí Toàn-thư, bản dịch Cao Huy-Giu, Tập 1, tr. 282, Hanoi: Khoa-học Xã-hội, 1967). Thày Hoàng bảo hai chữ Hán "đái" với "cát" đọc theo nôm là "đái" và "cứt", vậy thì thế-kỉ XII đã có chữ nôm rồi.

Năm 1969, khi tôi nhận làm Phó Giám-đốc Trung-tâm Việt-học, Center for Vietnamese Studies, tại Viện Đại-học Southern Illinois University ở Carbondale, tiểu-bang I-li-noi, thì tôi gửi thư liền để mời Thày qua hợp-tác. Thày nói sẵn-sàng, nhưng lại ra điều-kiện là "mùa xuân 1970 chiến-tranh Việt-nam phải chấm-dứt đã"!

Buồn cười là Đại-học SIU - sinh-viên thường gọi là "Xiu" - định mời vị giáo-sư thạc-sĩ kiệt-xuất của VN sang cộng-tác về lĩnh-vực Việt-học mà lại (theo thủ-tục hành-chính vớ-vẩn) chuẩn-bị mời Cụ dạy Toán cho sinh-viên năm thứ nhất (*freshman math*). Tôi bảo không được, vì Cụ là một học-giả thế-giới biết tiếng, và nhà trường phải mời Cụ với tư-cách là "học-giả biệt-thỉnh về văn-hoá và lịch-sử Việt-nam" (*Visiting Scholar in Vietnamse History and Culture*) chứ không phải là bất cứ một giáo-sư ngoại-quốc nào!

Giáo-sư (Chính-trị-học) H.B. Jacobini, khi ấy làm Giám-đốc Trung-tâm Việt-học, còn xin Hoàng Lão-sư gửi bản kê-khai những công-trình nghiên-cứu. Giáo-sư Hoàng trả lời bằng tiếng Pháp - thư ấy tôi phải dịch sang tiếng Anh - nói rằng Thày toàn viết sách và bài bằng tiếng Việt, trừ

một thư-mục soạn bằng Pháp-văn liệt-kê những tác-phẩm của một giáo-sĩ Dòng Tên.

Thiên hồi-kí về Hội-nghị Đà-lạt đã đăng trên báo *Sử-Địa* bên Sàigòn, tôi xin phép Thày cho dịch ra tiếng Anh để dùng trong quí-san *Southeast Asia* là tập-san của Trung-tâm Việt-học SIU. Bản dịch của Giáo-sư Nguyễn Khắc-Kham rất là hay, đã định đăng trong một số báo năm 1973, nhưng về sau nhân-viên toà soạn làm thất-lạc mất thủ-bản, thật đáng tiếc.

Năm 1970 Thày mách cho tôi biết gia-đình học-giả Georges Coedès muốn bán tủ sách riêng của ổng. Nhưng họ đòi giá cao quá, nên Đại-học Nam Illinois không mua được, hình như về sau một đại-học Úc mua được. Năm 1971, tôi thông-báo để Thày rõ những sách báo quí bằng Hán-văn hiện lưu-trữ tại Toyo Bunko, Đông-dương Văn-khố, thuộc Thư-viện Quốc-hội Nhật-Bản, là nơi tôi để ra ba tuần lễ để nhờ họ chụp phóng-ảnh khá nhiều văn-bản Hán-Nôm cho thư-viện Morris ở Carbondale. Hồi đó ông thủ-thư David Ray cũng có đặt mua thẳng sách báo từ Bắc-Việt, nhưng ông cho tôi biết chỉ lác-đác có sách báo thuộc loại tuyên-truyền, chứ những sách bác-học thì chưa thấy tới.

Thày còn nói là rất phấn-khởi khi nghe tin Giáo-sư Trần Kinh-Hoà (Chen Ching-ho) đã từ Hương-cảng sang Carbondale để giúp SIU khảo-cứu về sử-liệu Việt-nam và dạy thêm lớp tiếng Nhật nữa. Ngoài ra, tôi cũng trình Thày về những việc như hồi 1971 Giáo-sư Nguyễn Khắc-Hoạch được mời ở lại một năm thứ hai nữa với tư-cách Giáo-sư Biệt-thỉnh về Văn-học Việt-nam, rồi Viện Đại-học Huế gửi ông Dương Đình Khôi qua làm công-tác khảo-cứu về nhân-loại-học, và hồi cuối tháng 11, 1971, Giáo-sư Nguyễn Vĩnh-Bảo trình-diễn nhạc cổ-truyền VN.

Tháng 3 năm 1972, Thày gửi thư nói "vì bệnh đau mắt làm tôi rối trí. Mỗi khi nghĩ đến các thư để chậm chưa đáp thì tìm thư lại không thấy! Hôm nay, mắt bớt nhoà, tôi xin trả lời bức thư cuối của Hoà". Thư đó cho thấy Thày luôn-luôn chú-tâm đến các vấn-đề văn-hoá dân-tộc:

"Hoà lại ngỏ ý muốn dịch bài tôi đã viết trong *Sử-Địa*, số đặc-biệt về Đà-lạt đăng trong báo *Southeast Asia*. Về việc này, nếu Hoà (và ông Nguyễn Khắc-Kham) nghĩ rằng nó sẽ chiêu ý người nước ngoài thì tôi cũng bằng lòng. Tôi đã cố-gắng viết bài nầy, tuy mắt kém, vì tôi đã nghĩ đến người nước ta nhiều và cũng muốn để lại một dấu vết khách-quan của giai-đoạn đầu trong quá-trình tái-lập vinh-dự và thể-cách nước ta. Nhất là với bệnh-trạng tôi, không biết rồi có thì-giờ viết lại những điều đã chứng-kiến không.

"Lại nói đến Trung-tâm Việt-học và báo *Southeast Asia*. Đối với Trung-tâm, tôi rất có cảm-tình. Ấy vì khi nào một xứ ngoài lưu-tâm nghiên-

cứu đến nước ta, thì không chóng thì chầy, họ sẽ có ý-thức và quan-niệm tốt đối với dân ta, tuy rằng lúc bắt đầu không khỏi có ý khác ngoài mục-đích vô-tư. Năm ngoái, tôi lại gặp lại Giáo-sư (Wesley) Fishel, nói chuyện khá lâu. Tôi phục giáo-sư giỏi, chịu khó hiểu biết mọi sự ở Việt-nam. Tôi cũng ngỏ ý rằng chưa đến lúc tôi có thể dự vào biên-tập tạp-chí *Southeast Asia*, nhưng tôi sẽ giữ lời hứa. Chiến tranh ở xứ nhà, nhất là những chuyện oanh-tạc dân-gian, tàn-sát kẻ vô-tội như chuyện Mĩ-lai mà cuối cùng nó chỉ làm dao-động lương-tâm người Mĩ một phần nào thôi! Nhân dân ta không thể hiểu mình, nếu trong hoàn-cảnh ấy mà mình lại ra ý ủng-hộ thái-độ họ. Khi nào Hoà sang Paris sẽ cho tôi biết. Tôi sẽ gặp Hoà nói chuyện nhiều hơn.

"Cuối cùng tôi lại cảm ơn Hoà đã gửi cho biết những thư-mục liên-quan đến Việt-nam ở Nhật.

"Nhân đây, nhớ lại cách đây đã lâu lắm có người viết trong báo *Bách-khoa* rằng đã thấy bản *Chinh phụ ngâm* đời Lê (?!) trưng bày ở thư-viện Los Angeles. Tuy tôi không tin, nhưng nếu có nhịp chép thư-mục Việt ở các thư-viện Mĩ, nếu có thể được, xin cho một bản.

"Về bản diễn-âm *Chinh phụ ngâm* mà tôi đã quyết-đoán là của Phan Huy-ích, thì nay chắc-chắn như vậy. Ông Nguyễn Văn Xuân ở Đà-nẵng đã tìm được ở Huế một bản viết có bài tựa chắc là của Phan Huy-ích. Tôi đã xem kĩ-càng, nhưng muốn để ông Xuân xuất-bản trước".

Tháng 2 năm 1973, Thày gửi cho tôi một bức thư dài, viết tay, chữ li-ti (tuy lúc đó thị-lực của Thày chỉ còn một phần tư) đầu thư cho biết lí-do chậm trả lời nhiều thư của tôi. Rồi Thày viết tiếp:

"Với sự ngưng-chiến ở xứ sở ta, chúng ta được thấy tinh thần thư-thái hơn. Chắc chú cũng như tôi đang làm việc một cách ổn-thoả hơn trước. Chính vì hành-động dã-man và vô-lí của quân-nhân và những kẻ cầm quyền ở Mĩ đối với dân-tộc ta, mà tôi đã tự-hỏi về giá-trị của văn-hoá cũng như nhân-phẩm của người Mĩ. Nay hình như phái quân-nhân ở Mĩ đã lùi, thì may ra, giải-pháp chính-trị ở nước ta có thể thực-hiện. Ấy vì những kích-thích và suy-nghĩ gây nên bởi những việc nói trên, nhất là bởi cuộc tàn-phá và tàn-sát cuối cùng trước ngày lễ Giáng-sinh, mà tôi không thể trả lời những câu hỏi của chú.

"Nay ta trở lại nói chuyện ta với ta.

"1. Tôi xin cảm ơn về bài trích Tạp-chí *Văn-học* liên-quan đến *Bích-câu Kỳ-ngộ* và *Tây-sương*. Tôi không tin rằng Vũ Quốc-Trân (nếu gia phả họ Vũ chép đúng) là tác-giả chuyện *Bích-câu* và vẫn còn nghi rằng tác-giả có liên-quan mật-thiết với văn-phái Hồng-sơn. Còn về *Tây-sương* thì

tôi đã biết từ lâu tác-giả là Nguyễn Lê-Quang, nhưng chưa biết đích-xác Nguyễn Lê-Quang là ai? Tôi đã phiên-âm chuyện này trong khi bị giữ ở ngục Hoả-lò sau ngày chiến-tranh Việt-Pháp nổi lên ở Hà-nội.

"2. Tôi xin gửi lời mừng chú nay đã được lên chức Viện-trưởng (đúng ra là Giám-đốc: NĐH) Trung-tâm Việt-học. Tuy từ trước ông Jacoby (đúng ra là Jacobini: NĐH) chỉ có danh Viện-trưởng, nhưng với địa-vị mới, chắc chú cũng dễ định-đoạt hơn.

"3. Về chuyện "Bích-câu Kỳ-ngộ", chú muốn dùng gì trong sách tôi thì tuỳ ý. Tôi rất vui lòng nhận. Còn bài tựa sách, ấy lần đầu tôi đem một vài chuyện và văn có tính-cách bản-thân công-bố ra. Đó không phải, làm trái với bản-tính tôi, để phô-trương tác-phẩm mình, mà cố ý muốn kể những sự thật có thể làm hiểu nguồn-gốc trước-tác của tôi, và muốn chứng một phần nào rằng muốn khảo-cứu và tìm hiểu để hiệu-đính những bản văn cổ, cần phải tự mình sống lại trong khuôn-khổ của các tác-giả thời ấy.

"Chú lại có hỏi tại sao tôi đã đổi ý trong phần cải-chính, sau khi đã đổi "hoa ngăn cửa động" ra "hoa nương cửa động", và quay lại thuyết "hoa ngăn". Thật ra trong thâm-tâm tôi vẫn tin thoại "hoa nương" (ngăn 垠 < nương 娘). Tiếng "nương" dịch đúng y chữ "lưu" 留, chữ "trú" 住, nhưng sau thấy bản PT (Vũ Quốc-Trân, Phổ-thông xuất bản) cũng chép "hoa ngăn". Vì những lẽ ấy, tôi đã phải khiêm-tốn lùi bước, và tự hỏi: "hoặc xưa có thành ngữ như thế chăng?" Nếu có thì phải hiểu tiếng "ngăn" là "bị ngăn, bị cản trở không thể di-dịch".

"4. Về vấn-đề chú yêu-cầu tôi sang bên ấy góp ý-kiến về chương trình Việt-học, tôi xin trả lời. Hiện nay tôi còn đang giúp việc cho hãng A15tbom (?) ở đây. Tuy công việc không có gì can-trọng, nhưng tôi sắp đến lúc đến tuổi hưu-trí. Tôi phải gắng làm cho xong. Sang năm có thể thôi, nếu không có sự gì bắt-buộc thôi trước. Bấy giờ tôi mới tính công việc đi xa được.

"5. Tôi đã tìm được một bản biệt-san bài GIROLAMO MAIORICA của tôi viết năm 1953 (20 năm rồi!). Tôi gửi biếu chú. Về các tác-phẩm của vị giáo-sĩ nầy, tôi sẽ phiên âm và phát-hành khi nào rỗi hơn."

Bản biệt-ấn (offprint) nói trong thư là bài "Girolamo Maiorica, Ses oeuvres en langue vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris," *Archivum Historicum Societatis Iesu*, Vol. XXII, 1953, tr. 203-214. Bài nầy liệt kê những bản nôm như *Thiên-chúa Thánh-giáo Hối-tội kinh, Thiên-chúa Thánh-giáo Khải-mông, Truyện Đức Chúa Chi-thu (Christ), Thiên-chúa Thánh-mẫu*, v.v. do vị Giáo sĩ đó viết bằng chữ nôm và tàng-trữ tại Thư-viện Quốc-gia của Pháp.

Cuối mùa xuân 1975, sau sáu tháng làm học-giả biệt-thỉnh danh-dự

tại Trường Nghiên-cứu Á-Phi thuộc Viện Đại-học Luân-đôn, trên đường về Mĩ, tôi ghé Paris thăm Thày Hoàng. Một người bạn Thụy-sĩ (quen từ hồi 1954 ông ấy và chúng tôi cùng thuê nhà ở một bin-đinh tại New York) có biệt-thự rộng lớn ở vùng ngoại-thành Ba-lê mời gia-đình chúng tôi tạm-trú ít bữa. Ông bà George Schlaepfer muốn nhà tôi nấu một bữa ăn Việt-nam. Chúng tôi có mời Thày Hoàng, Giáo-sư Trần Văn Khê và một vài người bạn Pháp đến dùng bữa cơm có nhiều món ăn dân-tộc (kể cả món bánh cuốn "lốc-bểu" rất ngon tôi đặt của cụ Kagy, là chỗ cựu-giao với gia đình anh hai tôi). Về sau, Thày hay nhắc tới buổi gặp-gỡ vui-vẻ đó và nói tôi được qua Đài-loan, Nhật-bản sau đó (mùa thu 1975) là "một việc hay và may" so với Thày, "vẫn bó chân ở đây".

Tấm thiếp của Thày viết:

"Chúng ta không ngờ thời-cục bên nhà thay đổi chóng như vậy. Biết bao gia đình lìa-tan và tán-ngụ ở khắp nơi. Tôi cũng có cháu chạy sang bên ấy. Nghe nói tụi "đỗ đầu" Mĩ ức-hiếp bóc-lột một cách không ngờ!

"Còn chuyện thiếu-phụ ở Nhựt trước định lấy P.D. (Phạm Duy) Khiêm. Đó có phải quả-phụ của Fujita không? Có phải bà ấy người Pháp không? Chuyện lạ là hình như P.D.K. đã tự-tử, chứ không phải bệnh-tử.

"Chào thân-ái và gửi lời cảm ơn Thím đã cho ăn ngon! và chào các cháu. HXH"

Thày Hoàng có thói quen hay làm thơ, nhất là vào dịp Tết Nguyên-đán. Cuối năm 1974, nhân đi trượt tuyết ở Hô-thạch (Pierre du Renard), xóm Cù-lao (Les Iles), thôn Ngân-sơn (Argentière), Chamonix, Thày có bài thơ "Ma Tuyết" gồm 40 câu ngũ-ngôn rất dí-dỏm, kể chuyện đi xì-ki bị té ra sao.

Trong số các bài thơ của Thày mà tôi trân-trọng lưu giữ trong văn-khố riêng, có bài "Khai bút năm Bính-Thìn (1976) tôi xin sao lục ra đây cả bản nôm lẫn bản quốc ngữ:

KHAI BÚT NĂM BÍNH-THÌN

*Bính-Thìn Đại-cát nhị-niên*
*Như từng ý đoán tâm nguyền năm qua**
*Hoà-bình trở lại nước nhà*
*Xâm-lăng quét sạch, chánh tà phân minh*
*Bây giờ mình chủ nước mình*
*Hãy xin mặc-niệm vong-linh Anh-hùng*
*Hình-hài trả nợ non sông*
*Mà hồn sống mãi trong lòng chúng ta*
*Đầu xuân nâng chén quan-hà*
*Đồng-thanh ta chúc Nước-nhà quang-vinh*

*Chúc nhau phúc thọ khang ninh*
*Anh em sum-họp, gia-đình vầy-vui*
*Nặng lòng thương nước thương nòi*
*Gắng công lao lực cho đời thêm xuân*
*Vui chung ai hưởng mọi phần*
*Hãy xin tưởng đến gian-truân những người*
*Trong cơn bối-rối tơi-bời*
*Bỏ nhà xa họ, lạc-loài bốn phương*
*Dẫu sao cũng tiếc quê-hương*
*Làm sao giúp mở con đường hợp thân*
*Dân ta có dũng có nhân*
*Hoàn-cầu kính phục thì Xuân càng dài.*
*Ngày Nguyên-đán năm Bính-Thìn tại Paris*
Hoàng Xuân-Hãn

* Nguyên trong bài khai bút năm ngoái, tôi có viết:
*Hùm đi Mèo lại điềm lành*
*Hãy xin cất chén tỏ tình đồng-bang*
*Chúc nhau phúc lộc thọ khang*
*Chúc cho đất nước chóng sang hòa-bình*
*Chúc cho nhà thịnh người vinh*
*Chúc cho Nam Bắc một tình yêu đương*
*Chúng ta kiều-ngụ tha-phương*
*Cùng nhau đốt một nén hương khẩn-nguyền*
*Năm nầy Đại-Cát nguyên niên.*

Trước khi dùng chương-trình phần mềm của Kĩ-sư Nguyễn Việt (do tôi giới thiệu) - là người đầu tiên dùng biệt-tài thảo nhu-liệu cho máy điện-não - Thày Hoàng chỉ toàn dùng máy chữ đánh bài "camera-ready" gửi đăng các báo, như tờ *Khoa-học Xã-hội* tại Paris. Đọc bài "Kim Vân Kiều án và Nguyễn văn Thắng" trong tập-san đó, số 13-14, tôi thấy ái-ngại vô-cùng là Thày đã mất công sức, căn-cứ vào một cái que buộc ở trục máy chữ, rồi đếm từng hàng, từng chữ cái một, để dòng nào trong bản đánh máy cũng thẳng tắp ở lề bên phải (theo kiểu *justify*). Thày nghe tôi, và từ năm 1988 hai cụ đều dùng máy điện não mà đánh chữ Việt bằng nhu-liệu của VNLabs.

Năm đó, Thày còn làm bài thơ tự-thọ vào dịp 80 tuổi "để cảm ơn các bạn họp tại Paris mừng tuổi tôi". Thày gửi bài đó cho tôi "để nhắc lại một phong-tục xưa của một văn-sĩ". Bản quốc-ngữ thì đánh máy và bỏ dấu

tay, còn bản chữ nôm và những dòng thư thì viết tay trên một trang duy-nhất của bức thư phong-bì, tức "aérogramme" hay "air letter", nhưng vẫn có chữ ký bằng Hán-tự và dấu son. Thư ấy có đoạn khen tờ *Vietnam Culture Newsletter*, do tôi và cháu Mỹ-Huyền mới phát hành đạo đó, là "ra đều và rất đầy đủ, chính xác" nhưng lại tiếp: "Bây giờ tôi nhiều tuổi, mắt khó đọc, tay hơi run. Thư đến nhiều khi phải có người đọc giùm. Viết thì thường phải đánh máy. Qua mấy dòng chữ nầy, chú cũng đủ thấy tàn huỷ ấy. Đó cũng là luật thiên nhiên".

Tôi quên chưa nói là địa-chỉ của hai cụ về sau đã đổi từ 58 sang 60 Avenue Théophile Gautier, 75016 Paris. Nhưng thật ra vẫn là một bin-dinh, một tầng lầu (đi lên bằng thang máy) như cũ thôi, chỉ khác là trước thì Thày Cô ở một căn áp, sau mở rộng thành hai căn áp, vì Thày nhiều sách báo quá, cần nhiều chỗ!

Trong bức thư đề ngày 15/12/90, có câu "Tôi viết xiên xẹo vì mắt hỏng" làm tôi rất xúc động. Thày bảo "chúng tôi rất mừng khi thấy các người có tài-cán và trách-nhiệm có thể duy-trì và có thể khuếch-trương tinh-thần Việt-học ở Mĩ". Thày còn hỏi: "ở Mĩ, báo-chí Việt-ngữ nhiều và có cơ phát-triển được. Có tờ nào giữ được trình-độ khá cao như *Bách-khoa* xưa ở Saigon chăng?"

Mồng 10 tháng 3 năm 1996, Thày Hoàng Xuân-Hãn qua đời sau khi nằm nhà thương hai tuần vì chứng "tai-biến huyết-mạch trong óc". Tôi đánh điện và gửi thư phân-ưu. Thư của Cô Hãn cho biết "luôn luôn ông vẫn giữ được phong-cách của ông và đến giờ phút cuối cùngvẫn điềm-tĩnh nhẹ nhàng". Tôi không lấy làm lạ. Cô và con gái Hoàng An cùng con rể Nghiêm Xuân-Hải kể rõ chi-tiết nghi-lễ tống-táng và cho tôi một số những tài-liệu về cuộc đời và sự-nghiệp của Thày (được tang-chủ in ra để biếu các người đến dự lễ cầu siêu hôm 24/3/1996). Lễ phát tang và lễ nhập liệm hôm 14/3 thì chỉ có gia-đình và đệ-tử dự tại bệnh-viện Orsay. Sau lễ hỏa-táng tại nghĩa-trang, bình tro được rước về Chùa Trúc-Lâm (Villebon-sur-Yvette, Essonne) để nhập tháp, có nhiều thân-bằng quyến-thuộc dự-kiến.

Lễ cầu siêu và tưởng-niệm diễn ra tại Trúc-Lâm thiền-viện hôm 24/3 rất đặc biệt. Hoà-thượng Thích Thiện-Châu chủ lễ đó và lễ Tiến-linh xong, thì có hội-lễ tưởng-niệm của thân-hữu, được phát tập tài-liệu trong đó có bài thơ tự-thọ dẫn trên mà Thày làm năm 80 tuổi. Trong số năm người bày-tỏ ký-ức, có một ông người Pháp là Đại-tướng Emmanuel Hublot tốt-nghiệp Trường Cao-đẳng Bách-khoa cùng khoá 1930 với Thày. Bốn người Việt phát-biểu cảm-tưởng là: Đỗ Quang Trị (học trò của Thày ở Trường Bưởi), Tạ Trọng Hiệp (đệ-tử của Thày về Hán-Nôm), Trần Văn

*thú dân*
KHOA HỮU

*Giết ta chén độc dược này*
*ngậm môi nhắm mắt cho khuây khỏa lòng*
*chim tha đá lấp biển đông*
*tiếng kêu nhả máu bụi hồng tắt hơi*

*Chắp tay ta thú ơn đời*
*giết ta chưa đủ cơn người hả hê*
*hai mươi năm bóng ta về*
*nằm nương dâu bãi ngồi nghe cát lầm.*

Khê (bạn vong-niên của Thày) và Nghiêm Xuân-Hải (hiền-tế của Thày). Nghệ-sĩ Kim-Chính ngâm bài thơ "Đáp lời mừng thọ".

Nhạc-sư Trần Văn Khê còn dùng nguyên-vận phụng họa bài thơ tự-thọ của Thày Hoàng như sau (để tưởng nhớ người bạn vong niên):

*Mừng chúc anh vừa thọ tám mươi*
*Tuổi tuy chồng chất vẫn vui cười*
*Ruộng văn gieo lắm mầm xinh đẹp*
*Vườn sử trồng nhiều cây tốt tươi*
*Lúc khoẻ sưu tầm luôn rất bận*
*Khi đau nghiên cứu vẫn không lười*
*Suốt đời tận tụy vì dân tộc*
*Sống được như anh dễ mấy người.*

Kỉ-niệm của tôi về Giáo-sư Hoàng Xuân-Hãn còn nhiều. Nhân ngày giỗ đầu của Thày, tôi xin thắp nén hương lòng mà ghi vài hàng hồi-ức của một tên học trò cũ về một học-giả lừng danh của Việt-nam ta, cũng là một ân-sư của tôi.❐

# Phan Khôi
# Ngọn hải đăng giữa vùng biển động

*Trùng Dương*

Để kết luận bài "Tư Tưởng Phản Động Trong Sáng Tác Của Phan-Khôi" đăng trên báo Văn Nghệ số 15 xuất bản tháng 8-1958 tại Hà-Nội, mục đích phê bình tập sách gồm 6 bài vừa bút ký vừa tạp ghi nhan đề *Nắng Chiều* của Phan-Khôi, Đoàn Giỏi, một cây bút phê bình văn nghệ của Cộng sản Việt Nam, đã hạ một đoạn như sau:

"Chỉ đứng riêng về phương diện văn học mà nói, Phan-Khôi không còn chỗ đứng nữa. Chỗ đứng của y ở đâu, để cho y tự phong. Chưa nói đến hành động phá rối về chính trị, không thuộc về thẩm quyền của những người cầm bút chúng ta." (1).

Chỗ đứng Phan-Khôi ở đâu, thực tế, ông chẳng cần phải tự phong, như Đoàn-Giỏi đã gợi ý. Từ trước khi ông mất vào ngày 6-1-1959 ở Hà-Nội (2) , tên tuổi và sự nghiệp cầm bút của ông đã đi vào văn học sử Việt Nam như một trong những tay kiện tướng của làng báo Việt; hơn thế nữa, ông cũng còn đồng thời là người, theo nhiều nhà khảo cứu văn học, đã khai sinh ra phong trào Thơ Mới với bài "Tình Già"; và cuối cùng như ngọn đèn trước khi tắt đã bùng lên, một cách vô cùng ngoạn mục, những sáng tác cuối cùng của ông tại Hà-Nội từ năm 1956 - 59 , đặc biệt với bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" đầy ắp những tài liệu xác thực đăng trên *Giai Phẩm Mùa Thu* Tập I ra ngày 29-8-1956 tại Hà-Nội như một phát súng lệnh mở đầu cho một cuộc khởi nghĩa vô tiền khoáng hậu của giới trí thức miền Bắc, sau đó, những sáng tác đó đã tự chúng, cùng với chính tác giả của chúng, trở thành bất tử.

**Thân thế của Phan-Khôi**

Phan-Khôi sinh năm 1887, ba năm sau khi Hoà Ước Patenôtre được ký kết vào năm Giáp Thân, 1884, giữa triều đình An nam và Pháp. Hoà Ước Patenôtre gồm 19 khoản mà khoản số 1 tự nó đã nói đủ đặc tính của

Hoà ước, như sau: "Nước Nam nhận và chịu nước Pháp bảo trợ, nước Pháp thay mặt nước Nam trong các việc giao thiệp với ngoại quốc và bảo trợ nước Nam ở các nước ngoài." Trên giấy tờ thì như vậy; nhưng thực tế thì ngay cả quyền nội trị và binh bị của triều đình An nam cũng không còn nguyên vẹn. Đến một chức như Lý trưởng trong làng cũng phải có sự ưng thuận và cấp bằng của quan cai trị người Pháp. "Binh lính thì để kéo xe hay hầu hạ các quan và nhiều kẻ chưa cầm đến cái súng lần nào." (3)

Phan-Khôi gốc người làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Cha ông là Phan Trân, trước làm tri phủ phủ Điện Khánh, sau từ quan về làm nghề dậy học, ý hẳn do chỗ tiết tháo, không chấp nhận cái thứ "nội trị độc lập bánh vẽ" của triều đình An Nam hồi ấy. Đã hẳn hành động cương trực trên của viên cựu tri phủ Điện Khánh đã ảnh hưởng không ít nơi người con trai của ông là Phan-Khôi. Nhưng ảnh hưởng cũng sâu đậm không kém có lẽ phải kể tới gốc gác của thân mẫu Phan-Khôi. Bà Phan Trân vốn là con gái của nguyên Tổng đốc Hà-Nội Hoàng Diệu (1829 - 1882), người đã có lần đi sứ sang Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi. Khi thành Hà-Nội bị lọt vào tay Henri Rivière vào năm 1882, Hoàng Diệu đã tuẫn tiết theo thành sau khi viết sớ xin tạ tội với triều đình vì sự thất bại của mình. Chính đại tá Henri Rivière, địch thủ của Hoàng Diệu, khi được tin ông đã tự vẫn theo thành, cũng phải ghi trong nhật ký của mình và nhận rằng "quan Tổng đốc là người điềm tĩnh, cương quyết, can đảm và thế lực của Ngài có thể làm cho quân Pháp bối rối .." (4)

Phan-Khôi chịu ảnh hưởng Nho học từ bé, vốn sẵn khiếu thông minh, năm 19 tuổi đã đỗ Tú tài. Do ảnh hưởng của thân sinh, bên cạnh ảnh hưởng của hai nhà cách mạng đương thời bấy giờ là Phan Bội Châu (1867-1940) và Phan Chu Trinh (1872-1926), Phan-Khôi từ chối cơ hội tham chính mà khoa cử có thể mang lại cho mình.

Năm 1907, hai năm sau khi ông đỗ Tú tài, đã mở đầu cho một thời kỳ chính trị sôi động chưa từng thấy từ khi Pháp đặt nền cai trị trên toàn cõi Việt Nam 23 năm về trước. Khởi đi từ sau khi quân đội Nhật chiến thắng quân Nga vào năm 1905 và phong trào canh tân của Nhật hoàng, cộng với ảnh hưởng của những trào lưu tư tưởng tiến bộ của Tây phương phản ảnh qua những sách vở của hai nhà cách mạng Trung Hoa là Khang Hữu Vi (1858-1927) và Lương Khải Siêu (1873-1929), giới sĩ phu Việt cũng tự đó chuyển mình. Trước hết là phong trào Duy Tân do hai nhà cách mạng họ Phan khởi xướng. Kế đó là việc thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can làm thục trưởng. Cũng trong thập niên đầu của thế kỷ 20 này tại VietNam, một nền "văn học cách mạng" hình thành với những "tờ báo nói đến vấn đề chính trị, vô số những bài "cẩm nang"

(pamphlets), những "bản thảo" (libellés), những bài hát, bài thơ, những bích chương, truyền đơn do các nhà cách mạng yêu nước lúc bấy giờ phổ biến ra để xách động quần chúng toàn quốc chống Pháp." (5)

Trong bầu không khí sôi sục lòng yêu nước ấy, chàng trai Phan-Khôi lúc đó vừa bước vào tuổi hai mươi, lại sẵn thừa hưởng truyền thống cương trực và bất khuất của gia tộc, đã hẳn là không thể không bị cuốn hút vào. Đây cũng là bước đầu gia nhập làng báo của Phan-Khôi: ông trở thành một cây bút của tờ *Đăng Cổ Tuần Báo*, cơ quan ngôn luận của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục.

Nhưng rồi cũng chỉ trong vòng có một năm, Đông Kinh Nghĩa Thục bị nhà cầm quyền thực dân rút giấy phép. Theo chân phong trào, tờ *Đăng Cổ Tùng Báo* cũng bị đóng cửa. Các nhà cách mạng Việt Nam bị truy nã, kẻ bị bắt bỏ tù, kẻ bôn ba hải ngoại. Phan-Khôi cũng rút về Nam Định rồi sau đó sang Hải Phòng ẩn náu. ít lâu sau, ông lên về Quảng Nam hoạt động theo phong trào Văn Thân cùng với Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947). Năm 1908, Phan-Khôi tham gia cuộc biểu tình của dân chúng Quảng Nam đòi nhà cầm quyền Pháp giảm thuế, bị bắt cùng với Huỳnh Thúc Kháng. Riêng Phan-Khôi bị giam tại nhà lao Quảng Nam.

Sáu năm sau, vào năm 1914, Pháp lâm chiến với Đức. Vì muốn mua chuộc lòng dân thuộc địa để họ tiếp tay với mình cùng chống lại Đức, Toàn quyền Pháp là Albert Sarraut mới ra lệnh ân xá cho nhiều tù nhân chính trị. Có lẽ vì Phan-Khôi lúc đó còn trẻ, hoạt động của ông chưa lấy gì làm nổi lắm, nên ông nằm trong số những người được ân xá (trong khi đó Huỳnh Thúc Kháng, người chủ xướng phong trào biểu tình chống sưu thuế, bị đày ra Côn Đảo mãi tới năm 1925 mới được Pháp thả cho về Huế).

**Sự nghiệp viết báo của Phan-Khôi**

Sáu năm trong tù, với ảnh hưởng của phong trào Duy Tân còn đậm nét, Phan-Khôi quyết chí học thêm tiếng Pháp. Thầy dạy Pháp văn của ông là các bạn tù nguyên là công chức bị giam. Đến năm 1920, nhờ được thuê dịch Kinh Thánh cho Hội Tin Lành ở Hà-Nội, Phan-Khôi có dịp hoàn hảo khả năng Pháp văn của mình để cũng từ đó, ông có dịp đọc thêm, trau luyện và phát huy sở trường viết lý luận của mình với cuốn sách đã trở nên vật gối đầu giường của ông. Đó là cuốn *Philosophie Scientifique Et Philosophie Morale* của F. Challaye (6). Cũng nhờ đó mà lịch sử báo chí Việt Nam đã có dịp ghi nhận những cuộc bút chiến dữ dội, đầy lý thú, sôi nổi giữa Phan-Khôi và Trần Trọng Kim (khi Trần Trọng

Kim cho xuất bản cuốn *Nho Giáo* vào năm 1930), giữa Phan-Khôi và Phạm Quỳnh v.v...Sự say mê lý luận của ông cũng đã trở thành đề tài cho nhiều đồng nghiệp chế riễu, bằng hí họa, bằng những phát ngôn kiểu thề thốt khá sống sượng (chẳng hạn như một ký giả hồi đó đã viết hẳn trên mặt báo như sau: "Nếu tôi nói dối thì tôi sẽ phải ăn...lý luận của Phan-Khôi.")

Thậm chí, Vũ Ngọc Phan, trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, đã mệnh danh cho ông là "một nhà báo hay bút chiến". Ảnh hưởng sâu đậm bởi Nho học, với sự quyết tâm tự huấn luyện cho mình một căn bản Tây học vững vàng, Phan-Khôi một khi đã nhập một cuộc bút chiến nào thì phần thắng bao giờ cũng về tay ông, bởi vì "lối bút chiến là lối ông sở trường nhất. Ông bút chiến về người, ông bút chiến về việc, rồi ông bút chiến về cả những chữ dùng sai qua mục "Vai Ngự Sử Trên Đàn Văn" do chính ông phụ trách trên tờ *Phụ Nữ Tân Văn* ở Hà-Nội vào đầu thập niên 30 (7). Chỉ tiếc là Vũ Ngọc Phan đã hoàn tất bộ *Nhà Văn Hiện Đại* vào năm 1942 nên không có dịp ghi thêm cuộc bút chiến cuối cùng vô cùng ngoạn mục của Phan-Khôi với chế độ văn nghệ chỉ huy của Cộng sản Việt Nam qua bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" mà người viết sẽ xin đề cập tới ở phần sau. Đây cũng không phải là cuộc bút chiến đầu tiên của ông với chủ nghĩa Cộng sản. Vào khoảng cuối thập niên 20, ông cũng đã có một cuộc bút chiến đã làm sôi nổi dư luận toàn quốc về vấn đề Duy tâm, Duy vật với nhà văn Cộng sản Hải Triều (8).

Nguyên nhân nào đã đưa đẩy Phan-Khôi, sau khi ở tù ra, chọn nghề báo thay vì tiếp tục sự nghiệp cách mạng? Không thấy có tài liệu nào trong số những tài liệu người viết bài này đã tham khảo đề cập tới. Có thể là sau sáu năm ngồi tù vì tội biểu tình chống thuế, Phan-Khôi đã nhận ra rằng bạo động không dẫn tới đâu mà chỉ làm hao mòn thêm lực lượng vốn chưa được mạnh, bên cạnh sự thiếu ý thức của quần chúng. Có lẽ ông đã nghĩ đến sự quan trọng của việc mở mang dân trí do ảnh hưởng của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục còn in đậm nơi ông. Dân trí có mở mang thì khi người Pháp trao trả độc lập (như Pháp vẫn rêu rao hồi đó dưới chiêu bài "sứ mạng cao cả của nước Đại Pháp ở Đông Dương", đó là giúp dân thuộc địa mở mang kiến thức!), thì người dân mới đủ sức tự quản. Nếu có lúc Phan-Khôi đã tin vào luận điệu đó của người Pháp thì cũng là điều dễ hiểu. Bởi vì nhiều trí thức Việt hồi đó cũng thành tâm tin như vậy, chẳng cứ gì ông, một thanh niên còn trong tuổi 20. Khi Toàn quyền Albert Sarraut, vốn xuất thân là một ký giả bước sang lãnh vực chính trị, qua nhậm chức ở Đông Dương, ông đã phát động một chính sách bề ngoài có vẻ cởi mở, nhất là đối với báo chí bản xứ, nhưng bên trong là mục đích

dùng họ để "chống Đức và ca tụng Pháp trong giới trí thức Việt Nam" và đồng thời "tách rời giới trí thức này ra khỏi ảnh hưởng Trung hoa và Pháp hóa họ" bằng những sự tuyên truyền qua báo chí" (9).

Những tên tuổi trí thức như Nguyễn văn Vĩnh (chủ bút tờ *Đông Dương Tạp Chí*, số đầu phát hành vào ngày 15-5-1913), Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh (hồi ấy chưa làm tờ *Nam Phong*), Nguyễn Văn Tố, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Đỗ Mục, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu v.v...lúc ấy cũng đang tiếp tay với nhà nước bảo hộ trong sứ mệnh "khai hóa" này. Điều không thể phủ nhận được là cũng nhờ những vị trên mà Việt ngữ đã được phát triển, ngày một trở nên tinh vi để từ đó, nột nền văn học Quốc ngữ đã ra đời và ngày một trở nên phong phú. Vậy thì việc Phan-Khôi nhận viết cho *Nam Phong* khi tờ này ra đời vào ngày 1-7-1917 cũng là điều dễ hiểu. Và cũng dễ hiểu hơn việc ông bất bình sau đó với Phạm Quỳnh để rồi cuối cùng bỏ *Nam Phong*, bỏ cả Hà-Nội để vào Sài Gòn viết cho *Lục Tỉnh Tân Văn*.

Nguyên nhân xích mích với Phạm Quỳnh có lẽ phải kể tới việc Phan-Khôi và Phạm Quỳnh vốn không hạp nhau, mặc dù cả hai sức học và tài văn ngang ngửa. Trong khi Phan-Khôi khinh miệt đời quan lại của một thứ triều đình bù nhìn, thì Phạm Quỳnh lại tìm cách lăn lưng vào, hoặc ít ra là nuôi giấc mộng tham chính trong thời kỳ này. Hơn thế nữa, một người nhiều tự trọng và cũng tuyệt thẳng thắn, bốp chát, thiết tha với đất nước dân tộc như họ Phan làm sao có thể tiếp tục cộng tác với tờ báo như *Nam Phong* với những luận điệu như "rồng Nam phun lửa diệt giặc Đức" (hộ cho Pháp), hoặc "vái trời phù hộ cho mẹ nuôi ta (tức là Pháp = mẹ nuôi của nước Nam) mau mau diệt hết lũ yêu ma (tức là Đức) mà vun lại mầm dân tộc (?) " (10). ít ra, đó là nội dung của *Nam Phong* ở giai đoạn đầu khi mới ra đời với tư cách là công cụ của Pháp.

Sau khi rời *Nam Phong*, Phan-Khôi vào Sài Gòn cộng tác với *Lục Tỉnh Tân Văn*; cũng có lẽ vì không khí làng báo miền Nam, nhờ quy chế thuộc địa, tức là được hưởng nhiều tự do ngôn luận hơn báo chí bảo hộ ở miền Bắc hồi ấy, và do đấy nó hợp với bản chất của Phan-Khôi hơn chăng?

Tới năm 1920 , ông lại trở ra Hà-Nội cộng tác với tờ *Thực Nghiệp Dân Báo* của Bùi Huy Tín, và tờ *Hữu Thanh* của Ngô Đức Kế. Trong thời kỳ này ông cho xuất bản cuốn *Nam Âm Thi Thoại* (sau, vào năm 1936, khi cho tái bản, ông đổi tên là *Chương Dân Thi Thoại*). Trong tập sách này, ông đã nói lên quan niệm của ông về việc thế nào là một thi sĩ. Đó đã hẳn không phải là kẻ "ru với gió, mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây", mà phải là một người mà "sự học...tất nhiên phải đủ các trí thức phổ thông

như mọi kẻ khác đã đành, mà lại phải có cái học chuyên môn về nghề làm thi nữa" (11). Với các thi sĩ mà Phan-Khôi còn đòi hỏi họ phải quán thông mọi sự như vậy, huống hồ là với những người viết văn, viết báo. Việc đòi hỏi người cầm bút, bất kỳ là để làm thơ, viết văn hay viết báo, phải có một kiến thức sâu rộng, một kỹ thuật vững vàng, một tinh thần kỷ luật tối đa, đã được Tế Xuyên đề cập tới nơi phần "Những Bài Học Của Phan-Khôi" trong cuốn *Nghề Viết Báo* của ông.

Năm 1928, *Thực Nghiệp Dân Báo* và *Hữu Thanh* đóng cửa, Phan-Khôi lại một lần nữa khăn gói vào Sàigòn viết cho *Phụ Nữ Tân Văn* của Nguyễn Đức Nhuận và *Thần Chung* của Diệp Văn Kỳ; đồng thời gửi bài cộng tác ra Hà-Nội cho tờ *Đông Tây* của Hoàng Tích Chu.

Năm 1931, ông lại ra Hà-Nội làm tờ *Phụ Nữ Thời Đàm* của Tràng An. Được năm năm, vào năm 1936, ông về Huế làm tờ *Tràng An*, rồi sau đó xin được giấy phép xuất bản tờ *Sông Hương* do chính ông làm chủ nhiệm cho đến năm 1939 thì đóng cửa. Có lẽ cũng thấm mệt phần nào, nên ông vào Sài Gòn mở lớp dạy chữ Nho và viết tiểu thuyết. Cuốn *Trở Vỏ Lửa Ra* là kết quả của thời kỳ này, do Phổ Thông Bán Nguyệt San xuất bản dưới hình thức tạp chí, mang số 41 ngày 16-8-1939. Đây cũng là cuốn tiểu thuyết đầu tiên và cuối cùng của Phan-Khôi. Và cũng là một thất bại lớn trong đời cầm bút của ông và có lẽ từ đó, đã đưa đến sự im lặng của ông kéo dài cho tới mãi tận 1956.

Vì lẽ gì Phan-Khôi viết *Trở Vỏ Lửa Ra*, đây là điều chúng ta cần phải truy tầm tìm hiểu. Hồi tưởng lại những lý luận vững vàng về sự kiện thế nào là một cuốn tiểu thuyết hay của Phan-Khôi nhân một buổi mạn đàm về văn nghệ ở Hà-Nội, và đứng trước sự thảm bại về nghệ thuật trong tác phẩm *Trở Vỏ Lửa Ra* của chính ông, Tế Xuyên đã đi đến nhận định như sau: "(Phan-Khôi) thấy được cái đẹp của văn nghệ, nêu được cái đẹp ấy ra, chứ không thể sáng tạo được một cái 'đẹp'. Ông là người thưởng thức tinh vi một họa phẩm, ông không phải là họa sĩ." (12) Vũ Ngọc Phan cũng cùng đồng ý về sự thất bại trên phương diện nghệ thuật của *Trở Vỏ Lửa Ra* . Tóm lại, Phan-Khôi đã thất bại vì đã sử dụng sở đoản của mình vậy. Đây cũng là điều khiến hậu sinh và có lẽ cả người đương thời của ông phải ngạc nhiên, vì ở tuổi ngũ tuần như Phan-Khôi hồi ấy, lại đã từng lẫn lộn với trường văn trận bút nhiều năm, hẳn họ Phan phải tự biết mình nhiều hơn để không vướng vào một sai lầm tệ hại đã ít nhiều làm sứt mẻ uy tín cầm bút của ông. Hay thực ra ông muốn dùng chính sự thất bại của mình để làm một bài học cho những kẻ đi sau, để họ đừng quá ôm đồm hiếu thắng?

Tuy nhiên, những người yêu văn Phan-Khôi cũng không phải thất

vọng lâu sau đó; cũng như những người vốn ghét Phan-Khôi cũng không được sống lâu với niềm hoan hỉ về sự thất bại quái gở của ông sau khi *Trở Vỏ Lửa Ra* ra đời. Tình hình đất nước bỗng rơi vào những đột biến liên tu bất tận khiến không ai còn thì giờ đâu nữa để mà bận tâm về chuyện văn học. Đây cũng có thể là một trong những lý do khiến họ Phan rút vào sự yên lặng kéo dài gần 20 năm sau đó.

Nhật xua quân vào Đông Dương. Phi cơ Đồng Minh oanh tạc cả những thành phố lớn như Sài Gòn. Pháp tuy phải tạm mất thuộc địa nhưng vẫn không ngừng nuôi âm mưu trở lại. Các phong trào phục quốc của người Việt nổi lên khắp nơi đưa đến sự hình thành của phong trào Việt Minh, một kết hợp giữa các đảng phái Quốc gia và phe Cộng sản. Phan-Khôi cũng rời Sài Gòn về quê ở Quảng Nam lánh nạn, từ 1939 tới tận 45. Rồi kháng chiến bùng nổ. Một mặt hô hào toàn dân chống Pháp, mặt khác, Cộng sản cũng bắt đầu phát động chiến dịch thanh toán các phần tử Quốc gia và củng cố chủ nghĩa Cộng sản bằng những biện pháp cải cách ruộng đất đẫm máu khiến vô số người chết oan. Cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập dần mất hết ý nghĩa thần thánh lúc ban đầu. Nhiều người tỉnh ngộ; song vì không đành lòng theo Pháp (mà họ cũng thù ghét nữa, mặc dù chiêu bài "chống Cộng" của Pháp) để chống lại kháng chiến do Cộng sản lộ nguyên hình lãnh đạo, nên từ đó nảy sinh ra một lớp trí thức lạc lõng, tiêu cực, hoài nghi yếm thế rất tội nghiệp mà Vũ Hoàng Chương có lẽ đã muốn mô tả qua hai câu thơ:

*Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ*
*Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh...*

Đa số người dân thời ấy chỉ có mỗi một "lý tưởng" duy nhất, đó là làm sao sống còn. Đây là cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất mà tác giả Đoàn Thêm trong *Những Ngày Chưa Quên* đã nhận định như sau: "Tuỳ quan điểm, cuộc xung đột lớn lao này (Chiến tranh Đông Dương) có thể gọi là chiến tranh giành độc lập , chiến tranh chống đế quốc và giải phóng dân tộc, hay chiến tranh chống cộng và bảo vệ tự do..." (13).

Riêng đối với Phan-Khôi, vốn đã từ lâu không chấp nhận duy vật chủ nghĩa của người Cộng sản, nay nhìn thấy những khủng bố dã man tàn bạo do Cộng sản gây ra trên chính quê hương Quảng Nam của ông, nên ông càng để lộ sự bất bình công khai. Để nhổ đi một cái gai nhọn sắc là Phan-Khôi, Hồ Chí Minh đã đích thân viết thư mời Phan ra Hà-Nội hợp tác. Có lẽ cũng hy vọng sẽ có thể tiếp tay được phần nào trong việc làm giảm thiểu những sai lầm khiến cho người dân điêu đứng đau khổ do Cộng sản gây ra chăng, nên Phan-Khôi tin Hồ và nhận lời rời Quảng Nam đi Hà-Nội.

Ra tới Hà-Nội, thay vì ở nơi mà Cộng sản chỉ định cho ông, đó là nhà em họ của ông là Phan Bôi tức Hoàng Hữu Nam, Trung ương Ủy viên kiêm Thứ trưởng Bộ Nội Vụ; thì ông đến ở chung với Khái Hưng, một nhà văn có chân trong Quốc Dân Đảng. Khi Cộng sản khủng bố Quốc Dân Đảng đến vây nhà Khái Hưng và bắt Khái Hưng thì đồng thời cũng bắt luôn cả Phan-Khôi. Vì bấy giờ con trai Phan-Khôi là Phan Thao, một đảng viên Cộng sản, đang nắm giữ vai trò chủ nhiệm tờ *Cứu Quốc*, cơ quan ngôn luận của Mặt Trận Liên Việt (sau đổi là Mặt Trận Tổ Quốc), nên Phan-Khôi không phải chịu chung số phận bị thủ tiêu như Khái Hưng; song thay vì thế, Cộng sản đưa ông lên thẳng chiến khu Việt Bắc và giao cho Phan Bôi quản thúc ông tại đó cho tới ngày trận chiến ngã ngũ vào năm 54. Trong suốt chín năm ở chiến khu, Phan-Khôi lãnh phần phiên dịch các sách chữ Hán và chữ Pháp sang tiếng Việt. Trong thời gian miễn cưỡng "tham gia" kháng chiến kiểu Cộng sản này, Phan-Khôi cũng có trước tác một số bút ký, tạp văn nhằm "ghi chép sự thực chứ (tôi) không hề viết tiểu thuyết". Ông không phổ biến những tác phẩm này. Về sau, mãi tới năm 1958, sau khi vụ khởi nghĩa của trí thức miền Bắc bị dẹp tan, Phan gom những bài đó lại, đặt tên tập sách là *Nắng Chiều*, rồi nạp xin xuất bản nơi Hội Nhà Văn, nhưng bị cấm.

Mặc dù *Nắng Chiều* không bao giờ ra đời, nhưng người đọc biết tới nó nhờ bài phê bình nhan đề "Tư Tưởng Phản Động Trong Sáng Tác Của Phan-Khôi" do Đoàn Giỏi viết. Đó là một bài viết phân tích tỉ mỉ, cặn kẽ, khá công phu những điều mà Đoàn Giỏi cho là Phan-Khôi có ngụ ý châm chọc Cộng sản, y như kiểu công tố viên đọc bản cáo trạng phơi bầy những lời nguyên đơn tố cáo bị cáo trước một phiên xử tội "mạ lị phỉ báng" vậy. Trong bài phê bình Phan-Khôi "phản động", Đoàn Giỏi vừa tóm tắt nội dung của 6 bài viết trong *Nắng Chiều*, vừa tỉ mỉ nêu ra những ngụ ý châm chọc Cộng sản của họ Phan ra làm sao, rồi liền đó kết tội Phan đã "phản động" như thế nào. Bài viết của Đoàn Giỏi độc đáo tới độ, sau khi bài đó đăng báo, Đoàn Giỏi đã bị ... kiểm thảo và "bị quy vào tội vờ đả kích Phan-Khôi để công bố những nét đại cương của một tác phẩm mà Đảng đã cấm không cho xuất bản." (14)

**Phan-Khôi và phát súng khai hỏa "Phê bình lãnh đạo văn nghệ"**

Xuyên qua những điều đã trình bày ở trên, hẳn người đọc đã có một ý niệm về con người của Phan-Khôi như thế nào. Đó là một người ngay trực, ghét sự màu mè, quanh co, phản trắc; trọng kiến thức, kỷ luật, nhưng đồng thời cũng không chấp nhận khuôn thước giáo điều.

Cái không may của Phan-Khôi là, vốn không chấp nhận Cộng sản, mà cuối cùng hoàn cảnh đưa ông đến chỗ phải ở lại với Cộng sản sau khi Hiệp đinh Genève ký kết vào ngày 20-7-54, chia đôi đất nước Việt Nam. Nhưng cũng chính vì cái không may đó mà viên kiện tướng của làng báo Việt Nam, sau gần 20 năm im hơi lặng tiếng (sau vụ thất bại thê thảm với cuốn tiểu thuyết *Trở Vỏ Lửa Ra* mà có lẽ nhiều người đã tưởng đời cầm bút của ông cũng sẽ bị chôn vùi theo với sự thất bại đó) đã thình lình "ra quân" rất đỗi ngoạn mục. Cũng chính nhờ sự tái xuất giang hồ của Phan-Khôi với sở trường "bút chiến" tuyệt vời đã khiến cho giới cầm bút ở miền Bắc trong các năm 1956-58 thêm vững tin và mạnh dạn trổ hết tài năng để từ đó vẽ nên một trang sử độc đáo không những của văn học sử Việt Nam mà còn của cả nhân loại.

Tưởng cũng nên nhắc qua những biến động từ đó đã đưa đến cuộc khởi nghĩa của giới trí thức miền Bắc nhằm chống lại Đảng và Nhà cầm quyền Hà-Nội trong các năm 56-58 mà văn học sử Việt Nam quen gọi là "Vụ án Nhân Văn" hoặc "Vụ Trăm Hoa Đua Nở".

Theo soạn giả Mạc Đinh trong bài "Nguyên Nhân Cuộc Nổi Dậy Của Trí Thức Miền Bắc" trong tập *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*, thì những nguyên nhân có thể chia làm hai loại: loại khách quan và loại chủ quan.

Các nguyên nhân khách quan gồm những biến chuyển trong nội tình Cộng sản quốc tế về tình hình xã hội miền Bắc từ sau Hiệp Định Genève. Trong số các nguyên nhân này trước hết phải kể tới chiến dịch hạ bệ Stalin và thanh trừng nội bộ của Đảng Cộng sản Nga do Krushchev chủ trương trong kỳ hội nghị thứ 20 qua bài diễn văn ngày 20-2-56. Mượn gió (vụ hạ bệ Stalin), giới trí thức miền Bắc bắt đầu để lộ thái độ chống Đảng dưới hình thức chống tinh thần Stalin, và những thối nát xã hội từ sau 1954. Họ cho ra đời *Giai Phẩm Mùa Xuân* vào tháng 3-56 trong đó có đăng tải ba bài đã khiến các tác giả của chúng sau đó bị kiểm thảo lên kiểm thảo xuống. Đó là bài văn xuôi "Cái Chổi Quét Rác Rưởi" của Phùng Quán, bài "Ông Bình Vôi" của Lê Đạt, và bài thơ dài khoảng 500 giòng nhan đề "Nhất Định Thắng" của Trần Dần trong đó có hai câu đã trở nên nổi tiếng:

*Tôi bước đi*
*không thấy phố*
*không thấy nhà*
*Chỉ thấy mưa sa*
*trên mầu cờ đỏ.*

Trong khi *Giai Phẩm Mùa Xuân* 1956 còn nằm trên "bàn mổ" của

Hội Nhà Văn Cộng Sản thì một biến cố khác đã xảy ra. Đó là việc Trung Cộng phát động chiến dịch "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh" (Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng) vào ngày 25-5-56 để cho phù hợp với tân chính sách do Đảng Cộng sản quốc tế đề xướng. Tuy nhìn nhận là "Nếu không có nhiều môn phái, nhiều chủ trương thì văn nghệ không thể trở nên phong phú được"; nhưng liền đó, Trung cộng cũng đồng thời chặn ngay rằng "ngày nay. . . chính quyền của nhân dân đã thành lập và vững mạnh thì sự tranh luận của bách gia ... phải nằm trong khuôn khổ của một chương trình chung"!

Mặc kệ lối tuyên bố nước đôi ấy, giới cầm bút Bắc Việt hồi ấy cứ thản nhiên vin vào khẩu hiệu "Trăm hoa đua nở" của nước đàn anh để cho ra đời *Giai Phẩm Mùa Thu* vào ngày 29-8-56, trong đó, Phan-Khôi đã nổ phát súng lệnh "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" mở màn cho cuộc đấu tranh cho nền văn nghệ có một không hai trong lịch sử văn học của Cộng sản Việt Nam.

Ngoài ra cũng phải kể đến ảnh hưởng của các biến động liên tiếp xảy ra ở Đông Âu, như vụ công nhân Ba Lan nổi lên ở Poznan ngày 28-6-56 đòi Nga sô phải thả lãnh tụ Gomulka của họ và đưa ông này lên nắm chính quyền; vụ khởi nghĩa của dân Hung Gia Lợi Budapest ngày 23-10-56; vụ Trường Chinh và Hồ Viết Thắng tự kiểm thảo về những sai lầm trong chiến dịch cải cách ruộng đất, mùa thu 56; việc thả 12.000 đảng viên bị cầm tù vì bị quy lầm là địa chủ trong đó đã có nhiều người bị kết án tử hình; vụ nổi loạn của nông dân làng Quỳnh Lưu và tiếp theo là vụ thanh niên và nông dân "Nam Bộ tập kết" bất mãn đập phá bót cảnh sát Bờ Hồ, Hà-Nội.

Bên trên là những nguyên nhân khách quan đã thúc đẩy giới trí thức miền Bắc công khai chống đối Đảng. Về những nguyên nhân chủ quan thì phải kể tới, trước hết là đời sống vật chất cơ cực của giới cầm bút sau chín năm kháng chiến gian khổ, tưởng hoà bình rồi thì sẽ đỡ hơn, chẳng dè ngược lại. Nếu tất cả mọi người cầm bút cùng khổ thì họ có lẽ đã có thể tự an ủi rằng dầu sao đây chỉ là thời kỳ "quá độ" và họ sẽ kiên nhẫn chờ một tương lai sáng sủa hơn. Nhưng khổ nỗi thực tế không phải là tất cả mọi người cầm bút cùng cam khổ như họ. Vì sau khi Cộng sản đã san bằng mọi giai cấp xong thì liền đó có một "giai cấp mới" hình thành: đó là giai cấp gồm những "nhà văn (trước kia) có tài, (ngày nay) bị buột chặt vào địa vị bằng những sợi lụa có tẩm thuốc độc. Tác phẩm của họ (ngày nay) chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn, thông cáo. Họ trịnh trọng thắt cà vạt đỏ, đi giầy da vàng, đọc đít-cua và nhồm nhoàm ăn tiệc, rồi lại xách valy , bay đó bay đây, trên mây trên gió." (15) "Họ" đây là những Nguyễn Công

Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Tố Hữu... là những người thuộc giai cấp lãnh đạo văn nghệ. Họ chỉ là "những ông bình vôi, càng sống càng tội, càng sống càng bé lại" như Lê Đạt đã diễn tả. Đã có giai cấp lãnh đạo thì phải có giai cấp "được" lãnh đạo. Giai cấp này được Phan-Khôi mệnh danh là "quần chúng văn nghệ". Họ gồm những người cầm bút có sản xuất, nai lưng ra sáng tác để bán rẻ văn chương cho Đảng lấy mỗi tháng vài chục ký lô gạo. Tuy thế, không phải nhà văn nào cũng có việc làm, nghĩa là có bài đăng báo. Cứ tám người cầm bút thì có đến sáu người chịu thất nghiệp, không nuôi nổi cả đến gia đình chứ đừng nói đến chuyện nuôi nghệ thuật. "Những trang giấy trắng lẽ ra dùng để chép thơ cũng đã bao lần biến thành đơn xin việc. Những lá đơn ấy gởi đi rồi im lặng không nghe một tiếng trả lời. Sự thật đã có những nhà văn viết đêm, không có một tách cà phê để uống. Đã có những thi sĩ không làm thế nào mua được dăm điếu thuốc lá trong cơn nghiền, và đã có một kịch sĩ bán chiếc đồng hồ đeo tay của mình để bồi dưỡng viết cho xong cuốn sách, nhưng in ra không đủ tiền để chuộc chiếc đồng hồ." (15). Xưa, khi còn thực dân Pháp, nhà văn Vũ Trọng Phụng mơ được một miếng bít-tết mỗi ngày là còn mơ sang. Chứ mà khi đất nước đã "độc lập", "tự do" rồi, các nhà văn miền Bắc mơ khiêm tốn hơn: chỉ một ly cà phê, dăm điếu thuốc lá mà cũng không có!

Đời sống vật chất đã vậy. Đời sống tinh thần cũng không khá hơn. Mặc dù đã cam chịu đời sống khốn cùng đó, nhưng nào họ đã yên thân. Hở một chút, họ bị giai cấp "cai văn nghệ" vác ra chửi rất thô tục, sống sượng một cách mất dậy kiểu hàng tôm hàng cá ngay trên mặt báo. Một thí dụ điển hình nhất là khi Phan-Khôi thượng thọ 70 (1956 tính theo âm lịch), và vì lúc ấy ông đang bị đảng canh chừng theo dõi nên không ai dám lai vãng vì sợ liên luỵ. Tức cảnh, Phan-Khôi bèn làm một bài thơ kỷ niệm ngày thượng thọ của mình, trong đó có hai câu:

*Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi!*
*Thọ ta, ta chúc, nọ phiền ai.*

Tuy bài thơ đó không được phổ biến, nhưng không biết sao đã lọt đến tai Nguyễn Công Hoan, chỉ đáng tuổi con cháu của Phan. Hoan bèn boạ lại bằng một bài, luận điệu mất dạy như sau:

*Nhắn bảo Phan-Khôi khốn kiếp ơi!*
*Thọ mi, mi chúc chớ hòng ai.*
*Văn chương! Đù mẹ thằng cha bạc!*
*Tiết tháo! Tiên sư cái mẻ ngoài.*
*Lô-dích, trước cam làm kiếp chó,*
*Nhân văn, nay lại hít gì voi,*

*Sống dai, thêm tuổi, cho thêm nhục,*
*Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Bấy nhiêu bẽ bàng, cơ cực, dồn nén đối với chế độ của chính họ, và của dân chúng Bắc Việt cũng như các dân tộc bị Cộng sản thống trị đã đúc kết lại, âm ỉ như sức nóng của một ngọn núi lửa chờ ngày phun, như thùng thuốc súng chỉ chờ một mồi lửa là phựt nổ.

Mồi lửa ấy do chính tay Phan-Khôi châm, với bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" dài khoảng 7.000 chữ, chấm dứt mười mấy năm im lặng của ông, khai mào cho một giai đoạn tranh đấu khốc liệt một mất một còn của giới cầm bút miền Bắc. Nhiều người khi đọc bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" của Phan-Khôi dạo ấy đã phải thốt lên là đã trên mười năm nay mới lại nghe tiếng nói "sang sảng" của nhà ngự sử trên đàn văn.

Nhưng lần này nhà ngự sử của làng báo VietNam không chỉ làm cái việc "nhặt cỏ dại", mà là đốn những cây cổ thụ đã bị sâu bọ đục rỗng bên trong mà vẫn chưa chịu ngã xuống để những cây non mọc lên, cùng là gạt đổ những

*. . . . . cái bình vôi*
*Càng sống càng tối*
*Càng sống càng bé lại.*

**Vài nét độc đáo của Phan-Khôi qua bài "Phê bình lãnh đạo văn nghệ"**

Có một điều đáng tiếc (nhưng không hẳn là sẽ không thể cứu vãn trong tương lai), đó là Phan-Khôi trước sau chỉ cho xuất bản có hai tập sách mà cả hai tập sách đó không thấy được lưu giữ trong các thư viện Hoa Kỳ (hay có, mà người viết chưa được biết chăng), đó là tập thơ *Chương Dân Thi Thoại* (1936) và cuốn *Trở Vỏ Lửa Ra* (1939); song cả hai đều là thể loại không nằm trong sở trường sáng tác của ông. Phần trước tác quan trọng nhất của ông là những bài viết từ thời *Đăng Cổ Tùng Báo* cho đến khi ông tạm gác bút vào năm 1939, thì vẫn nằm trong văn khố của Thư Viện Quốc Gia Pháp, chưa được ai cất công sưu tập. Riêng những bài viết từ 1945 tới khi ông mất vào năm 1959 thì có một số, như đã nói ở trên, đã bị Hội Nhà Văn Việt Cộng cấm phổ biến khi ông xin phép xuất bản tập *Nắng Chiều*, gồm các bài "Cầm Vịt", "Tiếng Chim", "Cây Cộng Sản", "Thái Văn Thu", "Chuyện Ba Ông Vua Kiền Long, Quang Trung và Lê Chiêu Thống" và "Giới Thiệu Nguyễn Trường Tộ". Bản thảo của tập sách này họa may còn được ai đó thân quen của ông ở Hà-Nội cất giữ. Dầu sao, hậu sinh của ông cũng còn được một cái may mắn là nắm trong tay vài bài ông viết từ năm 1956-58. Những bài này đã được nhóm các ông Hoàng

Văn Chí, Mạc Đinh thu thập hồi 1959 in vào tập *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc* ở Sài Gòn. Cuốn sách này hiện đã được nhà xuất bản Quê Mẹ ở Paris vừa cho in lại và đã phát hành tại hải ngoại. (16)

Bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" của Phan-Khôi là một trong bốn bài in lại trong tập *Trăm Hoa Đua Nở*. Các bài kia là "Tìm Ưu Điểm", một loại ngụ ngôn, ký tên K..., đăng trên *Giai Phẩm Mùa Đông*; bài "Ông Bình Vôi", đăng trên *Giai Phẩm Mùa Thu* Tập I; và bài "Ông Năm Chuột" đăng trên báo *Văn* số 36 ngày 30 - 1 - 1958. Cũng trong tập *Trăm Hoa Đua Nở* có phần đăng lại bài "Tư Tưởng Phản Động Trong Sáng Tác Của Phan-Khôi" do Đoàn Giỏi viết.

Là một người uyên bác Hán ngữ, am hiểu Pháp văn và nắm vững lối lý luận của Tây phương, nhưng khi viết văn bằng chữ Quốc ngữ, Phan-Khôi có một lối viết giản dị, sáng sủa, mạch lạc, nhiều chỗ như thể nói chuyện, có phần bình dân là khác. Sức lôi cuốn của văn ông là nhờ ở chỗ đó. Mặc dù vẫn rất thận trọng, uyên thâm, nhưng ông không vướng vào bệnh "đa ngôn" hoặc sính dùng những danh từ kêu mà rỗng, hoặc "bác học" mà xa vời với độc giả khiến người đọc phải bận tâm vì ngôn ngữ thay vì điều tác giả muốn diễn tả. Ở ông là hình ảnh con tằm ăn dâu nhả ra thứ tơ thiệt, vừa óng ả, vừa hữu dụng lại vừa bền bỉ. Đọc văn ông, người ta không khỏi liên tưởng đến cái đẹp toát ra từ những cái đơn sơ, giản dị, như một ánh mắt, như một nụ cười mỉm, như đôi nét chấm phá trên một bức tranh thủy mạc, như đi câu thơ Haiku của Nhật . . . đơn giản nhưng bao hàm cả một trời ý nghĩa, tựa như một cái công án của Thiền.

Một tỉ dụ rút ra từ bài Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ: Theo Marx và đồ đệ, chế độ Cộng sản là chế độ tuyệt hảo, tuyệt bích, là "đỉnh cao trí tuệ" của loài người, trong đó, sẽ không còn nữa những mâu thuẫn. Phan-Khôi không mất công dài dòng phê bình chủ nghĩa ngây thơ, không tưởng và đã trở nên lạc hậu ấy của ông tổ Cộng sản. Rất nhẹ nhàng, dung dị, ông viết: "Ở dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường...Nhưng ở dưới chế độ ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải không đi đến đối lập, hễ còn đối lập là cái hiện tượng không tốt..." trước khi ông đi vào phần phê bình những sai lệch trong lãnh đạo văn nghệ.

Dùng kỹ thuật "gậy ông đập lưng ông" cũng là một biệt tài của Phan-Khôi. Tỉ dụ như, trước khi vào thân bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ", Phan-Khôi vừa rào đón, vừa dùng "gậy ông đập lưng ông" như sau: "Tôi muốn nói sự thực. Nhưng có người bảo rằng có những sự thực không nên nói. Tôi không tin như vậy. Đó là ở dưới chế độ nào kia, chứ ở dưới chế độ chúng ta, ta đã lấy phê bình, tự phê bình làm võ khí, thì còn cái sự thực

nào là sự thực không nên nói?"

Hoặc như đoạn sau đây, về thơ Xuân Diệu (người có tập thơ gửi tới tranh dự giải văn học 1954-55 và đã trúng giải, đồng thời cũng có chân trong Ban Chung khảo; cũng như trường hợp Hoài Thanh và Nguyễn Huy Tưởng), Phan-Khôi đã viết: "Tôi còn cử ra những câu thơ tầm thường quá, không xứng đáng là thơ, và nói rằng thơ Xuân Diệu ngày nay kém thơ Xuân Diệu ngày trước. Một ông trong ban (quên là ai) cãi rằng nếu thế thì lâu nay Đảng giáo dục Xuân Diệu không có hậu quả gì sao? May mà một ông khác (quên là ai) lập tức đưa tay ngăn lại, nói đó không phải là cái luận cứ vững, đừng đưa ra. Nhưng đồng thời tôi trót đã vọt miệng nói ra câu này: Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng, chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu ".

Hoặc có những đoạn rất bình dân và cũng đầy tính cách tả thực: "Khi viết đến đây, tôi ngồi dưới ngọn đèn điện 20 nến, tôi nói có mặt đèn làm chứng, ông (Nguyễn đình) Thi đã nhận cho lời tôi nói là đúng, hứa sẽ phê bình lãnh đạo, nhưng mãi tới nay chưa thấy viết."

"Đọc trong bài thứ nhất của ông Nguyễn Đình Thi, đến chỗ ông ấy nói mấy người trong Giai Phẩm (Mùa Xuân) là cả vú lấp miệng em (...) Chính ông Nguyễn Đình Thi cả vú lấp miệng em cho nên ông bảo trước rằng bọn Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt là cả vú lấp miệng em. Thực ra thì bọn này có vú đâu mà cả, vả lại họ cũng không có ai là em họ hết."

Và ở một đoạn khác, cũng với một giọng dung dị, ông kể: "Tháng mười năm ngoái, tôi được cắt cử nói chuyện trong cuộc kỷ niệm Lỗ Tấn. Trước khi nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết có chỗ tôi nói Lỗ Tấn thông hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhưng trong văn chương của ông không hề dùng danh từ Mác xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm: con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi: Nói như thế là định viser (ám chỉ) ai? Đề nghị tôi nên chữa. Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải ám chỉ ai mới được."

Ở một đoạn khác, họ Phan kể một giai thoại về vấn đề lãnh đạo văn nghệ xong rồi mới quay sang than với người xưa khiến người đọc không khỏi muốn rớt nước mắt thầm khóc cùng với ông: "Cái tác phong lãnh đạo ấy hiện nay đã truyền nhiễm khắp Hà-Nội rồi. Một toà soạn nào đó có quyền chữa bài của tôi, vứt bài của tôi. Mà phải chi đáng chữa mà chữa, đáng vứt mà vứt, cho oan. Mới đây, trước ngày 20-7, có một nhà báo - giấu làm gì? nói ngay là nhà báo Tổ Quốc - nhà báo Tổ Quốc viết thư cậy tôi viết một bài. "Viết một bài về chuyện miền Nam", như thế là đã ra đề cho tôi làm bài đó, tưởng cũng là đủ lắm rồi. Trong thư ông đại chủ bút

còn dàn bài cho tôi nữa: Như là yêu cầu thế này, mục đích thế nọ, và hạn từ một ngàn rưỡi chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ vì tôi tự ái, đáng kiểm thảo) bèn kiếm cách từ chối. Cụ đồ Chiểu ơi! Cụ Đồ Chiểu ơi! Ở thời cụ, cụ đã kêu lên:

*"Ở đây nào phải trường thi*
*Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng!"*

"Thế mà ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề dàn bài, lại hạn chữ cho tôi đó nữa cụ ơi! Tôi còn làm ăn được gì nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!"

**Thay lời kết**

*Giai Phẩm Mùa Thu* Tập I ra đời ngày 29-8-56 ở Hà-Nội với Phan-Khôi khai hỏa bằng bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" đã gây xôn xao khắp Hà thành. Tờ *Thời Mới*, một tờ báo hàng ngày thân Đảng, mà cũng phải ví bài trên của Phan-Khôi như "quả bom tạ" thả ngay giữa Hà-Nội. Đa số vừa ngạc nhiên, sững sờ, vừa thích thú khi lại được nghe tiếng nói "sang sảng" của ngòi bút họ mến mộ đã từ lâu im hơi lặng tiếng. Câu nói "Nhà văn càng già càng dẻo càng dai" đem áp dụng vào trường hợp Phan-Khôi có lẽ đúng nhất.

Ngay sau khi Phan-Khôi cho phổ biến bài "Phê Bình Lãnh Đạo Văn Nghệ" thì liền đó là cảnh "dậu đổ bìm leo". Sở dĩ Cộng sản Việt Nam chưa có phản ứng ngăn chặn vì chính họ cũng đang hoang mang trước bao biến cố dồn dập kể từ khi Krushchev đọc diễn văn hạ bệ Stalin; hoặc họ phản ứng một cách yếu đuối, chỉ càng để lộ thêm tính chất lỗi thời của Cộng sản chủ nghĩa và tạo cơ hội cho nhóm Phan-Khôi ra quân và bút chiến dữ dội thêm.

Thừa thắng xông lên, Phan-Khôi hợp với Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy cho ra đời tờ Nhân Văn do chính ông đứng tên chủ nhiệm, số đầu phát hành vào ngày 15-9-1954. Giới học sinh, sinh viên cùng nhập cuộc đấu tranh chống Đảng và Nhà Nước với tờ Đất Mới. Nguyễn Bính với tờ Trăm Hoa cũng đổi từ hiền lành sang đả kích Đảng tới tấp. Rồi những tờ báo thân Đảng như Thời Mới, cơ quan ngôn luận của Đảng như Cứu Quốc, Nhân Dân, Học Tập, và ngay cả tờ Văn (ra đời sau khi Nhân Văn bị đóng cửa, để giải thích đường lối văn nghệ của Đảng), sau 15 số phát hành không ai buồn đọc, cuối cùng cũng xoay ra chống Đảng luôn.

Sau hai năm làm mưa làm gió trên văn đàn miền Bắc, lẫm liệt như các bậc liệt nữ anh hùng xưa để bảo vệ cho quyền làm người của dân tộc, cuối cùng, trước sức phản công tàn bạo của Cộng sản, nhóm Nhân Văn

của Phan-Khôi đành chịu tan rã. Nhưng trước khi chịu để Cộng sản bịt miệng, đẩy ải, hoặc cô lập hoàn toàn, Phan-Khôi và một số anh em của Nhân Văn đã thâm nhập tờ Văn, gieo trong đó thêm những hạt giống văn nghệ để từ đó, giới văn nghệ miền Bắc tiếp tục âm thầm nuôi dưỡng. Và một trong những bằng chứng điển hình của những hạt giống do Phan-Khôi và nhóm Nhân Văn gieo rắc là tập thơ *Hoa Địa Ngục* của Nguyễn Chí Thiện đã lọt ra hải ngoại mùa Thu 1981, và còn đang gây trấn động khắp nơi.

Chỗ đứng của Phan-Khôi ở đâu, ông chẳng cần tự phong. Những tác phẩm của ông cùng với tư cách cá nhân của ông đã đưa ông vào văn học sử. Và làng báo Việt Nam đã hẳn là hãnh diện với sự hiện diện của bậc kiện tướng oai dũng này. Bởi hơn ai hết, ông xứng đáng là ngọn hải đăng mãi chiếu sáng cho đám cầm bút hậu sinh vậy❐

**Ghi chú và tài liệu tham khảo**

(1) Trích trang 96, *Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*, Hoàng Văn Chí chủ trương biên tập với sự hợp tác của nhiều soạn giả. Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá xuất bản, 1959, Saigon. Quê Mẹ tái bản tại Paris, đầu thập niên 80.

(2) Theo *Tự Điển Việt Nam*, Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ. Khai Trí, 1970, Saigon. Sống Mới tái bản ở HoaKỳ sau 1975.

(3) Trích trang 324, *Việt Nam Pháp Thuộc Sử*, Phan Khoang, Sống Mới, 1961, Saigon. Sống Mới chụp và in lại ở Hoa Kỳ sau 1975.

(4) Trích trang 280, sách đã dẫn ở (3).

(5) Trích trang 73, *Lược Sử Báo Chí Việt Nam Từ Khởi Thủy Đến 1930*, Huỳnh Văn Tòng. Trí Đăng, 1973, Saigon.

(6) Trích trang 259, *Nghề Viết Báo*, Tế Xuyên. Khai Trí, 1962, Saigon.

(7) Trích trang 278, *Nhà Văn Hiện Đại*, Vũ Ngọc Phan. Tân Dân xuất bản lần thứ nhất, 1942, Hà-Nội. Thăng Long tái bản lần thứ ba, 1960, Saigon. Đại Nam chụp và in lại ở Hoa Kỳ sau 1975..

(8) Trích trang 54, sách đã dẫn ở (1)

(9) Trích trang 88, sách đã dẫn ở (5)

(10) Trích trang 96, sách đã dẫn ở (5)

(11) Trích trang 267, sách đã dẫn ở (7)

(12) Trích trang 267, sách đã dẫn ở (6)

(13) Trích trang 211, *Những Ngày Chưa Quên*, Đoàn Thêm. Đại Nam tái bản tại Hoa Kỳ sau 75.

(14) Trích trang 96, sách đã dẫn ở (1)

(15) Theo Hoàng Huế, một thi sĩ tập kết, trong đề án gửi Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc, trang 11, 12, sách đã dẫn ở (1)

(16) Địa chỉ nhà xuất bản Quê Mẹ: 25 Rue Jaffreux, Gennevilliers, France. Gía mỗi cuốn 70 quan + 16 quan cước phí.

# Nợ

*Lê Minh Hà*

Ông Dụng chậm rãi đi chéo qua căn phòng về phía một cái bàn nhỏ. Ở đó, có một người ngồi quay lưng lại phía ông. Vai ông ta hẹp, gồ lên một cách căng thẳng trong bộ quân phục sĩ quan đã tầu tầu.

- Cậu Hiếu!

Đôi vai trước mặt ông giật nhẹ. Nửa phút... Một phút... Người đàn ông quay lại, mỉm cười:

- Ông hỏi tôi? Có lẽ ông lầm tôi với ai? Tên tôi là Chính.

Có mấy người đứng quanh đó tò mò ngoái lại khi nghe lối xưng hô trái tuổi của ông Dụng. Nhưng ông không để ý:

- Không! Không phải! Cậu là thằng Hiếu! Cậu biết rõ rằng chúng ta không thể quên nhau!

Tiếng cười lúc đó mới bật ra, giật cục, rổn rảng. Người đàn ông được gọi là Hiếu đứng dậy:

- Trí nhớ chúng ta đúng là vẫn tốt. Tôi chỉ thử cậu một chút cho vui...

*

Lúc đó là cuối giờ họp mặt các cán bộ được đào tạo ở trường công an từ thời kháng chiến. Không hoàn toàn đủ mặt. Người đã nằm lại đâu đó mấy chục năm nay. Người đã mất vì tuổi tác. Những người đang hỉ hả nói cười đều đã trạc sáu mươi bảy mươi cả. Nhiều người đeo hàm đại tá. Có cả tướng. Cũng có người không mặc quân phục. Nhìn phong thái thoải mái của họ trong bộ âu phục cũng có thể đoán được đời họ xuôi chèo mát mái thế nào. Ở tuổi này, những người như thế rất ham các cuộc họp mặt. Nhắc nhớ nhau một thời trẻ trung đi kháng chiến. Kể cho nhau nghe những thăng tiến trong đời, những hể hả và phiền não mà đám con cái mang lại... Về hưu, hết quyền, thiếu những dịp được cảm thấy mình vẫn sống như thế, tuổi già đối với họ giống như là tội nợ. Chẳng mấy ai chú ý

tới hai người đàn ông vừa nhận ra nhau. Trừ một người. Ông ta ăn mặc hết sức giản dị. Nhưng nhiều người có mặt ở đó biết ông là tướng. Bên an ninh. Ông là người ngày xưa cả ông Dụng ông Hiếu đều gọi là anh. Dễ đã bốn mươi năm. Thời đó, kéo nhau từ Việt bắc về Hà nội, cơ quan đối với từng người cứ y như một gia đình. Từ một góc phòng, ông tướng lặng lẽ quan sát hai đồng sự cũ. Ông không nghe được câu chuyện của họ. Nhưng ông đoán được...

*

- Cậu có nghĩ sẽ gặp tôi hôm nay không Hiếu?

- Tôi... Tôi không biết. Thì cuộc họp mặt này được tổ chức cho chúng ta mà!

- Tôi ra khỏi ngành lâu rồi. Hơn ba mươi năm... Là dân công an, ra khỏi ngành có nghĩa là thế nào cậu biết rõ. Khôn ngoan thì sống co mình. Cậu nói cuộc họp mặt này dành cho cả tôi ư? Không đâu! Mọi cuộc họp mặt kiểu này đều dành cho người thành đạt. Tôi có thể nói gì với anh em cũ ở cơ quan bộ về cuộc đời tôi gần bốn mươi năm qua? Tôi đến đây hôm nay là để gặp cậu. Tôi có ý tìm cậu suốt ngần ấy năm. Cậu sống ra sao từ bấy?

- Tôi được biệt phái sang bộ đội ngay sau dạo ấy. Làm bên an ninh quân đội. Trong thành (1). Sau thì đi B. Cũng chẳng hiểu sao còn sống tới bây giờ. Lứa bọn mình ở lại công an các cậu ấy hầu hết là đại tá. Có cậu nhảy nhanh hơn nữa. Còn tôi thì hì hục mãi cũng chỉ đại tá....

- Ừ, kể thế là cũng chậm. Bên bộ đội, lại đi B, nếu không chết thì thường lên nhanh hơn. Cậu lại có bằng cấp. Dân mình đi Nga về từ những năm 60, 61 đâu có nhiều. Mà có về thì một lô một lốc bị coi là xét lại. Cậu thế thì quả là lên chậm thật. Nhưng thôi, cái chính là cậu vẫn sống. Bây giờ ở đâu? Vợ con sao rồi?

- Sau 73 tôi trở ra. Cuối năm ấy lấy vợ. Cơ quan anh em giới thiệu. Sốt rét bạc người. Chẳng biết có phải vì thế mà chậm con không? Giờ nhà tôi ở Kim Giang. Lẽ ra đại tá phải ba phòng, nhưng chờ mãi đơn vị không có nhà, đành nhận hai phòng vậy, chứ về hưu rồi thì... Thằng con tôi giờ mới mười lăm. Khéo mình chết mà nó vẫn chưa kịp nên người. Tôi sống cũng buồn. Mẹ nó chiều nó quá...

Người hỏi vẫn cứ là ông Dụng:

- Cậu giờ gọi là Chính à? Chính với Hiếu tôi thấy có gì khác nhau đâu. Đấy là do yêu cầu công tác hay là tự cậu?

- Tự tôi! Nhưng sao cậu căn vặn tôi mãi thế? - Ông Hiếu bất chợt bốc lên - Cậu đến cuộc họp mặt này cốt để gặp tôi. Vậy thì cậu hãy nói...

- Phải! Tôi đã định nói với cậu. Về chuyện ấy. Nhưng gặp cậu rồi thì

tôi không muốn nữa. Cậu đã không quên được tôi. Thế là đủ. Chúng ta vẫn còn sống. Điều ấy mới đáng nói. Tôi ngày ấy không may mà lại thành may. Ra khỏi bộ Công an (2), hồi đánh phá tôi chỉ bị động viên vào đám sao vuông (3). Đi bộ đội thì không thể, không đủ tin cậy. Nhưng tôi đã nhiều lần muốn chết. Sống cũng là vì mấy mẹ con nhà nó. Cậu không thể hình dung được sự khủng khiếp khi phải sống gần như suốt đời trong ngờ vực bỉ báng.

- Nhưng ngày đó cơ quan đâu có ý thải hồi cậu. Tự cậu xin ra cơ mà!

- Phải! Tôi tự xin ra. Sau ngần ấy ngày ngồi trong đó, tôi không còn muốn ở lại bộ Công an nữa. Thế đấy! Cậu cũng không cần phải hối hận nhiều. Cậu chỉ có mặt trong đoạn đầu cuộc sống của chúng tôi. Phần sau, cái phần gần bốn mươi năm qua, tự tôi chọn.

- ?..?...

- Tôi sợ. Những nguyên tắc khép chúng ta trong ngành tàn nhẫn quá. Cậu nhớ anh Hệ chứ? Ở phòng Chính trị ấy.Trước khi tôi bị nạn, anh em ai cũng tưởng anh ấy sang phái khiển (4) và đi xa.Tới hồi tôi lâm nạn, tôi gặp anh ấy. Lúc ấy đã bốn năm nằm trong đó, không án. Sau này ra, anh ấy vẫn tiếp tục làm ở bộ. Tôi thì tôi không thể.

- ... Còn Hương? Cô ấy giờ ra sao? Lũ trẻ nữa?

- Hương đã mất gần hai mươi năm nay. Một năm sau giải phóng. Hồi tôi bị nạn, chắc cậu chưa quên, Hương sinh con bé thứ hai. Rồi thôi luôn. Hương đã chạy khắp nơi, đòi thả tôi, hoặc đem tôi ra xử. Sau này, Hương lại chạy đòi minh oan cho tôi. Chúng tôi lo các cháu bị ảnh hưởng đến mụ người, nhất là hồi thằng cháu lớn thi đại học

...!...!

- Hương đã sống khổ sống sở một đời. Vì chúng ta. Nhưng cô ấy chưa bao giờ trách cứ tôi cả. Cũng không bao giờ nhắc tới cậu. Chúng tôi cố sống vì các cháu. Lúc tôi được ra, anh Kỳ gọi tôi lên, cho biết dự kiến phân công công tác lại cho tôi của tổ chức bộ. Nhưng tôi từ chối và xin ra khỏi ngành. Tôi đã tin, bao nhiêu năm, rằng cái ngành đã chọn tôi từ hồi còn là một thằng choai choai ở Việt bắc là ngành trong sạch nhất. Ngày đó hình như ai cũng sống vô tư thế... *"Thanh thản một gia tài vơi nửa ba lô - Còn nửa kia chứa đầy mơ mộng - Những ý nghĩ ngây thơ sa trường vó ngựa - Tấm áo hào hoa sự tích li kì - Trong quán tản cư những đêm ấm lửa - Chúng tôi gõ đàn hát khúc phân li..."* Đấy! Có lần tôi đọc thấy một ông nhà thơ viết như thế đấy (5). Thật là đúng. Rồi thì tiếp quản thủ đô, cứ ngỡ đời chỉ đẹp thế trở lên... Tôi vỡ dần ra rằng ở trong cái ngành này người ta không thể sống như người ta muốn, dù ý muốn ấy hợp đạo. Cái việc liên quan đến chúng ta người ta có thể thẩm tra bằng nghiệp vụ chỉ

trong vòng nửa tháng. Nhưng người ta đã không làm. Chỉ xin một tờ giấy chứng thực rằng tôi bị oan, không có sai phạm gì cũng không ai dám cấp. Thật không thể nào tin được. Mà đấy là cả một cuộc đời... Thế mà Hương vẫn ở cùng tôi. Sau tất cả những nông nỗi ấy...

... Tiếng ông Dụng chợt khàn hẳn, lôi ông Hiếu trở lại vùng có thực:

- Tôi tự xin ra trong cảnh đấy nên không được hưởng chế độ chuyển ngành. Phải bắt đầu lại từ đầu. Từ một chân thợ. Hương ốm lai rai kể từ hồi ấy. Hai cháu còn nhỏ. Từ lương cán sự năm, tôi chỉ còn một phần ba khi học việc. Nhà máy Trần Hưng Đạo. Thợ nguội. Khổ vì thiếu. Khổ vì tủi. Nhục nữa. Nhà máy người ta xì xào rằng tôi bị đuổi khỏi ngành công an. Biết nói thế nào?! Vợ chồng tôi cố sống để con mình được như con người. Ở chiến trường gặp bom còn được chui hầm, nếu có hầm. Còn tôi... Thời chiến tranh đánh phá, B 52 rải thảm dọc Khâm Thiên, dân thì lao xuống hầm trú ẩn, tôi thì dẫn anh em tự vệ lao lên sân thượng bắn máy bay. Rồi cứu người. Xung quanh là hố bom, là bom bi, bom nổ chậm... Sợ lắm. Nhưng lại nghĩ là nếu có chết vào lúc đầu đội mũ sắt, không sao tròn thì cũng sao vuông, vai khoác CKC, tay đeo băng đỏ, tôi sẽ là liệt sỹ, vợ tôi sẽ là vợ liệt sỹ, con tôi sẽ là con liệt sỹ. Cái án không thành kia sẽ không còn bị nhắc tới, vợ con tôi có khổ thì cũng là khổ kiểu khác, coi như hy sinh đời bố củng cố đời con. Tôi kể cậu nghe rồi đấy: Cơ quan khi tôi đi từ chối minh oan cho tôi. Anh Hoàn lúc còn sống có lần đi dạo gặp tôi, quãng gần nhà anh ấy, chỗ hồ Ha-le (6) ấy, bảo tôi: " Là người Cộng sản thì ở đâu cũng chiến đấu được". Nghĩ buồn cười. Nhà máy thấy tôi hăng hái thế dập dình kết nạp Đảng mấy lần mà không thành. Nghe ông phó bí thư sang thẩm tra lý lịch bên bộ Công an về kể lại, có anh nào vụ Tổ chức trả lời miệng rằng tôi không có sai phạm gì, rằng cái việc xảy ra trước đây với tôi là chuyện thuộc về nghiệp vụ ngành: "Bên các anh thấy cậu ấy xứng đáng thì cứ kết nạp. Chứ còn yêu cầu một văn bản minh oan cho cậu ấy thì không thể. Như thế thì quá bằng đòi thủ trưởng của chúng tôi thừa nhận sai lầm". Kết cục tôi vẫn là người ngoài Đảng. Thế có được coi là người cộng sản không nhỉ? Bao nhiêu lần tôi muốn hỏi anh Hoàn điều ấy. Khi anh ấy mất, tôi cũng đến viếng. Tôi đã hỏi thầm anh ấy như thế. Có lẽ thế cũng là không phải?...

*

Đã có người lục tục rời phòng họp. Hể hả. Bùi ngùi. Ông Dụng và ông Hiếu vẫn ngồi yên. Chỉ có họ làm chứng cho cuộc đời họ. Ông Dụng thấy lòng thanh thản. Còn ông Hiếu thì xót xa. Chưa bao giờ ông xót xa như thế. Nhưng hình như họ đã được giải thoát.

Từ một góc phòng, ông tướng đứng dậy đi ra cửa. Bốn mươi năm

trước, ở bộ Công an, ông là trưởng phòng của ông Dụng và ông Hiếu. Hồi đó họ gọi ông là anh, coi ông như anh.

*

Ông biết người nọ đã đẩy người kia vào tù.❐

**Chú thích**

1. Thành: thành cổ Hà Nội, nơi Hoàng Diệu đã tuẫn tiết khi Hà Nội thất thủ bởi thực dân Pháp. Bộ Quốc phòng dùng di tích lịch sử này làm trụ sở suốt mấy chục năm nay.

2. Bộ Công an: Tên cũ của bộ Nội vụ ngày nay.

3. Sao vuông: một thứ phù hiệu đính trên mũ sắt của lực lượng tự vệ, hoạt động hỗ trợ cho quân đội chính quy.

4. Phái khiển: một bộ phận nằm trong bộ Công an, phụ trách điệp báo.

5. Trích từ " Nhìn lại Điện Biên " - Xuân Sách.

6. Hồ Ha-le: tên cũ của hồ Thiền Quang.


# báo cũ

Trên mười hai năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

*** Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 42, 44, 53, 54, 59, 60.

*** Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

*** Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 119, 120, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng **bookrate** và **surface.**

# tâm thần

*Nguyễn Quí Đức*

Như mọi cuối tuần, Giang gọi điện thoại cho Lucy. Hai người học chung ngành điện toán ở đại học mấy năm trước ở tiểu bang Washington. Hắn xin được việc làm ở San Jose, dọn về đây đã mấy năm. Còn Lucy đã đi lấy chồng ở Texas. Hai người vẫn giữ liên lạc với nhau, bởi vì Giang có tính chung tình (hồi trước hắn cũng có hơi mê Lucy đôi chút, nhưng chuyện không đi đến đâu).

Hỏi thăm nhau đôi ba chút, hắn kể chuyện công ăn, việc làm. Chuyện thường nhật. Chuyện vui, chuyện phiền toái gặp phải trong tuần.

Lucy lại mang bài bản cũ ra với hắn. Nàng nhắc rằng hắn cần *cải tiến sức khoẻ tâm thần*.

Hắn nói hắn không mang ý nghĩ gì xấu xa hay tục tĩu trong đầu.

"Không phải," nàng trả lời. "Ý tao muốn nói là mày phải đi gặp chuyên viên tâm thần. *A therapist*. Để nói chuyện."

Giang nhắc với Lucy rằng hắn vừa mới gọi cho nàng. Gọi cho một người bạn. Để nói chuyện.

Lucy không đả động gì về chuyện tình bạn giữa hai người. Nàng nói, "Bác sĩ tâm thần kia. *A therapist*."

Giang ú ớ. Như mỗi lần nàng nhắc đến chuyện này.

Nàng nói, "*Look*. Xét lại đi. Mày phải công nhận một điều. Mày trải qua một thời tuổi nhỏ kỳ quặc. *A weird childhood*. Đời sống mày hiện nay thì luôn luôn căng thẳng cùng cực. *Extremely stressful*. Mày không lành mạnh gì cả. Quá khứ cũng không. Hiện tại của mày cũng không lành mạnh."

Giang vẫn tiếp tục ú ớ. Rồi hắn nói, giọng mỉa mai. "*Yeah. Yeah. Yeah.*"

Hắn hỏi nàng, "Tao không lành mạnh ở chỗ nào?"

Lucy lập tức tấn công dân tộc, cộng đồng hắn. "Người Á Châu tụi mày chuyên môn làm như không bao giờ có vấn đề gì. Cái gì cũng giả bộ *no problem.* Tụi bây là dã tràng, lúc nào cũng nhắm mắt, chúi đầu vào đất cát. Không tốt đâu. *No good.* Mày phải đi gặp bác sĩ tâm thần. Chấm hết. *Period.*"

Giang nói, "O.K. O.K."

Lucy hỏi "Mà mày có đi thiệt không đó? Mày có bảo hiểm không? Bác sĩ tâm thần đắt lắm đó. Nói chuyện một giờ là cả trăm đô-la."

Giang trả lời "Có. Có chứ. Tao có bảo hiểm mà."

Rồi hắn không cầm lòng được. Hắn giả bộ ngu ngơ. Hắn hỏi "Mà đi bác sĩ tâm thần làm gì?"

Lucy không trả lời. Nàng tuyên bố "Tao chịu cái thái độ của mày hết nổi rồi. *I can't take your attitude anymore.*"

Giang nghĩ có lẽ nó sống một cuộc sống căng thẳng thật. Một ngày quần quật đi làm. Tối về lo làm thêm việc phụ, có tiền nuôi đứa em còn học đại học ở Việt Nam. Cuối tuần thì muôn vàn việc lăng nhăng phải làm: thay dầu xe, giặt quần áo, thăm gia đình, hút bụi, đi chợ đi búa, cắt cỏ, thay mền, thay chiếu... và lâu lâu nói chuyện điện thoại, hết giờ hết ngày. Nhưng mà ai sống ở Mỹ chả vậy. Còn về chuyện thời xưa - con Lucy nói đúng. Ít nhất là đúng với tiêu chuẩn ở xứ Mỹ.

Con nít Mỹ làm gì biết chuyện chiến tranh. Làm gì có chuyện sáng đi học, tối về ngủ - và chờ nghe đạn pháo kích bắn ầm ầm, hay là mìn nổ ở bót gác đầu đường. Hồi xưa Giang cũng đi hướng đạo. Nhưng cuối tuần thay vì đi cắm trại, hắn cùng với anh em đồng đội thường phải vào nhà thương giúp người ta chăm lo cho binh lính bị thương. Có mấy vụ hè, thay vì đi tắm biển, đi câu cá như tuổi trẻ ở đâu khác, hắn với đám bạn học đã lo chăm sóc cho những người từ vùng quê lên tránh nạn, tạm trú trong trường của hắn. Thời đó, mỗi đêm hắn còn nghe mẹ hắn thở dài, âu lo, bởi vì hắn có ba, có anh đi lính. Rồi hết chuyện đánh nhau, lại tới chuyện ba nó đi học tập cải tạo. Chuyện kiếm sống, chuyện vượt biên. Chuyện trại tị nạn.

Chuyện lung tung. Chuyện mà hắn kể cho Lucy nghe trong thời học chung với nhau. Hắn kể như là chuyện của ai khác. Chuyện chỉ là chuyện, không than vãn, không trách cứ. Hắn kể đủ thứ chuyện.

Hắn không biết rằng Lucy nghe chuyện rồi gói ghém lại để kết luận rằng đấy là một quá khứ đầy đau đớn, mệt nhọc. *A traumatic past.*

Nhưng gì thì gì. Hắn qua Mỹ, sống với ký ức mệt nhọc, sống cuộc sống chật vật, đòi hỏi. Nhưng mà hắn đâu có mua súng chạy vào quán

McDonald's bắn xối xả vào người vô tội.

Lucy nói "Chuyện đó là trường hợp ngoại lệ. *Exceptions*. Mấy người đó là mấy người điên. *Psychos*. Mà mày quên nữa. Hồi nhỏ mày là con gái."

Giang giật mình. Hắn quên là nó đã kể cho Lucy nghe cái chuyện này. Tại sao mình lại kể cho nó nghe cái chuyện vô duyên này (chắc hồi đó yêu, không để ý, kể chuyện bậy bạ)?

Lucy nói "Con nít ở đây mà *bị* chuyện đó, lớn lên chắc chắn phải có kế hoạch cải tiến tâm thần. *Therapy*."

Giang lại ú ớ. "Tao... không có *bị* gì hết."

Không làm sao giải thích được cho Lucy rằng chuyện đó có xảy ra thật, nhưng tại một nơi mà mọi chuyện đều bất bình thường (chiến tranh có bất bình thường không - người ta vẫn đánh nhau tùm lum trên khắp thế giới) thì cái chuyện kỳ quặc nhất nó cũng trở thành chuyện bình thường. Có gì đâu. Bố mẹ thấy mặt mũi hắn hồng hào, cho hắn để tóc dài, đánh con rít, và mặc áo đầm. Cho vui vậy thôi. Cũng không phải là ông bà tin dị đoan nữa. Cả anh hắn cũng vậy. Hai anh em giả làm con gái trong vài năm trước khi đi học mẫu giáo. Nhưng lớn lên thì vẫn trèo cây, chơi đánh nhau lung tung. Lớn hơn nữa vẫn biết tán gái, yêu đàn bà.

Giang nói với Lucy "Mày đừng có nói bóng, nói gió là tao đồng tính. Bộ hồi xưa tao không theo mày hả? Hồi xưa tao thèm mày chết luôn. *I lusted after you*."

Lucy nói "Thôi đi. Ai biết được? Nhiều khi mày chưa có bộc lộ tâm tính ra. Bác sĩ tâm thần của tao nói có nhiều người phải được hướng dẫn, phải có cố vấn - phải có counseling - mới biết được tâm tính thật của mình. Còn người Việt, người Tàu thì chuyện gì cũng giấu trong lòng. Không lành mạnh chút nào. Mà sẽ có ngày mày trở nên mất thăng bằng trong trí óc. *Mentally unbalanced*."

Giang nói, "Tao gọi mày hỏi thăm tin tức mà mày nói gì đâu bực mình quá. Thôi tao cúp đây."

Lucy nói "Thì cứ cúp máy đi. Nhưng nhớ đó. Suy nghĩ kỹ đi. Mày phải cải tiến sức khoẻ tâm thần. Mày cần đi gặp bác sĩ tâm thần. A *therapist*. O.K.?"

Gác máy xong, Giang lập đi lập lại mấy chữ. Thăng bằng trí óc. *Therapist*. Quân bình trí óc. *Therapist. Therapy*. Thăng bằng trí óc. *Therapist. Therapy*. Nó nhắc đi nhắc lại những chữ đó trong khi hút bụi. Một hồi hắn thôi, nhưng lại cứ bực mình suy gẫm những điều Lucy nói.

Ngoại trừ một vài dịp nói chuyện vớ vẩn trên điện thoại như ngày hôm nay, Giang thấy mình khá quân bình. Hắn vẫn đều đặn sinh hoạt

hàng ngày, vẫn đi làm, vẫn hoàn thành công việc người ta giao phó. Hắn vẫn có quan hệ mà hắn cho là khá tốt với các bạn đồng nghiệp, với lão già hàng xóm, với mấy người bà con. Đời sống có phần căng thẳng thật. Nhưng mà so với đời sống ở Việt Nam, cuộc sống ở Mỹ cũng chẳng khó khăn gì mấy.

Mà có buồn, có chán, có căng thẳng quá thì hắn có điện thoại. Gọi người này, người kia. Gọi cho bạn. *Để nói chuyện.*

Chuyện giá nhà, giá xe. Chuyện thuế má. Việc làm. Chuyện vui, chuyện buồn. Chuyện tương lai. Chuyện quá khứ. Chuyện chiến tranh. Chuyện thời nhỏ hơi bất bình thường so với chuyện người khác ở Mỹ.

Giang cầm điện thoại lên. Hắn bấm số, rồi một lát hắn hỏi "Lucy đó hả? Tao đây... Tao muốn nói với mày chuyện này... Tao nghĩ ra rồi. Tao có sáng kiến này... Khoan, khoan, để tao nói cho mày nghe...Tao đang định viết một cuốn sách... Sách gì hả?... Thì sách về cuộc đời của tao... Để làm chi hả? Để nói chuyện. Để nói chuyện bất bình thường trong đời tao. Mà mày biết không - tao mà viết sách tức là tao sẽ có thăng bằng trí óc... Ngoài ra tao sẽ bán sách, sẽ được tiền... Còn người Mỹ tụi bây hả... tụi bây phải tốn tiền. Mày phải trả tiền cho *therapist* của mày. Đắt lắm. Trả tiền thật đắt cho *therapist*. Một giờ cả trăm đô-la... *Để nói chuyện*"❑

**Quý độc giả vì vận nước phải làm thân phiêu dạt xứ người đã gặp lại và thương thêm quê nhà, trong đó có xứ Huế thân yêu với những hoang vu, diêu tàn giữa cuộc biển dâu tan tác trong HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA...**

*Hãy đón đọc:*

**CÂU NAM AI THẤT LẠC**

của HỒ MINH DŨNG

do **Văn Mới** xuất bản đầu mùa hạ 1997.

# Thị Lộ

*Hồ Minh Dũng*

Lịch sử Việt Nam không thời nào có nhiều vị tướng mang tên xấu như thời Lê Lợi mới khởi nghĩa: Đỗ Bí, Lê Sát, Bùi Bị, Nguyễn Xí, Văn Xảo, Lê Thận, Lê Trăn, rồi Chích, Khuyển, Cực, Nỗ... đều tướng cả. Vốn là người gối đầu lên văn thơ, Nguyễn Trãi có ý khinh nhưng không nói ra, Bọn đó cũng không thích ông, ngay từ khi bày ra cái việc lấy mật bôi lên lá cây cho kiến cắn ăn thành tám chữ "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần" họ cho đó là việc làm tư tâm, mượn danh trời sáo cũ, không mấy ngĩoạn mục. Trong lòng Nguyễn Trãi cũng không nể phục gì Lê Lợi, khuông phò ông ấy là vì nợ nước tình nhà, lời phó thác của cha nơi ải Nam Quan còn văng vẳng bên tai.

Khi các tướng tôn Lê Lợi lên làm Đại Thiên Hành Hóa là ý của Nguyễn Trãi khởi ra. Nhưng lúc ấy thấy minh chủ không vui, Nguyễn Trãi hỏi:

- Thế thiên hành đạo là hợp lẽ rồi sao ngài lo nghĩ?

Lê Lợi buồn bã:

- Cứ mỗi lần ta bước một nấc lên đài vinh quang là nghe tiếng cuồng phong cửa biển Triều Khẩu đổ xuống rầm rầm trong tim gan ta.

Biết Lê Lợi còn nhớ đến người vợ ngày trước vì mong chồng có chiếc ngai vàng mà nhảy xuống sông cúng cho con thủy quái đực, Nguyễn Trãi nói:

- Mai kia đuổi hết giặc Minh, xin ngài cho các tướng quay lại đốc binh vác đá núi về lấp của biển ấy, con vật tinh quái tất phải chết. Cái thế lực ám ảnh kia cũng không còn phiền hà đến ngài.

Lê Lợi thường thích những câu hão huyền lạ tai như thế.

Nghe được câu nầy, bọn Sát, Xảo nói với nhau:

- Môm mép bọn hủ nho xưa nay vẫn thế. Chúng ta đây đánh giặc

khô, chứ không phải giặc nước. Nếu có dịp cũng cho hắn xuống đó một chuyến mà tranh sống mái với thủy thần. Hắn mà được sống lâu thì đến ngày đại định không chừng kinh đô nhà Lê dời về nằm trơ trọi trên đê Triều Khẩu đó thôi.

Mầm hiềm khích trong đám võ quan đã nhú lên từ ấy, lần lần trở thành cây cao bóng cả. Nguyễn Trãi thừa biết chuyện đó, có lần nói với Từ Đồ Trần Nguyên Hãn là người bà con gần bên ngoại:

- Bác cũng vào sinh ra tử, thu phục được thành Tân Bình, Phú Xuân, không có bác ai làm được? Thế mà bọn tướng tá tên tuổi nhếch nhác không ra gì ấy coi bác không ra gì.

Nguyên Hãn hướng mặt về phương Bắc, thở dài:

- Chỉ vì ta con cháu nhà Trần đó thôi.

Nguyễn Trãi không nói gì nữa. Một buổi chiều, khi đại quân của Bình Định Vương đi qua làng Dựng Tú là nơi sinh quán của Lê Lai, Vương cảm cái ơn cứu tử ngày nào ở núi Chí Linh nên cúi xuống bốc nắm đất lên hôn. Đất làng nầy thuộc loại sỏi đá cứng quá nên Vương định lấy thanh gươm quý của mình để cạy, Nguyễn Trãi nhanh chân chạy đến, can:

- Bẩm đại vương, không nên thế. Gươm báu của đấng chí tôn thay trời làm mọi việc, không thể đụng đến chốn cỏ cú cũng không mọc nổi như thế nầy. Phải dùng đến gươm các tướng mới được.

Tướng Nguyễn Xí đứng bên mặt tím như chàm vì giận Trãi khi nói liếc mắt qua chuôi gươm của mình. Vương vội giật lấy gươm của Xí đào được một bát đất, đưa lên hôn hồi lâu, rồi chia cho tướng sĩ mỗi người một ít bắt ai cũng hôn, hôn xong bỏ vào túi để ra chiến địa làm thần hộ mạng, rồi nói:

- Đất sinh ra Lê tiên sinh nên có mùi thơm như cơm gạo tẻ vua Hùng ăn. Mai sau, cúng người nầy trước cúng ta.

Khi Nguyễn Xí cùng Phạm Văn tấn công thành Xương Giang bắt sống hai tướng cột trụ của Tàu được Bình Định Vương gọi vào bản doanh khen thưởng, nhân dịp nầy Xí nói:

- Đại Vương còn nhớ cái câu "chốn cỏ cú cũng không mọc nổi" của Nguyễn quân sư nói ở làng Dựng Tú không?

Bình Định Vương gật đầu:

- Nhớ chứ. Lời các người tâm phúc làm sao ta không khắc tâm. Ngươi hiểu thêm gì về ý tứ câu nói ấy?

- Nếu người khác thì hạ quan không nói làm chi, đằng nầy thốt ra từ miệng của một kẻ sĩ, vai mang kè kè bị đầy kinh sách, hạ quan cho đây là câu nói có hàm ý chê nơi rồng phượng sinh ra.

Hiểu ý, Bình Định Vương cười lớn:

- Ôi, làm tướng phá được sào huyệt giặc dễ như phá tổ mối. Sao lòng người nông thế. Đã là rồng phượng sinh ra ở đâu mà chả được.

Nguyễn Xí hổ thẹn cáo lui.

Đuổi được giặc Minh ra khỏi bờ cõi, về Đông Đô, Lê Lợi lên ngôi. Một hôm đi thuyền chơi trên hồ nhỏ gần kinh sư vì quá choáng ngợp giữa trùng điệp liên hoa nở mà rớt gươm báu. Mấy trăm quân lính lặn suốt buổi không có, liền cho triệu Nguyễn Trãi tới nói:

- Ngày xưa, nhờ khanh khuyên mà mũi kiếm ta không cùn. Nay ta vì quyến luyến hương sắc sen mà làm cho kiếm chui xuống bùn rồi. Sỏi đá cứng ta tránh được, bùn mềm biết làm sao? Hay là ta hạ chiếu bắt dân quân trong thành múc nước hồ nầy đổ xuống sông Nhị cho khô mà tìm kiếm quý chăng?

Nguyễn Trãi tâu:

- Hoàng thượng không nên làm thế. Kiếm quý nhờ thuật. Kiếm dù sắc đến dường nào cũng không sắc bằng lòng người. Sơn hà cương vực cũng là lưỡi kiếm sắc, hoàng thượng nên tựa vào hai thế đó mà giữ cơ đồ, há bận tâm chi một thanh thép.

Lê Thái Tổ khen phải, rồi cho phao lên rằng khi xưa trời ban kiếm báu để trừ thù, nay thù sạch rồi thì trời sai rùa xuống thâu kiếm lại. Hồ ấy người đời sau gọi là Hoàn Kiếm hay hồ Gươm.

Nơi Lê Thái Tổ với Nguyễn Trãi ngồi bàn chuyện kiếm chính là nơi sau này Nguyễn Trãi gặp Nguyễn Thị Lộ.

*

Thị Lộ về làm vợ Nguyễn Trãi không phải vì tham chồng có cái chức hành khiển cai quản cả quan văn quan võ trong triều mà vì mê những bài thơ vịnh về những giọt sương thu rơi thánh thót trên tàu lá chuối. Thị Lộ cũng có làm thơ. Thơ nàng không nhiều, lấy than viết lên chiếu cói. Khi về núi Côn Sơn nàng còn mang theo chiếu ấy để trải nằm. Đêm tân hôn, Nguyễn Trãi hỏi:

- Sao nàng thích nằm chiếu cói hơn nằm nệm bông. Làm vợ đại thần đâu phải vợ dân ngu?

Thị Lộ chuyển dịch tấm thân nõn nà che kín những bài thơ mình viết, liếc đôi mắt quá đỗi se lòng về phía chồng già:

- Vì thiếp sinh ra một nơi gần cói trổ hoa.

Nguyễn Trãi vận dụng cánh tay run run cầm lấy bàn tay Thị Lộ, kêu lên như thảng thốt:

- Ái khanh ơi, hoa cói có thơm không?

- Thưa, thơm lắm, mùi thơm không hề có trên đời nầy. Người ta không thích cái thân ba khía của cói, nhưng ai cũng thích mùi thơm lạ

lùng của hoa.

Nguyễn Trãi nhướng đôi mắt yếu ớt sau lớp kính lão để nhìn da thịt đàn bà chí đẹp thời còn xuân:

- Mùi hương lạ lùng ấy cũng giống mùi hương từ châu thân khanh tỏa ra, phải không?

- Phải lắm, nghĩa là không có mùi gì hết, không có sắc gì hết.

Hai người tâm đắc cùng cười một hồi lâu. Khi hết cười, Nguyễn Trãi nói:

- Ta thường ví nhan sắc của mỹ nhân như vần điệu của thơ ta, nhưng ta không biết ví tấm thân của nàng lúc nầy, là gì trong thơ ta, trong lòng ta.

Thị Lộ cảm động ngồi dậy ôm chầm lấy chồng, nũng nịu:

- Thì coi thiếp như tấm lụa đào, chưa phất phơ giữa chợ, đã vào...

Nguyễn Trãi có hơi nóng lạ từ tấm thân ấy chuyền qua càng thêm hào hứng:

- Lụa đào ư, không đơn giản chừng ấy, phất phơ ư, không, lòng khanh chìm đọng. Không ngờ đời ta về già mới vui. Cả kho đụn cha con vua Lê đền công ta cũng vất. Rừng núi Lam Sơn bao la thế mà cánh hoa nào cũng đẫm mùi thế tục. Chẳng có một cánh hoa nào vô hương mà lồng lộng như khanh. Ta trót vì gánh lời cha trên vai mà bôn ba việc nước, gặp khanh thì đã muộn rồi.

Thị Lộ mở to đôi mắt có phả thêm một chút sương thu:

- Ý đại nhân muốn nói đến tuổi già phải không?

- Không phải. Ta làm nhiều thơ quá, đâm ra mê muội, có khi không phân biệt được cặn kẽ giữa thơ và mỹ nhân. Chao ôi, cái lần bát trận đồ khanh, sao mà chấp chới thế.

- Đại nhân muốn nói đến tinh thần hay thể xác?

- Thể xác.

Thị Lộ cười, hai hàm răng nàng lấp lánh như ngọc:

- Vậy thì thể xác nầy sẽ có cách loại bỏ nàng thơ. Ơ, đại nhân ơi, hoa dạ hương đâu bay vào nhiều thế? Thiếp không thích mùi hoa ấy chút nào.

- Cả núi Côn Sơn nầy khi khanh bước vào đây loài hoa ấy nở rộ. Cả núi rừng chứ không riêng vườn ta.

Lấy tấm lụa hồng nhạt choàng nhanh vào cơ thể, Thị Lộ rời giường thất bảo:

- Thiếp phải đóng tất cả cửa sổ lại mới được. Mùi ấy chỉ để dành riêng của những kẻ yêu nhau không bền.

Khi di động để xoay tấm thân cho lộ thêm nhiều đường nét thanh tú, cái trâm cắm tóc Thị Lộ đã rơi xuống ngay trên rốn Nguyễn Trãi. Cầm

trâm ngắm nghía giây lát, Nguyễn Trãi nói:

- Kim thoa của khanh làm bằng gì mà cục mịch thế?

- Lõi cây trầm hương đấy.

- Gỗ trầm có thể đẽo gọt, thợ không tinh xảo chăng?

Thị Lộ lại cười:

- Tướng quân thạật rật đàn ông, không biết một tí gì về đàn bà.

Đêm ấy, hai người không ngủ, tắt đèn hoa chúc, thức suốt. Khi viết một áng thiên cổ hùng văn, Nguyễn Trãi không cần đến rượu bằng lúc này. Sáng ra Thị Lộ vui vẻ bận xiêm áo chạy ra sau vườn để xem hoa thiên lý nở, trong lúc chạy nhanh, nàng vấp phải một ổ trứng rắn, ngã xuống, bất tỉnh.

*

Nguyễn Xí đưa chiếc gươm mẻ ở đầu mút ra trước mắt Nguyễn Trãi, hất hàm:

- Ngươi còn nhớ đất sỏi đá ở làng Dựng Tú không?

Nguyễn Trãi biết Xí đem chuyện xưa ra vì tư thù, điềm tĩnh:

- Chủ động việc ấy là tôi, làm sao quên.

Xí hỏi thêm:

- Lưỡi gươm nầy nếu ta đem hàn lại, liệu có độ sắc để chém một thân cây?

- Trong tay ông lúc nầy, không cần hàn vá, cũng có thể dùng nó, kể cả gốc đại thọ.

Xí biết Nguyễn Trãi không sợ chết, dùng lời khích nộ, nên tìm kế khác, hù:

- Ta nghe trước đây ngươi đọc sách có nhiều giọt máu rắn từ trên mái nhà rớt xuống thấm ướt cả mấy trang giấy?

- Phải.

- Thế thì ngươi có thấy từng giọt máu ấy khi nằm trên trang giấy đều chia thành ba nhánh không?

- Thấy.

- Đã đỗ tiến sĩ, ngươi nông cạn, ghen tương mà tự giết cả ba họ mình, sao không nghĩ đến ngày bị xóa tên trên bia đá?

- Sai rồi, thưa ông phụ chính. Đời tôi không khắc đâu cả mà khắc trong lòng người, ngoại trừ lòng những kẻ ngậm máu phun người.

Xí tức gần hộc máu, bèn quát tả hữu trói Nguyễn Trãi giam vào ngục tối. Rồi lên ngựa đến dinh Lê Khả.

Lê Khả đã cùng Nguyễn Xí có công phò lập thái tử Bàng Cơ lên làm vua sau khi Lê Thái Tông đột ngột chết thảm ở Lệ Chi Viên.

Xí nói trước:

- Tru di tam tộc nhà nó.

Khả vốn thận trọng hơn, nói nhỏ:

- Rất có thể là Thái Tông hoàng đế vì trúng thượng mã phong mà băng.

Xí nói:

- Khi ngài băng có cái trâm của Thị Lộ còn nóng hơi người bên cạnh.

- Trâm bằng lông cánh công trống hay bằng ngà voi, tê giác mới có hiệu nghiệm. Trâm người ấy bằng trầm hương. Trầm hương dùng để đốt nơi linh thiêng không thể đụng đến nơi không linh thiêng.

Lý luận của Xí không làm Khả phục, lát sau khả nói:

- Hoàng thượng chết mà mặt mày tươi tắn, có vẻ mãn nguyện, tôi đoán là chết trên bụng đàn bà. Khi tẩm liệm, thân rồng còn đẫm cả mùi đàn bà.

Xí chỏ miệng vào tai Khả:

- Không nên nói thế. Ba họ Trãi chết, Đại Việt nầy vẫn còn.

- Nhưng còn Thị Lộ? Trong đời tìm tướng giỏi thì có, nhưng mỹ nhân tìm khó. Nước Việt ta từ bao đời không thấy xuất hiện mỹ nhân nên vận nước cứ lao đao. Thiệt thòi ấy, kẻ anh hùng xông pha nơi đầu tên mũi đạn như chúng ta, con cháu chúng ta, chịu trước.

Một hồi suy nghĩ, Xí nói:

- Đẹp hay xấu đều là đàn bà, cũng thế, như nhau, có khác chăng là lớp da bọc bên ngoài. Hay là trước khi chém ả, sai đao phủ cắt mái tóc ả đem về đây, ông với tôi chia đôi. Chiếc trâm của ả hiện trong túi tôi, tôi sẽ bẻ cho ông một nửa. Trâm với tóc mỹ nhân nếu không được trấn yểm sẽ sinh rối loạn bất lợi về sau.

Lê Khả mừng:

- Phải lắm, phải lắm, ý ông hợp ý tôi. Bảo bọc, gần gũi, ấp ủ nó cũng là hình thức trấn yểm.

Rồi hai bên chích máu ăn thề.

Khi đem ra hành hình, đao phủ có dọn mâm cơm đạm bạc y như cơm hồi còn kháng Minh trong rừng Lam Sơn. Nguyễn Trãi đói nhưng không ăn vì ruồi mòng đậu vào đó nhiều quá. Hỏi trước khi chết có muốn gì không, thì Nguyễn Trãi muốn được lấy chiếc cói ngày trước nằm chung với người thiếp yêu bọc xương thịt mình mà chôn. Thị Lộ cũng được ân huệ cuối cùng như thế, cũng không ăn và mong được chôn theo với thân xác nàng một vài chùm hoa thiên lý. Nguyện vọng cuối của cả hai người đều được triều thần chấp nhận.❐

Atlanta, 1.1997

# máy trợ thính

*Trần Mộng Tú*

Buổi trưa mùa hè nắng chang chang, chiếc xe cà khổ của anh cũ kỹ như một con ngựa già, ho lên vài tiếng rồi ngừng hẳn. Anh xuống xe mở đầu máy loay hoay sửa mãi cũng chẳng làm sao mà đề cho máy nổ lại được, đành phải đủn xe vào lề đường. Đủn được cái xe vào một gốc cây sát đường cho có bóng râm, anh đứng nhìn ngược, nhìn xuôi con phố mới khám phá ra là mình đang đứng trước cửa một ngôi nhà thờ nhỏ của thành phố West Covina anh thấy người ta đang dắt nhau đi lễ, nhìn xuống đồng hồ anh lại biết thêm được ra hôm nay là ngày chủ nhật. Mười hai giờ trưa, là giờ cho buổi lễ cuối cùng của ngày hôm nay. Trời nắng thế này ghé vào trong nhà thờ ngồi đợi cho cái xe nó nguội máy một chút chắc lại hóa tiện hơn, anh vừa bước sang đường vừa ngẫm nghĩ. Có đến cả năm, sáu năm nay rồi mình đâu có bước chân vào nhà thờ. Anh quên Chuá rồi, không biết Chúa còn nhớ anh không? Chúa bận bịu và đông con quá. Anh theo chân mọi người bước qua ngưỡng cửa nhà thờ, anh vào nhà thờ mà như người đi dạo lang thang, đi xem hội chợ hay như đi vào một tiệm ăn, quần áo anh còn dính mấy vệt dầu xe lem luốc , tóc anh đáng nhẽ phải đi cắt từ tuần trước rồi, và sáng nay thì hình như anh quên cạo râu.

Anh đứng lớ ngớ ở cuối nhà thờ nhìn mọi người theo nhau vào ghế ngồi. Người hướng dẫn chỗ ngồi là một người đàn ông đứng tuổi , mái tóc hoa râm cắt tỉa gọn gàng, mặc bộ vét màu xanh xám, thắt chiếc cà vạt cùng một tông, đeo kính gọng vàng. Trông ông vừa đứng đắn nghiêm túc vừa đầy vẻ đạo đức trên mặt, khi ông ta đến gần anh làm anh hơi bối rối vì cái luộm thuộm của mình. Anh được xếp ngồi cạnh một cặp vợ chồng già. Cả hai cụ chắc phải ngoài bảy mươi tuổi. Buổi lễ sắp bắt đầu, anh thấy bà cụ đưa tay ra chạm nhẹ vào cánh tay ông cụ, ông cụ đứng lên đưa mắt tìm người đàn ông xếp chỗ, người đàn ông trông đạo đức ra mặt đó

chắc là biết ý hai cụ muốn gì, ông cho tay vào túi áo lấy ra một vật gì đó rồi đặt vào tay cụ ông. Anh liếc mắt nhìn thì hóa ra là hai cặp máy trợ thính, hai cụ đang gắn vào tai cho nhau. Lạ nhỉ ! ở nhà thờ này người ta có sẵn máy trợ thính cho người già mượn? Bất giác anh nẩy ra một ý nghĩ tinh nghịch trong đầu, anh lại khều tay người đàn ông xếp chỗ ra dấu muốn mượn một bộ gắn vào tai mình. Anh tự nhủ - Nghe cho rõ để khỏi buồn ngủ. Anh nhớ ngày nhỏ, bao giờ nghe các cha giảng anh cũng ngủ một giấc. Anh gắn máy vào tai, giơ tay che một cái ngáp dài, ngồi ngả lưng ra ghế. Thánh lễ bắt đầu.

Anh bỗng thấy lùng bùng cả hai bên tai. Tiếng cãi cọ, tiếng chửi rủa, tiếng gào, tiếng khóc, tiếng cười sặc sụa, tiếng thuyết trình của những người làm chính trị, tiếng ồn ào của một buổi nhóm chợ, tiếng súng nổ, tiếng rú của những con vật, con người bị thương, tiếng đàn tiếng nhạc, tiếng trống đinh tai nhức óc. Ngần ấy thứ tiếng vang lên một lúc hai bên tai anh, anh nghe cả được những tiếng chân chạy rầm rầm đuổi bắt, tiếng rú của quỷ sứ xoáy mạnh vào tai anh. Bỗng chốc, tất cả đều trở nên im lặng, anh toát mồ hôi trán, thở một hơi thật dài cố lấy lại sự thăng bằng đầu óc thì đột nhiên một tiếng hát cất lên. Bắt đầu bằng những âm thanh rất khẽ, nhẹ như một cơn gió lướt qua mang tai anh, rồi dần dần trở nên rõ rệt hơn, anh lắng tai nghe, điệu hát trở nên mê hoặc, tiếng hát như tẩm bằng ma tuý, lôi anh lên một đỉnh núi thật cao, anh nhìn thấy vực sâu thăm thẳm bên dưới, tiếng hát xô anh xuống, anh chới với quơ tứ chi trong tuyệt vọng, anh chưa kịp hét lên thì tiếng hát đã bốc anh lên cao vứt anh vào một hộp đêm. Anh bị bao vây bằng những người đàn bà trẻ mặt mày tẩm hương dồi phấn, ăn mặc cực kỳ khiêu gợi, anh vừa định thần giơ tay muốn kéo vào gần mình một người thì anh lại bị tiếng hát xô anh ra tận một vùng xa mạc hoang vu, chân anh dẫm trên những đụn cát nóng bỏng, cổ họng anh khô rát anh muốn kêu lên một tiếng thật to mà không làm sao há miệng được. Cứ thế tiếng hát kinh dị ma quái xô đẩy anh từ cảnh hãi hùng này cho đến cảnh nhầy nhụa khác. Anh chới với như người bị vắt kiệt sức, anh lấy tất cả sức mạnh còn lại giơ tay tháo cặp trợ thính vứt xuống đất chạy vội ra khỏi nhà thờ.

Thế rồi anh cũng lần mò về được đến nhà. Với cái xe vừa đi vừa đủn. Anh nằm liệt hai, ba ngày mới hoàn hồn. Anh nhớ lại những tiếng động qua máy trợ thính anh nghe được trong giáo đường ngày hôm đó. Anh tự hỏi những tiếng đó từ đâu đến? Anh nhớ lại khi còn bé mẹ anh vẫn thường dặn dò anh mỗi buổi sáng chủ nhật khi anh theo bà đi xem lễ:

" Con nên nhớ là ở trong nhà thờ ngoài Chúa và các Thánh ra, còn có những con quỷ ẩn núp ở đó nữa, nó chỉ chờ những người yếu lòng để tấn

công và dụ dỗ. Nếu con đến nhà thờ mà lòng trí con không vững, không ngay thẳng, trong sạch thì những con quỷ đó sẽ nắm được linh hồn con."

Anh hỏi lại mẹ:

" Thế quỷ không sợ chúa à? "

Mẹ bảo:

" Chúa cho quỷ được cái quyền đó. Đó là sự thử thách giữa người và quỷ, giữa xấu và tốt và sau hết là sự thử thách giữa Thượng Đế và Ác quỷ. Ác quỷ len lỏi vào khắp mọi nơi, chỗ nào có tốt là có xấu, có thiện là có ác. Ngay cả trong tâm hồn chúng ta lúc nào cũng có một thiên thần với đôi cánh trắng và một con quỷ cánh đen giành nhau chỗ đứng. "

Anh không nghĩ anh có thể yếu đuối đến nỗi quỷ có thể làm chủ được tâm trí anh, anh cần phải thử thách lại một lần nữa. Anh bỏ xe đi sửa xong, anh quay lại con phố đó, vào nhà thờ đó vào một buổi sáng chủ nhật hai tuần sau.

Anh vẫn gặp lại người xếp chỗ trông nghiêm túc và đạo đức của hai tuần trước. Anh nhìn ông ta tự hỏi không biết khi thánh lễ bắt đầu ông ta nghe được những tiếng vang nào trong tai? Những lời hát của thiên thần hay lời ca của quỷ sứ? Ông có dùng máy trợ thính không? Anh len lỏi ngồi vào dãy ghế dành cho những người lớn tuổi, những người không thể tự nghe bằng chính đôi tai của mình. Còn anh, thì anh lại muốn nghe bằng một đôi tai đi mượn. Thánh lễ bắt đầu. Anh nghe thấy bên tai trái anh tiếng nói chuyện của một đôi trai gái. Tiếng người con gái hình như vừa nói vừa khóc

" Anh không yêu em thật tình, anh chỉ muốn em thôi, anh không bao giờ ngỏ ý cưới em làm vợ."

Tiếng người đàn ông vang lên:

" Em đừng đòi hỏi quá đáng, anh còn công danh còn sự nghiệp. Một người sắp ra ứng cử vào quốc hội không thể có một lý lịch lem nhem được."

Giọng người con gái tấm tức:

"Thế nào là lem nhem, anh yêu em, anh ngủ với em, thì anh phải công khai nhận em làm vợ trước mặt mọi người, chứ sao anh lại không dám nhìn em trước công chúng, chỉ đưa em giấu kín vào khách sạn thôi?"

" Anh không thể nào lấy em làm vợ, ở cái thế của anh, anh cần một người vợ có bằng cấp và biết say mê danh vọng. Mặc dù anh yêu em, yêu cái tuổi trẻ, cái nhan sắc và tính nết hiền lành của em. Nhưng những cái em có chưa đủ để anh hy sinh cái sự nghiệp chính trị đang lên của anh. Anh thấy em nên an phận làm một người tình trong hậu trường của anh.

Thôi lại đây anh đền. "

Có tiếng vùng vằng yếu ớt, tiếng chăn chiếu xô dịch, tiếng thở và tiếng khóc thút thít, rồi tất cả đều chìm vào im lặng.

Bên tai phải của anh bắt đầu vang vang một điệu nhạc rất nhẹ, có tiếng nói trong, dõng dạc như tiếng của những thiên thần:

" Người đàn ông phải yêu thương vợ mình như Hội Thánh yêu con chiên. Yêu vợ mình như yêu thân thể mình, vì không ai tự ruồng bỏ chính mình. Người đàn bà phải kính yêu chồng như kính yêu thiên chúa. "

" Nếu các con muốn theo ta thì phải từ bỏ tất cả, người thâu thuế hãy về cho đi của cải hắn có nếu muốn theo ta. "

"Này, ai trong các người nghĩ rằng mình không bao giờ có tội thì hãy ném viên đá đầu tiên vào người đàn bà ngoại tình này. "

"Yêu ai là làm cho người đó trở nên trong suốt. "

Anh còn đang hoang mang giữa hai tiếng nói vang lên cùng một lúc, tiếng của tội lỗi và tiếng của thiên thần, thì tai trái của anh lại vang lên át cả tiếng bên tai phải.

"Chỗ này của tao, tao ngủ ở đây cả năm nay rồi, mày không cút đi chỗ khác thì tao sẽ bẻ gẫy cổ. "

"Vỉa hè, ống cống, gầm cầu, công viên, không thuộc về ai cả, tao đến trước thì tao có quyền ngủ lại, cái cổ tao khó bẻ gẫy lắm. "

"Mày ngu lắm. Vỉa hè, ống cống, gầm cầu, công viên là chỗ công cộng nhưng vẫn có chủ như thường. Những thằng vô gia cư như tao với mày, đứa nào mạnh thì đứa ấy làm chủ, đứa nào trụ trì lâu ngày một chỗ thì giang sơn đó thuộc về nó, nó có quyền hành y hệt như những thằng trí thức thành công ở xã hội. "

Có tiếng cười khẩy:

" Thế mà cũng đòi ví von. Những thằng trí thức thành công nó có vợ giầu, con ngoan, nó có xe đẹp, nhà sang, có nhân tình ở mỗi thành phố nó đi qua. Khi nó đứng giữa công chúng thì được người ta kính nể, mặc dù trong bụng họ ghét. Còn như tao với mày thì người ta tránh như tránh hủi, mặc dù trong bụng cũng có người thương. "

"Mày không biết cái con khỉ khô gì mà đòi dậy bảo tao. Mấy cái thằng trí thức đó nó chỉ sạch sẽ thơm tho ở bên ngoài thôi, còn trong ruột nó có một ổ vi trùng đấy, chẳng có thằng nào lương thiện cả. Họa hoằn ra thì trăm thằng mới được một, còn thì toàn một lũ bịp bợm. Lừa đảo lẫn nhau, đâm sau lưng nhau để tranh lấy một chỗ làm ngon, để giật lấy tiếng khen. Chúng nó ghét nhau, ganh tỵ nhau, giành giật nhau, nhưng vẫn đóng kịch nể trọng nhau. Còn như tao, tao chẳng phải làm bộ, làm tịch với thằng chó nào hết. Cái gầm cầu này là của tao, góc phố này thuộc về tao,

nếu mày nhất định không cuốn gói đi thì tao sẽ bẻ gẫy cổ mày. "

Có tiếng người xông vào nhau, tiếng vật lộn huỳnh huỵch, tiếng kêu, tiếng hét, tiếng chửi thề tục tĩu, tiếng cảnh sát huýt còi, tiếng chân chạy thình thịch. Rồi tất cả lại rơi vào im lặng.

Bên tai phải của anh tiếng nhạc êm ái, tiếng dõng dạc của thiên thần lại cất lên:

"Các con hãy nhìn xem, kìa như con chim, con cá, nó đâu có phải lo lắng gì ta vẫn cho nó đầy đủ thức ăn và nơi ẩn náu, bông hoa huệ nở trên cánh đồng ta cũng mặc cho nó một cái áo mỹ miều."

"Người săn sóc tôi, tôi chẳng thiếu thốn chi. Trên đồng cỏ xanh rì, Người đặt tôi nằm nghỉ."

Cứ thế những tiếng nói của tội lỗi và thánh thiện tranh nhau vang lên cùng một lúc trong hai tai anh. Có khi anh đang lắng nghe bên trái thì bên phải lại làm ầt đi và ngược lại bên trái cũng không chịu lùi bước. Anh thấy như tứ chi anh bị buộc vào hai con ngựa, mỗi con chạy một nơi kéo anh rời ra từng mảnh và cái nguy hiểm nhất là phần hồn của anh bỗng trở nên ngơ ngác không biết ngã hướng về bên nào. Anh thấy mình cũng giống như lần trước bị vắt kiệt sức, anh lại cố lấy hết năng lực còn lại tháo cặp trợ thính chạy nhanh ra ngoài, vứt nó vào bụi hoa ở trước cửa nhà thờ. Trán anh đẫm mồ hôi và người anh lạnh toát. Từ đó anh không còn nghĩ đến việc vào nhà thờ nữa.

Hơn hai thập niên sau, một người đàn ông đứng tuổi, tóc hoa râm, ăn mặc tươm tất, đeo kính gọng vàng, tìm đến ngôi nhà thờ của thành phố West Covina, ông đến gặp Cha Sở xin làm người xếp chỗ cho con chiên vào những ngày chủ nhật. Cha Sở nhận lời. Trước khi bước vào nhà thờ làm bổn phận, ông đến bụi hoa nhỏ trước thềm gạch, săm soi tìm kiếm một lúc, ông lôi ra được một bộ máy trợ thính cũ kỹ bám đầy đất, ông lấy khăn lau chùi cẩn thận, tự gắn vào tai mình, bước vào dự lễ. Ông không kể lại cho ai biết ông đã nghe được tiếng vang gì trong tai ông vào những giờ cử hành thánh lễ, chỉ biết mỗi tuần ông đến làm bổn phận của mình rất đều đặn: Xếp chỗ ngồi và gắn máy trợ thính cho những người già và cho chính mình. Ông ngồi xuống bên cạnh họ, gương mặt ông trông thanh thản, trang nghiêm, đạo đức. Ông nhớ đến lời nói của mẹ từ một ngày thật xa xưa.

" Nếu con bước vào nhà thờ mà tâm trí con còn ở giữa hai lằn ranh của tốt và xấu, của tội lỗi và trong sạch thì con sẽ bị giằng co giữa Thiên Thần và Ác quỷ. Hai bên sẽ cùng ra sức để làm chủ linh hồn con, con sẽ bị ngả nghiêng không đứng vững. Nhưng khi con đã kiểm soát được

mình, tâm trí con vững vàng, trong sạch, thì Thiên Thần sẽ làm chủ được linh hồn con, tai con sẽ chỉ nghe những điều tốt đẹp, quỷ sứ không có chỗ nào mà chen vào. "

Ông đã mất cả hai mươi năm sau mới rũ sạch được bụi bặm, mới tìm được sự vững vàng cho trí, và trong sạch cho tâm.

Một buổi trưa mùa hè chủ nhật. Khi ông vừa xếp chỗ, phát máy trợ thính cho những người già xong, thì một thanh niên từ ngoài bước vào hàng ghế sát cạnh ông, anh ta giơ tay ngỏ ý cần một cặp máy trợ thính. Ông ngẫm nghĩ một lúc rồi cũng cho tay vào túi lấy ra một cặp trao cho anh ta. Khi anh ta mở tay ra để nhận, ông thấy mấy ngón tay anh có dính lem luốc những vệt dầu xe, ông nhìn vào hai mắt anh, ông thấy những giọt nắng muà hè anh đem từ ngoài phố vào đang nhảy múa lung linh.

Những giọt nắng trong mắt và những vệt dầu xe trên bàn tay lem luốc đó ông thấy rất quen thuộc, hình như chúng đã thuộc về ông từ một mùa hè nào xa lắm.❐

*Đón đọc*

*LẦN CUỐI, SÀI-GÒN*

*Thơ, Truyện, Tạp Luận*

NGUYỄN QUỐC TRỤ

Văn Mới *xuất bản*

*"Ở đây, với cuốn sách nhỏ bé này,*
*chỉ là sự cứu rỗi cho một cá nhân,*
*một gia đình"*

# Về nhà

*Hàn Song Tường*

Tôi cứ tưởng khi chú Khanh dọn đi thì chỉ cần một thời gian ngắn cô Phượng sẽ quên chú, bởi vì cô còn trẻ mà xung quanh có rất nhiều cuộc vui, nhưng chuyện không đơn giản như tôi nghĩ. Cô Phượng đổ cho bà nội tôi ác độc và bố tôi là người chủ tâm để chú Khanh ra khỏi nhà, bà tôi nói người ta không có hai đời để lở rồi làm lại, cô Phượng cười mỉm nói thầm với tôi vì có một đời nên cô muốn gì thì làm cái đó.

Tôi im lặng, ngồi sát vào cô cho ấm. Ánh lửa từ lò sưởi khiến má cô đỏ bừng, cô đang buồn bã, cô đang bực, cô rên rỉ, cô muốn chết, tay cô để lên ngực và mắt cô nhắm lại, bóng tối như nặng nề hơn, tôi muốn ôm lấy cô vỗ về nhưng không dám, tôi không muốn nói thật là chú Khanh đi tôi cũng mừng nữa, tôi chỉ có thể chờ đợi cô thổ lộ nỗi ưu tư mà chẳng cần chia sẻ. Cô tôi chưa bao giờ cần ai chia sẻ cả, cô nói thế nhiều lần khi mẹ tôi xía vào chuyện cô. Cơn gió đêm thổi mạnh bật rung cánh cổng sắt rít lên nghe rờn rợn, tôi tưởng ra cánh cổng ở nghĩa trang trong phim ma, tôi hỏi cô kể lại chuyện con ma trong nhà thương ở Việt Nam, cô bảo đã nghe cả mấy chục lần không ngán à, tôi cười ngả đầu lên vai cô, cô đẩy tôi ra rồi bỏ thêm củi vào lò sưởi, mái tóc đổ xuống trước mặt, bờ vai nghiêng sáng lên trắng ngần, tôi thấy ngực cô thở phập phồng trong làn áo ngủ mỏng. Tôi nghĩ ở cái thể xác trẻ trung ấy, cô nỡ nào lại giam hãm mãi nỗi cô đơn, tôi tìm cách để cô tôi vui, tôi nằn nì cô kể chuyện ma khác. Cô than:

" Như cứ con nít mãi, không thấy cô đang khổ lắm hay sao . . ."

Khuya cô vào phòng tôi nằm ngủ, tôi lén lút vẽ cô trên những trang giấy nháp, lúc ngủ nhìn mặt cô lạ có nét lạnh, trang nghiêm, lúc ấy tôi hai mươi tuổi và cô hai mươi lăm. Những tờ phác họa tôi đem đến nhà Kyra vào cuối tuần, rồi vẽ sang khung vải lớn. Kyra thật thà:

" Tao chưa thấy người Á Đông nào đẹp như cô mày, chỉ tay, chân thôi

đã giống như cánh hoa"

Vào tháng sáu, năm trước, khi tôi chỉ cho Alan Bridges, một họa sĩ chưa thành danh nhìn thấy cô Phượng đi lên từ bãi biển, lúc ấy biển vắng người, ánh tà dương còn vàng óng như mật, gió biển âm u và đoàn chim hải âu đang bay loạn xạ gọi đêm về, Alan hoảng hồn lặng người nhận ra một người đàn bà đẹp đến nhường ấy. Sau này khi tôi hoàn tất bức tranh vẽ cô Phượng, Alan chê tôi không đủ tài vẽ cô, tôi đem bức tranh về treo lên vách phòng tôi, cô nhìn im lặng, bà nội tôi khen tự nhiên, bức vẽ cô để ngực trần, tôi nói cô Phượng đẹp, bà tôi cười rồi ứa nước mắt, tôi hiểu bà thương và tức cô khi cô đi yêu một người em họ, cuộc tình này chú Khanh và cô Phượng bị trong nhà bôi bác, chia rẽ. Đã tám tháng chú Khanh đi biệt, cô Phượng gầy ốm, mệt mỏi làm như không cần sống nhưng khi tôi nhìn vào mắt cô tôi thấy sự quả quyết đáng sợ. Nghe mẹ tôi kể lúc bà nội tôi có thai cô, bà hay đi lễ đền nên sinh ra cô đẹp lạ lùng, hay thương người và cô độc, cô là em gái nhỏ nhất, duy nhất của bố tôi, bố tôi cưng chiều cô, lúc nào cũng nghĩ cô không làm được gì, khi hai cô cháu đi chơi, ông dặn dò tôi phải trông nom cô, có lần tôi bực than với mẹ, mẹ bảo vì bố tôi quen che chở cô từ lâu rồi quen đi. Đó là chuyện lúc trước, giờ thì khác, tôi bỗng ham thích được gần gũi và săn sóc cô. Năm hai mươi ba tuổi cô bỏ học ở nhà, nuôi dưỡng một mối tình sai trái, cô nói cô không đúng, cô đáng bỏ đi, cô đáng chết, tôi nghe ôm chặt lấy cô, lấy tay bịt miệng cô.

" Cô đừng nghĩ thế, cô đừng nói thế cháu sợ. "

Trời càng lúc càng lạnh. Cô Phượng nằm úp mặt trên gối, tôi để tay lên lưng cô, cô kêu:

" Tay Như lạnh quá, hãy bỏ tay Như ra."

" Như không bỏ."

Cô co người lăn tít vào phía trong giường, nằm thẳng hai tay để lên ngực, tôi nghĩ đến bức tranh của Marc Chagall vẽ người con gái nằm trên mây lõa thể. Sao nàng không rơi xuống mà chết, nàng bất tử với cuộc đời này.

" Cô Phượng, cô có chết không? " tôi hỏi cô.

" Như lôi thôi quá. Bây giờ cô muốn một mình, một mình. "

Nhiều khi người ta muốn một mình, tôi ra khỏi phòng cô, lấy áo ấm rồi bước ra khỏi nhà, tôi đi lang thang trong xóm, ngày vắng vẻ, gió như không có hôm nay, những hàng cây đứng im lìm trong cơn lạnh giá đầu mùa, có tiếng chân tôi bước với sự bực bội, cô Phượng chẳng bao giờ nghĩ đến tôi, cô chỉ biết đến chú Khanh, tôi nhớ ra mối tình của họ, với ảm đạm của bóng tối và thấp thoáng sự bức tử, có lời mẹ tôi dặn. Rồi một ngày con xa mẹ nhưng khi con khổ tâm con hãy về nhà. Mẹ có hiểu không. Khi

con khổ tâm giờ con lại muốn đi xa. . .

...Cô Phượng bảo thế nhân như kiến, nghĩa là đông lắm, nghĩa là dễ lạc nhau lắm, cô than vu vơ rồi nằm dài trên ghế đọc quyển sách của Thiền sư Nhất Hạnh. Cô nói với tôi Thiền dễ lắm Như ơi. Thí dụ khi uống nước thì chỉ nghĩ đến ly nước, khi ăn bánh chỉ biết đến cái bánh đừng nghĩ đến cái kẹo. Tôi nói rất khó với tôi vì khi tôi đứng rửa bát mà nghĩ đến đi chơi. Cô chế diễu cười, lại hỏi tôi về Du người bạn trai của tôi, tôi nói Du cũng được, trông lãng tử. Khi cô Phượng lấy cớ bị cảm không đi đâu, tôi theo Du vào sở thú coi khỉ, Du kể nhiều về giống khỉ. Du chỉ:

" Có nhiều người thích coi khỉ lắm. Khi nào buồn đứng nhìn mãi thì nỗi buồn tiêu tan, liều thuốc giải sầu đó. "

Tôi nghe cười ngất. Tôi hỏi Du:

" Thế nào để nhận ra tuổi tác của các con khỉ. "

Du bảo :

" Dễ thôi con nào im lặng thì già, nghịch ngợm là trẻ, trung niên thì ngồi một mình. "

Tôi gật gù, Du cười cười như đùa, đôi mắt sáng, chiếc mũi cao trông khinh mạn của Du nhăn lại thấy có duyên.

" Du có duyên lắm." Tôi nói thế.

" Đàn ông cũng có duyên hả em? "

" Có chứ. "

Du lại cười, ngày đầu gặp tôi Du có vẻ làm bộ, làm tịch, giờ tự nhiên hơn. Trời đã sang xuân bờ hồ trồng đầy hoa súng trắng đã có vài hoa nở vội. Đi mãi với Du cho đến buổi chiều, khi chia tay tôi thắc mắc Du có còn nằm mơ đi trên những phố Sàigòn nữa không? Du nói không còn nữa chỉ nằm mơ thấy bị tôi bỏ rơi trên sân trường, tôi khen Du biết cách nói chuyện nhưng nghe giả...

Cô Phượng đi chơi rồi, bà nội tôi bảo cô đi với Kyra và Alan , đem theo một cái xách tay lớn. Tôi đứng tựa vào tường. Sao cô không đợi tôi về cùng đi. Sao Alan lại đi theo, Alan gã họa sĩ không mấy tài hoa vậy mà Kyra thì cứ tin một ngày hắn nổi danh. Kyra ở với Alan đã hai năm, tranh của Alan bán ra vẫn không được mấy, nghĩa là Kyra vẫn đi làm trả nợ và làm bia đỡ đạn cho Alan mỗi khi hắn nằm dài làm biếng , đau lòng vì thất bại. Alan Bridges chỉ ao ước một điều cô Phượng bằng lòng cho hắn vẽ khỏa thân. Tôi đã nói thẳng bảo nó đừng nằm mơ. Nghe vậy Alan vẫn cứ ước. Chuyện ấy từ năm trước cô Phượng vẫn còn ghét Alan cho là hắn hơi bất thường, khi Alan nhìn, trông sợ. Vậy mà hôm nay cô lại đi theo Kyra và Alan, họ đi đâu, đi ăn ở tiệm nào, đi nghe nhạc ở đâu, đi tắm ở đâu, tôi nghĩ ra mọi nơi rồi im lặng. Tôi ra sau vườn tìm kiếm những chiếc lá vàng

úa rồi cầm chặt nó trong lòng tay -có chiếc là hoang đầy gai sắc bám dính vào tay tôi ứa máu. Chút đau lan rộng, nhoè nhoẹt những vệt máu ở ngón tay tôi, ừ có sá gì chút đau nhỏ nhoi so với lòng đời, lòng đời rộng lớn chứ không chật hẹp như mình tưởng, ai đó đã nói với tôi như thế, người ta cứ hoan lạc với cuộc đời, bất kể vui buồn. Như Du cho tôi tình cảm khó hiểu, như tôi tìm kiếm tình yêu của cô Phượng đơn lẻ, chồng chềnh, đó là sự chết ngạt, "em hãy treo dây vào cổ em" Du bảo tôi làm thế trong giấc mơ đêm trước, tôi đã tự treo cổ nhưng bất ngờ thức dậy, ngồi tư lự hàng giờ. Cô Phượng đã không về đêm nay, chắc cô ngủ ở phòng tranh của Alan, hai đứa chúng nó tha hồ nhìn cô Phượng ngủ, chân dài, vú đẹp và khuôn mặt mỹ miều, chúng sẽ không bỏ cuộc , nó sẽ vẽ cô, tôi nóng mặt chửi rủa bọn mất dạy, tụi nghệ sĩ rẻ tiền, khi bức màn chao đi, tôi nghe ngóng, tôi đã mở tất cả cửa phòng ngủ chờ cô, nhưng chỉ là tiếng động của con mèo nhỏ. . .

Ngày hôm sau cô về, tôi còn lờ đờ của kẻ mất ngủ, tôi bảo thằng Alan đã vẽ được cô. Không đâu, cô đâu có ngủ, cô hư lắm cô mà ngủ say cô phơi ra hết. Cô bật cười ôm lấy tôi, mùi thơm của tóc cô phất lên mặt tôi, giòng tóc như bơi lội, vài cọng tóc được nhuộm màu xanh bạc óng ánh. Kiểu nhuộm này tôi học được từ người bạn về nhà nhuộm cho cô. Khi ánh sáng chiếu lên tóc cô, trong sáng như vầng trăng. Cô than Như làm sao ấy, Như khó hiểu quá, người chết bởi thất vọng là cô chứ không phải là Như. Không đâu, tôi cắn môi, cô thất vọng cháu cũng thất vọng. Như có một đời khác, Như có hiểu không. Không... tôi chẳng cần hiểu gì cả, ai rủ rê tôi vượt sang bức tường của người ta, họ quả thật vô hình. Vậy tôi cần biết mà chi, cho dù Du vẫn cười ngạo mạn sau cuộc làm tình, anh tưởng anh ngon lắm sao, anh có biết tôi đã nhạo báng điệu cười ấy của anh. Du bảo tôi có vẻ dã man, trách tôi không cùng anh vẽ ra một cuộc sống, hiện tại không đủ sao mà bày đặt chi xa. Du cứ đi trên những phố Sàigòn của Du.

Chú Khanh đi thì lòng cô Phượng cũng đi, tôi đã mừng hụt khi thấy chú Khanh vác quần áo vất lên xe chạy đi mất tích, và cả bố tôi người mừng hụt thứ nhì khi thấy em gái bỏ học, bỏ làm, thẫn thờ khó chịu. Kẻ mộng du, kinh khiếp sợ bị gọi ngược trở về, hãy để cô ấy yên, mẹ tôi cấm tôi không được theo sát bên cô phiền nhiễu. Tôi vào phòng khổ sở, khóc thầm, nghĩ ra nhiều nỗi âu sầu và niềm hạnh phúc chứa chan . . . Alan Bridges treo lên bức tranh vẽ cô Phượng to bằng cái giường, với dáng cô Phượng nằm ngủ, tóc rũ trên gối, tấm khăn che nửa người hờ hững, những điều tôi đoán thành sự thật, có tiếng Alan cười cười và Kyra phân bua. Tôi rủa sả bỏ đi lòng có chút ghen để nhận ra Alan một gã có tài, tôi về đóng cửa phòng gỡ bức tranh cô xuống, rồi úp mặt lên ngực cô thổn thức, đúng

như lời Alan nói tôi không đủ sức vẽ cô, tôi lấy bút tô khắp lên ảnh cô rồi tàn phá nó, từ đó tôi không bao giờ vẽ nữa... Làm sao người ta có thể phóng tác ra hết những điều không có thật, sự hư cấu cũng từ bản thể hiện hữu mà ra phải không cô Phượng. Khi tôi viết xong truyện ngắn thứ nhất kể về người đàn ông bất lương, cô Phượng bảo hãy cho hắn hoàn lương rồi chết, vậy hắn được lên thiên đàng. Cô che mặt cười, truyện được cô Phượng dịch sang chữ Việt, đăng trên một tạp chí Việt ngữ ở Cali. Du đọc rồi bảo tôi đem ông chú của Du ra bôi vẽ, tôi giật mình không ngờ Du ngu thế, tôi bảo truyện không phải là sự thật, Du ngu lắm, tôi không muốn gặp Du nữa. Sự liên hệ với đàn ông chấm dứt hẳn, từ ngày bỏ Du đi, có lẽ người ta sống một mình tốt hơn, tôi nhận ra khi nhìn thân thể mình đẹp đẽ mà chẳng muốn ai làm nhăn nhúm nó. Tôi lại viết xong truyện ngắn thứ hai vào cuối năm, tôi gởi đăng trên tờ báo văn nghệ Mỹ, cô Phượng không thích. Cô nói tôi cho nhân vật tôi sống bạo quá, và tôi rõ ràng bênh vực cho nhóm đồng tình. Cô hỏi:

" Con ranh có sao không? "

" Vẫn bình thường. "

" Cẩn thận đấy. "

" Thôi cô đừng tưởng tượng. "

Tối khuya tôi vào phòng cô ngồi im lặng, trăng đêm nay chiếu vời vợi trên những cành cây, tấm màn cửa tôi kéo sang một bên, ánh trăng làm sáng từng góc trên người cô tôi rất đẹp...bà nội tôi khuyên:

" Con đừng viết văn nữa. "

" Sao vậy? "

" Ai viết văn cũng khổ cả. "

" Ở đời ai chẳng khổ. "

" Nhưng người viết văn khổ hơn. "

" Con không tin. "

" Cứ bới đời ra Trời phạt con ạ. "

" Con không tin. "

Bà nội tôi cúi mặt buồn rầu, lúc ấy tôi hai mươi ba tuổi, cô Phượng hai mươi tám, cả hai vẫn chưa muốn lập gia đình. Cơn mưa cuối mùa, lất phất, rã rời, không làm ẩm nổi mặt đất chiều nay. Mẹ tôi đã đi cắt tóc ngắn, mẹ về, tôi tiếc mãi tóc mẹ, mẹ nói:

" Lớn tuổi không còn sức để săn sóc mớ tóc dài, thôi con để mẹ cắt ngắn cho gọn. "

" Nhưng kiểu tóc ngắn này thấy mẹ cao bồi hơn. "

Mẹ tôi bật cười, nụ cười hiền, tươi tỉnh. Người đàn bà luôn trông nom tôi, dịu dàng, mà tôi có nghĩ đến mấy đâu, tôi để tôi lang thang ra ngoài

ngưỡng cửa lòng mẹ, mẹ lại thì thầm:

" Chú Khanh về đứng ở ngoài sân. "

Tin này thực sự làm tôi lặng người. Tôi vội nhìn lén qua cửa sổ. Chú Khanh đang đi qua lại chờ cô Phượng, trông chú vẫn còn nét độc đáo và quyến rũ, tôi nhắm mắt, cô Phượng của tôi, giờ thì cô Phượng của ai kia, niềm riêng tư và khát vọng sẽ theo cô đi xây dựng ở hướng nào. Y như tôi nghĩ, hai ngày sau cô Phượng bỏ nhà đi, bà nội tôi ngã ngửa, bố tôi nói lẩm bẩm khó hiểu. Alan Bridges thẫn thờ với bức họa thứ hai dở dang và Kyra nhận chân ra sự thật mối tình vẫn cứ nẩy mầm từ sự đau đớn. Tôi chạy mù trời từ Đông sang Tây tìm tung tích họ, cái xe cũ, thổ tả, uống xăng như nước rú lên bất mãn. Cô Phượng ơi, cô Phượng. Cô có biết tôi tìm cô như kẻ giang hồ không có địa chỉ trở về, cô có biết sương mù và gió bụi, mưa ngập đất và nắng ghê hồn, một năm tôi xấu đi, đen đủi và bầm dập nổi buồn, bà nội tôi khóc, bố tôi viết mẩu nhắn tin đăng lên khắp báo, nhưng hai kẻ hạnh phúc ấy chẳng bao giờ đọc báo nữa, họ cần gì biết thế thái nhân tình . . .

Chiếc xe tôi hỏng máy vất bỏ lề đường. Alan chở tôi về nhà hắn, chiều mưa u ám, tê tái làm sao, tôi nằm vật xuống ghế, hút liên miên hai điếu thuốc, Kyra đã đi lấy chồng, Alan Bridges gã họa sĩ viết cho cô Phượng cả chục bài thơ vất lay lắt trong ngăn kéo bàn. Alan bảo phải chi lúc trước gởi hết cho cô Phượng những bài thơ ấy. Giờ muộn rồi, tôi bật tiếng cười, Alan xin tôi đừng cười nữa, tiếng cười của tôi nghe tàn nhẫn lắm. Rồi Alan đọc lại cho tôi nghe đoạn cuối của vở kịch hắn vừa xem xong. Tôi nói:

" Sợ, tác giả này ác quá, làm cho hai kẻ yêu nhau chết hết thế kia. "

Alan nhún vai:

" Còn cô thì sao? Cô có cho nhân vật trong truyện cô viết sống bên nhau đâu, lúc nào cũng chia lìa ! "

Tôi phân bua:

" Tôi muốn họ sống bên nhau lắm nhưng họ cứ muốn xa nhau. "

Alan cười than nhớ Kyra, nhớ Kyra vô vàn, tôi nhất định bỏ về mặc cho Alan năn nỉ. Alan hôn lên môi tôi ở ngưỡng cửa, mùi rượu thơm ngọt lịm từ môi Alan, tôi nói tôi thương Alan, hình như tôi với Alan cùng có một nỗi u tình nào giống nhau. Alan gật đầu:

" Giống nhiều lắm, Như không thấy ư? "

Gió mỗi lúc mỗi mạnh, tôi núp người ở trạm xe bus. Người cùng đứng đợi xe với tôi là người đàn bà mập mạp tay bế đứa con nhỏ đã ngủ say. Bà nói chuyện với tôi về thời tiết và những đường có xe bus mới, tôi vẫn nghe và góp chuyện nhưng đầu óc quay cuồng với đoạn kết của truyện ngắn tôi

## *Phương đông*
SỬ MẶC

*Điệu đàng*
*hành, tỏi buông lơi*
*thổi con mắt nắng lên trời*
*tụng*
*xưng*
*hò khoan thai*
*đẹp lẫy lừng*
*dáng ngồi vóc đứng liền*
*khung kỹ hà*
*nhỡ nhàng nhìn*
*cỏ*
*ra hoa*
*ngẩm trăng từng thiết*
*hương là đà*
*trôi*
*nghiêng về*
*một vẻ*
*thương ôi*
*liễu Đông phương dẫm bồi hồi*
*tóc*
*tơ.*

đang viết. Khi xe bus chở tôi về đến đầu ngõ, trời đã tối lắm, tôi đi bộ một đoạn nữa mới tới nhà, ngõ vắng vẻ, tiếng côn trùng kêu vang mãi miết, có nỗi sầu đời nào vẳng ra theo tiếng kêu than ấy không. Có ai nghĩ đời chỉ là đãi bôi và tình thương chỉ là hoang tưởng, không đâu ai lại bi quan đến như thế. Còn những kẻ tình cờ bắt được mớ hạnh phúc thì sao, kẻ tình cờ có khác với kẻ chụp giật hạnh phúc hay không ...và người con gái trong cốt truyện mới nhất của tôi sẽ thế nào? Cô sẽ cắt mạch máu chết cho một mối tình, cô chết lúc mới hai mươi tám tuổi, cô xinh đẹp và cũng tên là Phượng, tôi rũ người nghĩ đến cảnh bi thảm ấy. Phượng có hay tôi đã hằng giờ cùng ưu tư với Phượng, cùng khóc với Phượng, ai có ngờ khi nàng chết người đàn ông đó vẫn sống, vẫn lấy vợ có con, tôi nghe khổ tâm quá, tôi về nhà với mẹ đây, đường đời có ai ngờ tới những biến cố, chỉ mình tôi còn nhớ đến nàng thôi.

Phượng ơi, cô nỡ bỏ đi sao. ❐

## *Tưởng vọng*

NHU CHI

*(gởi về mẹ hiền yêu dấu)*

*Ngày trở giấc - Mảnh đời bỗng chật*
*Thật ngỡ ngàng - Mộng vẫn say sưa*
*Trong mắt nhắm mơ màng tiếng sóng*
*Giữa trưa vàng lơi tiếng võng đưa*

*Đầy trí nhớ nụ cười của mẹ*
*Dài đêm khuya tiếng nói của em*
*Thương đôi mắt lạc loài của chị*
*Thương bạn hiền một tấm lòng son*

*Mùa Xuân đến gọi hoa chóng nở*
*Trái đơm mau cho hiệp bốn mùa*
*Trời bao dung đất lành chuyên chở*
*Cho mộng đời thơm mãi tình thơ*

*Xin gió biếc hát lời thương nhớ*
*Xin mây cao làm bóng mát em*
*Cho ta quên nỗi niềm cách trở*
*Cho chúng mình mỗi lúc gần thêm*

*Tạ ơn trên những ngày hạnh phúc*
*Trong tầm tay - ngoài cả ước mơ*
*Nghe vang tiếng con tim ca hát*
*Và muôn sao kết những lời thơ*

*Giờ hội ngộ như dừng vĩnh viễn*
*Bởi thương yêu là phép nhiệm mầu*
*Lời âu yếm hòa trong sóng biển*
*Kể tâm tình những kẻ thương nhau...*

# Lớp vỏ

*Phạm Chi Lan*

"Tiệm sách Barnes & Noble. Hai giờ đúng. Chị Ti không được trễ." Tôi đọc lướt mảnh giấy Tê gắn vào cái quạt nước trước kiếng xe, nghĩ bụng Tê này cẩn thận quá, chắc sợ bị lạc lõng nếu không có mặt tôi. Chiếc xe ì ạch, hậm hực mãi mới bò qua được con dốc, cuối cùng cũng đến được nơi. Tôi thề sẽ bán cái xe, chịu mọi thiệt thòi, chán nó lắm rồi.

Mở cửa bước vào, mùi cafe thơm lừng và nhạc cổ điển thoang thoảng từ những loa trên trần. Mùi thơm làm đầu óc tôi tỉnh táo, hít vào ngập phổi, dù hơi choáng váng vì chưa có gì trong bụng.

"Hù!"

"Đồ điên, làm hết cả hồn!" Tôi gắt khẽ với cái bóng vừa đến sát bên.

Tê cười tươi rói, răng trắng bóng. Mặc áo polo màu xanh emerald, tóc chải gọn cột đuôi phía sau. Mắt kiếng đen gọng vàng Ray-Ban, đúng kiểu công tử yuppies.

"Tê à, đói bụng quá chừng mà phải dự cái vụ này ..."

Tôi cằn nhằn trong miệng. Tê kéo tôi vào bên trong tiệm sách, trong một khu rộng thoáng ấm áp, nhiều đầu người lố nhố ngồi chiếm hết những ghế trống.

"Xong cái vụ này mới đi ăn được. Mình đi kiếm chỗ ngồi nha ?" Tê nói.

Khóa học này tự dưng tôi nổi hứng ghi danh một lớp báo chí, nửa tò mò muốn học và muốn biết một đứa cà nhỏng như Tê làm việc thế nào, làm sao có thể viết một bài phóng sự ra hồn như những số báo vừa rồi của trường. Ở ngoài, Tê tiếu lâm, hồn nhiên như một cậu bé nghịch ngợm. Khi viết bài, Tê nghiêm chỉnh như một ông cụ non. Tôi nói chắc Tê có hai cá tính phân thân. Tê bảo ai mà không có vài ba khuôn mặt, "chị Ti có xem *The Many Faces of Eve* không?" Tôi nói tôi chỉ có hai bộ mặt, một

lúc thức và một lúc ngủ.

Có khoảng hơn hai chục người có vẻ chăm chú hào hứng trong phòng, còn lại có vẻ lo ra, nhìn quanh quất, đứng lên ngồi xuống. Tôi đảo mắt tìm đồng minh. Chỉ có mình hai đứa tôi là da vàng, còn lại là dân bản xứ, trông mặt người nào cũng bảnh, sáng sủa và trang trọng như đang dự một buổi lễ. Chúng tôi sắp được "tiếp xúc" với một nhà báo tên tuổi, một nhân vật lừng lẫy của giới truyền thông ngành báo chí. Trong góc, có một người đàn bà lớn tuổi, gần bằng tuổi bà tôi, đang chăm chú đọc một tờ bulletin. Tôi muốn dời chỗ ngồi tới ngồi cạnh bà già này. Tê hiểu ý, đưa mắt lừ tôi: "Ngồi yên đi chị Ti ..." Nhìn đồng hồ tay, tôi nghĩ nhân vật quan trọng nào, dù Tây hay Ta, cũng hay đến trễ giờ để tỏ ra mình quan trọng hơn.

Ông ta xuất hiện, quét mắt nhìn thật nhanh, rồi tiến đến chiếc ghế để sẵn dành cho ông. Chương trình "*Meet the Authors*" do hiệu sách tổ chức, thường để ra mắt giới thiệu những sáng tác mới của một tác giả, có màn tác giả ký tên đề tặng nhưng thật ra người ta phải trả tiền cho chữ ký này, cộng thêm mấy tiếng đồng hồ nghe tác giả nói huyên thuyên, chưa đọc đã biết hết trong sách nói những gì. Ông ta không đến để nói về sách của ông ta, vì nhà báo này chưa in một cuốn sách nào. Ông ta đến để nói về việc làm báo. Màn giới thiệu hơi dài, người tổ chức chào rồi rút lui. Ông ta im lặng chưa mở miệng nói vội. Tôi không biết rõ ông ta là ai và có thể chưa đọc một bài báo nào ông ta viết, nhưng theo Tê, đó là một khuôn mặt nổi danh có uy tín trong làng báo, người mang vào thế giới truyền thông một cái nhìn nghiêm chỉnh về sự tường thuật lại những diễn biến đang xảy ra khắp nơi ngoài đời sống. Những cơ sở báo chí, truyền thông có vẻ nể nang ông này, nghe nói ông ta được trao giải *Pulitzer* về báo chí, những bài báo tả đến tận cùng câu chuyện, đi vào hạt nhân, nỗi niềm, và những khúc mắc ít ai dám động đến, nhưng ông ta khéo léo giải toả, bằng lối viết, cái nhìn và cảm nhận nhân bản. Tê giáo đầu tôi những lời thế này về ông ta, dù muốn dù không, tôi cũng phải hủy cái hẹn tối nay để đi với nó tới chỗ này. Hơn nữa, bà thày bảo ai đi nghe ông ta nói chuyện, được thêm điểm.

"Một ly cafe đen không đường, làm ơn ..." Ông ta nói vừa đủ nghe, với người con gái bán hàng của quầy cafe. Chúng tôi cũng mỗi người có một ly gì đó trước mặt để thấm giọng, thấm lòng. Tê gọi cho tôi một ly đen không đường giống ông ta. Tôi nói cám ơn khen Tê có trí nhớ dai. Tê mỉm cười nói cám ơn lại. Những chiếc bàn nhỏ kê sát gần nhau, ấm cúng

trong một không khí đầy sách vở, chữ nghĩa chung quanh, những kệ sách dài những gáy sách mới tinh sáng bóng. Tôi không hứng thú với sách vở lúc này, chỉ cảm mùi cafe và lâng lâng một tâm trạng, không rõ tâm trạng gì trong lúc này.

"Thưa professor, xin ông nói về kinh nghiệm làm báo, và những bài báo mang cho ông điều thích thú nhất." Một người nào vừa lên tiếng.

Sau một khắc đợi cho cafe không đường ngấm vào suy nghĩ, ông ta bắt đầu cất tiếng. Cũng khoảng mươi khắc sau khi ông ta ngấm giọng, tôi mới bắt kịp vào giọng nói đều đều trầm trầm của ông ta, một thế giới lạ lẫm mà tôi mù tịt, coi thường và đánh giá thấp hơn sau văn học đại chúng. Một thế giới đầy tình tiết, hình ảnh âm thanh và phức tạp dần dần mở.

"Nghề làm báo là một công việc tuyệt diệu và đầy ý nghĩa. Chúng tôi được nhìn thấy, chứng kiến và ghi lại những sự việc quan trọng của lịch sử, những khía cạnh muôn mặt của con người. Người làm báo có lương tâm là một nhà nghệ sỹ chân chính, anh ta mang những hình ảnh thật từ đời sống, từ những hiện thực không thể chối bỏ vào thế giới tinh thần của người đọc, kêu gọi đồng cảm và sống hòa nhập vào con người qua một khía cạnh trình bày đầy nghệ thuật và nhân bản. Các nhà báo nên khai triển con tim của mình, thay vì khai triển kiến thức, kỹ thuật mánh khoé săn tin, phóng đại và kỹ thuật gây chú ý của dư luận quần chúng. Kỹ thuật hiện đại của ngành truyền thông tiện dụng như con dao hai lưỡi, nó đâm những vết thương vào sự việc, làm tấy lên những cái đau của xã hội, làm chảy máu nhức nhối những vấn nạn đời sống. Nhưng đồng thời cũng chính ngành truyền thông rọi vào tâm thức con người bản chất thật nhất của người, nhắc nhở chúng ta quan tâm, chú ý đến đồng loại... Những bài báo viết cẩu thả không có chiều sâu, đầy lỗi lầm và sai lệch sự thật làm vết thương con người không lành được mà lại càng thêm nhức nhối, thay vì công dụng của nó là phải xoa dịu, truyền đạt đến trái tim người đọc một sự thông cảm của tình người. Tự do vô trật tự, nôm na là tự do sáng tạo làm tin của ngành truyền thông ngày nay tạo một khoảng cách lớn giữa sự thật và những tin đồn, không còn tạo được nhịp cầu giữa người và người. Tự do trong sáng tác khác với tự do khai phá diễn tả sự việc bằng con mắt ống nhìn chân thật, sự công bình và nhân ái..."

Những câu giáo huấn nặng ký. Có vài người hí hoáy ghi chép. Tôi cũng tranh thủ biên được vài câu lõm bõm, liếc sang Tê, thấy Tê chăm chú ngồi im lắng nghe. Tôi buông bút, biết mình làm một việc vô dụng. Nhấp một ngụm cafe đen, chất đắng chảy xuống lòng. Câu chuyện của

nhà báo "nghệ sỹ" tiếp diễn.

"Bài báo là một bản phân tích chiều sâu, một khúc phim sống động tái tạo lại sự thật một cách thật hồn nhiên và vô tư, một biến cố lớn hay một sự việc nhỏ tầm thường đều được xem trọng như nhau, ký giả viết bằng cảm nhận, đặt nặng tâm hồn đè nặng lên mọi kỹ thuật làm tin nóng hổi dụng ý thu hút người đọc. Tôi xin đồng ý với bạn, viết có thể chỉ là một hành động giả hình giả nhân giả nghĩa, có tính cách đạo đức giả, nhưng hãy xem cái viết như một nghệ thuật làm thế nào thôi miên được cảm giác của người đọc. Độc giả không thể bỏ xuống nửa chừng được, câu chuyện và ý tưởng thu hút, lôi cuốn người đọc, bắt họ bỏ họ vào giữa khung cảnh, giữa sự việc đang xảy ra, mời họ đi vào một thế giới giấc mơ có niềm vui nỗi buồn của người trong cuộc. Đó, bạn đang làm nhà phù thủy, nhưng bạn không dẫn dắt người đọc vào một mê cung, mà hướng dẫn họ mở trái tim ra, để họ thấy tim họ nhói đau hay reo vui giống hệt như cảm xúc của những lời tự thuật.

Có hai loại người trong thế giới văn minh này. Loại ăn uống ngủ nghỉ, hưởng thụ thoải mái, và loại ăn uống khó khăn ngủ không yên giấc đứng ngồi không yên. Đó là về phiến diện. Riêng nội tâm, không ai trong chúng ta hoàn toàn giống nhau. Trong phòng này, chúng ta chỉ có một điểm tương đồng duy nhất – đó là các người không ai mắc tiểu muốn đi vào phòng tắm lúc này (có tiếng cười khúc khích), và các người đang phải chịu đựng tôi, đúng không? (Ông ta nhìn mặt mọi người, con mắt sắc như dao). Chúng ta là những kẻ đứng ngồi không yên, nhưng không thể ngứa ngáy gãi vào những chỗ ngứa ngáy của dư luận. Người viết tin không thể nhìn vào sự việc với gọng kiếng mờ đục, với những lớp lang suy nghĩ cảm thức đầy thành kiến có sẵn. Viết về một cái xấu, người viết sẽ không tả rằng nó xấu thế nào. Như một tay đầu bếp khéo léo, hắn bóc dần từng lớp vỏ củ hành, từng lớp, từng lớp vỏ cảm nhận của sự việc được tháo gỡ, lộ bên trong một lớp vỏ trắng nõn nà hơn, nhưng càng vào sâu bên trong, sâu nữa, sâu nữa, đến tận lõi cùng, đến lúc này thì người ta chỉ còn trông thấy một cái lõi nhỏ nhoi tội nghiệp, và nước mắt đã chảy ròng ròng vì mùi cay nồng của nó đã đến nồng độ mạnh nhất...

"Chị Ti, đọc giùm Tê bài viết này, sửa đổi nếu cần và cho ý kiến nhé. Tối mai Tê phải nộp." Tôi mở phong bì, bài viết mới tinh, vừa in ra mực còn chưa ráo, từ *laptop* của Tê:

*Khoảng giữa tháng năm 1995, tôi và một người bạn mới quen hỏi*

*thăm đường đến thành phố X., bên cạnh dòng Mississippi, nơi đang nổi tiếng là nơi có nhiều phạm pháp, những vụ cướp bóc giết người, thuốc phiện, và băng đảng con nít vị thành niên. Trong một cộng đồng phức tạp của người Việt Nam, những tin bắn giết đã trở thành nhàm tai, các báo địa phương xem những vụ đó như mọi chuyện bình thường, những người đi dân chỉ làm nhức đầu mất thì giờ thêm cho giới chức trách. Những tin này ít có phóng viên nào thích khai thác nữa.*

Chúng tôi đi xe qua phà, băng qua sông Mississippi nước đục và đỏ ngầu, hai bên bờ những nhà máy nhả những cột khói đen ô nhiễm lên một bầu trời u ám, không một gợn mây hay một cánh chim trôi. Chiếc phà rời bến, băng ngang qua dòng sông nước chảy xiết, dòng sông dài, lục đục xuyên qua chiều dọc của nước Mỹ, trải dài qua nhiều quãng và những khúc quanh lịch sử, qua nhiều đất đai và đời sống u uất hai bên bờ. Tôi suy nghĩ vu vơ, dõi mắt tìm một cánh chim hay một cụm mây nào đó. Phà ngừng, đậu bến. Người phu trên phà cột những sợi dây thừng to như cổ tay vào cổ một cái trụ sắt trên bờ, mở cổng phà, xe chúng tôi bò lên bờ. Xe vào đến đường lên đê, rẽ vào một con đường dọc bờ sông, ngang qua khu nhà của người da đen nghèo nàn u tối. Chúng tôi vào đến làng Việt Nam không có gì khó khăn. Tôi nhận ra ngay khi trông thấy những giàn mướp và những luống rau trồng rải rác sân trước sân sau nhà, những cụm rau thơm, những khóm bạc hà và cây ăn trái, không một tấc cỏ xanh cắt phẳng phiu như khu của người da trắng trung lưu. Một tấc đất là một tấc vàng, và đất của bang này lại nhiều phù sa của sông, trồng loại cây nào cũng tốt, người ta nói thế. Những hàng rào phơi quần áo mền gối luộm thuộm, rác và thùng gỗ, bao nylon đầy bên đường. Tôi có cảm giác đây không phải là đất Mỹ.

Dừng lại cạnh một xe bán hàng rong, loại bán quà vặt, kẹo bánh cho trẻ con, giống như những kioske ở các lề đường bên VietNam, tôi hỏi thăm một người đàn bà da mặt nhăn nhúm, tóc búi tó củ hành, đôi mắt kèm nhèm nhìn tôi không mấy thân thiện:

"Chào bà, đây có phải làng X., vừa xảy ra vụ bắn nhau hôm qua ?"

Bà cụ đưa tay chỉ vào con đường bên trái, nhỏ và tối như một con hẻm. Tôi nói với người bạn đi cùng thả tôi ở đây, vài tiếng nữa trở lại đón. Người bạn quay đầu xe, rồi mất hút về phía dòng sông.

Cầm chiếc máy ảnh và tập giấy, tôi đi vào con hẻm.

Hắn chận tôi ở đầu đường, chào, như nhận ra tôi là người quen ở xa mới về:

"Anh là người của nhà báo đến viết tin phải không?"

Tôi gật đầu, hơi ngạc nhiên sao hắn đoán ra. Hắn rủ tôi vào một quán nhỏ lụp xụp phía bên kia đường. Trong quán tối thui, mùi ẩm thấp và tanh tanh từ dưới nhà xông lên.

"Tôi không phải là người anh muốn gặp đâu. Họ bỏ đi hết rồi. Anh đến trễ những hơn 30 giờ anh biết không? Chuyện xảy ra, cảnh sát làm biên bản, chụp hình, rồi niêm kín căn nhà đó rồi, không ai được đến gần."

"Cám ơn anh." Tôi nói, nghĩ bụng hắn muốn gì đây.

"Nhưng tôi có thể cho anh biết một vài tin, nếu anh là người xứng đáng nghe." Hắn nói, giọng có vẻ láu cá, nhưng vẻ mặt thông minh, không có vẻ là tay anh chị.

"Tôi chỉ tình cờ ngang qua, nghe nói, tò mò muốn đến tìm hiểu câu chuyện, không có báo nào phái tôi tới lấy tin cả." Tôi phân trần.

Hắn nhấp một ngụm bia dài, nói:

"Tôi biết, nhìn dáng anh, tôi biết anh không phải nhà báo chuyên nghiệp. Anh muốn biết chuyện gì ?"

Hắn lại trổi cái giọng láu cá đó, nhưng tôi đang cần hắn nói càng nhiều càng tốt.

"Anh là ai ? Tôi muốn biết tôi đang nói chuyện với người nào." Tôi hỏi, với giọng ngang tàng cho hợp với hắn ta.

Hắn cười, giọng cười của một kẻ ngạo mạn, pha một chút châm biếm, mỉa mai.

"Tôi là thiên thần đó!" Hắn nhe răng cười. Hàm răng có một chiếc bằng sắt trắng lóe sáng.

Tôi cười lại:

"Thiên thần loại nào, thiên đàng hay địa ngục?"

"Thì thiên thần có hai cánh, một cánh trắng và một cánh đen."

Lối đàm thoại này chẳng đi tới đâu, nhưng tôi cảm thấy vui vui, thích thú lạ. Tôi bắt đầu chú ý hắn ta hơn. Hắn có vẻ như đọc được ý nghĩ, càng làm ra vẻ mình quan trọng.

"Vậy anh đang nói chuyện với tôi với cánh mầu gì?"

"Còn tùy."

"Tùy gì?"

"Tùy anh muốn khai thác về điều gì, khía cạnh nào ..."

Tôi bị gã lôi cuốn, cái lối nói chuyện không đầu không đuôi, khơi mào bỏ lửng làm tôi phát điên, nhưng lối nói đó làm đầu óc tôi làm việc ghê gớm. Câu chuyện bắt đầu, chỉ là một câu chuyện bi thảm của một gia đình di dân không hòa thuận, nhưng những điều hắn nói, tôi nghĩ tôi khó có thể thuật lại như hắn kể.

"Người con út có một cá tính kỳ lạ, mới mười bảy tuổi, nó không

thích xài tiền của bố mẹ, tiền nó xài, nó tự làm ra, bằng cách nào thì sau gia đình mới biết. Nó chẳng nói chuyện với ai bao giờ, ít khi nào về nhà trước mười hai giờ đêm. Ông bà già nó cũng ít hỏi đến nó. Một hôm, nó mang về nhà một lô bạn, toàn bằng tuổi nó, chúng nó tra hỏi bố mẹ tiền cất chỗ nào. Người bố kháng cự, từ con, rồi rút súng bắn vào một thằng trong bọn. Một thằng lớn trong đám bắn xả vào người cha, đạn quét vào người mẹ và đứa em gái chết tại chỗ. Thằng út nhào lại đỡ đạn cho mẹ, lãnh ngay một băng vào trán. Sau đó, lũ trẻ rút êm và để lại một bãi chiến trường đầy máu ... Những cái chết phi lý nhưng nhiều ý nghĩa ..."

Tôi ngừng ghi chép. Nhìn gã dò hỏi, cố tưởng tượng đôi cánh của gã đang là màu gì. Gã bảo đời sống không đơn giản và có thể giải thích qua bất cứ một cái nhìn nào, và không ai có thể nhìn vào tâm trạng ý nghĩ của những người trong gia đình đó trong lúc đó...Gã bảo gã là thiên thần bản mệnh của gia đình này. Đang viết dở một câu, tôi ngừng. Và chợt nhiên, tôi hiểu thật sâu câu nói của người đàn ông lạ.

Tối hôm đó, tôi đọc lại bài ghi vội, vò nát, rồi quăng vào giỏ rác. Hình ảnh duy nhất tôi nhớ về lần săn tin này, là đôi mắt long lanh, loang loáng nước của người đàn ông khi nói về những nhân vật trong gia đình tan nát ấy. Đôi cánh hai màu của gã ám ảnh giấc ngủ tôi. Không phải câu chuyện nào cũng có thể dựng lại tường thuật một cách chính xác và dễ dàng. Tôi đến trễ những 30 giờ, và tôi không có đôi cánh hai màu của gã đàn ông, tôi không ở trong sự việc, nên tôi chỉ có thể kể rằng, chuyện như thế đã xảy ra, và mọi người trong gia đình đều đã chết hết, không còn ai liên hệ để phán xét và kết tội họ nữa. Bài viết này, tôi chỉ ghi lại cho bạn tôi đọc, chỉ để nói rằng tôi chưa thể đi vào lớp lõi trong cùng, mà mùi cay nồng đã làm cho tôi cay mắt. Thành thật xin lỗi độc giả.

Nguyễn Gia Tê.

Tôi hẹn gặp Tê ở quán cafe quen thuộc, để giao lại bản thảo mới đọc xong, và nhân tiện nói cho Tê biết ý định của tôi. Tê nghe xong trợn mắt, la tôi là người sớm bỏ cuộc.

"Chị đã quyết định và đã drop cái lớp đó rồi." Tôi trịnh trọng trình bày.

"Nhưng tại sao chứ ? Chị Ti viết có hồn lắm mà, có triển vọng có điểm khá trong lớp này, tại cái ông nhà báo tào lao kia làm Ti nản có phải không?"

Tôi nói như phân bua một lần nữa:

"Không phải Tê ạ, tại vì Ti vừa nảy ra một ý nghĩ. Hai tuần nữa, chị về lại Việt Nam, trở lại thành phố ngày xưa lúc xảy ra sự việc thời cuộc,

dò xét lại cảm tưởng của mình, vậy thôi. Chị muốn kiểm chứng lại tâm trạng mình bằng chính sự có mặt của mình nơi đó, dù đã trễ hơn 20 năm."

"Trời, sao chị Ti quyết định mau vậy, không cho Tê biết gì hết trơn, rồi ai bình những bài báo Tê viết đây?"

Tôi cười:

"Thì Tê sẽ đọc sau khi nó lên báo. Tê ạ, viết về một sự thật khó lắm. Trước tiên đòi hỏi mình có can đảm và sự ngay thật, công chính. Bóc hành bao giờ cũng cay mắt, nhưng không phải ai cũng có thể bóc vào được đến lõi cùng."

Tê có vẻ bối rối, suy nghĩ. Tôi biết Tê chọn đúng con đường vì nó đã tìm ra đam mê đời nó, nghề làm báo là nghề bạc bẽo, tim óc phơi trải như phơi lúa ngoài đường cho xe cộ cán qua. Không cần tôi phải nói ra, Tê biết tôi thương nó biết là dường nào.

Tê nắm tay tôi xiết nhẹ, tôi giữ tay mình trong tay nó, lâu hơn những một phút. ❐


## Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí **Văn Học** bằng cách:

- ♦ Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- ♦ Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- ♦ Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- ♦ Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau số kýdanh của độc giả trong danh sách là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **4/1/97** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị sẽ hết hạn vào **ngày 1 tháng 4 năm 1997.**

# Những truyện thật ngắn

*Kinh Dương Vương*

## *Lịch*

Anh cả tôi học xong cấp một thì bị bệnh thương hàn, đổ điếc. Từ đó anh nghe bằng chữ và tin vào chữ nghĩa. Như vậy hơn bốn mươi năm.

Một hôm về khuya, trời nóng chảy mỡ, tôi thấy anh mặc áo ấm, cài khuy tận cổ. Anh kéo tôi, thì thầm vẻ quan trọng:

"Trời lập Đông. Lập Đông..."

Tôi hất tay anh, cởi áo. Anh cố nài:

"Trời lập Đông. Rét phải biết. Mặc ấm vào!"

Cả đêm tôi ngủ mình trần dưới quạt. Khuya thức giấc, nhìn qua thấy anh cuộn trong chăn, mặt mướt mồ hôi. Tôi lôi anh dậy ra dấu bảo cởi áo. Anh càu nhàu:

"Đù mẹ! Đồ láo! Nói láo! Nóng bỏ mẹ. Lịch nó viết "trời lập Đông". Lập cái đéo!."

Nhưng rồi anh lại chui vào chăn, quấn chặt, vùi đầu ngủ tiếp.

## *Phượng*

Nguyễn ghé quán Trăng trong trạng thái hưng phấn. Anh gọi Phượng, cô gái tiếp viên có vẻ đẹp trầm mặc anh thầm yêu. Ánh sáng hồng mờ mờ. Nhạc êm dịu. Không khí đẫm hương hoa hồng. Nguyễn ghì đầu Phượng vào ngực, si mê thì thầm trong tóc nàng:

"Anh yêu em. Phượng."

Nàng tránh vòng tay Nguyễn, trỏ ngón tay vào trán chàng duyên dáng:

"Chờ xin xăm à!"

Nguyễn kéo Phượng sát lại tha thiết:

"Em có yêu anh không, Phượng?"

"Anh biết mà!"

"Anh không biết"

Phượng vừa cắn hạt dưa vừa nghiêng đầu, hiếng mắt nhìn Nguyễn, cười cười:

"Lấy tim ra mà xem, nhá?"

Nguyễn vớ lấy con dao trong đĩa trái cây.

"Thật không?"

Nàng cười:

"Thật"

Phượng kêu lên thất thanh. Lưỡi dao cắm sâu vào tim. Máu loang đẫm làn ngực thanh tân.

Nàng ngã vào lòng Nguyễn, thì thào:

"Anh... biết Phượng...yêu anh mà. Phượng ... yêu ... anh. Nguyễn ơi!"

## *Lúc bé*

Lúc bé, tôi rất sợ chết. Tôi nói với mẹ:

" Mẹ ơi! Con sợ chết lắm. Người chết nằm nhắm mắt, không thở. Con không dám ngủ nữa đâu."

Mẹ tôi trả lời:

"Chết nhắm mắt khác với nhắm mắt ngủ. Người sống ngủ tuy nhắm mắt, nhưng có bộ máy tuần hoàn giữ máu lưu thông. Có bộ máy hô hấp điều hòa hơi thở. Người ta chết khi hai bộ máy đó ngưng hoạt động."

Nghe mẹ nói vậy nhưng tôi không tin, tôi vẫn sợ không dám ngủ. Nhưng rồi tối đến mắt tôi híp lại và ngủ lúc nào không biết, sáng ra thức dậy thấy mình còn sống, tôi mừng.

Tôi thấy mẹ có lý và tôi yên tâm.

Lúc bé, tôi rất ham sống. Tôi nói với mẹ:

"Mẹ ơi! Sao con bò, con trâu, con voi to hơn con, chắc nó sống rất lâu. Nó có lỗ mũi thật to thở được nhiều, còn lỗ mũi của con bé xíu, hít được ít không khí quá. Chắc con sống thua con bò, con trâu."

Mẹ tôi trả lời:

"Vậy con thích làm con trâu, con voi để được sống lâu, hay thích làm người?"

"Con thích làm người hơn."

Mẹ nói:

"Trời Đất cấu tạo mỗi sinh vật có một sự hợp lý riêng để sống. Con không thấy con ruồi, con muỗi, con dế, con sâu, cái kiến..., con có trông thấy lỗ mũi chúng đâu. Vì lỗ mũi chúng rất nhỏ, nhưng chúng vẫn hít thở khí trời và sống. Con người tuy lỗ mũi có bé hơn con bò, con voi, con trâu, nhưng con người sống lâu hơn cả. Con không thấy ông nội, ngoại và bao nhiêu người già, sống cả trăm tuổi đó sao?"

"Con thích sống lâu."

"Đó là điều ai cũng mong mỏi. Nhưng sống không phải là tồn tại, như cục đá, gốc cây, mà là sống như thế nào?"

Tôi không hiểu lắm những điều mẹ nói, nhưng tôi yên tâm.

Lúc bé, tôi rất thích mây. Mây trắng, mây hồng, mây vàng, mây tím. Tôi nói với mẹ:

"Mẹ ơi! Lấy cho con một chút mây đi."

Mẹ hỏi:

"Con lấy mây làm gì?"

"Con bỏ vào túi để dành chơi."

Mẹ tôi trả lời:

"Mây là do hơi nước sông, biển bốc lên tụ lại mà thành, con không lấy cất vào túi được. Mà dẫu cho con có lấy được, cất vào túi thì mây cũng không còn là mây nữa. Con chỉ nên ngắm mây trên trời mà thôi."

Tôi không tin lời mẹ, cột các cành cây thành một sào dài, ra giữa đồng khoèo mây. Sào tuy dài, nhưng mây còn cao hơn. Tôi nếm mùi thất bại.

Tôi nghĩ, có lẽ mẹ có lý và tôi yên tâm.

Một hôm vào bếp, ngồi xem mẹ nấu cơm, nhìn lửa cháy tôi hỏi mẹ:

"Mẹ ơi! Lửa từ đâu mà có? Lửa ở trong củi ra phải không? Khi tắt rồi thì lửa đi đâu? "

Mẹ tôi nhìn tôi lạ lùng và mỉm cười âu yếm:

"Mẹ cũng không biết nữa con ạ. Con trai yêu của mẹ ơi! Sau này lớn lên con sẽ làm gì?"

"Con sẽ chăn bò, chăn trâu, bắt dế, thả diều."

"Vậy thì những câu hỏi của con để tìm trả lời là không cần thiết. Con ơi! Có nhiều điều người còn chưa trả lời được. Sau này, dù cho con có làm gì thì con cũng nên nhớ điều đó. Và con cũng nên biết có những điều con không nên đụng tới. Người leo núi giỏi là người không bao giờ lên đến ngọn. Sự chinh phục được thỏa mãn làm tiêu tan mộng mơ, nỗi háo hức, sức tưởng tượng và lòng đam mê."

Tôi không hiểu lắm những điều mẹ nói. Nhưng vì mẹ đã nói, nên tôi yên tâm.

Mẹ tôi mất đã lâu. Tôi lớn lên trên đời bơ vơ. Những lời mẹ nói năm xưa tôi đều đã hiểu. Nhưng rồi tôi gặp những điều khúc mắc khác. Một trong những điều ấy là: "Tôi là ai? Tôi từ đâu tới? Là gì? Và sẽ đi về đâu?"

Mẹ ơi! Nếu mẹ còn sống chắc mẹ sẽ trả lời cho con được. Nhưng con

## *ở lại cùng cây cỏ*

TRIỀU HOA ĐẠI

*cây hát khúc đời kia đã mỏi*
*uốn cong mình núi đã chia xa*
*mầm hủy diệt mọc trên tay ấn*
*ở lại đây, sông suối không về*

*hoa thở vội. Trối trăn lời xám xịt*
*lệnh nhân gian vội lỡ tay kề*
*gió nóng nẩy bước ngày xê xích*
*lệ nhu còn chảy ở bên kia*

*rời chốn cũ vết mưng máu chảy*
*vệt gian lao rục rịch vuông nằm*
*ngày thơ ấu ngóng đời mở khép*
*biển xa rồi. Sóng ở trong tâm*

*giấu rất kỹ trái tim nhặt được*
*bóng đời chia tầm nã giao kề*
*người ái ngại. Thắp đèn trí nhớ*
*củi tro tàn trôi giạt mai kia*

*đêm ở lại với cây với cỏ*
*chuyện thiên đường có bóng trăng soi*
*nửa mơ ước. Một ngày đẫu có*
*tượng hình ta khuất lấp mặt trời*

*Chốn cũ, mưa lầm tầm bụi ám*
*chim đi rồi, để lại tiếng kêu riêng*
*cũng có lúc giúp ta nhớ lại*
*tình của nhau. Biết có vuông tròn?*

nhớ lại những điều mẹ nói về người leo núi giỏi. Con sẽ không leo lên đến tận ngọn.

Và con yên tâm. ❐

# chút hương kỷ niệm

*Nguyễn Hiền*

Tôi ngồi trên chiếc ghế bành mây đặt nơi góc ban công nhỏ nhìn xuống đường. Thành phố buổi chiều, trước khi nắng tắt hẳn, với dòng xe tưởng chừng bất tận, như chuyển mình tìm đến chỗ ăn, chỗ chơi. Ngôi chợ xéo cửa nhà bắt đầu thu mình lại ngủ, trên sạp hàng chỉ còn nằm trơ những mảnh giấy báo tơi tả, tàu lá chuối tưa xanh úa vất ngổn ngang trên lề lấy lội. Con rạch cạn đàng xa bốc mùi bùn rác thum thủm. Tôi mỉm cười, nghĩ đến cái người ta gọi là mùi quê hương. Quê hương tôi đâu đến nỗi rách bủng và thối tha như thế. Mấy đứa bé quần áo nhếch nhác cùng hai con chó gầy xục xạo trong đống rác bươi móc. Những vật thải ra bao giờ cũng có thể là bắt đầu của một đời sống mới, của con người cũng như của con vật. Đặng dò lên gác, hỏi tôi đói chưa. Đi ăn, anh ta nói, tối rồi. 'Bà xã đâu ?' Tôi hỏi, câu hỏi đồng nghĩa với lời mời một bữa cơm. 'Bà ấy bịnh, nhức đầu gì ấy.' 'Trời độc dữ vậy hả, mới trưa này tôi còn thấy bà ấy lạng Honda mà.' 'Ừa ! Chắc trúng nắng. Thôi mình đi, để bà ấy ở nhà trông thằng nhóc.'

*

Quán ăn đông, người nhiều hơn ruồi. Hơn một nửa phanh ngực áo. Một khuôn mặt đỏ ké đến tận khoảng ngực trần nhìn tôi cười ngu ngơ chào, cánh tay gầy nổi gân chìa ra ly bia sóng sánh bọt. 'Việt kiều hả ?' Mấy cặp mắt cùng quay lại, dò hỏi. Tôi làm lơ không trả lời, kéo ghế ngồi xuống bên chiếc bàn kế cửa ra vào, quay mặt ra con lộ lởm chởm đá. Trời bên ngoài hâm hấp, cái nóng buổi chiều táp xuống, bếp lò trong góc quán bốc lửa hực lên, con người ở giữa chịu đựng. Vậy mà họ vẫn cười, vẫn nói giỡn chuyện tiếu lâm. Duy tiếng chửi có lẽ nhiều hơn tiếng bàn chuyện. Quanh chiếc bàn tròn giữa quán người ta đang lôi mẹ của nhau lên bàn làm tình tập thể bằng lời thốt ra từ những lỗ miệng sùi bọt, phun khói thuốc chưa kịp hít vào buồng phổi ám bụi đường thành phố. Đặng hắng

giọng gọi thằng nhỏ, chắc con chủ quán. Tiệm này nó quen. Thằng nhỏ, quần bò xanh bạc đít, sờn hai lỗ hở đầu gối, tất tả chạy lại, khúm núm. Đặng dặn vài câu, tôi chỉ nghe được loáng thoáng mấy tiếng bò, gà... và cuối cùng chữ Heineken quen thuộc. Chúng tôi cụng ly, dù chẳng biết cụng để làm gì. Giữa tôi và Đặng cho tới lúc đó chỉ có mỗi một sợi dây liên lạc là mảnh giấy nhỏ tôi đã cẩn thận xếp bỏ vào túi hôm trước khi lên máy bay. Giấy ghi vỏn vẹn ba hàng chữ : 'Anh Đặng. Có thằng bạn về, muốn ghé Sàigòn chơi ít ngày trước khi ra Trung. Nhờ anh chỉ dẫn giùm'. Thêm câu dặn dò trước khi tôi lên đường : 'Đặng hồi trước là thổ công Sàigòn đấy. Chỗ nào nó cũng xục mõm vào. Chẳng hiểu hồi này nó ra sao ? Dù sao cũng vẫn hơn chỗ thằng Thành. Đặng nó có phòng cho thuê chui, tự do hơn.' Tôi thầm cám ơn anh bạn, lúc vừa bước chân xuống phi trường thành phố nắng chói chang, chạm mặt với một thực tế không như mình nghĩ. Đúng như lời người bạn, nhà Đặng có phòng xây đặc biệt cho khách nước ngoài đến trú ngụ. Từ khoảng sân trước nhà có cầu thang riêng lên căn gác nhỏ. Căn phòng bé tẹo, vừa một giường một bàn một ghế một tủ. Giá biểu không treo. Nhưng địa chỉ đã được truyền miệng nhau, ra đến tận nước ngoài. Khách đến trọ, bất kể gốc Việt hay Tây, đều tiền trao, hàng nhận, không vương vấn tình cảm với mấy câu xã giao mệt óc. Hơn nữa, tôi biết, Thành là chỗ hùn hạp làm ăn với người bạn, anh ta muốn tránh, không cho tôi đến ở đậu. Ở trọ vài ngày, ai cấm mồm miệng giữ được những chuyện tôi cần giữ kín cho anh ta về vấn đề làm ăn. Xe taxi máy lạnh có bác tài lanh miệng đưa tôi về địa chỉ ghi trên giấy, sau gần nửa giờ chạy vòng vèo trong phố tung bụi vàng xám. Bấm chuông cửa, tôi gặp Đặng, quần xà lỏn cháo lòng, áo thun lỗ lấm mồ hôi, bàn tay dầu mỡ còn nắm mấy con bù loong. Tôi xưng tên, đưa mảnh giấy gởi gấm, kèm thêm tờ bạc hai chục chưa có một đường gấp, và con chó bông tôi vơ vội trong tiệm đồ chơi gần nhà buổi sáng trước khi lên phi cơ. Anh ta cầm lấy, liếc nhìn con số nơi góc, xếp lại, lận vào cạp quần, không đẩy lui khách sáo. 'Cám ơn anh'. Đặng chùi tay vào ống quần, bỏ con chó bông trong giỏ máng trước chiếc xe đạp dựng kề vách, xách va li lên, chỉ tôi lối lên phòng. Tôi nghĩ số tiền mình đưa chắc là đủ, ít nhất. Hoặc tôi hào phóng. Bằng chứng ở chỗ mới buổi sơ giao tự dưng giờ này Đặng đẩy cửa lên, mời tôi đi ăn cơm chiều. Hay Đặng nghĩ bữa cơm ra mắt đương nhiên tôi sẽ phải trả tiền. Như vậy cụng ly để mừng anh chàng có thêm chút lộc người nước ngoài mang tới, cũng có thể là một lý do để hai ly bia cùng vơi thêm một hớp.

Đặng hỏi chương trình. Tôi ừ ào cho qua, nói mai phải đi thăm Thành và vài người bạn học chung trường hồi nhỏ. 'Thành nào ?' Đặng hỏi.

'Phải Thành cơ sở Đức Hưng thầu xây cất không ?' Tôi ngạc nhiên : 'Sao anh biết ?' 'Tôi quen. Hôm trước có nghe Thành nói sắp có người về thăm bàn chuyện làm ăn. Để mai tôi chở anh đến đó.' Tôi lắc đầu : 'Thôi khỏi.' 'Thì tùy anh. Anh muốn đi đâu cứ nói.' Rượu lại dốc vội vào cổ, trơn tuồn tuột làm thức ăn chỉ chực trào ra. Đặng thanh toán hai đĩa mồi chóng vánh. Thố cơm trắng cạn một nửa. Tôi đưa mắt hỏi dò. Anh ta xua tay. 'Đủ rồi. Ăn nhiều chỉ tổ nặng bụng'. Anh chàng vớ tăm, xỉa răng lách tách, thỉnh thoảng chiêu ngụm bia giữ độ say khỏi chùng xuống. Tôi ngượng ngùng nhìn ra đường, cho con mắt tránh hàm răng lô nhô của người đang làm công tác vệ sinh hàm miệng. Đặng hỏi tôi vài câu vu vơ, dường như hỏi để cho có, không đợi câu trả lời. Hai chúng tôi chưa tìm được mẫu số chung. Những mẩu chuyện trao đổi rời rạc, dường như nói chỉ để cho mình nghe, hoặc để cho bàn bên nghe ké.

Thấy tôi che miệng ngáp, Đặng vội hỏi :

– Mệt à ?

– Chưa. Nhưng mình có tật mỗi khi uống bia là mắt cứ muốn nhắm lại. Với lại tiệm này sao nóng quá.

Đặng sốt sắng :

– Vậy thì đi. Tôi chở anh vòng vòng ra ngoài Sài Gòn coi, chớ mấy bữa nữa anh ra ngoài đó biết chừng nào mới trở lại. Anh ngồi đây chờ tôi về lấy xe.

Anh ta cắp thêm điếu thuốc chưa mồi, biến sau hàng vách gỗ. Một cách chạy làng đây, tôi nhủ thầm. Tôi ngồi lại, vơ vẩn nhìn chung quanh. Cô bé chạy bàn đã thu dọn đống chén đĩa, xương xẩu. Con chó đen có hai xoáy trên lưng ngồi dưới đất phơi của quý, lè lưỡi, giương mắt đỏ hau háu nhìn. Thố cơm dở dang được trút vội vào chiếc bịch nylon kẹp dưới nách một thằng nhỏ đang đứng lảng vảng. Nó cắp thêm hai lon bia đã cạn, còn bỏ lăn lóc trên bàn. Cô bé trở ra, trao cho tôi chiếc khăn trắng mát lạnh trộn mùi xà bông thơm hắc, và đặt lên bàn bình trà, hai chiếc ly. Một cho tôi, một cho con ma Đặng đã biến. Tôi chặc lưỡi, móc tiền trả, vừa lúc Đặng trở lại cùng tiếng gầm rú hục hặc của cỗ xe gắn máy còn bóng nước sơn mới. Tôi đứng dậy, vỗ túi, vươn vai ngáp lần chót, làm vài động tác thể dục và leo lên yên sau chiếc xe đang nổ máy sẵn chờ đợi. Đặng phóng vút đi. Hàng đèn chong sáng đường phố ngả nghiêng trong đôi mắt rượu. Thành phố với tôi lạ lắm. Đặng vừa lái vừa ngoảnh ra sau chỉ dẫn những nơi vừa đi qua. Hắn hỏi lúc chúng tôi nghỉ chân trong một tiệm nước cho tôi đi tiểu :

– Anh muốn đi đâu ?

– Tôi chẳng biết nữa. Ở đây tối có mục nào vui ?

Đặng nhún vai :

– Nếu tối thứ bảy thì có mấy tụ điểm nghe nhạc. Còn hôm nay thứ hai. Thứ hai chẳng có gì ráo. Đúng ra thì lúc nào cũng có mục. Nhưng chỉ có mấy ông lớn với dân lắm bạc mới dám vô. Dân như mình chưa đủ tiền mua vé nhìn qua khe cửa.

– Chứ thường thì tối anh làm gì ?

– Ban ngày làm mệt thấy cha. Tối bò ra ngủ. Hôm nào túi dằn được ít tiền thì thả xe dạo vòng vòng. Hôm nào dư dả rủ mấy thằng bạn vào quán bao lẫn nhau.

- Bà xã không nhằn à ?

– Nhằn với nhả. Công việc mà. Mẹ họ nó. Công an thuế vụ nhằn cả ngày chưa đủ sao, còn thêm bà xã nhằn thì chỉ có ngáo.

Khi say người ta thường trở nên dễ dãi, ngay cả với lời nói. Có lẽ nhờ thế mà Đặng trở nên bạo dạn hơn. Bạo dạn làm người ta không còn e dè khi mở nắp thùng chứa đựng uất ức tích tụ lâu ngày. Tôi cười :

– Nói giỡn chơi mà anh.

– Biết rồi. Thôi ghé chỗ này chơi.

Chiếc xe chồm lên lề, tấp vào một dãy chậu cây cảnh loè xoè những tụm lá che kín một góc. Một rặng ống trúc cưa xéo, vàng ệch thay cho mặt tiền căn phố tối đen. Tiếng kèn rên một khúc nhạc ẩm ướt xoáy vào tai lùng bùng. Giọng George Micheal gào lên cùng tiếng trompette : 'To-night the music seems too loud'. Tôi hỏi : 'Uống nữa à ?' Đặng không trả lời, chỉ gật đầu, kéo bừa tôi vào. Tôi ngại ngùng, nhưng rụt lại không kịp nữa. Đôi mắt chưa quen bóng tối hấp háy chỉ thấy những phên lá gồi chắn ngang như dãy chuồng bò. Nhưng không có bò. Chỉ có những cặp chúi đầu vào nhau. Đặng đẩy tôi vào một ngăn. Một chiếc bàn chữ nhật khập khiễng chân. Năm chiếc ghế nệm da quây thành vòng bán nguyệt, chừa lối ra hành lang chạy dài xuống sân sau. Đặng ngoắc một cô gái đang đứng vơ vẩn dựa quầy tính tiền, vạt áo trước xẻ rộng đến rốn. Thằng này đúng là thổ công. Cô gái đon đả chạy lại :

– Chào anh Ba.

Cô ta sà vào giữa. Đặng hơi nhích ra nhường chỗ cho đôi mông múp míp đặt xuống, vừa khít khoảng trống. Đặng rúc vào màng tang cô nàng, hỏi trống không :

– Hôi này sao ?

– Cũng vậy vậy thôi anh Ba. Để em kêu Nguyệt ra cho anh Ba nghe. Hai anh uống gì ?

Dường như quán chỉ bán có một thứ, vì Đặng không trả lời. Cô gái thót ra, đi vào nhà sau. Tôi ngây ngô hỏi :

– Cái này là cái gì thế ?

Đặng không trả lời ngay câu hỏi của tôi, ghé vào tai thì thào :

– Nguyệt nó dễ thương lắm. Lát nữa anh cứ tự nhiên.

Tôi định hỏi : cô ta không ghen à ? Nhưng chỗ cô gái vừa bỏ đi được trám ngay bằng một thân hình nữ uốn éo, có tóc đen dài vừa chấm vai và những móng tay đỏ màu máu bầm. Tôi mỉm cười xã giao khi nghe Đặng giới thiệu tôi với cô gái bằng một cái tên bá vơ. Những chuyện trao đổi vớ vẩn chẳng đâu vào đâu. Hai chiếc ly eo thon chưa kịp vơi một nửa đã vội đầy. Tôi nhìn miệng và đôi tay Đặng hoạt động không một phút nghỉ trên cô gái hắn quen. Cô bé có tên Nguyệt quàng tay qua vai tôi. Chắc cô ta chờ tôi khởi động. Những động tác mang lại hy vọng có được thêm một tờ giấy bạc màu xanh đọt chuối. Nhưng tôi chợt thấy dửng dưng. Có lẽ tôi đang nghĩ đến Karin. Nếu cô ta là Karin nhỉ. Karin đã lâu không còn gọi điện cho tôi nữa. Kể từ ngày thằng mặt trâu từ đâu bỗng xuất hiện. Những bắp thịt nổi cuộn ở cánh tay để trần, ở phần ngực chật căng dưới làn áo thun ngoằn ngoèo những phiến màu lập thể đã đẩy tôi ra khỏi trí nhớ của cô gái tóc bạch kim tên Karin. Bây giờ bên ấy đang là buổi chiều thứ hai. Chiều thứ hai nơi tôi ở không có những nhộn nhịp như ở đây, không có phố đông người, không có đường ngợp nắng bỏng rát mặt, nhưng có những khu rừng thưa chúng tôi đã từng quấn lấy nhau, lăn lộn trên thảm lá ẩm, đâu đó điểm vài mũ nấm trắng, xám bạc hay hồng bất chợt hiện lên kinh ngạc nhìn hai đứa. Tôi bỗng nổi giận ngang, đấm tay xuống bàn. Ly bia rung rinh sắp đổ. Cô bé ngồi cạnh sợ sệt, đưa tay đỡ, lấm lét nhìn tôi. In hệt tôi như ông thần mà nàng phải chiều chuộng. Lạ. Tôi chưa bao giờ gặp ở Karin ánh mắt chiều chuộng như Nguyệt tối này. Tôi chợt nghĩ tới đôi mắt rắn của một cô ca sĩ mình đã có thời chết mệt.

– Em có làm gì anh đâu mà anh giận vậy ?

Tôi cười giả lả :

– Đâu có. Anh bực mình chuyện bên đi làm bên đó.

– Sao ?

– Mấy thằng xếp Tây chỉ giỏi ăn hiếp.

Nàng không nói, tiếp tục rót bia ra ly, đưa tới tận miệng cho tôi. Thấy nàng khẽ liếc mắt xuống chân bàn đếm số lon còn lại, tôi chặn :

– Thôi anh không uống nữa đâu.

Bị lật tẩy, cô nàng cười trừ :

– Thôi thì thôi. Em đi lấy đậu phộng cho hai anh nghe.

Tôi gật, nhìn đồng hồ. Cô gái biến đi, như sợ tôi rút lời lại. Đặng hiểu ý, hỏi :

– Anh không thích hả ? Nguyệt nó dễ thương nhứt quán đó. Đặc biệt

cho anh mà.

Tôi không biết trả lời sao, chỉ ậm ừ, bảo Đặng : 'Thôi mình về. Say rồi.' Tôi rút tiền trả, dúi cho mỗi em một tờ. Trong chớp mắt, mấy mẩu giấy xanh biến mất trong lưng quần sa tanh láng, màu trắng và đen. Tôi ra đến cửa, ngó lại còn thấy Đặng tán dóc với mấy con bướm cái vơ vẩn trước quầy. Lúc tôi đang tò mò soi mặt mình trong kiếng chiếu hậu xem đã đỏ đến đâu thì hắn ra. Lên xe, Đặng nói : 'Nguyệt nó kẹt, không chịu đi. Tôi kiếm cho anh con nhỏ khác rồi.' 'Để làm gì ?' Tiếng Đặng thoảng trong gió : 'Ôm chứ còn làm mẹ gì nữa. Lát nó tới sau. Tùy anh cho nó bao nhiêu cũng được.' Tôi suýt bật ngửa xuống đường khi Đặng rồ ga cho xe vọt lên trong tiếng cười quái dị của thằng người say.

*

Lúc chúng tôi trở về, ngọn đèn nhỏ trên lầu đã tắt. Đặng càu nhàu, mò tìm công tắc. Có tiếng lách cách, tiếng chửi lầu bầu. Tôi hỏi:

– Đèn hư hả ?

– Chắc cầu chì đứt.

Hắn lôi trong xó tối một vật màu trắng, giơ lên soi trong vùng sáng hắt ra từ nhà hàng xóm.

– Anh còn bao thuốc đó không ?

– Gì ?

– Anh còn bao thuốc đó cho xin....

Tôi nghĩ dân thành phố này đang lậm thuốc tới mức sửa đèn cũng cần một điếu cầm tay. Nhưng Đặng không rút thuốc mà xé mẩu giấy bạc lót trong lòng hộp. Tôi tròn mắt :

– Anh làm gì vậy ?

– Cầu chì đứt. Khắc phục thôi.

Hắn se miếng giấy, nhét vào cục sứ trắng. Nút điện lại bật lách cách. Tiếng chửi thề :

– Mẹ. Đâu cũng tiết kiệm, tiếc tiền chứ tiết kiệm gì. Có miếng giấy nhôm cũng làm không xong.

Tôi lo sợ :

– Sao ?

Đặng cười :

– Quên mất là anh đứng đây. Hồi trước cầu chì đứt lấy giấy bao thuốc đút vào xài tạm cũng được một đêm. Bây giờ...

Quen ở xứ được mệnh danh là văn minh, tôi vội cản :

– Thôi để mai sửa. Anh làm ẩu rủi nó cháy nhà thì sao ?

– Thì cất nhà mới. Đặng hơi nổi quạu, đưa tay quẹt mồ hôi lấm tấm hột trên trán. Để tôi xuống coi cái cầu chì nào còn tốt lấy lên thay cho

anh.

– Thôi để đó anh. Mai tính. Giờ còn đi ngủ.

– Ngủ gì ngủ nữa cha nội. Đặng khôi hài. Tính để đèn cho anh còn thấy trắng đen chớ. Thôi mình rút nghe. Nhớ coi chừng cái bóp.

Bước chân lần xuống cầu thang. Tôi ra ban công, ngồi trên chiếc ghế mây buổi chiều đã ngồi, nhìn xuống mặt lộ đang cố nguội đi. Nghĩ vơ vẩn. Tới những gì dồn dập đến chỉ trong một ngày. Dưới nhà có tiếng con nít ho. Tiếng người nói rì rầm. Không biết có phải vợ chồng Đặng đang tâm sự với nhau về tôi chăng ? Hay hai người đang bàn tán về món bổng bất ngờ ? Khắp nơi tuồng như có ngàn con mắt đổ dồn về căn nhà. Bên dưới, cảnh ấm êm, vợ chồng, đứa con nhỏ rúc trong giường buông màn kín. Bên trên, tôi ngồi nghĩ đến gia đình tôi đang ở đậu. Đến những chuyện chúng tôi vừa trao đổi chiều nay. Đến câu tự hỏi đã mấy lần Đặng làm chuyện môi giới lạ kỳ này ? Đã có lần nào Đặng lén vợ lên ngủ trên căn gác hẹp này không ? Những dấu hỏi xoay trong đầu làm tôi không chú ý tới người con gái chợt hiện ra, đứng tần ngần trước cánh cửa lưới sắt bên dưới đang mở nửa chừng. Tôi đưa tay chào, cô gái thoắt vào, khép cửa. Những bước chân lên thang nghe như tiếng trống, hòa với nhịp trống trong ngực. Thì ra những chuyện vụng trộm cũng có những cái thú riêng của nó. Miếng kẹo cắp được trong lọ bao giờ cũng dường như ngọt hơn. Tôi đưa tay lên môi, suỵt khẽ lúc cô nàng vừa bước lên đến nấc thang chót.

– Nhẹ chút em, để họ còn ngủ.

Cô nàng cười khẽ, tiếng cười như cú rúc bị bóp mỏ. Tôi tưởng như dưới nhà bốn con mắt cùng mở lớn một lượt, hai cặp tai đang vểnh lên. Cô gái bước lại chỗ tôi ngồi. Ánh đèn vàng vọt hắt lên, soi khuôn mặt tròn với những lọn tóc xõa. Mùi nước hoa sực vào mũi. Tôi hỏi nhỏ :

– Em đi bộ à ?

– Không. Thằng nhỏ đằng quán chở em lại.

– Nó đâu rồi ? Tôi lo sợ hỏi.

– Chuồn rồi. Chút nó lại rước em về.

Tôi kéo cô nàng vào phòng. Chúng tôi mò mẫm trong tối cởi quần áo cho nhau. Lặng im. Tường như giun dế cũng ngóng cổ nhìn. Mảng vai trần lộ ra, trắng một cách lạ thường, nhám mồ hôi. Có tiếng thì thào hỏi :

– Đèn đâu ?

– Hư rồi.

– Sao không sửa anh ?

– Tiệm đóng cửa hết rồi. Để mai coi. Em cần đèn hả ?

Nàng lắc đầu, cười, chuồi xuống, đẩy cơ thể tôi lên cao trong nỗi thèm khát. Đôi môi mọng ướt vẫn tiếp tục sục sạo bới tìm. Của tôi bị khóa

cứng, muốn vỡ bung, lạc vào mê hồn cung không lối ra. Muốn thoát thân, chỉ còn cách trút bỏ những gì tôi đã cố giữ mấy tháng nay cùng tiếng kêu đã lạc mất âm điệu người. Cô nàng trườn lên, rúc đầu vào ngực tôi ngọ ngoạy. Tôi xoay người nhìn xuống. Trong tối, mắt nàng mở lớn, long lanh dường như đọng một dấu hỏi. Tôi cắn vành tai mỏng có đeo chiếc vòng bạc, lóng lánh nửa mặt trăng :

– Ở với anh đêm nay không ?

– Không được đâu.

– Sao không ?

– Thằng nhỏ đứng đợi bên dưới.

– Cho nó về. Anh đưa tiền xe.

– Em còn gia đình, lâu lâu mới dám xé rào một bữa.

– Thì xé rào luôn đêm nay đi.

– Không dám đâu.

– Anh mê em rồi.

Trong cơn hoảng loạn, tôi lúng túng tìm môi cô nàng. Nàng đẩy ra :

– Đừng anh.

Niềm hứng khởi của tôi giảm mất hơn một nửa khi nhớ đến nghề nghiệp của nàng, dù cho công việc này thuộc loại nghiệp dư, theo như nàng nói. Tôi thở ra :

– Thì nằm một lát nữa đã. Về chi gấp.

Nàng không nói, nằm úp xuống, hai cánh tay rắn thắt chặt hông, bàn tay lần lên vuốt ve hai tấm xương bả vai. Tôi lật ngửa nàng ra, trước khi nhắm mắt tôi còn thấy một nốt ruồi nhỏ bên trên khoé mắt. Nốt ruồi lớn dần, lớn dần cùng cơn mê...

Cơn mê chợt biến khi tôi nghe tiếng nàng chỗi dậy. Tôi hỏi khẽ :

– Về thực hả ?

– Ừ.

– Cần anh đưa xuống không ?

– Thôi khỏi, em biết đường xuống mà. Có nước không anh ?

Tôi chỉ tay lên đầu giường. Tiếng vòi nước xè xè, tiếng súc miệng, hớp nước, rồi đôi môi lạnh áp lên má tôi cùng những sợi tóc lòa xòa, hôi mùi nắng lẫn mùi nước hoa ngai ngái, rủ xuống mặt :

– Thôi em về nghe.

– Em kéo cửa lại giùm anh cái.

Tôi hờ hững quay mặt ngó ra, chỉ thấy tấm lưng lách qua phiến cửa đang khép lại, tiếng kêu của ổ khóa bập vào nhau, những bước chân nhẹ xuống bực cầu thang lạo xạo cát và tiếng máy xe rú lên từ xa chạy lại. Tôi chẳng còn một chút hình ảnh nào của nàng, ngoài chút nhẹ tênh sảng

khoái sau trận vật dục, hình ảnh một đốm nút ruồi mơ hồ trên khóe mắt, và bốn mẫu tự L-O-A-N còn giữ được trong đầu.

*

Nếu tôi không mang một tật xấu là không thể ghi nhớ những khuôn mặt mới gặp vào trang ký ức thì tôi đã không phải vất vả cho đến hôm nay với câu hỏi vẫn lẩn vẩn đến sau đêm hôm ấy, và cho cả đến nhiều ngày sau, khi tôi đã từ giã Thành, người tôi phải đến bàn công việc cho người bạn, và Đặng, người đã cho tôi tá túc. Bởi vì ngày hôm sau, tôi đã phải ngơ ngẩn đến mấy giây khi Thành gọi vợ mang nước cho khách. Tôi nhớ sau đó tôi đã lúng túng không còn biết những gì tôi đã trao đổi với chủ nhân về vụ hùn hạp. Bởi vì trong mắt và trong đầu tôi chỉ còn mỗi hình ảnh đốm nốt ruồi đen trên khóe mắt người đàn bà Thành giới thiệu với tôi là vợ. Nàng đặt khay trà lên bàn, mỉm cười chào, và quay vào nhà trong. Nhanh và nhẹ đến mức tôi không bắt nổi mùi hương phảng trong không gian để có thể so sánh với mùi hương từ ngực và từ mái tóc cô gái đêm qua tôi còn giữ lại. Tấm sáo trúc hở ra trong khoảng khắc rồi khép lại như tuồng không có gì thay đổi trước đó. Lúc cáo từ người bạn làm ăn, trên đường trở về căn nhà trọ, ôn lại câu chuyện vừa mới bàn bây giờ đang dần dần trở về trong trí, tôi mới chột dạ thấy mình đã hớ hênh nhiều điều. Bữa cơm tiễn tôi hôm sau lên đường ra Trung, Đặng thỉnh thoảng nhìn tôi cười tủm, nụ cười tôi không biết ngụ ý thầm hỏi thăm tôi chuyện đêm rồi, hay chọc ghẹo tôi đã bị vào chiếc bẫy đã giăng. Tôi nhớ đến lời anh bạn dặn nhỏ trước khi tôi về : 'Đặng hồi trước là thổ công Sàigòn đấy. Chỗ nào nó cũng xục mõm vào.' Có lẽ bây giờ Đặng vẫn tiếp tục là thổ công mảnh đất đã trở nên bát nháo này. Hay là... ngay chính trên mảnh đất bát nháo này, có những cặp vợ chồng đã chỉ còn trơ ra là những con người đầy toan tính, chỉ sống hờ với nhau như một giao kèo bất đắc dĩ phải thi hành cho tròn lời giao ước trong những đêm đam mê ngày xưa ngợp ánh trăng màu sữa ? Tôi đã cố tìm một kẽ hở thời gian để hỏi thẳng Đặng cho ra lẽ, nhưng chính vì tính quân tử tàu, sợ chén đĩa bay khi tôi đã khăn gói ra đi, tôi đành để trôi mất cơ hội không bao giờ gặp lại, và mang thêm mối canh cánh bên người.

*

Có lần, ông Piet, người phụ trách tìm thị trường mới cho hãng bảo tôi:

– Xứ tụi mày kỳ cục. Không thể tin được.

-- Sao không tin ?

– Dân da vàng tụi mày biết rõ tụi tao như đi guốc trong bụng. Tao tưởng hiểu được tụi mày, nào ngờ cuối cùng lại bị cho vào xiếc. Có khi nó dám đưa cả vợ con nó ra làm mồi nữa – Ông ta lắc đầu – Mày có biết

thằng Bobby không ?

– Bobby nào ? Cái thằng sói đầu bên Bangkok đó hả ?

– Ừ. Nó mò sang Saigon ký hợp đồng hợp điếc gì đó. Thằng môi giới xì nhỏ với nó là có đứa cũng đang ngấm nghé hợp tác, lại đưa điều kiện dễ dàng hơn. Thằng chả còn làm bộ thân tình, hé cho thằng Bobby xem hồ sơ mật. Ai dè thằng Bobby cũng đâu phải tay vừa. Kinh nghiệm đến sói đầu ra mà...

– Bộ thằng Bob biết tiếng Việt hả ?

– Cái đó thì tao không biết. Nhưng chắc nó có đường dây riêng, nên mới phanh ra. Mày biết đứa nào đưa hồ sơ cạnh tranh với thằng Bob không ?

– Ai ?

– Thì con mụ vợ của lão chủ xí nghiệp chứ còn ai vào đấy nữa. May là thằng Bob già đầu, chứ như tao thì chắc có nước vỡ mặt.

Ông ta lắc đầu, đưa hai tay lên, dấu đầu hàng : 'Mày thấy đó. Tao đến đầu hàng tụi bây thôi.'

Tôi đành giữ thái độ trầm ngâm im lặng như một thiền sư đang suy công án. Bởi nếu ông ta biết những gì đã xảy ra cho tôi trong mấy ngày khó quên đó, cùng những chuyện còn đang quay trong đầu tôi, hẳn ông sẽ chế nhạo tôi ? Không đâu, có thể ông ta sẽ vỗ vai tôi cười, cái cười thông cảm của người đồng bệnh. Riêng trong tôi, chút hương đêm ngày nào và điểm đen nốt ruồi nằm trên khoé mắt vẫn còn vương lại lâu, rất lâu. Ngay cả sau khi thằng mặt trâu đã bỏ đi đâu mất biệt, và Karin lại trở về với tôi cùng với mảnh tình đã mẻ đi một góc.

Ít năm sau trở về chốn xưa, tôi tò mò tìm đến nhà Đặng, nhưng căn nhà đã đổi chủ tự bao giờ. Tôi chưng hửng đứng lặng nhìn những bụi hồng dại trồng bên tường của một cửa hàng bách hóa với bảng tên loằng ngoằng ba con số. Những quán đèn mờ nay cũng đã đổi thành một dạng khác kín đáo hơn. Cả một vùng quá khứ bỗng dưng như bị xóa sạch, chỉ còn tôi thơ thẩn với mùi hương trong trí cũng đã bắt đầu phai.❐

**Cáo lỗi:** Vì có nhiều bài vở cần đăng ngay cho hợp thời gian tính, Văn Học xin gác lại một kỳ mục "Văn liệu về Văn học Hải ngoại". Trên Văn Học số sau, chúng tôi sẽ giới thiệu một số văn liệu về nhà văn-họa sĩ Tạ Tỵ và nhà thơ Lưu Nguyễn.
Trân trọng cáo lỗi cùng quí bạn đọc.

*Văn Học*

# truyện ngắn ngắn

*Hoài Mỹ*

## *Sinh nhật của thằng Tú*

- Thứ bẩy tới sinh nhật của con, ba ạ.

- Thế hả?

- Đố ba con lên mấy tuổi đó.

-...Tám.

- Sai. Chín.

Thằng Tú cười còn ba nó thì vẫn không rời mắt khỏi màn ảnh ti vi.

- Lần nào ba cũng nói trật tuổi con.

Không thấy ba nói gì, thằng Tú tiến lại gần, thân mật đặt tay lên vai ba nó:

- Sao ba mê xem đá banh quá vậy, ba?

Ba nó cười hì hì:

- Hấp dẫn lắm con ơi!

Vừa dứt câu ba nó nhổm người dậy, xít xoa trước cú sút đẹp của một cầu thủ. Thằng Tú cũng liếc nhìn ti vi, nhưng rất thờ ơ:

- Sinh nhật nào của con ba cũng hứa cho con đi chơi, lại thôi. Như năm ngoái, ba nói đưa con đi xem xiệc, sau đó ba mắc coi Brasil đấu với Argentina.

Nghe con trách, ba nó cũng động lòng. Thằng Tú tính đi ra nhưng ba nó đã kéo tay nó lại, âu yếm nói:

- Ừ, ba xin lỗi. Thế thứ bẩy tới con muốn ba dẫn đi đâu? Xi nê hay lại đằng Hồ Cá? Tùy ý con chọn.

Mắt thằng Tú sáng lên:

- Chắc không ba?

- Ba hứa danh dự.

-Con muốn xem kịch Pinochio. Tụi Na Uy lớp con đứa nào cũng xem rồi.

- Ô kê. Xem kịch xong ba sẽ đãi con một chầu Mc Donald, sau đó đi mua đồ chơi. Chịu chưa?

- Vậy con khỏi mời tụi bạn tới dự sinh nhật con, ba nhé.

- Mời trễ cũng chẳng sao con à. Hôm sau chủ nhật mà.

- Thôi khỏi, ba. Để con với ba đi chơi đã đời luôn.

Từ lúc đó thằng Tú sống trong sự nôn nóng. Nó cảm thấy ngày giờ đi chậm rì. Vào lớp nó khoe với cô giáo và lũ bạn về lời hứa của ba mình.

Sáng thứ bẩy trong bữa điểm tâm, ba thằng Tú dặn vợ là chiều nay hai cha con sẽ không ăn cơm nhà. Mẹ nó vui ra mặt vì thấy con mình vui. Chưa tới giờ đi mà thằng Tú đã mặc sẵn quần áo đẹp. Thỉnh thoảng nó lại nhìn đồng hồ hỏi mấy giờ rồi.

Sau cùng thì cũng tới giây phút mong đợi. Thằng Tú nắm tay ba nó để cùng xuống nhà đậu xe. Nó được ba đồng ý cho ngồi ở ghế trên. Nó cảm thấy mình lớn hẳn, sung sướng vì sinh nhật năm nay nó muốn gì được nấy.

Ba nó mở máy. Chiếc xe rung lên một hồi rồi im. Thằng Tú hơi lo. Ba nó thử bốn năm lần nữa mà máy vẫn không chịu nổ. Ruột gan thằng Tú bắt đầu thắt lại. Sau khi giở nắp xe lên xem xét các bộ phận, thấy không có gì khác thường, ba nó lại đề máy. Vẫn không kết quả. Cuối cùng ba nó quay sang nó, nhún vai:

- Chịu vậy!

Rồi ba nó lật tay áo xem đồng hồ:

- Còn hên, vừa đúng giờ trực tiếp trận bán kết. Mình lên xem tivi cũng được, con nhỉ.

Nói xong ba nó vội vã lên nhà.

Thằng Tú vẫn ngồi bất động trong xe.

## *Hắn*

Nàng mân mê ngón tay cụt hai đốt của hắn:

- Chắc anh phải thương...người ta dữ lắm, mới...hy sinh thế này.

Hắn nhún vai, trả lời cho qua:

- Cũng...vậy thôi.

- Cũng vậy là thế nào?

-Thì anh đã kể, tại nó tự tử...Mà cũng lỗi ở anh, hứa bỏ đánh bạc rồi...vẫn đánh hoài.

Quả thật hắn cũng đã một lần lập gia đình. Tuy nhiên có vợ rồi hắn cũng không thể nào tẩy nổi chất máu đỏ đen trong người hắn. Bao nhiêu

tiền kiếm được hắn đều nướng vào các canh bạc. Vợ hắn khóc lóc, năn nỉ mà hắn vẫn chứng nào tật nấy. Tuyệt vọng, vợ hắn uống thuốc ngủ tự tử, nhưng may được cứu kịp. Lúc đó hắn cảm thấy hối hận vô cùng. Hắn thề sẽ chừa đánh bạc, nhưng vợ hắn trả lời không đời nào tin. Hắn lặng lẽ xuống bếp lấy con dao to bản mà vợ vẫn dùng để chặt xương bò nấu phở. Đứng hiên ngang trước mặt vợ, hắn đặt bàn tay trên tường, chém lìa ngón tay giữa. Vợ hắn hét lên, ngất xỉu.

Thế nhưng khi ngón tay cụt đó khởi sự lên da non thì cũng cùng lúc hắn bị mất việc và vợ hắn bỏ chồng đi theo một gã Na Uy. Hận đời đen bạc, nhưng hắn cũng chỉ biết nhìn ngón tay cụt mà...tiếc!

- Anh nghĩ gì vậy?

Hắn lắc đầu:

- Chẳng nghĩ gì cả.

- Hỏi thật anh nhá, anh còn thương...người ta không?

Giọng hắn chắc nịch:

- Không! Anh chỉ yêu mình em thôi.

Nàng cười:

- Thật không?

Giọng hắn càng nghiêm trọng:

- Em là tất cả đời anh!

Nàng vẫn cười:

- Tỉ dụ bây giờ em đòi anh...chặt ngón tay để chứng tỏ anh yêu em thật tình, liệu anh dám không?

Hắn lặng thinh. Nàng ôm bàn tay hắn trong đôi tay của mình:

- Em nói đùa đấy. Em biết anh không...can đảm làm vậy nữa đâu, nhưng em tin anh.

Nàng về rồi mà hắn vẫn ngồi như pho tượng ở ghế sô pha; đầu óc nghĩ ngợi mông lung.

Từ ngày vợ bỏ, hắn sống âm thầm, tránh gặp mọi người. Hắn thường giấu bàn tay cụt ngón giữa trong chiếc găng tay dù vào thời tiết nào. Cho tới một hôm trong khu vực hắn ở, xuất hiện một thiếu nữ tuổi chừng quá đôi mươi. Lần đầu vô tình gặp nàng, hắn ngẩn ngơ ngay. Trái tim của hắn tưởng đã vĩnh viễn khô héo, bỗng thổn thức trở lại. Hắn nhận thấy nàng có một vẻ đẹp thần sầu. Hắn tìm mọi cách làm quen với nàng và hắn đã thành công. Chỉ một thời gian sau hai người đã tỏ ra cảm thông và thương nhớ nhau. Tuy vậy thỉnh thoảng nàng vẫn không giấu nổi nỗi hoài nghi về tình cảm của hắn. Điều này khiến hắn vừa khổ sở lẫn bực bội.

Hắn sợ mất nàng. Hắn muốn chứng minh cụ thể rằng đời hắn không thể thiếu nàng. Hắn vẫn ước ao có dịp để buộc nàng phải tin rằng hắn yêu

nàng thật sự.

Sáng hôm sau, ngoài trời tuyết rơi trắng xóa. Trước mặt hắn không phải tách cà phê thường lệ mà là ly rượu mạnh và một cái hộp mạ vàng hình trái tim. Hắn uống một hơi cạn ly rượu. Cơ thể hắn nóng bừng. Hắn từ từ tháo chiếc găng tay ở bàn tay trái ra, ngắm nghía từng ngón một. Hình ảnh người yêu hiện ra rực rỡ hơn bao giờ hết trong tâm trí hắn. Bằng một cử chỉ khoan thai, hắn lấy cây kim may áo gạch nhẹ trên đầu ngón tay trái. Một dòng máu ứa ra. Hắn dùng que tăm chấm máu, viết trên tờ giấy trắng: "Gửi em chứng tích tình yêu của anh". Rồi hắn đứng dậy - vẫn với thái độ hết sức bình tĩnh - đặt ngón tay út lên mép bàn. Tay phải hắn với lấy con dao thái thịt đã để sẵn trên kệ gỗ, giơ lên. Phập! Hắn ngã xuống, ngất đi.

Vừa lúc đó điện thoại nhà hắn reo. Tối qua hắn quên gỡ máy trả lời tự động. Tiếng hắn phát ra từ cuộn băng: Sau tiếng tít tít, xin vui lòng cho biết quí danh...Khi về, chúng tôi sẽ gọi lại... Từ đâu dây bên kia, giọng phụ nữ: ..."Em đã quyết định sẽ đi xa...thật xa...Anh đừng tìm em nữa..".

## *Tiên học lễ...*

Rồi khóa học cũng đến hồi chấm dứt. Nó trôi chậm hơn dự đoán. Cách nay gần một năm, Loan đã háo hức cùng với hơn hai chục sinh viên khác từ Âu châu về Việt nam học. Giờ lại sửa soạn rời xứ sở này. Loan không hiểu các bạn da trắng của cô thế nào, buồn hay vui, quyến luyến hay nôn nóng. Cô chỉ thấy họ lúc nào dường như cũng cười nói rộn ràng. Riêng Loan, cô vẫn thấy thốn đau trong lồng ngực. Tâm trạng của cô khác hẳn với ngày về nước.

Năm ngoái, khi đặt chân xuống phi trường Phú Bài, Loan xúc động hết sức. Cô mang niềm hãnh diện của người đi xa nay được trở về nhà mình. Thời gian đầu Loan tập làm quen với khí hậu nóng bức, sự thiếu thốn tiện nghi tong cư xá và cả với tiếng ồn ào, bụi bậm ở hè phố. Cô chịu đựng được tất cả. Cô đại lượng với hoàn cảnh khắc nghiệt của đất nước...Nhưng rồi càng ngày cô càng cảm thấy mình lạc lõng trên chính quê hương mình. Khi ở Na Uy, dù Loan nói tiếng và sinh hoạt y như dân bản xứ, nhưng cô vẫn ý thức mình là người Việt. Nay ở Việt nam, những gì Loan hấp thụ được từ bé ở Tây phương lại là những thứ trở ngại cho việc hài hòa của cô với văn hóa dân tộc. Bởi vậy Loan mong sớm rời khỏi chốn này để trở về với nơi tuy không phải quê hương mình, nhưng cô đã quen và hội nhập được.

Niềm an ủi duy nhất Loan tìm được ở đây là sự hiện diện của thầy Tín. Vì chỉ mình Loan là người Việt trong nhóm nên ban giám hiệu đãi ngộ cô thêm hai giờ học tiếng Việt mỗi tuần; một mình với thầy Việt riêng.

Thầy Tín chắc cũng trên sáu chục. Tóc thầy đã bạc gần hết. Cặp kính trắng dầy làm khuôn mặt của thầy nghiêm nghị. Giọng thầy khàn khàn, nhưng dáng thầy nho nhã. Loan cảm mến thầy ngay. Nhìn thầy, cô nhớ tới bố mình.

Thầy Tín tận tâm, chỉ bảo Loan cặn kẽ. Chỉ sau ba bốn tháng Loan thấy vốn liếng tiếng Việt của mình giầu hẳn lên. Loan đã viết được bài văn, đã đọc được báo hàng ngày và với sự chỉ dẫn của thầy, cô thưởng thức được những áng thơ, đoản văn của các tác giả Việt nam. Loan nhớ ơn thầy Tín.

Nhờ những giờ tiếngViệt, Loan đỡ cảm thấy thời gian đi chậm.

Trước mấy ngày lên đường trở về nước ngoài, trong khi các bạn cùng khóa bận rộn mua sắm những vật kỷ niệm, Loan nghĩ đến một món quà biếu thầy Tín để tỏ lòng biết ơn. Cô thấy khó khăn quá. Vật nào cũng có vẻ tầm thường và chẳng mang một ý nghĩa tinh thần nào cả. Loan chợt nhớ tới những bài văn mô tả sinh thú của những người lớn tuổi khi ngồi nhâm nhi ly trà lúc ban mai hay khi chiều tối bên ngọn đèn. Hình ảnh thật thanh tao. Loan thở ra nhẹ nhõm.

Theo địa chỉ thầy Tín đã cho, Loan đem một cặp hộp trà Tàu loại thượng hạng và một cặp hộp kẹo vừng thứ ngon nhất đến nhà thầy. Một bé gái ra mở cổng cho Loan và mời cô vào phòng khách. Loan đoán bé này chắc là cháu của thầy Tín.

Thầy tiếp Loan vui vẻ. Khác với dáng điệu đạo mạo trong lớp, lúc này thầy Tín cười nói nhiều, hỏi thăm gia đình của Loan ở ngoại quốc và nhắc nhở cô tiếp tục đọc sách tiếng Việt.

Loan đặt những hộp quà lên bàn, nói lời cảm tạ công ơn dậy dỗ của thầy trong mấy tháng qua. Thầy Tín dụi điếu thuốc hút dở xuống chiếc gạt tàn bằng sứ, hơi chồm người tới trước, đưa tay cầm hộp trà lên. Giọng thầy chợt chùng xuống:

-Trà...Việt nam à ?

Loan đáp lí nhí:

-...Dạ...

Thầy cầm hộp kẹo lên. Hai đầu lông mày của thầy như cau lại sau làn kính:

-Cũng kẹo...Việt nam à ?

Loan ngồi cứng người trên chiếc ghế mây. ❐

# Hai lần tiễn đưa và mấy thứ bỏ dở

*Trúc Chi*

"A-lô, toa/anh/yêng/mày/cậu/đằng ấy/bên nớ/bác...muốn viết gì thì viết."

Những cú phôn thường có một câu đại loại như vậy. Đặt máy xuống, tôi vẫn lấy làm mừng vì trong số nhân xưng đại từ trên đây, chưa nghe ai dùng chữ cụ. Tôi vốn không có nhiều kỷ luật với chính mình, cho nên thường lấy làm khổ sở khi phải tự trói mình vào một đề tài nào đó. Cái *uyên* đành là không có rồi mà cái *bác* cũng không nốt. Vả chăng, chọn lấy một thứ là phải bỏ mọi thứ khác, mà mình lại ham hố. Tuy vậy mà trong cái khổ đó cũng có cái sướng. Sướng ở chỗ muốn viết gì thì viết, không ai cấm, có cấm cũng không được. Không muốn viết cũng được, không ai bắt, có bắt cũng không xong. Kể như tôi tình nguyện một trăm phần trăm mà xung phong ra...văn trường. Chỉ lo sao cho chữ nghĩa chúng nó khỏi mắc cỡ vì mình trước; thứ đến, mình khỏi hổ ngươi vì chữ nghĩa của chính mình. Coi vậy mà khó dữ.

Anh em đã để cho mình rộng chân rộng cẳng thì mình cũng nên rón rén, cẩn thận một chút, không thì phụ cái chân tình của họ. Xưa nay tôi vẫn quí cái tấm lòng của những người bị một động lực nào đó - có người gọi là nghiệp dĩ, là cái thập tự giá phải vác - nó thôi thúc, nó đẩy, nó dồn đến chỗ phải trải kinh nghiệm sống lên mặt giấy - dù là kinh nghiệm để nguyên con hay có chế biến. Là vì tấm lòng đó, thường không được quảng bá trên mặt báo, trên ra-đi-ô, trên ti-vi, nhưng khi có dịp cho nó được thố lộ - qua những ly rượu, chén trà, điếu thuốc trong những buổi nhàn đàm song ẩm - nó thiệt lắm, mà cũng hiếm. *Khối tình lăn lóc cổ câm* (kim), *cõi trần được một tri âm đã nhiều*. Nhất là từ khi qua đây, ai mà có thì giờ cho ai! Không biết cái ma lực nào nó dẫn họ đến chuyện nghịch ngợm với chữ nghĩa chứ tôi biết phần nhiều họ là những người mà chuyện viết lách và

chuyện mưu sinh nó không ăn nhập gì với nhau cả. Lúc *hì hục*, chữ của Nguyễn Vỹ, ngồi trước máy đánh chữ, máy computer, hay tờ giấy trắng, tôi biết họ gồng mình, nghiêm chỉnh lắm. Vậy mà có ai động đến những đứa con đẻ của họ, họ chỉ khẽ cười: "Thì cũng viết chơi chơi vậy thôi."

Thành thử, tự nhiên mà bị hụt đi mất một người bạn viết lách,đôi khi cũng buồn. .Cách đây già nửa năm, một anh bạn thơ của tôi bỏ California đi tiểu bang khác. Bạn tôi nghiện trà mà lại đi đến một nơi khó kiếm ra trà ngon. Đã mấy ai khi đi lập nghiệp lại sau khi đã nhìn thẳng vào lòng mình, vào cuộc đời mình trong suốt gần năm mươi năm, đã mấy ai mạnh dạn chuyển sang một lối đi khác ở cái tuổi đó mà lại lấy cái khoái khẩu làm ưu tiên trong sự lựa chọn quyết liệt ấy. Biết vậy, tôi bảo nhà tôi ra ngoài chợ Tàu kiếm một ít trà thật đặc biệt làm quà tiễn chân bạn trên con đường thiên lý hiểu theo nghĩa đen: từ đây qua tiểu bang ấy, cũng đến trên hai nghìn dặm. Không có đoản đình trường đình gì cả, thành thử rượu cũng không. Chỉ nắm tay nhau thật chặt theo kiểu Tây, rồi lên xe. Cái dáng gầy của anh bạn tôi, vừa vẫy tay vừa cười khi đứng bên vệ đường mà chào tôi, đã dừng lại khá lâu trong đầu tôi, khi tôi rù máy ra về. Ngồi trên xe mà tôi sực nhớ đến mấy câu thơ Đường thiệt đẹp nhắc đến lòng kẻ ra đi buồn như áng mây nổi, còn tình bạn cũ thì sầu như bóng chiều tà.Quên mất nguyên văn, chú không thì cũng viết ra đây. Một lần, tình cờ lái xe qua chỗ ở cũ của bạn, tôi có một cảm giác hụt hẫng. Chiều hôm ấy, hớp rượu vang đầu tiên trong bữa cơm tối, nghe đăng đắng. Vĩnh biệt, chia lìa trong kho kinh nghiệm sống của một người Việt trót sinh vào chiến thời, *Mỹ Âu đất há chật gì, Thành lính sinh ở Trung Kỳ Việt nam*, ai mà không nhiều lần sống với những cảnh đó trong mấy chục năm qua! Mình cũng tưởng lòng chai đá rồi. Đường đường một đấng nam tử phong trần dày dạn mà! Đâu có *nhi nữ thường tình* như vậy được. Nhưng mà thú thật, tôi cố làm thản nhiên mà ăn cho xong bữa cơm tươm tất cho vui lòng vợ hiền đấy thôi, ăn lấy rồi. Chứ cái lần tiễn bạn ấy, héo cả ruột.

Chuyện gần, đôi lúc uống trà một mình, nghĩ tới còn buồn. Vậy mà không bằng cái chuyện xa lắc xa lơ đã ngót ba mươi chục năm ở tận nước Lào. Mất một người bạn thơ phú ở bên đó, bây giờ nghĩ tới, còn tiếc quay. Dạo ấy, thỉnh thoảng nghề nghiệp đưa tôi xuống Paksé, bên bờ sông Mékong. Sinh hoạt ở cái tỉnh lẻ ấy thật yên bình. Nếu không có một vài chiếc quân xa chất đầy binh nhu thỉnh thoảng gầm gừ bò ngang qua cái khách sạn nhỏ mà tôi đang trọ, nếu không phải đến dự những buổi họp thường nhật để nghe chỉ dẫn về tình hình chiến sự ở Attopeu, Lao Ngam, Saravane ... có lẽ tôi cũng tạm quên rằng cái dân tộc rất hiền lành, rất hiếu hòa này đang gánh chịu cả một phần cuộc chiến ở Việt Nam, Kampuchia.

Công việc trong ngày xong xuôi, tối đến không biết làm gì cho hết thì giờ, tôi thường tìm đến nhà mấy người Lào, vốn là bạn cũ trước từng"du học" ở Việt Nam, nhắc chuyện...đời xưa, tiếc thời còn nghịch ngợm phá phách ở trong ký túc xá. Uống một ly rượu, đánh một ván cờ échec. Tôi thường thua. Nhưng cũng vui, vì sau mấy lần xiểng liểng tội chợt nghĩ ra rằng trong bàn cờ tạm gọi là cờ Tây đó - gốc gác đâu bên Ấn Độ hay Ba Tư - Vua không phải quanh quẩn trong cung, xuất trận là chuyện thường, tuy cũng phải đợi đến tàn cục mới phải thân chinh. Bà Hoàng, trên bàn cờ tiếng Pháp là con Reine, thì ôi chao, quyền nghiêng cả thiên hạ, mạnh gấp mấy lần con xe trong cờ tướng Tàu. Bốn phương tám hướng, Bà muốn bắt con nào cũng được. *Lệnh ông không bằng cồng bà.* Chỉ kỵ có thằng Điên - le Fou - trừ khi cần phải thí mà thắng luôn ván cờ. Muốn hiểu manh mối của vạn sự, e phải đi tìm cho ra người đàn bà chủ chốt chăng.

*Một trăm năm đô hộ giặc Tây.*Đối với một lớp người trước tôi *Tây nó ghê lắm*, và tuy không phải là Tây họ nói cái gì cũng trúng cả, nhưng mà hình như họ có khuyên một câu nghe cũng lọt lỗ tai: cứ *chercher la femme* là ra đầu dây mối nhợ.

Còn tượng kỳ của Trung Quốc mà mình gọi là cờ tướng tuyệt không thấy bóng dáng Vua đâu cả. Tha hồ mà chỉ huy, mà đấu trí. Mặc sức mà *Rao tam quân chỉ nọn cờ đề, Y như lịnh khai thành hỗn chiến!* Bên nào được bên nào thua không có ăn nhập gì đến ông vua của ai cả. Ông Thiên Tử ngồi trên ngai vàng là do mệnh trời, không có quyền thua! Ấy, dân ba nước Kampuchia, Lào và Việt Nam chết như rạ, xất bất xang bang sau một hai "ván" ở Đông Dương mà mấy ông "vua" Mỹ, Pháp,Trung Quốc và Liên Bang Xô Viết - nay có vẻ như khiêm tốn hơn với vỏn vẹn có một chữ Nga - cứ phây phây ra đó, cứ chễm chệ trên ngai với quyền phủ quyết trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc! Ai cấm!

Một trong những buổi tối đánh cờ với bạn Lào, tôi đã gặp một người công chức hưu trí, trước là ông Phán Đầu Tòa, trong phủ Khâm Sứ Pháp ở Vientiane. Hồi Mỹ bắt đầu trực tiếp nhúng tay vào việc nội bộ nước Lào, với tư thế một nhân sĩ trong tỉnh, ông được mời làm hội viên danh dự trong một hội thân hữu nọ, có sự tham gia của một vài nhân viên ngoại giao, viện trợ Mỹ. Không hiểu lục đục ra sao đó mà sau mấy tháng, ông rút lui. Trước khi ra khỏi hội và sau khi đã đọc một bài diễn văn bằng tiếng Pháp ca tụng nền văn minh xứ cờ hoa, ông cũng đã dùng tiếng Pháp mà rỉ vào tai một nhân viên ngoại giao Mỹ câu nói sau đây:

"Tôi xin cám ơn hảo tâm của chánh phủ quí quốc,nhưng mà nhân dân tệ bang chúng tôi, nhất là tôi, già rồi, vốn không quen với lối nói chuyện thiếu chữ *s'il vous plait* ở cuối câu.Tôi dốt nát, hình như tiếng Anh là

*Please*, phải không thưa ngài "

Người công chức già này, sau đó chống ba-toong đi bộ về nhà,không dùng đến cái xe Cadillac mà đại diện Mỹ trước đó đã đón ông đến dự bữa cơm gút-bai.*Qui khứ lai từ.*Thuật lại câu chuyện ấy cho tôi nghe trong bữa cơm có *tăm xụm* (gỏi đu đủ) và gà nướng than, ông vừa xé một cái đùi gà thơm phức, vàng rụm, vừa quay sang nói với con trai (bạn học của tôi):

-" Lúc đó, Ba thấy quả đã đến lúc phải cho họ một bài học."

Tôi không biết nôi bộ lủng củng ra sao mà ông phản ứng mạnh dữ vậy, nhưng tôi hiểu. Chính sách ngoại giao của các chính phủ Mỹ trong mấy chục năm nay,hay dở thế nào không biết, nhưng mà lúc thi hành đường lối viện trợ cho nước ngoài, có vẻ như cấp thừa hành của họ được nhiều nước biết đến nhờ vào cái tài chuyên môn vặn tay kẻ khác, có khi vặn kỹ quá, sái tay người ta cả. Có vẻ như họ hơi thiếu một chút tế nhị, nếu có. Tối hôm ấy, trên đường về khách sạn,nhìn lũ trẻ con Lào bên ngoài một tiệm nhảy, đang múa máy kiểu Lào,theo một điệu cha-cha-cha, hắt ra từ bên trong (người Lào vốn thích múa), tôi chợt nghĩ rằng không phải là cứ ra vào sân Trình cửa Khổng mới thành kẻ sĩ. *Kinh đô cũng có người rồ, Man di cũng có sinh đồ trạng nguyên.*Thi cử ngày trước bằng tiếng Phạn, tiếng Pali ở nước Lào ra sao, tôi mù tịt. Cả nước Lào, kiếm cho ra một người làu làu Tứ Thư Ngũ Kinh chưa chắc đã có. Nhưng mà có một đôi người như ông Phán già nọ. Tôi biết.

Quên mất anh bạn thầy tu thích làm thơ. Xin kể tiếp. Chính cái hôm sau buổi tối nghe được câu chuyện đượm màu dũng khí của thời Nho giáo còn thịnh ở bên Tàu, bên mình, mà tôi gặp lại một người bạn thơ, nay đã là người thiên cổ.

Tôi gặp lại bạn cũ từ thời ở Huế tại ty cảnh sát Paksé, trong phòng gia hạn giấy phép cư trú. Tôi nhìn thật nhanh vào đôi chân dính đất bụi, không giày dép gì cả, vào cái nải bằng vải thô màu cổ đồng có chỗ đã sờn đeo trên vai, vào tấm vải nâu rộng khổ cuộn trên người theo lối ăn mặc của các vị tăng tiểu thừa. Tôi sực nghĩ đến một chiến sĩ Phù Tang, sau khi Nhật thất trận, cũng cạo đầu mà khoác tấm vải nâu, chỉ đeo trên vai một cái đàn harp - hình như ta gọi là đàn hạc - lần mò qua tận rừng già bên Miến Điện mà lượm cho kỳ hết xương tàn của bạn đồng đội trong một đơn vị của Hoàng Quân Nhật, trước đã bỏ mình trong một trận dội bom của không quân Đồng Minh. *Quân bất kiến Thanh Hải đầu, cổ lai bạch cốt vô nhân thu.* Cái nhân vật chính ấy trong một phim của Kurosawa, phim *Cây Đàn Hạc Miến Điện*, vụt trở về trong đầu tôi khi tôi nhìn người bạn từ thời trung học, băn khoăn tự hỏi không biết anh đi tu từ bao giờ và sao lại tu ở Lào. Chừng đoán được ý nghĩ của tôi, bạn tôi nhoẻn miệng

cười:

-" Mình tu cũng lâu rồi, theo đại thừa ở Việt Nam, nhưng mà qua đây ăn mặc như vậy cho tiện."

-" Bây giờ xưng hô thế nào đây? Anh hay là Thầy hay là tên thiệt như ngày trước?"

-" Chi cũng được."

Tôi chọn giải pháp quen miệng nhất, dễ nhất,rồi vì nghề nghiệp nó làm cho mình méo mó, hỏi một câu thật dốt:

-"Mà sao Đ. lại lưu lạc qua đây?"

Vẫn nụ cười thật tươi, bạn tôi đáp:

-"Mình vô chùa rồi thì đâu cũng là đất Phật, lưu lạc chi."

Tôi cũng không gặng thêm nữa. Người ta, khi đã vào chùa rồi, khi đã nắm trong tay cái bó đuốc do họ thắp lấy cho chính họ, không phải bó đuốc cười đời của Diogène, thì chuyện "tại sao" họ tự giải quyết dứt khoát lắm rồi. Cứ giữ cái thói tò mò của thế nhân, như trang bìa sau những quyển sách Truyền Bá *Ở đâu? Tại Sao? Ai? Thế Nào?* mà hỏi tọc mạch quá lại thành ra kiếm đề tài tủn mủn cho những buổi nói chuyện có tính cách ngồi lê. Khiếm nhã nữa. Không nên. Tôi tự răn tôi như vậy rồi nói qua chuyện khác.

Mà nói chuyện với một ông thầy tu kể cũng khó. Đành là bạn đấy, nhưng mà với người tu hành mình cũng nên tự kiểm duyệt một chút. *Tự ý đục bỏ*.Không lẽ đem chuyện thanh sắc ra mà làm quà. Không lẽ lại nhắc đến cái thân hình tròn lẳn của người vũ nữ gốc Bắc Thái, tận bên Chiêng Mai, đầy sinh lực, đầy cám dỗ đấy, nhưng mà vô phúc dùng ngay một thứ dầu thơm mà mình bị dị ứng, cay mắt cay mũi, ngứa cổ ngứa miệng. Chưa biết ai vô phúc đây. Không lẽ lại kể cho thầy nghe cái ngon miệng trộn với nỗi nhớ nhà của một dĩa tôm kho măng thật cay có nêm ruốc, tình cờ được ăn trong một cái quán nhỏ ở Kuala Lumpur vào một chiều mưa tối tăm đất trời giữa một cơn giông cuồng bạo như biết bao trận giông khác của miền nhiệt đới.Y chang kiểu kho cổ truyền Huế. *Tha hương ngộ măng kho*. Thú lắm chứ. Không lẽ lại thuật cho thầy nghe rằng hơn một tuần trước đó, gần căn cứ Long Cheng trong vùng Đồng Chum, tôi đã đếm được 32 xác chết, hơn một nửa là binh sĩ người Hmong của tướng Vang Pao, non một nửa là đồng bào của mình trong quân đội Bắc Việt. Trong số giấy má lượm lặt trong túi của những người bất hạnh đó, tôi nhớ có người mới mười bảy tuổi, quê ở Sơn Tây, đồng hương với Tản Đà. *Làng tôi xưa dưới chân Ba Vì êm đềm* ... Mà nói chuyện đạo, chuyện Phật học thì tôi không biết chi mấy, ngoài cái thuyết luân hồi mà ai cũng biết, *khổ lắm nói mãi*, nó vẫn nằm sẵn trong sắc thể, trong tế bào của hàng triệu người mình

tự ngàn năm nay.Tổ tiên ông bà mình, thương nhau mà *lấy nhau chẳng đặng*, chả hẹn nhau ở kiếp sau là gì. Còn có giờ hẹn nào chắc chắn hơn nữa. Dẫu có lỡ bắt bồ mới rồi đổi ý mà muốn lờ nhau cũng khó tránh nhau lắm. Thế nào gọi là duyên nợ?

Dọ dẫm mãi, tôi khám phá ra là bạn tôi thích nói chuyện về văn chương thi phú, võ thưởng võ phạt. Mà không phải lúc nào cũng vậy đâu: *khéo mồm mép mà có hại đến tâm thuật, không gì bằng văn chương*. Của đáng tội, bạn tôi thích làm thơ Đường luật tả cảnh xứ người, lòng nhớ quê, nỗi cô đơn trong lòng một người chưa phải là thánh tăng. Những bài thất ngôn, ngũ ngôn ấy, bạn tôi bảo tôi họa "cho hắn có đôi". Vốn không phải là sở trường của tôi, nên cũng đến mười bài xướng, mới có một bài họa, mà cũng bất đắc dĩ, thành ra dở. Có đôi thiệt, mà hơi lệch, không xứng.

Trong gần hai năm trời sau chuyến gặp gỡ bất ngờ ấy, lần nào xuống Paksé, tôi cũng đến tìm bạn tôi trong ngôi chùa gỗ cách tỉnh lỵ chừng ba cây số, cạnh một làng nhỏ, lơ thơ mươi nếp nhà sàn.

Mỗi lần cuốc bộ trên đường đất rợp bóng tre dẫn đến chùa - gọi là *Vạt* - tự nhiên thấy lòng bình thản lạ, quên cả tiếng lách cách của máy viễn ký chạy ngày đêm không nghỉ, *bất xả trú dạ*, tiếng điện thoại gay gắt giục tin, giục bài. Ấy là chưa kể những cú phôn vớ vẩn của mấy chỗ quen biết người Việt Nam hỏi thăm "tình hình mấy hôm nay", rủ đánh mạt chược, rút xì phé. Không phải lúc, mà tổn thọ nữa .Đã vậy mà nhiều khi nửa chừng phải bỏ cuộc vì việc này việc nọ mất hứng của anh em cả.

Ngồi miết cả ngày trong phòng làm việc, nghe được một tiếng chim tu huýt tu huýt đâu đó trong vòm lá bụi cây quả là một liều thuốc bổ. Cây xoài trong mảnh vườn cạnh đường sây trái quá. Nhìn những quả non bằng ngón chân cái, ít ra liên tưởng cũng đưa tôi đến những gì đang trưởng thành, có một ngày mai nào đó, miễn là trời đừng có bất tử nổi gió lớn. Tin tức chiến sự cứ đưa mình về với chết chóc, đổ vỡ.

Một lần, hai chúng tôi ngồi nói chuyện gẫu trên hai chiếc ghế gỗ nhìn ra sân chùa im mát dưới bóng mấy cây nhãn, bạn tôi xin lỗi:

-"Bạn tới chơi mà không có trà lá chi mà mời. Chùa Lào không có nấu nướng bếp núc chi."

-" Nước nôi chi, ngồi chơi một lát đói bụng ra ngoài phố làm mấy hột vịt lộn hoặc mì cháo chi cũng có. Anh ăn mặn được chứ?"

-"Mình thọ giới từ bên nhà, ăn chay. Nhưng mà qua đây, họ cho chi thì mình ăn cái đó. Giữ giới mà phiền cho người khác cũng tổn đức."

-"Vậy thì tốt, chốc nữa chờ cho thiệt đói bụng tôi mời anh ra cái hiệu cơm tây làm miếng bi tết."

Bạn tôi lắc đầu:

-"Vẫn biết tùy duyên bất biến, nhưng mà mình cố tìm để ăn lại không được. Có tội."

*Có tội thì lội xuống sông, mai mốt có chồng thì lội mà lên.* Chợt nhìn kiến trúc xung quanh chùa, có cổng mà không phải là tam quan, tôi hỏi bạn tôi có biết tam quan xuất xứ từ đâu không. Tàu? Ấn Độ? *Tam quan ngoài mái chị ngồi, chị nghe đoán thẻ chị cười luôn luôn.* Tò mò cho giàu thêm một chút trong cái mớ kiến thức tạp nham của mình vậy thôi. Bất ngờ, tôi bỗng thấy mặt bạn tôi đượm một vẻ đăm chiêu ít thấy. Trầm ngâm một hồi, bạn tôi thong thả nói:

-"Thiệt ra, mình cũng không biết. Về bên nhà tìm sách vở biết liền chứ gì. Nhưng có chuyện này, mình kể cho vui."

Ngừng lại một phút, bạn nói tiếp:

-"Hồi còn học ở Huế, mình có nghe thầy mình nói ý nghĩa của cửa tam quan trước chùa, khác với tam quan ở đền đài. Hay lắm. Một bên là Giả quan, một bên là Không quan, cửa giữa là Trung quan. "

-"?"

-"Người mới tìm tới kinh kệ, ưng xông liền vào Không quan. Là vì muốn bỏ cái mình đang có như khổ đau, phiền trược, nên nhảy ngay vào cái Không. Thấm được đạo vị rồi thì hiểu rằng cái mình có là Giả nên lại qua Giả quan...."

-"Còn Trung quan ?"

-" À, ở giữa thì biết rằng cái mình thấy, mình cảm cũng không phải là Không, mà cũng không phải là Giả."

-"Lửng lơ ở giữa như...con cá vàng vậy à?"

Bạn tôi cười:

-"Cứ lửng lơ vậy đã."

-"Bây giờ anh đã qua được mấy cửa rồi?" *Hán Thọ hầu, ngũ quan trảm lục tướng có vẻ như hấp dẫn hơn.*

-"Mô Phật. Mình cũng không biết nữa. Đúng ra, có khi biết, có khi không. Nhưng mà thầy mình dạy rằng thoát được cái cửa giữa rồi thì Tam quan nó cũng biến luôn."

Mấy tháng sau lần gặp nhau đó, tôi trở lại Paksé, ra chùa tìm bạn lại đúng ngay vào lúc chùa đang lo hỏa táng cho bạn tôi. Một vị tăng người Lào cho tôi biết bạn tôi qua đời sau một cơn đau tim.

Trên đường về, tôi tạt vào cái quán nhỏ gần bờ sông Mékong, cạnh bến phà sang Thái Lan, gọi một chai la-de và một dĩa tăm xụm, dặn bà Lào Móm cứ mạnh tay với ớt và mắm cá pà-đẹc. Mấy hôm mất ngủ vì công việc, lại thêm cái tin buồn, miệng lưỡi lạt thách, ăn gì cũng như nhai

giấy. Trời tháng mười một, trong mát. Mùa khô, giòng Cửu Long có nơi còn cạn. Có chỗ có thể lội qua tận bờ bên kia mà sâu lắm cũng chỉ đến rốn. Đi đến chỗ lội đánh rơi...bạn vàng. Những bãi cát vàng mịn lóng lánh dưới bóng mặt trời tà. Sông Mékong giữa mùa nước lớn nom mênh mông cuồng bạo vậy mà bây giờ chỉ là một giòng nước ...lững lờ. Cảnh thật tĩnh. Tôi nghe được cả tiếng nô đùa của lũ trẻ giỡn nước, từ bên bờ Thái lan vọng lại, tiếng quạc quạc của một loài chim lạ. Thoáng điệu khèn đều đều từ một ngôi nhà sàn phía dưới giòng. Tôi buồn chi xiết kể. Trong đầu vẫn còn lởn vởn hình ảnh làn khói cuộn mạnh từ giàn hỏa, tỏa dần trong một bầu trời trong vắt. Tôi nghĩ đến những đám khói của binh lửa đang bốc mạnh từ nhiều nơi ở cả hai triền Đông Tây của dãy Trường Sơn. Những đợt khói đầy tử khí ấy, giờ này lại còn vương chút tro nhục thể một kẻ tu hành không dính líu chi đến chuyện giết chóc. *Từ đây non Thúu sống như như...*

Tấm lòng đối với nhau giữa một đôi người có chút duyên văn tự nó xui tôi kể lại mấy mẩu chuyện trên đây. Nghĩ còn có lý. Nhưng mà lại sực nhớ đến những chuyện không đâu vào đâu cả. Chúng nó nằm trong cái mạch nhớ trong đầu tôi. Thôi thì viết luôn.

*Chiếc lá rơi theo heo may*...Lần ấy, tôi đi tiễn một mái tóc ở sân ga Victoria bên Luân Đôn trên một chuyến tàu xuyên qua lục địa Âu châu mà xuôi về Nhã Điển. Tàu rời sân ga vào một buổi chiều có những bông tuyết bay tán loạn trong ánh đèn vàng. Chúng tôi hẹn viết thư cho nhau. Nhưng mà hình như trong cuộc đời, có những bức thư hẹn mà không viết, hoặc viết mà không gửi, hoặc gửi mà không đến. Hình như là cuộc đời nó rắc rối chứ không giản dị như mình tưởng! Thành thử... cho đến bây giờ , hơn bốn mươi năm sau, tính từ buổi chiều đầy tuyết ấy ở Luân Đôn, cái đoạn kết của một lần gặp gỡ ấy, một lần ly biệt ấy có vẻ như còn lù mù, còn mập mờ lắm, vẫn chưa ngã ngũ sa sao cả. Thôi thì cứ để cho nó lơ lửng vậy, như cái tứ thơ ngộ nghĩnh trong câu thơ nọ của Hồ Dzếnh, cho nó vui. Thỉnh thoảng lục nó ra từ những ngăn kéo vô trật tự của trí nhớ, chất bừa bãi, ngổn ngang nhiều thứ tưởng đã quên, để mà sống với những hình ảnh không rõ rệt cứ theo khói thuốc mà làm cho lòng mình ngậm ngùi, hớn hở, nuối tiếc, rộn ràng, tùy hứng, tùy lúc.

Nhưng mà có nhiều thứ bỏ dở nó tai hại lắm. Chiến cuộc Việt Nam năm 1975, vào cái hôm thất thủ Ban-Mê-Thuột đằng nào thì cùng là một thế cờ chưa hết nước, vậy mà rồi thành một ván cờ bỏ dở, khiến cho nhiều người cho đến bây giờ vẫn còn ray rứt tức mình vì chuyện đi đứng của xe pháo.

Anh đại tá Ph. cao cờ có tiếng. Mười một năm tù cải tạo. Qua đến

## *mưa. em và quê nhà*

NGUYỄN ĐỨC THANH

*Tặng Nga*

*Mưa lầm lũi, bóng mây già*
*Cây cao cổ ngóng, hồn va nỗi sầu*
*Mưa nằm té dưới chân cầu*
*Trong ta lũ lụt từ đâu kéo về*

*Em cho ta lá bùa mê*
*Ta đeo trọn kiếp chẳng hề rời xa*
*Em cho ta chốn quê nhà*
*Buộc ta với những chiều tà tha hương*

*Mưa chận ngõ. mưa đón đường*
*Mưa đang ngậm hạt tang thương cuối trời*
*Mưa rơi từng sợi rã rời*
*Mưa tắt tiếng vẫn cầm hơi thở dài*

*Ta cho em hết tuổi mai*
*Em cho ta những tháng ngày mộng mơ*
*Mưa che sông một bóng mờ*
*Ngó lui thấy núi hững hờ sau lưng.*

đây, hậm hực:

" Đây này, tôi sắp lại ván cờ Ban-Mê-Thuột cho anh xem. Nếu lúc đó mà đi cái nước *mã ngũ tấn thất* giữ cho kỳ được con tốt biên nòng cốt, rồi bồi thêm một nước *pháo tam bình bát* , thí mẹ nó đi mà đổi lấy một trong hai con mã giao chân của tụi nó, thay vì rút con xe ở cái nước *xa bát thối ngũ* lãng xẹc, thì cục diện hẳn phải khác rồi." *Triều đình văn võ nghĩ làm sao.*

Nhưng mà tôi lại nói chuyện cái mũi của nàng Cléopatre mất rồi! Thời ấy bên Ai Cập hình như chưa có khoa giải phẫu thẩm mỹ. Ấy, muốn viết gì thì viết nên nó đẻ ra nhiều chuyện vớ vẩn lăng nhăng vậy đó.❐

# Đầu Xuân Đọc Sách

*Mai Kim Ngọc*

*Thế sự du du nại lão hà...*
Đặng Dung

Mùa xuân được rảnh rang mấy ngày đầu năm, tôi đang tìm sách đọc thì nhận được bản thảo *Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị II* của Trần Bình Nam. Tác phẩm gồm các bài viết mấy năm gần đây, đã phổ biến trên các nhật báo hay tuần báo của người Việt hải ngoại ở Mỹ, Úc, Pháp và các quốc gia khác nơi nào có đông người Việt sinh sống. Ấn hành do nhà xuất bản Lạc Việt bên Texas phụ trách, và phát hành nhắm vào đầu tháng tư 97.

Tôi vẫn nghĩ văn học được phản ánh bởi tất cả những gì chúng ta viết. Cách đây ít lâu khi phát biểu ít nhiều cảm nghĩ về văn học hải ngoại cũng trên tờ *Văn Học* này, tôi đã chia sẻ với bạn đọc niềm tin là tính chất văn học hiển hiện không những trong các tác phẩm rõ ràng văn học như thi ca hay tiểu thuyết của người Việt hải ngoại, mà trong cả những cuốn cẩm nang thực dụng cho người tị nạn khi còn bỡ ngỡ với đời sống mới tại Mỹ... Thậm chí những mẩu nhắn tin cho vợ cho chồng cho người thân thất lạc nguệch ngoạc trên vách những lều tôn tiền chế của khu tiếp nhận Pendleton hồi tháng tư 75 cũng có thể chứa đựng tính chất văn học. Nếu có nội dung trung thực, tất cả những viết lách ấy đều đóng góp cho văn học, vì thật ra văn học bản chất là những phản ánh trung thực của tâm hồn con người. Và trong đà suy tư đó, tôi vẫn nghĩ bình luận chính trị, như mọi thể văn của chúng ta ở hải ngoại, trực tiếp hay gián tiếp đóng góp cho văn học của người Việt xa xứ.

Vậy mà tôi thật sự chưa có dịp nghiêm túc đi tìm tính chất văn học hay nhân văn trong văn chương chính trị. Cuốn sách của Trần Bình Nam tới vào dịp đầu xuân là một món quà đang mong chờ giúp tôi sửa sai sự thiếu sót của mình với một thể văn quan trọng.

Trần Trần Bình Nam là một cây viết bình luận chính trị có thẩm quyền, ý kiến cũng như lập trường được nghiên cứu nghiêm túc bởi giới chính trị thuộc mọi xu hướng. Ông tên thật là Trần Văn Sơn, cựu học sinh trung học Khải Định khóa 48-55, gia nhập ngành hải quân sau khi được huấn luyện tại trường Hải Quân Brest của Pháp. Cũng như những sĩ quan có trình độ văn hóa kỹ thuật cao, ông được mời dậy môn toán học cao đẳng tại nhiều trường dân sự cũng như quân sự. Ông chính thức sinh hoạt chính trị qua chức vụ dân biểu Nha Trang tại quốc hội đệ nhị cộng hòa Việt Nam cho đến tháng tư 75. Ra hải ngoại ông tiếp tục đấu tranh và và viết báo.

Đọc Trần Bình Nam bao giờ tôi cũng thích thú. Chỉ có điều cho đến bây giờ, tôi đọc Trần Bình Nam một cách gián đoạn, hôm này một bài hôm khác một bài, có thể hiểu được nội dung cục bộ của bài đang đọc nhưng không nắm được cái nhìn toàn diện về văn phong hay lập trường vĩ mô của tác giả, cũng như văn phong ấy và lập trường ấy phản ánh như thế nào con người của bạn tôi. Cơ hội hôm nay là dịp may hiếm có để đọc văn Trần Bình Nam trong một văn cảnh liên tục và kể như toàn bộ. Chuyện khó khăn viết lời giới thiệu cho một tác phẩm nghiêm túc về chính trị của bạn hạ hồi phân giải, tôi hãy hưởng trước cái thú tìm hiểu Trần Bình Nam qua tác phẩm của ông.

Và tôi học hỏi được rất nhiều khi đọc tuyển tập bình luận chính trị của Trần Bình Nam. Tác phẩm gồm nhiều mục, từ Việt Nam đến Mỹ quốc, Đông Dương, Trung Hoa, Nga Xô Viết ngày xưa hay Liên Bang Nga gần đây..., là một tập tài liệu nghiêm túc và công phu. Từng phần, từng bài, từng trang, cuốn sách phản ánh một công trình tham khảo kỹ lưỡng, súc tích những tư liệu cơ sở cần thiết cho lập luận. Còn nữa, cách vận chuyển những tư liệu ấy lại phản ánh một hệ thống tư duy có lề lối. Bằng một văn phong trong sáng và bố cục ngăn nắp mạch lạc, ông cho phép người đọc ngoại đạo với thể văn bình luận chính trị như tôi tiếp thu một cách dễ dàng thoải mái.

Có lẽ khi giao cho tôi hân hạnh viết bài giới thiệu tuyển tập, Trần Bình Nam muốn nghe phản ứng của một độc giả bình thường, kiến thức chính trị trung bình, khả dĩ tiêu biểu cho đám đông thầm lặng.

Với nhãn quan ấy, tôi sẽ không bàn về chuyện sai đúng chính trị hay lịch sử của Trần Bình Nam. Tôi trộm nghĩ sai đúng trong chính trị nặng thời gian tính, chuyện đúng hôm nay không còn đúng ngày mai. Vả lại một phát biểu về *sai hay đúng* ở đây đòi hỏi một quá trình sống chết với chính trị, với lập thuyết, với tổ chức và sinh hoạt đảng phái, những ưu điểm hoàn toàn xa lạ với tôi.

Vậy thì tôi bàn về chuyện con người, về những nét nhân văn nhân bản tiết ra từ tác phẩm khi Trần Bình Nam suy tư về lịch sử hay chính trị. Và nhìn tác phẩm như vậy, tôi nghĩ đã bắt được những diện nhân tâm thâm sâu của một người thế hệ tôi, lớn lên và già đi trong một giai đoạn vô cùng phức tạp và bất an của lịch sử đất nước.

Tôi nghĩ nét nhất quán xuyên qua suốt tác phẩm là cái thứ tự của Trần Bình Nam trong nhận định vị trí bản thân của ông. Mặc dầu đã sống nhiều tại hải ngoại (ba năm tại Pháp trong trường sĩ quan hải quân Brest, và xấp xỉ hai mươi năm tại Mỹ), ông viết với cái nhìn trước hết là của một người Việt Nam. Tiếp theo là người Á châu, sau hết mới là người Mỹ gốc Á, chấp nhận những bổn phận và hưởng thụ những quyền lợi của xã hội xung quanh trong một hợp đồng bất thành văn giữa ông và đất nước này, sòng phẳng lưỡng lợi và công bình. Trái tim không nằm trong hợp đồng ấy. Trái tim ấy ông dành cho đất nước. Và mặc dù ông phân tích hay tổng hợp những dữ kiện xảy ra xung quanh với tất cả chính xác và minh mẫn, phản ứng cuối cùng của ông cốt lõi phủ tạng vẫn là Việt Nam.

Trần Bình Nam bàn đến những chuyện thuần túy Mỹ với cái nhìn của một 'du khách', trí tuệ và duyên dáng, nhưng khẳng định là không giống cái nhìn của người Mỹ sinh tại Mỹ.

Khi phê phán Hillary Rodham Clinton trong bài '*Khi phụ nữ tham gia chính sự của chồng*' ông hoàn toàn không bị ảnh hưởng gì bởi quá trình đấu tranh suốt thế kỷ qua về nữ quyền đã thấm thấu tâm hồn người Mỹ gốc Mỹ tới một mức độ tha thiết. Về pháp lý, chuyện tham gia chính sự của bà Hillary Clinton hợp pháp và hợp hiến, và bà đảm đương những công việc tuy lớn lao nhưng không cần tính cách dân cử và hoàn toàn nằm trong thẩm quyền chỉ định của tổng thống. Toàn thể phụ nữ Mỹ và một số không ít đàn ông Mỹ hân hoan về tiến bộ của phái đẹp qua thành tích của bà. Nhưng với nhãn quan của một người đàn ông Á Đông chưa quên trật tự xã hội Khổng Mạnh gốc nguồn, hành vi của bà khi hành sự không khỏi gây ra ấn tượng về những tệ đoan khi nữ kê tác quái.

Khi liên kết cái chết của John F. Kennedy với cái chết của ông Diệm và vụ tàu Maddox và Turner Joy bị tấn công tại vịnh Bắc Việt thành một âm mưu leo thang chiến tranh rộng lớn của một nhóm Mỹ mafia quyền lực và bí mật, lập luận ông phản ánh phần nào không khí cà-phê Brodard Sài Gòn trong một văn hóa có xu hướng áp dụng mưu lược Tam Quốc Chí vào sự việc hiện đại.

Vụ án Simpson, ông tuy giống người bản xứ ở chỗ ghi nhận cái nhược

điểm của tư pháp Hoa Kỳ đã vì kỹ thuật pháp lý mà để kẻ *sát nhân* không phải *giả tử*, hơn nữa không cả tù tội. Ông thấy kinh tế thị trường dẫn tới những vụ trục lợi của những người liên hệ khi họ viết hồi ký về vụ án, cũng như của các hãng thông tấn khi bán thời gian quảng cáo trên đài. Nhưng ông khác người Mỹ bản xứ ở chỗ ông ít lưu tâm đến đóng góp của vụ án cho xã hội dân chủ pháp trị của Mỹ, nghiêm khắc răn dạy cảnh sát phải tôn trọng nhân quyền, ngay cả nhân quyền của nghi can. Để thoát một O.J. Simpson dù có tội còn hơn là dung túng cách hành sự lem nhem và hung bạo của cảnh sát. Nếu không, công lực lần hồi sẽ thoái hóa đến chỗ cửa quyền độc đoán với dân, như tại những nước chậm tiến.

Thái độ ông với những sắc dân thiểu số tại Hoa Kỳ (gốc Phi châu và Mễ) phản ánh cái nhìn chung của nhiều người Việt Nam chúng ta, là chế độ an sinh Hoa Kỳ cho những sắc dân này hình như quá rộng rãi. Chúng ta ít lưu tâm đến cội nguồn của câu chuyện, cái cội nguồn của những bất công quá khứ làm xã hội Mỹ mắc nợ những sắc dân ấy.

Và sau hết, khi ghi nhận những diện bất hảo của xã hội Mỹ được truyền thông phanh phui, ông thấy đó là đà đi xuống, thay vì là bằng chứng cho khả năng tự phê bình của Mỹ qua báo chí và nhân dân Mỹ, và quan trọng hơn nữa, cho khả năng sửa sai của đời sống Mỹ nằm sẵn trong hiến pháp và tinh thần quốc gia Mỹ.

Nét Việt Nam và Á Châu của ông hiển hiện khi ông bàn đến Úc. Về cơn sốt trưởng thành của Úc trước sự chọn lựa giữa Tây phương và Á châu, ông chú tâm đặc biệt đến những sự kiện thuận lợi cho Á châu nói chung và cho Việt Nam nói riêng. Như chính sách của cựu thủ tướng Paul Keating về một nước Úc đa văn hóa, cởi mở với di dân da vàng và gắn bó với Á châu... Hay như liên minh quân sự Mỹ-Úc của chính phủ bảo thủ Howard, một liên minh ông tin có lợi cho Á châu và Việt Nam.

Về Trung Quốc, ông không quên truyền thống yêu mến đất đai không mệt mỏi của quốc gia này. Tấc đất là tấc vàng, nhất là tấc đất của hàng xóm. Truyền thống này vẫn là một mối đe dọa cho lân bang. Thời cận sử, Trung Quốc suy nhược cho phép láng giềng yên tâm ít lâu. Nhưng sự yên tâm cũng tạm bợ, và ngay cả khi bát quốc liên quân đại phá Bắc Kinh, khi tại các nhượng địa người Tây phương và Nhật Bản làm nhục người Hán với những tấm biển tại các tiệm ăn hay hý trường cấm chó và dân địa phương vào, ngay cả khi ấy Tây Phương vẫn không quên con sư tử Trung quốc chỉ đang say ngủ.

Mao Trạch Đông vừa mới thống nhất đất nước ít lâu, cán bộ sở địa dư Trung Quốc đã phát triển một lối giải trí mới là vẽ lại bản đồ nước Tàu bao gồm khá nhiều lãnh thổ láng giềng. Thói quen ngộ nhận về biên giới

của Trung Quốc lại còn mạnh hơn gần đây về vùng dầu hỏa ngoài khơi Việt Nam. Khi hải quân Trung Hoa đủ mạnh, trò chơi ngồi vẽ bản đồ trở thành chuyện cắm cờ Trung Quốc lên một vài hòn đảo ngoài Trường Sa của Việt Nam.

Tất nhiên là Trần Bình Nam cảnh giác mối đe dọa cho Việt Nam từ phương Bắc, như ta thấy qua những bài *'Đất Là Vàng'*, hay *'Trung Quốc Thời Đặng Tiểu Bình'*, hay *'Đặng Tiểu Bình Người Đánh Thức Con Sư Tử Trung Quốc'*, hay *'Thị Trường Trung Quốc và Nền Kinh Tế Á Châu'*, vân vân. Nhưng cũng qua những bài ấy, người đọc còn cảm thấy cái kiêu hãnh của một người Á châu với sự thành đạt của một nước Á châu đã ra khỏi sự yếu hèn cận đại và đang trở thành một lực lượng có tầm vóc quốc tế.

Hương vị của niềm kiêu hãnh da vàng và đông văn còn đậm đà hơn trong bài *'Khủng Hoảng Lương Thực Thế Giới'*, khi Trần Bình Nam bất đồng ý kiến với Lester R. Brown, viện trưởng Worldwatch Institute ở New York'. Ông da trắng này tiên đoán nạn đói trong tương lai gần của Trung Quốc sẽ là một gánh nặng vĩ đại cho thế giới *(Who will feed China. Wake-up call for a small planet).'* Trần Bình Nam khẳng định chuyện Trung Quốc đói là chuyện đã qua của một Á châu bạc nhược thủa cận sử. Đói chăng, nhất là cái đói chết người đã và sẽ là vấn đề của Phi châu.

Sau cùng, khi viết bài *'Mặt Trời Mọc ở Phương Đông'*, mối ưu tư với một siêu cường Trung Hoa cho tương lai an ninh thế giới và nhất là an ninh Việt Nam vẫn đó, nhưng cũng vẫn đó, giữa những hàng chữ, cảm tình đông văn đồng chủng cùng với niềm tự hào về một Á châu đã phát triển đến mức làm cho trái đất nghiêng về phương Đông vì sức nặng của phồn vinh của lục địa này trong thế kỷ 21.

Dù sao chuyện Nga chuyện Mỹ chuyện Tàu chuyện Úc chỉ là món tráng miệng trong tuyển tập. **Việt Nam mới là món chính.**

Hai mươi năm qua, ông đã suy nghĩ, nghe ngóng, tìm tòi, thao thức về mọi dữ kiện lớn nhỏ liên hệ đến Việt Nam. Ông tìm đọc một số lượng tư liệu sách vở khổng lồ về đất nước. Ông phân tích cặn kẽ việc giải tư của hệ thống quốc doanh quốc nội, tầm quan trọng trong bang giao Việt Mỹ của đám quân nhân Mỹ thất tung... những lúng túng của Hà Nội về vụ này... Ông theo rõi sát đại hội 8 của cộng sản, ông lưu tâm về số phận những nhân vật cấp tiến nổi danh trong tranh chấp nội bộ của họ... Ông quan sát đường lối và tốc độ thay đổi chính sách của Việt Nam... Ông ước lượng tài nguyên thiên nhiên cũng như nhân lực Việt Nam và vai trò của nó trong kinh tế Việt Nam, vân vân...

Và ưu tư ấy, cảm tình ấy đưa đến cho ông một niềm lạc quan về đất

nước, hiện tại cũng như tương lai.

Về hiện tại, ông nghĩ chế độ cộng sản, một vấn nạn đã làm quốc gia Việt Nam lạc hậu bần cùng trong năm mươi năm qua, đã cáo chung theo cộng sản Xô-viết và Đông Âu.

Theo ông, cộng sản đã thua thật sự trên thế giới, như ông viết trong bài *'Ai Thắng Ai?'*. Ngay sự trở lại chính quyền của một người cộng sản hay của đảng cộng sản tại một nước đã có dân chủ, theo ông cũng không làm chế độ cộng sản trở lại, như trình bầy trong bài *'Ý Dân Là Ý Trời'*. Ông dẫn chứng rằng khi người hùng dân chủ Lech Walesa thất bại trong việc tái cử tổng thống Ba Lan trước ứng cử viên cộng sản Kwasnieski tháng 11 năm 95, tân chính phủ tiếp tục con đường dân chủ hóa quốc gia Đông Âu này.

Với Việt Nam, ông quan niệm khó khăn không còn là vấn đề quốc cộng, mà là vấn đề chuyên quyền của một đảng gọi là đảng cộng sản Việt Nam. Còn chế độ cộng sản đã thực sự thua trong bản chất, như ông thuyết minh trong *'Điều chỉnh Sách Lược đấu Tranh'* viết tháng ba năm 95, gần ngang cái mức 20 năm kỷ niệm ngày miền Nam rơi vào tay miền Bắc:

"Qua sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Liên Xô, người cộng sản Việt Nam nhận ra rằng nếu chủ thuyết Lênin và sự yểm trợ của thế giới cộng sản đã giúp đảng cộng sản Việt Nam tiến hành thành công cuộc đấu tranh chống Pháp dành độc lập và sau đó áp đặt chủ nghĩa cộng sản lên cả nước, chủ nghĩa đó đã thất bại hoàn toàn. Trên nhận định đó người cộng sản Việt Nam đã nhanh chóng chọn con đường từ bỏ chủ nghĩa cộng sản.

..."Những thay đổi của đảng cộng sản Việt Nam từ cuối thập niên 80 cho thấy người cộng sản đã gián tiếp nhìn nhận chủ nghĩa cộng sản đã cáo chung và trước sau cũng sẽ kéo theo các chế độ xây dựng trên những nguyên tắc của nó là chuyên chính vô sản, kinh tế tập trung và phủ nhận quyền tư hữu. Cho nên họ đã dần dần từ bỏ kinh tế tập trung và vô sản chuyên chính để sống còn. Nếu trong bước đầu người cộng sản Việt Nam từ bỏ các nguyên tắc trên cốt để qua cơn khó khăn, các diễn biến chính trị đã đưa họ vào một dòng thác không thể thối lui được.

..."Chủ nghĩa cộng sản như được hiểu trong những thập niên sau đệ nhị thế chiến đến cuối thập niên 80 thật ra đã biến mất trên đất nước Việt Nam nhường chỗ cho một chế độ độc tài xây dựng trên một bản hiến pháp công nhận nhất đảng trị và đảng duy nhất đó còn mang tên là đảng cộng sản Việt Nam..."

Theo Trần Bình Nam, vấn nạn hiện tại là một chế độ độc tài, độc đảng, tồn tại tại Việt Nam trên cơ sở của một hiến pháp kỳ cục với **điều 4** bảo đảm sự chuyên quyền của đảng ấy:

*"Định chế chính trị tại Việt Nam hiện nay dựa trên căn bản hiến pháp 1992 trong đó có Điều 4 qui định đảng cộng sản Việt Nam là đảng lãnh đạo duy nhất nên không thể tạo điều kiện để xây dựng dân chủ. Căn bản của dân chủ là đa nguyên chính trị đã bị bóp chết trong trứng nước. Vì vậy ưu tiên đấu tranh là vận động hủy bỏ Điều 4 hiến pháp. Nếu Điều 4 hiến pháp được bãi bỏ, thì vấn đề cơ cấu chính quyền hiện nay còn tồn tại hay không không phải là việc quan trọng vì đa nguyên chính trị là động cơ tạo ra sự thay đổi..."*

Điều 4 hiến pháp Hà Nội và tranh đấu hủy bỏ nó là hòn đá góc của chiến thuật dân chủ hóa nước nhà của ông. Ông trực tiếp nêu lên mối nguy hại của điều 4 trong hai bài '*Con đường phát triển của Việt Nam từ nay tới năm 2020*' và '*Tư Bản Chủ Nghĩa và tương lai của đảng Cộng Sản Việt Nam*'. Ông gián tiếp nhắc đến nó trong những bài khác như '*Trước ngã ba đường*' , hay '*An Toàn Trước Hết*', hay '*Ý Nghĩa Bức Thư Ngày 9-8-95 của Ông Võ Văn Kiệt Gởi Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam*' vân vân.

Theo ông, điều 4 hiến pháp tác hại không những trên bình diện chính trị, mà còn cản trở sự phát triển toàn diện của đất nước. Lấy khởi điểm từ bản báo cáo 'Việt Nam - Con Đường Phát Triển năm 2020' do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường phổ biến tại Hà Nội tháng 4 năm 1993, ông nhắc nhở người cộng sản là cho đến khi nào **điều 4** còn tồn tại trong hiến pháp của họ, thì những ước vọng của ban dự thảo kế hoạch cho đất nước chỉ là những giấc mộng không thực chất:

*"Người ta có thể biện minh cần ổn định để phát triển kinh tế. Nhưng điều này nếu đúng chỉ đúng trong ngắn hạn. Không thể nào duy trì một cơ chế chính trị thiếu dân chủ trong một thời gian 25 năm (từ nay đến năm 2020) mà có thể thành công trong đại công tác xây dựng và phát triển xứ sở. Nếu đảng cộng sản Việt Nam cứ duy trì điều 4 hiến pháp để độc quyền lãnh đạo đất nước không có sự đồng thuận của toàn dân thì con đường phát triển của Việt Nam từ nay đến năm 2020 vẽ nên bởi bản tài liệu này sẽ không thể nào thực hiện được.*

*"Các vấn đề xã hội hiện nay tại Việt Nam như y tế và giáo dục suy đồi, tham nhũng, chênh lệch trong mức sống cũng như các vấn đề liên quan đến sự phát triển kinh tế như luật lệ không phân minh, lập pháp không có sáng kiến, tư pháp thiếu độc lập đều là những vấn đề phát sinh từ sự độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam..."*

Với Trần Bình Nam, những thay đổi nhân sự hay chính sách, những nỗ lực giải quyết bất đồng giữa người cộng sản gốc nam gốc bắc, những kế hoạch phát triển kinh tế của đại hội 8 của đảng cộng sản Việt Nam sẽ

không là gì cả, nếu **điều 4** hiến pháp không được hủy bỏ, điều kiện tiên quyết nếu người cộng sản thực tâm muốn đất nước tiến bộ. Ông kết luận nếu không hủy bỏ điều 4 hiến pháp, đất nước không thể phồn vinh, xã hội không thể cải tiến:

*"... và tối hậu Việt Nam có phát triển cũng chỉ là một sự tăng trưởng thiếu cân đối đầy mầm mống rối loạn xã hội. Kinh tế không mạnh mà quốc phòng cũng èo ọp không đủ sức bảo vệ lãnh thổ trước sự đe dọa của phương Bắc.*

*Chừng đó giấc mộng một "Việt Nam minh châu trời đông" được kính nể của các nước trong vùng Đông Nam Á và Thái Bình Dương không thấy đâu chỉ thấy một nước Việt Nam phồn vinh giả tạo "tha hóa, mất bản sắc, bị đồng hoá, lãnh thổ còn mà văn hóa không còn."*

Người ta có thể phê bình Trần Bình Nam không hoạch định ra phương sách nào để ép người cộng sản bỏ điều 4 hiến pháp của họ. Ông cũng không đề cập đến câu chuyện là một khi đã có đủ áp lực (chắc phải lớn lắm) để bắt cộng sản đổi **điều 4**, thì tại sao khi ấy lại không bắt họ đổi luôn cả hiến pháp và giải thể cả bộ máy hành chánh của họ. Khó là bắt được con mèo; một khi bắt được nó thì buộc chuông vào cổ nó, hay giết nó đi, hay bắt nó đi học tập chỉ là vài chọn lựa trong cả tá chọn lựa khác.

Ngược lại người ta có thể ghi nhận sự đóng góp của Trần Bình Nam, là tuy không thảo ra một sách lược để đạt mục tiêu bỏ điều 4 hiến pháp Hà Nội, ít nhất ông cũng chỉ điểm được cái huyệt sinh tử của đối phương, cũng là cái ụ căn bản chắn ngang con đường dân chủ hóa đất nước.

Về tình hình chính trị Việt Nam sau 86, tôi nghĩ Trần Bình Nam là người độc nhất nhận định và nhấn mạnh tầm quan trọng của hiến pháp Hà Nội. Trong quá khứ hiến pháp là mảnh giấy lộn, hay cùng lắm là bức tranh trang trí cho những nước độc tài dù quốc hay cộng. Người ta không thể móc túi lấy ra bản hiến pháp làm bùa hộ mệnh khi nửa đêm cảnh sát gõ cửa bắt đi làm việc hay bỏ giam mút mùa vào ngục tối.

Nhưng trong bối cảnh chung của diễn tiến dân chủ nhất là ở các nước cựu cộng sản Đông Âu, hiến pháp trở nên quan trọng hơn. Trong cái bơ vơ và mất hướng đi của đổi mới, hiến pháp là la bàn của những nước đang tìm cách lột xác. Nó còn là cái thỏa hiệp giữa những chính đảng hay những phe cánh trong cùng một đảng đang tranh quyền. Như Trần Bình Nam đã nhấn mạnh, căn bản pháp lý độc nhất cho chính thể độc tài quốc nội tồn tại là điều 4 hiến pháp của họ.

Có lẽ một lý do nữa làm Trần Bình Nam xoáy vào điều 4 hiến pháp Hà Nội là ông thấy Liên Xô và các nước Đông Âu, phải chăng để tránh

những xáo trộn quá lớn quá mức xử lý của họ, đã có những *hiến pháp chuyển tiếp* trước khi tiến tới những hiến pháp thực sự bảo đảm dân chủ cho quốc gia họ. Và công việc Trần Bình Nam tự hoạch định cho mình là vận động tranh đấu để giai đoạn chuyển tiếp nhanh hơn.

**Niềm tin lạc quan ở tương lai đất nước** theo tôi là mới là phần quan trọng Trần Bình Nam muốn chia sẻ với người đọc. Tôi nghĩ ông muốn nói những đối đầu hiện tại như quốc hay cộng, dân chủ hay độc tài, thất bại hay chậm tiến, chuyện này chuyện khác, kể cả điều 4 hiến pháp chưa bãi bỏ được, chẳng mấy chốc chỉ là những trang sử cũ.

Trong cố gắng không mệt mỏi để lắng nghe những biến chuyển chính trị quân sự kinh tế vân vân liên hệ đến vận mệnh Việt Nam, ông không bỏ sót một xao động dù nhỏ nhoi đến đâu, nếu nó báo hiệu một vận hội mới cho đất nước. Từ chuyện đầu hỏa ấm ấp dưới thềm lục địa, chuyện được mùa, chuyện biến chuyển có tiềm năng tốt lành trên bàn cờ quốc tế, cho đến chuyện lợi tức trên đầu người khấm khá hơn, ông bắt được tức thì.

Ông Nhật Eisuke Sakakibara, viên chức cao cấp bộ Tài Chánh Nhật đứng trước Văn Miếu Hà Nội thán phục nền văn hiến Việt Nam, và phát biểu lòng tin một dân tộc có nền văn hiến như vậy trước sau rồi cũng phải phồn vinh phú cường... Chuyện đăng một lần trên tờ Economist vào tháng 6 năm 95 đã tạo cho Trần Bình Nam những hứng khởi để tìm hiểu thêm về cơ hội đất nước trong một liên kết với Nhật Bản. Và ông viết bài *'Nhật Bản Tranh Thủ Việt Nam'* duyệt lại những bước lớn nhỏ của liên hệ đó, như hãng Toyota kế hoạch mở xưởng ráp xe hơi tại chỗ, như hãng Mitsubishi khoan dầu ngoài thềm lục địa, như món tiền trên nửa tỷ đô la chính phủ Nhật hứa cho vay, như phản ứng tuy có khác nhưng thuận lợi của quỹ tiền tệ quốc tế.

Ông Warren Christopher ngoại trưởng Hoa Kỳ đọc diễn văn về sự tái lập liên hệ hai nước tại Viện Bang Giao Quốc Tế Hà Nội ngày 6 tháng 8 năm 1995, Trần Bình Nam dịch và cho đăng kèm trong bài *'Một Chương Mới Trong Quan Hệ Mỹ-Việt'* của ông.

Nguyên bản của ông Warren Christopher là một kiệt tác văn chương ngoại giao. Bản văn dung hòa được rất nhiều nhu cầu của những góc nhìn khác nhau, của hai nước cựu thù Việt Mỹ, của hai phe tả hữu quốc hội Mỹ, của các quốc gia vùng Đông Nam Á, hay rộng hơn của cả thế giới. Và ông Christopher đi qua những giới hạn ngặt nghèo ấy, thong dong hoa mỹ với những bay bướm ngôn từ rất tế nhị rất ngoại giao, nhắc đến Văn Miếu, đến Nguyễn Trãi, đến câu *"Dân là gốc của nước"* do một thi nhân Việt Nam để lại, đến ông Thomas Jefferson năm 1787 đã mua lúa giống của

Việt Nam cho nông trại của ông, đến rau muống của tiểu Sài Gòn vân vân... Nhưng bản văn ấy cũng không quên nhắc đến những chuyện thiết thực có thể nhức nhối mà trong phòng họp kín có thể trở thành những đòi hỏi ráo riết của bên này bên kia, như chính phủ dân cử, như vấn đề Ma túy, như tìm kiếm đám quân nhân Mỹ thất tung trận chiến vừa qua, như tầm quan trọng của hơn một triệu người Mỹ gốc Việt đang sống tại Mỹ và ảnh hưởng của họ trên mối bang giao hai nước...

Bản dịch của Trần Bình Nam cũng là một bản văn hay không kém. Ông đã dịch với cả tấm lòng. Bản dịch sát với bản chính, câu sát câu, chữ sát chữ. Vậy mà qua bản dịch tôi vẫn thấy không những nội dung trung thành với nguyên bản, mà còn thấy thêm niềm hy vọng của Trần Bình Nam cho diễn tiến dân chủ tại Việt Nam sẽ trở nên thuận lợi. Tựa hồ như có cơ hội mở rộng tầm nhìn qua liên hệ Việt Mỹ mà quốc nội tiến tới phồn vinh thịnh vượng nhanh hơn. Tựa hồ như quá bước đầu ngoại giao này, chỉ ngay tại góc đường sắp tới, là một viễn tượng tươi sáng cho Việt Nam.

Đó là viễn tượng ông đã vẽ ra trong hai bài '*Liên Minh Quân Sự Việt Mỹ?*' và '*Việt Nam Đang Nghĩ Đến Trang Bị Võ Khí Nguyên Tử?*'. Giữa những hàng chữ, tôi thấy ông đang nghĩ đến một cường quốc Việt Nam ở thế kỷ 21, với quá trình thiện chiến dọc theo chiều dài lịch sử, nay lại còn trở nên dân chủ và phú cường, cộng tác tay đôi với Mỹ trong một liên minh lưỡng lợi, bảo đảm quyền lợi hai nước đồng thời đem lại ổn định cho vùng Đông Nam Á và biết đâu cho toàn cầu.

Có lẽ cũng niềm lạc quan ở tương lai Việt Nam huy hoàng đã làm ông bớt sợ Trung Hoa, để có thể chia sẻ cái kiêu hãnh của Trung Hoa khi nước này đang trở thành một siêu cường của thế kỷ 21. Phải chăng khi '*Mặt Trời Mọc ở Phương Đông*', Việt Nam không những không bị đốt cháy bởi sức nóng của mặt trời mới mọc ấy, mà còn vẻ vang trong tư thế một quốc gia anh chị trong vùng Đông Nam Á, đóng góp hữu hiệu vào sự cường thịnh của Á châu cũng như sự thuần thục con sư tử vừa thức giấc lúc nào cũng đói đất láng giềng.

Như đã nói, tôi đã học được từ tác phẩm của Trần Bình Nam rất nhiều dữ kiện lịch sử và chính trị, đặc biệt những dữ kiện liên quan đến Việt Nam. Nhưng sự thích thú của tôi khi đọc Trần Bình Nam không phải ở những kiến thức chính trị khô khan, mà là cơ hội được nhìn vào tâm tư **một con người của thế hệ tôi** may mắn (hay chẳng may mắn) có học vấn, có tư duy, và có trăn trở, điều không tránh khỏi nếu sinh làm người Việt Nam ở thủa giao thời này. Và tôi được dịp thấy con người ấy xử lý những vấn đề của thế hệ mình, cố gắng hết sức bình sinh để xử lý cho đúng. Nơi

Trần Bình Nam, sự khó khăn lại càng khó khăn hơn, khi ông chọn chính trường để làm địa bàn sinh hoạt.

Mặc dầu làm chính trị, ông chọn sự trung thực, với chính ông và với sự thật như ông nhìn thấy, và sự trung thực ấy đòi hỏi rất nhiều liêm khiết và can đảm. Ông can đảm ghi nhận sự thất bại của cuộc đấu tranh chính trị hai mươi năm đầu kể từ ngày miền Nam thất thủ trong bài *'Điều chỉnh Sách Lược đấu Tranh'*. Đánh giá chính sách chống cộng của người hải ngoại (trong đó có ông và đoàn thể của ông) trong hai thập niên ấy, ông không ngần ngại đề cập đến thất bại hay sai lầm chiến lược. Ông viết:

*"Vào dịp 20 năm ngày miền Nam rơi vào tay cộng sản, cộng đồng người Việt hải ngoại đang có những chương trình duyệt xét thành quả kinh tế, văn học và nghệ thuật, tưởng cũng là lúc cần duyệt lại đường lối đấu tranh...*

*...."Nhưng từ năm 86 khi đảng cộng sản Việt nam thực hiện chương trình đổi mới và nhất là vào cuối thập niên 80 chính quyền cộng sản Việt Nam bắt đầu một chương trình cởi mở kinh tế, chính trị và xã hội trước sự sụp đổ hàng loạt của các quốc gia cộng sản, chúng ta _ vì để cảm tình chế ngự _ không lượng định đúng các thay đổi căn bản có tính cách qui luật trên thế giới để xác định một hướng đấu tranh mới hữu hiệu hơn...*

Một thí dụ khác liên hệ đến nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, một con người ông quý mến vì những hy sinh lớn lao nhà thơ dành cho dân chủ. Qua trao đổi với ông, tôi biết lòng quý mến ấy đã thấm thấu sang sự thưởng ngoạn nghệ thuật làm ông đặt nhà thơ rất cao trên thi đàn đất nước. Vậy mà sau khi kiến diện nhà thơ kiêm chiến sĩ chống cộng, ông vẫn trung thực phê bình những nét ông cho là khiếm khuyết nơi người hùng. Tất nhiên là phê bình xây dựng. Nhưng dù là phê bình xây dựng, đụng chạm tới một anh hùng đang được quần chúng và chính bản thân ông quý mến đòi hỏi một sự liêm khiết hiếm có. Cái giá trực tiếp hay gián tiếp của hành động liêm khiết này, một người đang làm chính trị như ông phải trả không phải là nhỏ.

Trần Bình Nam chờ mong ở đức độ và đạo lý nơi những chính trị gia dù Mỹ hay Việt, quốc hay cộng.

Trong bài *'Hoàng Minh Chính và Nguyễn Đình Huy'*, ông chờ đợi sự chung thủy của những đồng minh giai đoạn. Chính và Huy thuộc hai thời đại khác nhau, nhưng cả hai đều là nạn nhân của sự tranh chấp ảnh hưởng của các cường quốc tại Việt Nam. Chuyện ông Hoàng Minh Chính thuộc thập niên 60, khi Hà Nội phải chọn lựa giữa *xét lại* của Nga và *chống xét*

*lại* của Trung Hoa. Ông Chính được chọn làm phát ngôn viên cho lập trường thân Nga, và ông ngồi tù khi thời thế xoay vần. Còn ông Huy, vận hội cũng như hoạn nạn của ông xảy ra xấp xỉ ba thập niên sau, khi ông sinh hoạt cho một chiều hướng thân Mỹ, với sự hổ trợ cộng tác của Mỹ. Cùng với ông Stephen Young, ông mưu đồ thành lập một đảng đối lập chính thức tại Việt Nam trong một sắp xếp nhập đề cho tiến trình lưỡng đảng tại quốc nội. Khi việc không thành vì sự can thiệp của Trung Quốc, những người liên hệ gặp khá nhiều rầy rà, từ ông Nguyễn Đình Huy cho đến các đồng chí của ông và ông Stephen Young của Hoa Kỳ... Nhưng sự rầy rà của ông Stephen Young là một rầy rà ngắn hạn, trì hoãn cuộc về Mỹ của ông ít tuần. Sự rầy rà của ông Nguyễn Đình Huy và đồng chí của ông rầy rà hơn nhiều: họ bị giam cho đến bây giờ và không biết bao giờ được thả.

Chuyện ông Hoàng Minh Chính bị tù, được thả, rồi kiện chính phủ Hà Nội vì đã giam cầm ông trái phép là chuyện nội bộ của Hà Nội. Nhưng lơ là bỏ mặc Nguyễn Đình Huy và đồng chí của ông trong tù cộng sản là một hành vi đem con bỏ chợ của Mỹ. Trần Bình Nam viết:

*"... ông Stephen Young (nếu không phải là Hoa Kỳ) còn một món nợ với ông Nguyễn Đình Huy, chừng nào ông Nguyễn Đình Huy và các đồng chí của ông trong Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ chưa được tự do."*

Trần Bình Nam còn đòi hỏi cả cung cách 'quân tử' ở vài người làm chính trị quốc nội, như ông viết trong bài *'Ông Nguyễn Hộ và Dương Thu Hương'*.

Câu chuyện liên hệ đến tờ Thông Luận ở Paris vào đầu tháng 3 năm 96 phổ biến một lá thư nói là của ông Nguyễn Hộ kêu gọi đồng bào trong và ngoài nước thuộc mọi quá khứ thành lập một mặt trận dân chủ bất bạo động để tranh đấu cho một nền dân chủ đa nguyên. Bài viết được nhiều giới hải ngoại nhiệt liệt hưởng ứng. Người ta bàn cãi, họp hành, sôi nổi tìm một tổ chức một cơ cấu hải ngoại có có khả năng đại diện và đầy đủ tầm vóc để yểm trợ cuộc tranh đấu dân chủ tại quốc nội bởi những người cộng sản tiến bộ như ông Nguyễn Hộ. Mặt trận này mặt trận nọ được thành lập. Trong tung ngoài hứng và ngược lại, người Việt xem ra sắp được dịp ảnh hưởng lớn đến đại hội 8 của đảng cộng sản, do đấy đẩy mạnh Việt Nam trên con đường dân chủ hóa... Trần Bình Nam cũng nhiệt thành tham gia sự phấn khởi chung, như ta thấy qua bài *'Bàn về chế độ dân chủ do ông Nguyễn Hộ chủ xướng'*.

Vậy mà chỉ vài tuần (hay tháng) sau, khi một người tên Nguyễn Bá

Long nhanh nhẩu đứng ra thành lập một mặt trận dân chủ tôn ông Nguyễn Hộ làm chủ tịch và tự phong làm tổng thư ký, ông Nguyễn Hộ viết cho ông Long một lá thư có sức mạnh phá hoại của quả bom tạ. Ông Hộ viết là ông không hay biết gì về lá thư gọi là của ông mà Thông Luận đăng: '*Chắc có ai đó ở hải ngoại với động cơ và ý đồ gì thì tôi không rõ, đã mạo danh tôi viết ra bức thư ngỏ ấy. Đó là điều sai trái... Sự thật phức tạp mong ông hiểu cho.*'

Hải ngoại ngỡ ngàng, mỗi người phản ứng một cách. Riêng Trần Bình Nam, ông viết bài làm sáng tỏ câu chuyện, trung thực và công bằng như thường lệ. Ông không vờ đi sự việc là bức thư ngỏ gọi là của ông Nguyễn Hộ không do ông Nguyễn Hộ thảo và ký, mà do Thông Luận thảo giùm cho ông và đăng tải không có chữ ký của ông.

Nhưng Trần Bình Nam ghi nhận Thông Luận đã trao đổi kỹ càng với ông Nguyễn Hộ về bài thảo trước khi đăng, và đã được phụ tá của ông Nguyễn Hộ hối thúc đăng. Cũng theo Trần Bình Nam, sự phủ nhận của ông Nguyễn Hộ về sau chẳng qua phản ánh sự thay đổi lập trường của ông Nguyễn Hộ cũng như hệ lụy chính trị xung quanh ông. Và nó đặt dấu hỏi về con người ông Nguyễn Độ. Trần Bình Nam viết:

"*Để lấy thế đấu tranh ông Nguyễn Hộ liên minh với Thông Luận ở Paris và qua Thông Luận ông Nguyễn Hộ đã phổ biến nhiều tài liệu chống thành phần bảo thủ của đảng cộng sản Việt Nam và đòi thiết lập dân chủ đa nguyên. Các tài liệu như 'Quan điểm và cuộc sống', 'Chỉ có con đường độc nhất: lột xác' và 'Bức thư ngỏ về giải pháp hòa giải hòa hợp dân tộc' cho thấy quan điểm tiến bộ của ông...* "

..."Qua nhiều năm làm việc với nhau, Thông Luận không nghi ngờ gì về ý muốn của ông Nguyễn Hộ qua người phụ tá nên đã phổ biến Thư ngỏ ngày 19-2 như là một văn kiện do ông Nguyễn Hộ ký.

"Vì hoàn cảnh khắc nghiệt ông Nguyễn Hộ không ký được, nay ông có quyền nói ông không ký nhưng hàm ý rằng Thông Luận giả mạo tên ông là một điều quá đáng.

...*"Vấn đề là Thông Luận quá lạc quan và đặt lòng tin vào một đối tượng ở vào một hoàn cảnh nhiều biến chuyển khó tiên liệu....*

"*... ông Nguyễn Hộ đổi liên minh. Và ông nghĩ ông đổi liên minh là phải vì liên minh các đảng viên cộng sản gốc miền nam mới có khả năng thay đổi thế cờ.*

"Nhưng đổi liên minh mà phủ nhận những gì mình đã gián tiếp đồng ý với một liên minh khác là những điều sai trái buộc chúng ta phải cảnh giác về con người ông Nguyễn Hộ.

..." *Thư ông Nguyễn Hộ gửi ông Nguyễn Bá Long có thể trở thành một*

*'hiện tượng Nguyễn Hộ' giống như 'hiện tượng Dương Thu Hương' năm 1991 khi bà viết 'Tự Bạch về Tiểu Thuyết Vô Đề', để đả kích những ai trong hàng ngũ quốc gia đã giúp bà trong cuộc tranh chấp giữa bà với thành phần lạm quyền trong đảng của bà...*

*..."Bà Dương Thu Hương không là gì cả trước khi được hải ngoại biết đến, và bà trở lại không là gì cả sau bản 'Tự Bạch về Tiểu Thuyết Vô Đề." Mấy năm nay ông Nguyễn Hộ được thế giới biết tới nhờ hải ngoại tiếp tay phổ biến quan điểm và lập trường của ông. Ông sẽ trở về bóng đêm của ông khi ông phủ nhận những gì ông đã cùng làm với người quốc gia hải ngoại..."*

Tuy không khai triển nguồn cơn nào cho phép Dương Thu Hương giả vờ không biết Thụy Khuê là ông hay bà, khi nhà văn nữ hải ngoại không cần đợi thỉnh cầu chính thức (?) đã sốt sắng viết tựa cho cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* ấn bản hải ngoại của đương sự, sự bất mãn của Trần Bình Nam với *cung cách* của hai người quốc nội thật đã quá rõ ràng.

Sự thiếu chung thủy dù từ đồng minh cũng làm ông xót xa. Trong *'Nỗi Buồn Chiến Tranh'* ông viết về hai tài liệu liên hệ đến hoạt động tình báo của Mỹ tại Bắc Việt, tiến hành bằng nhân sự tuyển mộ từ những quân nhân ưu tú của Hải quân nói riêng và quân lực VNCH nói chung. Một tài liệu là cuốn *'Secret Army, Secret War'* của Sedgwick Tourison, và tài liệu kia là bài báo đăng tải trong *tờ 'Vietnam'* của Charles F. Reske, cựu chuyên viên tình báo hải quân Mỹ hoạt động tại Việt Nam trong thời chiến tranh. Câu chuyện ly kỳ bao gồm những cơ quan như CIA, MAAG, MACV, SMM, với những tên tuổi như đại tá Edward Landsdale, các tổng thống John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson, vân vân... Những chiến dịch tình báo với mật danh như Footboy, Mint, Cado, Loki, Timberwork, Humidor vân vân khêu gợi trí tò mò người đọc như những truyện phản gián nổi danh, vẽ nên hình bóng của những thanh niên miền Nam can trường kiêu hùng nhảy dù xuống hậu tuyến địch, sau khi đã nhờ thượng cấp báo tử giả cho cha mẹ hay người thân ở nhà... Đặc biệt chiến dịch Gươm Thiêng Ái Quốc không những do người Việt phụ trách mà còn mang danh hiệu Việt Nam, dùng những khinh tốc đĩnh PFT với vận tốc chưa từng thấy nơi vùng duyên hải này để bắt cóc thủy thủ đối phương hay ngư dân về chiêu hồi rồi thả lại hoạt động tình báo tại nguyên quán, hay tạo bất ổn trong nội địa địch bằng phá hoại hay tuyên truyền... Toàn bộ chiến dịch kể như thất bại, vì tình báo của địch gài ngay trong phủ thủ tướng miền Nam...

Về sau cơ quan CIA cũng như MACV đều ghi nhận sự vô hiệu quả

của chiến dịch tình báo này và sau cùng Tư Lệnh Quân Đội Mỹ ở Thái Bình Dương (CINCPAC) quyết định ngưng liên lạc với tất cả những điệp viên đã thả xuống miền Bắc. Nhưng ấn tượng mạnh nhất Trần Bình Nam để lại nơi người đọc có lẽ là kết luận của ông:

*"Đó là câu chuyện tình báo trong chiến tranh Việt Nam. Chuyện buồn là hơn 100 điệp viên người Việt vốn là thành phần ưu tú của quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã được thả dù "nhầm vị trí" xuống miền Bắc sau khi không còn dùng nữa. Chiến tranh thường là buồn. Bên thắng cũng như bên thua bên nào rồi cũng thấy buồn. 'Nỗi buồn chiến tranh' của Bảo Ninh, 'In Retrospect' của MacNamara đều là chuyện buồn.*

Nhưng có lẽ cái tin do cuốn sách của Sedwick Tourison tiết lộ là buồn hơn cả những nỗi buồn chiến tranh!"

Với những chính khách quốc tế ông cũng trông đợi một cung cách 'đẹp' và ông đã thất vọng. Ông không thấy cung cách ấy ở McNamara, mà theo ông cuốn *'In Retrospect'* phản ánh không những những lỗi lầm chiến thuật mà còn một sự thiếu vắng liêm khiết. Lập luận của McNamara theo ông không nhất quán, làm cho ông chỉ có hai chọn lựa khi đánh giá ông cựu bộ trưởng Hoa Kỳ: Ông McNamara hoặc nói dối hoặc hèn nhát.

Và khi qua một nền tư pháp chưa mấy gì độc lập với hành pháp, đương kim tổng thống Đại Hàn Kim Young Sam đã xử cựu tổng thống Chun Doo Hwan án tử hình và cựu tổng thống Roh Tae Woo 22 năm rưỡi tù ở, Trần Bình Nam viết trong bài *'Nham Hiểm Chính Trị'*:

*"Nói về tội trạng không ai có thể biện minh hai ông cựu tổng thống Chun Doo Hwan và Roh Tae Woo không có tội. Đảo chánh, đàn áp biểu tình, nhận hối lộ của giới kỹ nghệ gia là có tội. Nhưng về mặt chính trị công của hai ông Chun và Roh đưa Nam Hàn vào thời đại dân chủ và phú cường cũng có thể bù đắp được phần nào các vi phạm của hai ông.*

*...Ông tổng thống Kim Young Sam thiếu tự trọng và là một người nham hiểm. Cuộc đàn áp sinh viên tại đại học Yonsei 6 ngày trước khi tuyên án hai cựu tổng thống chỉ là một phần trong kế hoạch đe dọa những ai còn cảm tình với hai ông Chun Doo Hwan và Roh Tae Woo...*

*..."Nếu cái đầu của ông Chun Doo Hwan không dính cổ thì cái đầu của ông Kim Young Sam cũng không vững chắc gì trên con người nham hiểm của ông. Có tin đồn ông Kim Young Sam đã dùng tiền của tổng thống Roe Tae Woo để tranh cử. Là tin đồn nên không ai bắt buộc tổng thống Kim Young Sam phải trả lời nhất là khi ông đang làm tổng tổng thống. Nhưng tin đồn sẽ là bằng chứng trước tòa trong một tương lai nào đó,*

*ngoại trừ ông Kim Young Sam sẽ làm tổng thống cho đến lúc nhắm mắt!"*

Tôi hỏi Trần Bình Nam ông tóm tắt thế nào quan niệm của ông về những du di 'cung cách' khi làm chính trị. Ông cười rồi bàn chung chung đến vương đạo, bá đạo. Câu nói đầu môi nơi đa số chính trị gia xem ra rất thật nơi ông. Và nó theo cái nhìn của ông trong tất cả những gì ông viết. Khi so sánh Karl Marx với John Locke, hai lý thuyết gia căn bản cho hai đường lối chính trị kinh tế đối lập của lịch sử nhân loại, ông ngả về John Locke. Lý do then chốt lại là chữ 'Tâm', một từ không có tương đương trong ngôn ngữ tây phương dù ngôn ngữ văn học chính trị hay tôn giáo. Và ông lấy Kiều:

*"Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài"*

Có lẽ đã đến lúc gói lại những cảm nghĩ của tôi về Trần Bình Nam và tác phẩm của ông. Như đã nói, chuyện chính trị là chuyện thời thượng. Viết về chính trị là một sinh hoạt bạc bẽo, vì thời sự và cả đến chân lý của ngày hôm nay sẽ không còn là thời sự hay chân lý của ngày mai.

Vậy mà tôi nghĩ tuyển tập của Trần Bình Nam sẽ có một giá trị trường cửu. Không phải nó sẽ vượt lên trên số phận của những tư duy chính trị nói chung, thoát khỏi sức tàn phá khắc nghiệt của thời gian. Tác phẩm sẽ có giá trị dài lâu vì phản ảnh những thao thức rất thật của một con người liêm khiết có kiến thức và có đạo lý.

Sự trăn trở của ông về tương lai đất nước, về sự an bình của thế giới, về sự hao hụt đạo lý trong chính trường, tuy ở một bình diện khác, phương thức khác, làm tôi xúc động như cuốn Cien Anos de Solidad *(Trăm Năm Đơn Côi)* của Gabriel Garcia Marquez. Nhà văn lớn Nam Mỹ trong một cốt truyện hư cấu hấp dẫn viết bằng văn phong hiện thực huyền bí còn hấp dẫn hơn, đã gửi gấm cái cô đơn triền miên của người trí thức Nam Mỹ trong hoàn cảnh bất ưng của xã hội Colombia vài thập niên trước.

Tôi định kết luận chung chung, là thất bại hay thành công, trong hay ngoài chính trị, hoàn toàn tùy thuộc định nghĩa mỗi người đặt cho mục tiêu. Người tự đặt cho mình một mục tiêu vô cùng khó khăn vô cùng cao đẹp, một cách triết học đã khước từ thành công ngay từ đầu. Vậy thì *thành tích cụ thể* mới đáng kể, dù thành tích ấy chưa bao gồm mục tiêu cuối cùng. Và tôi nghĩ Trần Bình Nam đã đạt được những thành tích nhiều hơn là đáng kể. Vả lại, *'không thành công thì thành nhân'*, tôi định mượn danh ngôn của một anh hùng quá cố.

Nhưng Trần Bình Nam không cho tôi tránh né bằng một kết luận hời

hợt như vậy. Tôi đã dại dột bàn về ba khâu của sự nghiệp chính trị nói chung, khâu suy nghĩ lập thuyết, khâu tranh đấu để nắm chính quyền, và khâu thi hành lý thuyết chính trị một khi chính quyền nắm được.

Trần Bình Nam bảo trong ba khâu của sự nghiệp tôi nêu lên, ông không bao giờ có ảo tưởng về khâu thứ ba. Ông nói ông đã suy nghĩ nhiều về khâu một, tức là dân chủ nói chung và dân chủ cho Việt Nam nói riêng. Về khâu hai, ông đã đóng góp vào những sinh hoạt cụ thể về tổ chức cơ sở tranh đấu. Nhưng ông chưa và có lẽ không bao giờ có cơ duyên được thi hành những quan niệm lập thuyết của ông. Trong thực tế hiện tại, những chuyện ấy là chuyện đội đá vá trời ngoài tầm tay. Tôi ngạc nhiên với sự trung thực và đức khiêm tốn của ông.

Nhưng ông bảo ông vẫn lạc quan, vì những chuyện ông mong ước cho đất nước, những mục tiêu ông đặt ra khi sinh hoạt chính trị, là đánh bại cộng sản ở quốc nội để kiến tạo dân chủ cho Việt Nam, thì mục tiêu ấy đã đạt. Cộng sản đã thua ở Việt Nam, ông nhắc lại ý kiến ông đã khẳng định trong những bài viết liên hệ. Và sớm muộn thì cái đà đổi mới kinh tế sẽ tạo ra một cái đà lịch sử không ai cưỡng nổi, đem dân chủ lại cho đất nước.

Tôi chưa kịp hỏi thì ông đã minh định là những thành quả ấy là nhờ những động lực phát nguồn từ thế giới cũng như từ lòng dân, ông không hề nghĩ là sinh hoạt của ông có ảnh hưởng gì quan trọng.

Rồi ông cho hay, chính vì quan niệm cộng sản Việt Nam đã thua trong bản chất mà ông không còn tranh đấu theo đường lối cũ. Tôi có cảm tưởng ông nghĩ mục tiêu của đấu tranh đã đạt, dù không phải vì mình mà đạt, tiếp tục đấu tranh theo ngả cũ chỉ phản ánh lên một thói quen, một ham thích đấu tranh đã trở thành cố tật, hơn là một ý chí nghiêm túc.

Rồi chậm rãi ông nói, dù sao những gì ông viết hay những người làm chính trị nghiêm túc ở hải ngoại viết, những điều đó tuy không mới mẻ gì về phương diện lập thuyết hay tư duy, nhưng vẫn mới mẻ với phần đông đồng bào quốc nội. Và biết đâu, chỉ cần một độc giả sau khi đọc bài ông nhớ rằng một quốc gia dân chủ tối thiểu phải có một hiến pháp ra hiến pháp, một hiến pháp không còn dấu vết của những quái dị như điều 4 của hiến pháp quốc nội, thì lịch trình dân chủ của đất nước thêm được một lá phiếu thuận...

Tôi chợt thấy ông gần với người làm nghệ thuật hơn người làm chính trị. Không phải chỉ một bức tranh đẹp là đủ tạo dựng được một nền hội họa đẹp cho nước nhà. Nhưng vẽ được một bức tranh đẹp, dù chỉ một thôi, thì cái ngày có một nền hội họa đẹp cho đất nước gần hơn được một bức

tranh.

Tôi lan man nghĩ đến những người làm chính trị đã thành công, đã có thành tích bên này hay bên kia mà những tình cờ hoàn toàn ngẫu nhiên tôi đã có dịp gặp. Và tôi đã gặp những người đặc biệt, quả là danh bất hư truyền. Nhưng tôi cũng gặp những người không có kiến thức, không có can đảm, không có trăn trở, không có tâm, và nhiều khi cũng không có cung cách nữa, và những người ấy đã có cơ hội thi thố 'tài năng' của họ, làm mưa làm gió một thời trên muôn ngàn sinh linh.

Trong cảm xúc chân thành lúc ấy, tôi bảo Trần Bình Nam tôi sẽ lấy một câu thơ nổi danh để chép lại trên bài tôi viết về sách của ông. Ông hỏi câu gì? Tôi nói *'Thế sự du du nại lão hà'*.

Ông nói của Đặng Dung phải không? Ông không hợp với bài này. Tại sao ư, tại bài thơ đại ngôn quá, *'Trí chúa hữu hoài phò địa trục, Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà...''*, những chuyện to như thế ông chưa bao giờ nghĩ đến. Còn nữa, *'Quốc thù vị phục đầu tiên bạch'* thì buồn quá, mới học trung học hồi nào với nhau mà bây giờ đầu đã hai thứ tóc cả rồi...

Tôi không nghĩ đến mái đầu hoa râm của chúng tôi, cũng không nghĩ đến tuổi già đang tới hay thật ra đã tới của thế hệ chúng tôi. Thật ra tôi hồi tưởng lại hình ảnh một người học sinh trung học rất giỏi bốn chục năm trước, tương tự như Anatole France trong tác phẩm *Le Livre de Mon Ami* hồi tưởng lại hình ảnh cậu bé một mùa thu xa xưa băng qua vườn Luxembourg, vui chân sáo cắp sách tới trường, trong cảnh lá vàng lác đác rơi xuống vai những pho tượng trắng.

Chỉ có khác là cuốn-sách-của-bạn-tôi-Trần-Bình- Nam không phải là *Le Livre de Mon Ami*, vì cái tuổi thơ hồn nhiên nhẹ nhàng của một nước Pháp thanh bình Anatole France tả không phải là tuổi thơ của chúng tôi. Và người học sinh trung học tôi nghĩ tới không được hưởng cái thanh bình nhẹ nhàng của cậu bé trong *Le Livre de Mon Ami*. Anh nghiêm túc đạo hạnh đến khắc khổ, không bận tâm đến giải trí, thậm chí đến cả thể thao hay bạn gái. Có rảnh rang, anh lên chùa Thiên Mụ học kinh 'Bát Nhã' với sư cụ, hay ra ngồi ngắm sông Hương, cái khoảng đẹp nhất của sông đối diện với Nguyệt Biều và Long Thọ mà tôi cũng rất mê, nhưng trên diện văn học... Người thanh niên ấy lúc nào cũng trầm tư trong những nguyên lý của toán học, của kinh Phật, của lòng yêu nước mà sự hiện diện thô bạo của quân đội Pháp thủa ấy trên lãnh thổ sớm khơi lên cho thế hệ chúng tôi...

Tôi nghĩ đến quá trình trưởng thành của anh trong những thập niên

về sau, những đam mê những miệt mài trong học vấn rồi trong chính trị, một thứ chính trị có 'cung cách'.

Tôi nghĩ đến những cảm nghĩ không hẳn *chiều hôm*, nhưng cũng *xế trưa* của thế hệ chúng tôi... Rồi tôi nghĩ đến tất cả thế hệ người nước tôi, trước và sau chúng tôi, miền Nam cũng như miền Bắc, và đến *'Trăm Năm Đơn Côi'* của những thế hệ trí thức Nam Mỹ của Gabriel Garcia Marquez... Cuộc sống đã không dễ dàng cho bao nhiêu thế hệ ấy... Biết bao tài năng, hay ít nhất bao nhiêu lòng thành đã bị lãng phí... Yêu mà không được yêu lại bao giờ cũng có vị cay đắng, dù là yêu nước .

Sự tư duy lạc đề của tôi bị gián đoạn khi Trần Bình Nam đọc nốt hai câu thơ Đặng Dung tôi đã không đọc:

*'Thời lai đồ điếu thành công dị,*
*Vận khứ anh hùng ẩm hận đa...'*

Ý niệm kiêu căng của vần thơ cổ làm tôi giật mình, để rồi thở phào khi ông nói ông không tâm đắc với hai câu thơ này. Câu trên kiêu bạc quá, lại chủ quan nữa. Mọi thành công dù là thành công của đối phương, đều có lý do nghiêm túc của nó.

Còn câu dưới? tôi buột miệng hỏi.

*ẩm hận đa* ấy ư? ông hỏi lại.

Lại càng không. Không, ông không hận...

Chữ *hận* nhắc đến dù để phủ nhận cũng để lại cho tôi một dư âm ngậm ngùi.

Tôi không muốn ngậm ngùi. Dù sao trong buổi đầu xuân, tôi có quyền mơ ước. Tôi cầu chúc ông một ngày mai tốt đẹp như ông ước mơ. Ngày mai ấy dân chủ sẽ ngự trị tại Việt Nam. Ngày mai ấy, những người làm chính trị từ tổng thống tới thơ lại, tới nhân viên quan thuế phi cảng, tới lý trưởng tuần đinh, tất cả đều có *'cung cách'* và liêm khiết, và thủ đoạn dối trá lừa thầy phản bạn gian tham ác độc vân vân chỉ còn là những chuyện cũ ghi lại trong lịch sử loài người. Còn nữa, cũng ngày mai ấy trẻ con sẽ không đánh mất tuổi thơ với những ưu tư khắc khoải như thế hệ chúng tôi, và hoài niệm của người già về thủa cắp sách đến trường có buồn cũng buồn nhè nhẹ như cảnh lá vàng lác đác rơi xuống vai những pho tượng trắng trong công viên của một đất nước thanh bình...

Tôi muốn kết luận bằng một ý của Lỗ Tấn, hình như trong truyện "Quê Cũ" nổi danh của ông, là ngày mai chưa tới, và chúng ta không được tước đoạt đi những hứa hẹn, những giấc mơ của ngày mai...

**Mai Kim Ngọc.**
Tháng Hai 97

# *Chuyện (dài) làng thơ.*

NGUYỄN THƯỢNG ĐỨC

Thi gia than với thi hào:
*Cái thằng thi bá hỗn hào, chơi tôi.*
*Thơ tôi, nó biểu... "cục xôi!"*
*Trong khi thơ nó như nồi bún thiu.*

Thi hào gục gặc, đăm chiêu:
*Cái thằng náo nhể, lói điêu lói càn.*
*Thơ ló vần điệu ngổn ngang*
*Trắc bằng nộn xộn tràn nan, ra gì?*

Thi gia xuống giọng thầm thì:
*Thơ ông cũng bị nó đì lia chia.*
*Bài thì nó biểu... "mắm khìa"*
*Bài thì nó nói... "phải dìa học thêm."*

Thi hào đầu nhức, mình rêm
Đi tìm thi bá mấy đêm mấy ngày.
Lầm bầm: *"Ông ...ịt mẹ mày.*
*Con nhà mất rậy, biết tay ông nào!*

Thi bá vừa thấy thi hào
Hớt ha hớt hãi chưa chào đã la:
*Tộ cha cại thằng thi gia*
*Thơ ông hặn biệu đem ra chợ trời!*

Nói qua nói lại mấy lời
Thi hào "mả mẹ" tám đời thi gia.
Thi bá được thể tuôn ra
Bao nhiêu uẩn ức vẫn na không rời:

*Thơ hặn, hặn noại sáng ngời*
*Thơ tui, hặn biệu... "dụng trời mùa đông."*
*Mụ cha cố nội thằng ngông*
*Tui mà gặp hặn, sợi lông không còn.*

Ô hô, những chuyện trẻ con...
*(Chưa hết, còn tiếp)*

# tạp ghi

*Nguyễn Quốc Trụ*

## *Chàng như mây mùa Thu...*

Sự xuất hiện ồ ạt những cây viết nữ giới thời gian qua là một hiện tượng đặc biệt không chỉ riêng đối với dòng văn chương hải ngoại của người Việt mà còn coi như chung cho cả Bắc Mỹ. Millicent Bell, nhà xuất bản, người điểm sách cho tờ Partisan Review, số 1, 1997, Boston University, cho biết, trong năm qua, tất cả những cuốn hay nhất, thuộc loại số một đều viết bởi nữ giới. Lẽ dĩ nhiên, theo tác giả, nữ giới luôn luôn viết tiểu thuyết, và một số trong họ luôn luôn là những người vĩ đại nhất. Đàn bà thường hiểu rất rõ con đường chinh phục độc giả, và có được một sự thành công mang tính đại chúng, hơn là những địch thủ nam giới của họ.

Hawthorne đã từng "phẫn uất" về những người đàn bà viết văn "cẩu thả" đã gạt ông ra khỏi chợ văn. Nhà văn nữ nổi tiếng Virginia Woolf, cho đến năm 1928, vẫn còn nói, đối với hầu hết nhà văn nam, đàn bà chỉ viết với một nửa bộ óc, và họ đừng bao giờ mon men đến nửa bộ óc kia. Bà hy vọng với thời gian, toàn thể kinh nghiệm của con người sẽ đổ vào những cuốn sách mà đàn ông, đàn bà đều cùng đọc. Và bởi vì cuộc sống của nam giới và nữ giới ngày càng giống nhau, những tác phẩm hiện thực về xã hội, những tác phẩm phiêu lưu không còn là sản phẩm của nam giới không thôi; những "nội" tác phẩm nói về con tim, về mái ấm gia đình, về hạnh phúc riêng tư, những tình cảm "rất ư là đàn bà" cũng sẽ thuộc về cả "hai đứa chúng ta". Nhưng hiện tượng này, cho đến nay vẫn chưa thực sự xảy ra, và nhiều nhà phê bình nữ vẫn nhấn mạnh đến tính đặc thù của truyền thống nữ, cùng tiếng nói nữ, như là một đáp ứng đối với độc giả nữ. Woolf cũng đã từng nói: Chúng ta nhớ lại, qua người mẹ của chúng ta. Bà cũng từng nghĩ, có một điều như vậy, đó là câu văn nam phân biệt với câu văn

nữ, theo kiểu ta là đàn ông, "mi" là đàn bà. Hoặc như trong thơ cổ:

*Chàng như mây mùa Thu*
*Thiếp như khói trong lò*
*Cao thấp tuy có khác*
*Đồng thả cũng tuyệt vời*

Trong số những nhà văn nữ dám "xông pha" vào lãnh vực "thống trị" của nam giới, người viết xin được giới thiệu, trường hợp "khác thường" của E. Annie Proulx, qua bài điểm sách của Bell, cuốn *"Accordeon Crimes"*, nhà xb Scribner, 1996.

Và người thứ nhì là Linda Lê -một nhà văn nữ người Việt, nhưng viết văn bằng tiếng Pháp, đã từng xuất bản 6 tác phẩm- qua bài giới thiệu của Jean McNeil, trên tờ TLS (Times Literary Supplement) Feb 14, 1997; tác phẩm được dịch qua Anh ngữ mang tên *Slander* (Vu Khống), dịch giả Esther Allen, 166 trang, nhà xb Lincoln: Nebraska University Press.

Proulx bắt đầu viết "fiction" năm 1992, khi bà 57 tuổi, và được "tất cả" những giải thưởng - PEN-Faulner, National Book Award, và Pulitzer - với hai cuốn trước đó. *Accordeon Crimes* là một sử thi, một comedie humaine, đầy rẫy những nhân vật, giầu có về miêu tả những môi trường xã hội giai cấp, đặc trưng nhóm, cách ăn nói thay đổi giữa họ... Tác giả đã khai thác tuyệt vời truyền thống tiểu thuyết nam, khi tạo dựng nhân vật của tác phẩm như là một phím khẩu cẩm, chuyền từ tay này qua tay khác, nối kết thành một chuỗi giầu có, những câu chuyện riêng lẻ. - mỗi "stop", độc giả chìm đắm vào kinh nghiệm của một hay nhiều thế hệ di dân người Mỹ, và theo dõi, chủ yếu là những cuộc phiêu lưu của nam giới. Có lẽ bởi vì Proulx nghĩ rằng, hơn hẳn nữ giới, họ đại diện cho những mong ước, hoài vọng "ngông cuồng, vô lý", những ẩn ức, và những "hồi phục", của cái gọi là "Giấc Mơ Mỹ", vốn bắt đầu như giấc mơ của những người tới từ một nơi chốn khác.

Trong cuốn sử thi đó, quan điểm của tác giả chuyển từ một "truyện" nhỏ, sống động qua một "truyện" khác. Nhân vật của bà, nhân vật này thế chỗ nhân vật kia, như những Người Mỹ mới, bị "cai trị" bởi những hoài vọng cá nhân của họ, bởi những thiên kiến và những hoàn cảnh mà họ phải đối đầu. Những người di dân Mỹ mới tới của bà thường là nghèo, bị nghiền nát bởi nỗi bất hạnh, thành kiến phát xuất từ chủ trương bài-di dân, mặc cảm tự ti vì sự thành tựu nhỏ nhoi của họ. Con cháu những người này chối bỏ quá khứ chủng tộc, tự coi chúng là "một anh chàng Mick, nghèo, cù lần, ru rú xó nhà, và vô học", tin tưởng rằng "Những người Na-uy vốn chỉ là một chuyện tiếu lâm, như giọng nói của họ, như

cách họ biến chính họ thành một chuyện tiếu lâm, theo một cung cách ngu si, với những hành động, những bài hát khôi hài rẻ tiền." Đôi khi, trong khi đành chấp nhận hội nhập, đồng hóa, sự giầu sang cũng tới. - đây, có một chút "u-mặc" (humor) trong giọng văn của tác giả khi bà dẫn chúng ta từ nhân vật này, tới nhân vật nọ, những người Mỹ "có gạch nối", (theo kiểu Irish-American people), gốc gác tại Ý, Đức, Mexico, Norway, France, Africa, Poland, Ireland, hay những xứ sở vùng Basque.

Trong bài "Bạt" của *Slander*, Linda Lê trích dẫn E.M Cioran, một triết gia Roumanie, như một người mà tác giả chịu ảnh hưởng. Và E.M. Cioran, vốn nổi tiếng là "chướng" qua những "ngụ ngôn" của ông. Một trong những ngụ ngôn "xấu xa, bỉ ổi" của ông, là để tỏ thái độ dè bỉu của ông với bộ môn tiểu thuyết. Ông coi đó chỉ là một trò dạo phố, hay rõ hơn, nhà văn nói chung chỉ là "điếm". Có thể vì vậy mà bài điểm sách của Linda Lê được nằm trong một đề tựa chung là "Dẫn Khách Cho Văn Chương", trên tờ TLS. Và trong truyện của bà cũng không thiếu những từ này. (Thú thực, người viết chưa từng được đọc một tác phẩm nào của Linda Lê, và đây chỉ là viết theo người điểm sách trên TLS).

Linda Lê, rời Việt Nam như một thuyền nhân khi 14 tuổi. Bây giờ bà 30 tuổi, đã có 6 tác phẩm bằng tiếng Pháp. Thoạt đọc, Slander nằm trong dạng phổ thông ở Pháp, dạng autofiction, hay là tự thuật viết bằng giọng nói của một nhân vật đơn. Giọng kể trộn trạo giữa nhật ký của một ông chú điên và người cháu gái-nhà văn, cả hai đều là người Việt, tuy chi tiết này không thực sự được nói tới ở trong truyện. Cả hai đều sống tại Pháp. Cô cháu "tra vấn" người chú, vốn mòn mỏi bao nhiêu năm tháng trong một nhà thương điên, về "một vài tin tức mang tính phổ hệ". Sự thừa nhận của bà mẹ về cô gái, một đứa con hoang, đã gây cơn khủng hoảng, và cô gái càng muốn biết thêm về gia đình cô. Những gì cô ghi nhận được là một câu chuyện dài nhiều thế hệ, của sự non nớt, điên khùng và chủ nghĩa chính trị cơ hội. Thật khó mà biết được, cuốn sách là một thông tri về nỗi thù hận con người, hay chỉ là một phê bình cái trò người giầu đứt tay, ăn mày đổ ruột, tức là ba thứ tình cảm làm nhàm được coi như là những xúc động "chân thực", khi hai chú cháu nhìn những người chung quanh: một lũ ngu si bàn chuyện tiện nghi theo kiểu *clichés*. Một "bí mật" khác là là giọng diễu cợt (humour) của tác giả, không Tây Phương mà cũng chẳng Đông Phương, chủ yếu chỉ để tấn công tính thờ phụng tiện nghi. Ông chú nhiều khi nói giọng hư vô, theo kiểu Camus. Trong truyện, vì ảnh hưởng E.M. Cioran, nên có những ngụ ngôn đại khái như: "Trước khi là người, đàn bà là những dối trá cứ thế sinh sống cứ thế nẩy nở". Linda Lê đã từng

tuyên bố mỗi cuốn sách mới là một chiến thắng trên cuốn trước và trên những gì mà tôi đã sống cho tới khi đó. Nhưng, người điểm sách tự hỏi, cái trò man dại nhuốm mùi Nietzsche và Cioran này dẫn tới đâu. Như những tác phẩm của Cioran, cuốn tiểu thuyết Slander của Linda Lê dìm người đọc vào một nơi chốn khủng khiếp, hết mong cứu rỗi.

## *Tình Yêu Và Những Quỷ Dữ Khác*

Theo S. Rusdhie, sức tưởng tượng của Garcia Marquez phần lớn là từ kỷ niệm về bà nội ông. Ngoài ra còn những nguồn khác nữa. Tác giả đã từng xác nhận, ông ảnh hưởng Faulkner, và thế giới kỳ ảo Macondo là một phần "bất động sản" Yoknapatawpha của Faulkner được dời tới một khu rừng ở Colombia. Ngoài ra còn có Borges, và sau lưng vị khổng lồ này, nhiều người khác. Thời gian ông viết cho điện ảnh đã cho ông ý tưởng, người Mỹ đã bắt buộc một nhà độc tài Mỹ châu La tinh phải đem biển cả trả cho họ, thay cho những món nợ còn thiếu, trong *L'Automne du Patriarche*. Nhưng quan trọng hơn hết vẫn là người bà của ông. Trong một cuộc phỏng vấn, ông thừa nhận ông thừa hưởng ngôn ngữ của bà. "Chính giọng kể là của Bà. Bà là một người kể chuyện tuyệt vời". Trong những gia đình thuộc sắc dân da đỏ, người đàn bà giữ gìn kho tàng chuyện kể, và Nam Mỹ cũng có truyền thống này. Garcia Marquez được ông bà nuôi nấng và ông chỉ gặp mẹ lần đầu tiên vào lúc 7, hoặc 8 tuổi. Sau 8 tuổi, chẳng có chuyện chi là "hay ho, khác thường" đối với ông. Ông nói về ông bà của ông: "Họ có một căn nhà thật lớn, đầy những ma. Họ cũng rất mê tín. Trong mỗi góc nhà là những bộ xương, và những kỷ niệm, và sau 6 giờ tối là không ai dám ra khỏi phòng". Từ những kỷ niệm về căn nhà, mượn thêm giọng kể của người bà như cục nam châm, ông xây dựng thế giới Macondo.

Nhưng rõ ràng ông còn có nhiều hơn thế nữa. Ông rời Aracataca, ngôi làng thơ ấu khi ông còn quá trẻ, và thực tại phố phường khác xa, nhiều khi trái ngược với vùng núi rừng. Trong *Trăm Năm Cô Đơn*, người Đẹp Remedios bay lên trời là một biến cố được đợi chờ, nhưng khi chuyến xe lửa đầu tiên tới Macondo, một người đàn bà chạy ra giữa mặt lộ, la lớn: " Nó tới rồi. Cái gì giống như một cái bếp kéo theo sau nó cả một làng." Garcia đã quyết định để viễn ảnh thế giới của dân quê ở bên trên cái của kẻ tỉnh; đó là nguồn gốc sự diệu kỳ ở nơi ông.

Mỹ Châu La Tinh, thực tại biến dạng do chính trị nhiều hơn là do văn hóa. Sự thực được bưng bít đến nỗi không còn biết đâu là sự thực.

Cuối cùng chỉ còn một sự thực độc nhất, đó là lúc nào người ta cũng nói dối. Những tác phẩm của Garcia Marquez không có một tương quan trực tiếp tới chính trị, nhưng chúng đề cập tới những vấn đề đại chúng bằng những ẩn dụ. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo là một khai triển chiết ra từ chủ nghĩa siêu thực; một chủ nghĩa siêu thực diễn tả lương tâm đích thực của Thế Giới Thứ Ba, tức là của những xã hội được tạo thành "có một nửa", trong đó, cái cũ có vẻ như không thực chống lại cái mới làm người ta sợ, trong đó sự tham nhũng, thối nát "công cộng" của đám cầm quyền và nỗi khiếp sợ "riêng tư" của từng người dân, tất cả đều trở thành hiển nhiên. Trong thế giới tiểu thuyết của Garcia Marquez, những điều vô lý, những chuyện không thể xẩy ra, đều xẩy ra hoài hoài, ngay giữa ban ngày ban mặt. Thật hết sức lầm lẫn, nếu coi vũ trụ văn chương của ông là một hệ thống bịa đặt, khép kín. Nó không được viết ở trên mảnh đất nào khác mà chính là mảnh đất chúng ta đang sống. Macondo có thực. Và đó sự tính nhiệm mầu của ông.

*Tình Yêu Và Những Quỷ Dữ Khác* cũng nằm trong dòng huyền hoặc Hispano-American của *Yêu Trong Thời Thổ Tả*. Nơi chốn là một thành phố cổ Cartagena de Indias thuộc vùng bờ biển Caribbean của Colombia. Thời gian không rõ, nhưng nô lệ và mê tín vẫn đầy rẫy và bệnh hoạn được chữa trị bằng cây cỏ, bằng những trò trừ tà. Trong bài mở đầu, Garcia Marquez cho biết, câu chuyện nẩy sinh từ một biến cố xẩy ra vào năm 1949, khi một tu viện cổ dành cho nữ tu bị đập bỏ để xây dựng một khách sạn. Là một phóng viên trẻ của một nhật báo, ông được cử tới. - khu hầm mộ, giữa đống xương cốt, quan tài vụn nát, gần nơi bàn thờ, ông thấy có một hốc tường bị đập bể, và những người thợ lôi ra một mớ tóc còn dính vào da đầu một cô gái chết trẻ. Trải dài ra đo được 22 mét. Chúng ta đừng hỏi, "tóc chết" có mọc dài ra không, nhưng từ sự kiện "thực" này, tác giả liên tưởng tới một câu chuyện ông được nghe từ hồi còn nhỏ, về một nữ hầu tước 20 tuổi, tóc "dài ơi là dài", chết vì bệnh chó dại, và được dân quanh vùng thờ phụng vì những phép lạ. Tác giả cho nữ hầu tước Sierva Maria de Todos los Angeles là con của một hầu tước và một bà mẹ nghiện ngập. Chẳng ai lo cho cô, và cô sống giữa đám nô lệ, trong tòa nhà cổ xưa gần sụp đổ của họ. Cô học nhẩy trước khi biết nói, biết 3 ngôn ngữ Phi Châu cùng một lúc, học uống máu gà trước bữa điểm tâm, và như một hồn ma, những người Thiên Chúa giáo không thấy cô, và không nghe cô nói, khi cô đến gần họ. Một bữa trong khi đi chợ, cô bị chó cắn. Vết thương có vẻ muốn lành, nhưng có tin là những người khác cùng bị chó cắn đã chết. Lần đầu tiên, ông bố để mắt đến cô, và đem cô ra khỏi khu nô lệ, cho cô ở trong căn phòng người bà nội, cho cô học, nghe âm nhạc, cho tới khi

những dấu hiệu đầu tiên của bệnh dại xuất hiện. Đám y sĩ chữa trị bằng cách bơm ruột, uống chất kim antimony, và tắm bằng nước tiểu. Thân thể đầy những vết thâm tím, phồng rộp, cô gái đau đớn, điên cuồng la hét. Giám mục địa phận, sau khi phán quyết cô gái bị quỷ ám, ra lệnh phải giao cô cho các vị nữ tu Santa Clara. Cô bị nhốt trong một căn hầm, lột hết quần áo, và một tu sĩ trẻ, Delaura, từ Tây Ban Nha tới, lo việc trừ tà cho cô. Sau khi nói chuyện với cô, anh khẳng định cô không có bị quỷ ám gì hết. Nhưng khi có những chuyện quái dị xảy ra, trong tu viện mọi người đều tin cô gái là quỷ. Một bữa Delaura tới tu viện thăm cô, thấy cô đang ngồi cho người ta họa chân dung. Cô mặc bộ quần áo lụa của bà nội, với mớ nữ trang choàng quanh cổ, trên mái tóc dài. Vị tu sĩ mất hồn, đúng như định mệnh phán bảo. Anh nói với vị Giám mục: "Thưa Cha, đây đúng là quỷ. Thứ quỷ dữ nhất trong mọi loài quỷ. Đây là Quỷ Tình".

Vị tu sĩ trẻ bị đầy tới một nhà thương cùi, trốn đi gặp cô, làm cho cô thương anh bằng cách đọc thơ ca, nhưng sau cùng bị đám nữ tu bắt gặp đuổi ra khỏi tu viện. Cô gái sau cùng chết vì những trò bùa phép, trừ tà. Khi cô chết, trời đất rung chuyển, trâu bò phát cuồng la rống, và người ta tin rằng, tất cả những quỷ dữ dưới địa ngục đều đau lòng vì cái chết của cô. Đây là một chuyện tình mãnh liệt, man rợ, dữ dằn như một "chuyện thần tiên." Cuốn tiểu thuyết tuy mỏng, nhưng đầy tham vọng của tác giả, khác hẳn, và u tối hơn tất cả những tác phẩm trước đó. Sức mạnh của cuốn sách cũng là định mệnh của cô gái ngây thơ, hoang dại bị xâu xé giữa ngoại giáo, và Ca-tô giáo, ở đây, đều man rợ như nhau.

Trong tác phẩm mới xuất bản gần đây, "12 truyện lang thang", Garcia Marquez ngày càng gần với Borges, nhưng chất dí dỏm vẫn đặc biệt của riêng ông, ngay cả ở những truyện tưởng chừng như thê thảm nhất. Một cô gái điếm về già, tin dị đoan, "biết trước" được những ngày cuối cùng của đời mình, biết trước được rồi sẽ chẳng có ai mỗi chiều chủ nhật ra mộ. Cô gái đã dạy con chó làm cái việc thăm viếng đó. Một lần trên đường về, gặp mưa, cô được một người đàn ông cho đi nhờ xe. Tới nơi, khi người đó ngập ngừng ngỏ ý muốn vô thăm nhà, cô gái đột nhiên nhận ra cô đã giải đoán sai mộng triệu: Đó không phải là dấu hiệu của nỗi chết mà là của tình yêu.

## *Thế giới của những thư viện*

Tạp chí Văn Học, Magazine Littéraire, tháng Chạp 1996, là một số đặc biệt về thư viện, nơi chứa đựng ký ức của nhân loại cùng những bí mật của thế giới mà con người mơ ước làm chủ. Như để thách đố triều đại

"informatique", và nỗi lo sợ chữ viết ngày càng biến mất, thay vào đó là "chữ điện tử" (electronic word), con số những thư viện lớn trên thế giới ngày càng gia tăng. Trước mắt là Thư Viện Quốc Gia Pháp, mở cửa vào ngày 20 tháng Chạp, 1996, với 4 tháp "Babel", biểu tượng những cuốn sách đang mở ra, khởi đầu từ một ước mơ của tổng thống Pháp. F. Mitterrand, xây dựng một thư viện hoàn toàn mới, sau khi nhận báo cáo về sự "bão hòa" của thư viện Quốc gia Richelieu. Số báo cũng giới thiệu với độc giả những thư viện nổi tiếng trên thế giới, thư viện Vatican, đại học Oxford, thư viện London, thư viện Quốc gia Nga... và những thư viện đặc biệt như thư viện "Hậu-Hiện đại" của Umberto Eco, "thư viện như một nhân vật tiểu thuyết", của những tác giả như Jorge Luis Borges, người đã từng tin tưởng "thiên đàng chỉ là một thư viện". Ông cũng đã là nhân viên của "thiên đàng" trong 9 năm, với những đông sự chỉ mê trò cá ngựa và đá banh. Và một nữ độc giả đã bị xâm phạm tại nhà vệ sinh dành cho nữ giới của "thiên đàng".

Không riêng Borges, rất nhiều nhà văn đã từng là nhân viên của thư viện, và cũng rất nhiều tác giả chọn nơi này làm khung cảnh, hoặc nơi chốn "mặc khải" cho nhân vật của họ. Roquentin, trong *La Nausée* của Sartre, tới thư viện Bouville để tra cứu tài liệu viết một cuốn sách về cuộc đời hầu tước Rollebon. Anh gặp Autodidacte, một nhân vật đọc sách theo vần abc, cuối cùng bị viên quản thủ thư viện "cấm cửa", vì giở trò "ve vuốt" một em nhỏ. "Tôi sẽ chẳng bao giờ đến đây nữa", anh ta nói trong khi máu chảy dài xuống áo và cổ. Roquentin cũng giã từ thiên đàng. Anh có cảm tưởng đã sống cạn đời mình với giấc mơ nhân bản. Anh cũng quá chán lịch sử, luận đề này nọ và cuối cùng được cứu vớt, nhờ "tiểu thuyết". Anh mơ tưởng sẽ viết một câu chuyện "như nó có thể xảy ra, đẹp, cứng như thép và sẽ làm mọi người hổ thẹn vì cuộc sống của họ".

Một cuốn tiểu thuyết "thời trung cổ, và hiện đại một cách khủng khiếp", "Tên của bông hồng" của Umberto Eco, là tác phẩm của một nhà ký hiệu học. Trung tâm của cuốn tiểu thuyết là một thư viện, "édifice", mà những ký hiệu của nó được dùng để viết lại Lịch sử, nơi mở ra những thư viện khác, giả tưởng, tương lai, không tưởng... Một tòa kiến trúc làm khiếp đảm, nhưng cũng là niềm mê hoặc, do vóc dáng phi-thời gian, không-hồi ức của nó. Thư viện còn là một không gian mê cung, "ký hiệu của mê cung của thế giới", với những tế bào hình quạt, ngoại trừ người thủ thư, người lạ bước vào là không thể trở ra. "Và tôi tự hỏi người ta có thể nói tới hiện tại và tương lai của những thư viện hiện có, bằng cách vẽ ra những kiểu mẫu thật là kỳ quặc", Eco đã từng tự hỏi như vậy, trong một bài viết,

đẹp nhất trong số những bài viết về thư viện, "De Bibliotheca".

Tác phẩm "Tên của bông hồng" mang dấu ấn của Borges, và những giấc mơ hoang đường của ông, về một cuốn sách bằng cát (livre de sable), một trang là tất cả mà cũng là chẳng có một trang nào, bởi vì không đánh số, giở hoài không hết, và có khi chỉ có một mặt. Đối với ông, thư viện là vũ trụ, là thiên đàng của địa ngục, địa ngục của thiên đàng. Nhà văn, biến đổi đời mình thành những đường cong paraboles, có thể lần theo mê cung của cuốn sách, mê cung của mê cung. Ông trích dẫn Whitman: Người là một người và tất cả mọi người, là kẻ giữ lời hứa: sẽ viết một cuốn sách của mọi cuốn sách... "Tôi là ai?", Borges nói với chúng ta. Những giấc mơ nào của tư tưởng có thể giản lược bóng tối và sự im lặng thành một biểu hiện đơn giản nhất của chúng? Những giấc mơ về thư viện, nơi tất cả lời nói làm phát sinh một dãy vô hạn những sự kiện, những con hổ trong một "con hổ", và nói "con hổ" cũng là nói "những con hươu, những con rùa mà nó xé xác, cỏ nuôi hươu, đất là mẹ của cỏ, trời sinh ra đất..." (Borges, L'Aleph).

Trong chúng ta, ai cũng từng tới thư viện ít nhất là một lần. Tới để tham khảo là chủ yếu, nhưng đôi khi vì một lý do chẳng liên quan gì tới sách vở. Nơi hội ngộ của tất cả những giấc mơ của nhân loại cũng là nơi chốn tuyệt vời khi con người bụng đói, túi rỗng, mấy tháng chưa trả tiền nhà... Stumm, trong "Người không cá tính" của Musil, khi đứng trước 3 triệu 5 trăm ngàn cuốn sách, muốn đọc hết phải mất 10 ngàn năm, "đột nhiên chán nhũn ra, đột nhiên nhận ra sự hữu hạn, vô tích sự, và nỗi thất vọng của mình".

Sự hữu hạn, vô tích sự, nỗi thất vọng... nào, đâu, con đường Trường Thi, Hà-nội, và bóng dáng một chú bé chạy vội chạy vàng tới thư viện Pháp, cho kịp giờ chiếu phim. Chỉ là những phim thời sự đen trắng của hãng Gaumont, vậy mà cũng có bữa phải lủi thủi ra về, không phải vì đến trễ, mà vì không được người gác cửa giơ ngón tay như cây đũa thần vẫy gọi... Nào, đâu, thư viện Gia Long, thư viện Văn Hóa Bình Dân, Đa-Kao, nơi có câu lạc bộ, có quán cà phê Làng Văn, đêm nào đang bữa tiệc bỏ ra về, chẳng thể làm thơ, và cũng chẳng bao giờ là thi sĩ, và Du Tử Lê khi đó chưa làm giùm hai câu:

*Em đi áo lụa mềm lưng phố*
*Có động lòng thương kẻ cuối đường...*❐

# giữa người viết và người đọc

## ● *Vài nhận xét về Văn Học số Tết!*

*Ngô nhựt Tân, Canada*

Mục đích của bài viết này không phải để than phiền. Lại càng không phải là loại bài chỉ trích, vốn đã hiện hữu, và là một phần trong thế giới văn học hải ngoại, trong hơn hai mươi năm qua. Đúng hơn, một quan tâm. Mong được nghe và trao đổi một cách rộng rãi, giữa đọc giả Văn Học, một tạp chí có giá trị, một hiếm hoi trên thị trường báo giới hải ngoại đương thời. Đặc biệt hơn, vì là đọc giả của tờ Văn Học (VH) trong nhiều năm qua nên, chính mình phải có bổn phận nói lên những suy nghĩ, có tính cách xây dựng cho tờ báo "của mình". Cho dù điều mình nghĩ, mang nhiều tính chủ quan.

Cầm tờ VH xuân Đinh Sửu 1997, số 129 và 130, tháng 1 và 2 năm 1997, mới thấy công lao của ban biên tập. Tờ báo đơn giản, nhưng đẹp một cách trang nhã. Thành phần người viết nói lên được uy tín của tờ báo. Nên, chẳng ngạc nhiên gì lắm, khi trong mục thư toà soạn, người chủ biên đã hãnh diện nói với đọc giả, rằng chúng tôi đã vững tâm hơn về vấn đề tài chánh.

Theo tôi, VH đã vững tiến trong nhiều năm qua, đó là nhờ vào sự đóng góp bài vở của các cây bút tên tuổi. Thêm vào đó, VH đã chọn, đăng những bài viết có giá trị. Giá trị mà tôi muốn đề cập ở đây, có ý nghĩa, khi đọc, người đọc thấy ngay giá trị, mang tính không gian và thời gian hiện tại, dĩ nhiên trong phạm vi tương đối, của tờ báo. Tôi xin đơn cử vài thí dụ.

Võ Phiến trong câu chuyện *Văn chương*. Không ai có thể chối cãi, rằng Võ Phiến là một văn sĩ "cũ", mà câu chuyện bàn về văn chương thì lại càng cũ. Ấy thế, khi đọc bài của ông, tôi lại có cảm tưởng đang đọc một nhà văn nào mới, và trẻ lắm. Đúng như Nguyễn Hưng Quốc đã phê bình, Võ Phiến viết như nói. Ông làm cho người đọc nhận thấy rằng ngôn ngữ qua hình thức văn chương là quan trọng, ngôn ngữ chuyên chở được

thực tại, biến thực tại thành muôn ngàn vẻ khác nhau. Nên, dù đọc lại Võ Phiến xưa, vẫn thấy hay, nhờ vào văn phong đổi mới của ông, cho dù ông cố ý hay vô tình. Ông làm sáng tỏ một vấn đề. Văn chương hay, không hẳn phải là lối văn viết thật duyên dáng. Nhưng, văn chương hay, cũng có thể diễn tả lên mặt giấy những gì mình đang suy nghĩ, hay đang nói về. Như vậy, qua ông, chúng ta có thể cảm nhận được cái mà người ta gọi là sống, phải sinh động, uyển chuyển theo không gian, và nẩy nở theo thời gian. Một ví dụ khác. Trần Diệu Hằng trong *Trí Huệ, Mỹ Huệ*. Hằng viết rất đạo, mà đạo thì đi rất sát với thực tại và cuộc sống. Đạo, mà không theo sát được con người, là đạo chết. Theo ý riêng của tôi, có thể số người hiểu được ý niệm về câu chuyện của Hằng rất giới hạn, nhưng chắc rất ít người nghĩ rằng chuyện Diệu Hằng viết là chuyện cũ, hay thông một câu tiếng Anh "so what", cho dù cái đạo Diệu Hằng diễn tả, chỉ là một sự lập lại điều một người cách đây hơn hai nghìn năm trăm năm đã nói.

Như tôi đã tự hỏi mình "so what?", khi lướt qua một vài đề tài, khoảng bảy mươi trang giấy, trong tạp chí VH, số xuân Đinh Sửu. Không biết thế hệ lớn hơn tôi nghĩ thế nào, nhưng khoảng 40 như tôi, sang đây đã hai mươi năm, thú thật, những đề tài tôi sắp bàn sau đây, không làm tôi quan tâm cho lắm, mặc dù, ngôn ngữ mẹ đẻ là điều tôi rất hằng quan tâm và văn học nghệ thuật là điều tôi hằng yêu thích.

Tôi tự đặt cho mình câu hỏi, điều mình sắp nói ra đây có cá nhân lắm chăng, cho cả thế hệ từ khoảng tuổi mình trở xuống, còn yêu thích, quan tâm đến nền văn học tiếng mẹ đẻ? Nếu nghĩ rằng sẽ chung cho cả thế hệ sau này, tôi mong VH chia sẻ và trao đổi.

Trước khi bắt đầu, tôi xin được lập lại câu, mà chính mình dùng rất thường xuyên trong các buổi họp, tại sở, "Please do not take it personally, but..".

Thích VH, nên ít khi tôi bỏ sót một trang báo nào. Nên lắm lúc bực mình khi đọc xong một bài, rồi nghe mình tự hỏi mình *and so what?* Dùng bài ấy như chất liệu để viết lách cũng không được. Mà dùng như tư liệu để nghiên cứu cũng chẳng cần. Vì tác giả đang nói đến một sản phẩm, vốn đã chết từ lâu. Ví dụ, khi đọc *Nguyễn văn Tường thi tập*, tôi không thấy một liên kết nào của tác phẩm với nền văn học hiện đại, đặc biệt là nền văn học hải ngoại. Tác giả đang nói về một nhà nho hành động. Một nhà nho, một nền nho học, mà Trần Tế Xương đã công khai tuyên bố, "cái học nhà nho đã hỏng rồi, mười người đi học chín người thôi". Còn nếu đọc cho có đọc, hoặc viết cho có viết, thì quả thật, tội cho cả người đọc lẫn người viết. Người đọc có khi chẳng màng đọc đến, nhưng người viết thì phải nghiên cứu chủ đề, mà ông ta nghĩ rằng có giá

trị, ngày này sang ngày khác. Viết về một lãnh vực cũ không phải là không giá trị. Nhưng, lãnh vực cũ ấy làm nền tảng hay chất liệu gì cho tương lai. Ví dụ, những người làm công việc truyền giáo. Họ cứ phải lãi nhãi hoài những chuyện xưa tích cũ. Phật bảo thế này. Chúa dạy thế kia. Nhưng sở dĩ vẫn có người nghe một cách không nhàm chán vì, những điều họ nói, thật sự có ích và, có thể áp dụng được cho một cuộc sống trong tương lai tốt đẹp hơn. Mặc dù điều những nhà truyền giáo nói, có thể nhàm chán hay cũ rích hơn cả văn chương rất nhiều..

Bài viết *Ngôn ngữ, ký ức & Thi ca truyền khẩu Việt Nam* cũng cho tôi những câu hỏi tương tự. Bài viết công phu quá. Đòi hỏi kiến thức và thời gian. Nhưng chất liệu thật sự giúp ích cho hiện tại trong lãnh vực văn học là gì? Tôi lại không tìm cho mình được câu trả lời. Hay tác giả muốn làm sống lại những hình thức văn chương xưa, trên mảnh đất tị nạn này. *But is it possible?* Đối với cá nhân tôi, dĩ nhiên là không. Tôi sẽ dùng được gì với những luật lệ của thơ phú, của thi ca truyền khẩu, mà tác giả đã dầy công nghiên cứu? Tôi sẽ làm được gì khi đọc phần kết luận, rằng văn hóa ta ngày xưa, hễ tí là hát, yêu cũng hát, giận cũng hát vân vân và vân vân. Chúng tôi, hay thậm chí những thế hệ con cháu của tôi, có phải hát trong trường hợp yêu, hờn, giận ghét ai không? Nghĩ đến hò một câu bằng tiếng Mỹ, hay nửa Việt nửa Mỹ, hoặc, toàn bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, cũng đã thấy tức cười rồi. Huống chi làm thật.

Rồi khi đọc tới bài *Chữ i và chữ y trong chính tả tiếng Việt*, tôi lại phát ngôn bừa bãi, *and so what*.. Tôi không thấy bài tiểu luận này có khuynh hướng sẽ làm tôi thay đổi, cách dùng chữ i hay chữ y trong những bài viết tiếng việt sắp tới. Bài đọc thật là khó hiểu. Chắc tại mình dốt. Tôi tự nhủ như vậy. Và làm tôi tò mò hơn. Nên thử áp dụng:*"Tiếng Vyệt thật khó, tôy không muốn thai đổy, từ trước vyết thế nào nai gyữ như thế"*. Một hai người bàn về một công việc của hàn lâm viện, có thể gây thêm confusing cho những thế hệ sau này?

Lê thị Thấm Vân cũng viết về truyện Kiều. Nhưng, tại sao bài của Thấm Vân không cho tôi những dấu hỏi, hay những quan tâm như ba bài viết mà tôi vừa đề cập ở trên? Tôi, không khó lắm, tự tìm được cho mình một câu trả lời. Thấm Vân viết về một đề tài cũ (truyện Kiều), để "promote" cho một cái nhìn mới, về người phụ nữ Việt Nam, trong thực tại. Lại thực tại. Phải chăng, thế hệ chúng tôi đã quá thực tế, nên cái gì cũng đòi hỏi thực tại, thực nghiệm, chứng minh...

Nên, không nhìn ra được vẻ đẹp, cũng như lợi ích, của những bài viết mang tính "cũ". Nên đã làm phụ lòng những bậc thầy trong văn chương. Nào Hoàng Liên, nào Nguyễn văn Sâm, nào Võ Thu Tịnh vân vân và vân

vân.

Nhưng, như những năm đã qua, chúng ta đã kêu gọi, một cách thành công, những người viết văn, thôi đừng lập lại chuyện vượt biên, chuyện tị nạn, chuyện mất nước nữa... Thì nay, tại sao chúng ta lại cổ võ về những đề tài, xưa còn hơn chuyện mất nước?

Nếu, vì ít kinh nghiệm trong lãnh vực văn học mà những ưu tư, tôi đề cập ở trên, thiếu hẳn tính chính xác, hạn hẹp, rất mong được các đàn anh văn hữu chia sẻ, chỉ bày. Để từ nay bỏ thói, hễ cứ hở ra, thắc mắc lẩm bẩm *and so what ?*

**● Văn Học phúc đáp**

Trước hết là lý do Văn Học đăng những bài nghiên cứu về văn chương, sử học, ngữ học Việt Nam, trong đó có những bài nghiên cứu cổ văn. Ngay từ những số báo đầu, Ban Chủ biên Văn Học đã chủ trương tờ báo gồm ba phần: phần nghiên cứu nhận định phê bình, phần sáng tác, và phần sinh hoạt. Có lẽ tất cả các tờ báo văn chương trên thế giới đều có ba phần như thế cả, huống chi một tạp chí lấy tên là Văn Học.

Nếu Văn Học là một tạp chí xuất bản tại Việt Nam, nơi có nhiều học viện, trung tâm nghiên cứu Việt học với số lượng học giả và sinh viên tham gia đông đảo, và anh Tân đọc Văn Học ở Việt Nam, có lẽ anh không "so what" khi đọc những bài khảo cứu công phu của Hoàng Liên, Nguyễn văn Sâm, Đoàn Xuân Kiên, Võ Thu Tịnh. Anh "so what" vì thấy những công việc nghiên cứu nhọc nhằn ấy gần như vô dụng trên xứ sở tạm dung này. Anh không biết dùng những bài nghiên cứu ấy vào việc gì, như lời anh viết trong thư.

Nhưng thưa anh, viết những thể loại nào, đề tài nào mới hữu ích cho bạn đọc?

Tôi còn nhớ cách đây hơn mười năm, tôi có đến thư viện Đại học Yale để tìm tài liệu nghiên cứu văn học hiện đại Việt Nam, nhân tiện thử tìm những cuốn sách viết về chữ Nôm thư viện này đang lưu trữ. Rất nhiều cuốn sách quí viết về đề tài này, hầu hết chưa có ai mượn đọc từ khi sách được mua về. Tôi có cảm giác lâng lâng sung sướng vì được làm người đầu tiên ghi tên vào phiếu mượn sách. Rồi tôi tự hỏi: Tại sao Đại học Yale phí tiền mua sách chữ Nôm của Việt Nam làm gì? Câu hỏi ấy thật giống với mấy tiếng "so what" của anh ngày nay.

Những người ngày nay, ở hải ngoại còn cặm cụi tìm hiểu nghiên cứu về một tác phẩm cổ văn, về ngữ pháp tiếng Việt, về ca dao tục ngữ, theo tôi, cũng giống như những quản thủ thư viện tìm mua sách chữ Nôm của Đại học Yale. Họ "gửi hương cho gió" mà không mong cầu bất cứ điều gì,

ngoài hy vọng mơ hồ là sẽ có người hiểu mình, nhận ra tâm nguyện của mình. Văn Học khâm phục thiện chí của những vị đó, góp một phần nhỏ trong việc "gửi hương". Còn bạn đọc, thì tùy hoàn cảnh và tâm tư sở thích của từng người mà kẻ thích người không, chúng tôi không đoán được. Mong anh Tân thông cảm.

## ● *Chữ i và y trong chính tả tiếng Việt*

*Vũ Thị Nguyên*

Kính gởi quý báo Văn-Học:

Nhân đọc bài "Chữ i và y trong chính tả tiếng Việt" trên Văn-Học số Xuân Đinh Sửu 1997 của Phạm Minh Tú, Nguyễn Văn Thế và Đoàn Xuân Kiên, chúng tôi mạo muội nêu thêm vài chi tiết liên quan đến chữ i và y trong chữ Việt.

Chữ i và y đã được quý vị tiền bối, quý vị học giả, soạn giả,...đã sử dụng trong chữ Việt ra sao..., ba tác giả trên đã nêu ra đầy đủ. Chúng tôi xin nêu thêm vài chi tiết liên quan đến i và y :

1. Tiếng Việt có những âm mà âm hiệu là *ai, oi, ôi, ui, ưi, ay, ây*.

Những âm trên được các nhà ngữ học gọi là *nhị trùng âm*. Âm i và y trong các nhị trùng âm này nghe rất mờ (như thể phụ âm).

Những từ như *uy, tuy*,...qua cuốn *Sơ Thảo Ngữ Pháp Việt-Nam*, nhà ngữ học Lê Văn Lý cho biết *u* trong trường hợp này đã bị thần âm hoá, là ký hiệu cho sự chúm môi như wi (uy), twi (tuy)...

2. *Quí* hay *quý*

Chữ Việt dùng mẫu tự *q* luôn chung với *u*, như: *quê, quà, quan*...Khi phát âm những từ này, ta cũng thấy rằng u cũng chỉ là *âm hiệu chúm môi* (chúng ta có những nhị trùng âm *ua, ưa*). Đối với người lớn, *quí* hay *quý* không có gì khác. Nhưng nếu nhìn vào những câu, ví dụ như: *Quí cúi* mặt đi lủi thủi. *Quì* và *Thùy vui* quá. . . thì trẻ nhỏ gặp khó khăn lắm !

Vậy ta nên chọn cách viết *quí* hay *quý*?

*Yêu, yết* . . . phát âm như *iêu iết* . . . Nhưng ta đã quen viết *yêu, yết*. . . Khi nhìn những từ như *kí, mĩ* . . . hay *ký, mỹ* . . . trẻ nhỏ đọc cũng dễ thôi. Nhưng muốn thống nhất cách viết *kí, mĩ*, hay *ký, mỹ* . . . , kính xin các nhà ngữ học biểu quyết theo đa số cho để chúng ta có một cách viết thống nhất thì thật quý quá.

3. Đặt dấu giọng:

*Việt-Nam Tự Điển* của quý vị Lê Văn Đức và văn hữu với Lê Ngọc Trụ ghi chữ *Thuý, luỹ* . ., dấu đặt giọng nơi chữ y. Theo ngữ học cho biết thì u đứng trước y là ký hiệu chúm môi, như vậy dấu giọng đã đặt vào chủ âm y. Nhưng phần nhiều sách báo viết *Thúy, lũy* . . . Và, chữ *quý*, ta đặt dấu giọng ở chủ âm *y*, sao chữ *Thúy, lũy* . . . lại phải đặt dấu giọng ở ký hiệu chúm môi *u* (w) ? Tại sao chúng ta không đặt dấu giọng cho những từ *Thuý, luỹ, tuỳ* . . . như trong Việt-Nam Tự Điển?

4. Có nên cải đổi cách viết *ay* và *ây*:

*a*: âm hiệu dài; *ă*: âm hiệu ngắn; *ơ*: âm hiệu dài, *â*: âm hiệu ngắn.

Ta có *ai, ơi* là những nhị trùng âm dài. Và ta cũng có những nhị trùng âm ngắn *ăi, âi*.

Chúng ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao ta không dùng ngay *ă, â* cùng với *i* (như những nhị trùng âm *ai, ơi, ui* . . .) mà phải viết *ay, ây* cho thêm phức tạp (nhất là giọng Nam Việt thật khó phân biệt *ai* và *ay*)? Nếu viết *ăi, âi*, chúng ta sẽ có một nguyên tắc chung: *i* đứng sau một nguyên âm khác thì chỉ còn bán âm.

5. Phát âm *d* và *gi*:

Chúng tôi cũng mạn phép ghi trường hợp chữ *d* và *gi* trong chữ Việt: Giọng địa phương của chúng ta, có nơi phát âm cả hai chữ này như *z*, có nơi phát âm như *j*. Do cách phát âm, thật tình mà nói, ngay cả người lớn chúng ta vẫn có thể viết lẫn lộn giữa *d* và *gi*. Vậy khi học đọc, học viết để bớt khó khăn cho con trẻ, chúng ta có thể đề nghị với phụ huynh và quý giáo chức cách phát âm thống nhất: *d* = *j* và *gi* = *z* được không? Sau này lớn, các em muốn nói theo giọng địa phương của mình thì đâu có khó gì!

Tiếng Việt vẫn còn là một sinh ngữ thì theo thiển ý, chữ Việt cũng cần được xây dựng và tu chính sao cho ngày một bớt phức tạp để con em chúng ta bớt mệt nhọc trong việc học chữ được chừng nào tốt chừng nấy.

6. Tên của mẫu tự:

Tên gốc Latin của các mẫu tự là A Bê Xê Dê Đê . . . Vào đầu thập niên 60, học sinh được dậy đọc chữ theo cách, ví dụ chữ bố mẹ, đánh vần (có người gọi là phát âm) như sau:

ô sắc ố, bờ ố bố; e nặng ẹ, mờ ẹ mẹ.

Và thanh thiếu niên bây giờ gọi các mẫu tự bằng những tên A Bờ Cờ Dờ Đờ . . .

Chúng ta phải dậy con em chúng ta gọi tên các mẫu tự thế nào đây?

Kính xin quý vị học giả và các nhà ngữ học cứu xét.

Vũ Thị Nguyên
Adjunkt., Bergen, 15.01.97

## ● *Tản mạn về sách trong nước*

*Y Chi*

Văn Học số 126 có đề cập đến vấn đề " Sách trong nước in nhiều hay ít?". Vấn đề này thú vị, nhiều bất ngờ. Y Chi gần đây được ba chuyến về Việt Nam, lần nào cũng đi lùng sách, học được lắm điều quái gỡ. Nay xin góp với Văn Học nhiều chuyện nghe thấy.

Nhận xét đầu tiên: năm 1995-1996 so với năm 1992, cửa hiệu sách nhiều hơn, người ra vào ttấp nập hơn. Trên quầy sách các thể loại cũng phong phú hơn nhiều.

Nhận xét thứ hai: ở các hiệu sách cũ, sách thực sự cũ chẳng có được bao nhiêu, phần lớn mới toanh, tân hơn sách mới bán ở hiệu quốc doanh. Hè 1995, Y Chi mua thứ "sách cũ" này với giá rẻ bằng phân nửa giá chính thức. Tám tháng sau trở lại, giá "sách cũ" cao hơn giá chính thức. Mặc cả gay go lắm mới bớt được 20% là cùng. So lại rẻ hơn giá chính thức chừng 5 - 10%.

Hiện tượng này làm Y Chi suy nghĩ. Níu áo dân Sài Gòn hỏi, mới lò ra lẽ: thứ "sách cũ mới toanh" này là sách bán lậu.

Thoạt nói, nghe vô duyên. Sách bán chợ đen thì chắc chắn là sách lậu, có gì lạ. Thật ra cũng có chỗ lạ. Hàng hóa ở đâu lậu ra sao không biết chứ cái món sách lậu Việt Nam này thì vui vẻ lắm. Ăn cắp sách gốc ra bán chợ đen chắc cũng có, nhưng không đáng kể. Đáng kể nhất là chuyện tác giả lậu, nhà in lậu.

Sách in bên Việt Nam cần giấy phép. Trên giấy phép ấn định rõ số lượng phát hành. Giấy phép cho in 1000 cuốn thì chỉ được in tối đa 1000 cuốn. Nguyên tắc là vậy, Nên tác giả phải...tùy cơ ứng biến. Vị nào muốn in quá số, cứ việc ăn chịu với nhà in, để trên trang chót con số 1000 rồi ra muốn in bao nhiêu cũng được. Tiện, gọn, lại khỏi đóng thuế cho số lượng in dư.

Theo lối này, Y Chi biết có tác giả trang chót sách đề 1000 cuốn hẳn hoi, nhưng thực tế sách tung ra thị trường đã tới 10 000 cuốn. Cứ tính theo giá trung bình Văn Học đưa ra trên số 126: 20 000/cuốn, 10 000 cuốn vị chi 200 triệu, xêm xêm 20 000 USD. Không phải chuyện đùa nữa rồi. Ấn phí, chi phí phát hành, kiểm duyệt, thuế...Y Chi không rành các khoảng này tốn hết bao nhiêu. Chỉ biết có ông giáo sư sử học viết sách bán, bảo cứ một cuốn thu vào không dưới 30 triệu (3000 USD). Số tiền này so với vật giá Sài Gòn hiện tại không thể gọi là nhiều, nhưng không phải không đáng kể.

Đó, phần tác giả lậu. Phần lậu phía nhà in cũng vui vẻ không kém. Nhà oin cứ in đủ số giao kèo với tác giả, rồi sẵn giấy sẵn mực cứ tà tà in thêm một mớ cho riêng mình. Nhà in in phần cho nhà in, lại thợ in lén thêm phần cho thợ. Khỏi thuế, khỏi tác quyền, có khi tiền giấy mực cũng khỏi. Con số bao nhiêu chẳng ai biết. Phân phối bằng cách nào cũng chẳng ai hay. Y Chi nghĩ sách lậu ngao du trên khắp nẻo đường đất nước, nằm ở các hiệu sách cũ mọi nơi. Hay còn cách "tẩu tán" sách nào khác nữa thì Y Chi chịu thua, trí tưởng tượng không đủ phong phú. Chỉ biết là hệ thống phân phối sách lậu phải qui mô lắm mới nuốt được ngần ấy lượng sách.

Điều đáng chú ý là loại sách nhà in in lậu không chỉ giới hạn trong lứa sách "giật gân". Sách khoa học kỹ thuật, sách khảo cứu, tự điển, bất cứ loại sách nào cũng lậu được hết. Có lẽ vì không cần vốn. Thú thật là nhờ vào hiện tượng sách lậu mà Y Chi kiếm ra được một số sách khảo cứu đã không còn trên các quầy sách "lương thiện".

Sẵn đây Y Chi xin mở ngoặc riêng về phần sách khảo cứu. Phải công nhận rằng hiện nay ở Việt Nam xuất hiện khá nhiều sách quí. Nhất là loại sách khảo cứu trong lãnh vực sử học. Như công trình nghiên cứu địa bạ của Nguyễn Đình Đầu (7 cuốn), các bộ sử Việt Nam như *Việt Nam Hội Điển Sự Lệ* (15 cuốn), *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (4 cuốn), *Hoàng Việt Luật Lệ* (4 cuốn) v.v...Và còn cơ man các bộ khác, xuất hiện tương đối ngắn hạn trên quầy sách: in số ít, không tái bản. Ra tới chợ đen cũng không nhiều. Đặc biệt đáng ghi nhận là kỹ thuật in ấn hiện nay cho ra được những trang chữ Hán khá rõ nét, không còn những khối đen thủi thùi thui như trước đây nữa (thế có nghĩa là dân võ vẻ chữ Hán cũng có thể mua về mà trau giồi hay...làm vốn để dành).

Ngoài ra, các bạn trẻ trong nước cũng có dịp tìm hiểu các công trình nghiên cứu trước 1975. Trong các loại sách khảo cứu in lại, sách Nguyễn Hiến Lê chiếm tỉ số cao nhất. Ngoài ra, các bộ sử Phật giáo như *Thiền Luận* của Suzuki, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang (Nhất Hạnh) đều được in lại (có kiểm duyệt nhiều đoạn). Bộ *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim cũng được dự tính in lại, không biết nay đã có mặt trên quầy sách chưa.

Lại mở thêm một dấu ngoặc nữa. Y Chi có kiếm được cuốn *L'art à Huế* (Nghệ Thuật Đô Thành Huế) thuộc bộ Les Amis du Vieux Hue (Đô thành hiếu cổ), in lại, khá mỹ thuật. Bộ *Đô Thành Hiếu Cổ* tuy viết toàn bằng tiếng Pháp (do Cha Cadière chủ lực), nhưng thuộc kho tàng văn hóa Việt Nam. Cực quí báu. Hiện nay UNESCO đang tài trợ cho một nhóm giáo sư tại Huế dịch bộ sách sang tiếng Việt. Có lẽ nay mai sẽ ra mắt

khách yêu sách. Toàn bộ 125 cuốn, nếu bản dịch kỹ lưỡng, in ấn đàng hoàng, thì đây là cơ may hiếm có để gom trọn bộ sách này (sưu tập bộ tiếng Pháp vừa nhiêu khê vừa hao tài. Lùng ra một cuốn đã khó, khi lùng ra chắc gì đã sẵn tiền để mà mua).

Ngoài ra còn cơ man sách khảo cứu giả hiệu: trích lăng nhăng Tứ thư Ngũ kinh, bách gia chư tử, bình luận theo bài bản, cũng chiếm cả một diện tích lớn trên quầy sách, chẳng nói ra nơi đây làm gì.

Nói lan man lạc đề qua sách khảo cứu, nay trở lại chuyện sách lậu trong nước. Coi như số lượng sách phát hành in sau mỗi cuốn sách chỉ là con số ma. Thực tế bao nhiêu chính tác giả cũng không rõ. Điều chắc chắn là trong nước hiện giờ nhu cầu đọc sách báo đang phát triển, nên nghề viết sách làm báo trở thành "nghề sang". Mà cũng nhờ làm sách viết báo rủng rỉnh ra tiền nên khung cảnh sinh hoạt văn nghệ nói chung kể cũng khá nhộn nhịp, không đến nỗi eo sèo.

văn
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
phát hành hàng tháng

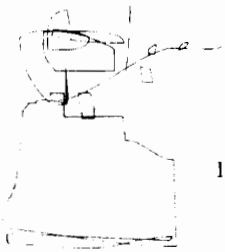

chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG

10602 Melrie Ave., Garden Grove, CA 92843
Tel: 714-531-7297

# thư tín

*Ông Nguyễn Bảo, Cherry Hill, NJ:* Chúng tôi đã nhận được tập bản thảo "Tô Đông Pha, tiểu sử - thơ từ" mà theo lời ông viết, là đóng góp nhỏ nhoi với quí vị trong Văn Học. Thưa, công trình của ông không nhỏ nhoi chút nào. Cũng như những đóng góp ông gửi nhiều lần trước đây, chúng tôi rất vui khi nhận được những bài thơ dịch của ông. Nhưng vui xong lại áy náy, vì Văn Học bị hạn chế số trang, không có chỗ để đăng các bài văn thơ dịch. Hy vọng một ngày nào đó có nhà xuất bản chịu in những bài dịch thơ giá trị của ông.

*Anh Nguyễn Hiền, Netherlands:* Số này có "chút hương xưa" anh gửi từ dạo Tết. Cũng đã nhận được từ lâu lời báo động của anh về tuyển tập truyện ngắn các nhà văn nữ hải ngoại. Sau khi nhận thư anh, một người bạn thân về VN có mang sang cho tôi cuốn sách ấy. Người lo chuyện sưu tầm, chọn lựa, giới thiệu cuốn sách là Lê Hoài Nguyên, nghe nói là một cán bộ ngành công an văn hóa. Nếu đúng như thế thì những điểm anh than phiền không có gì lạ.

*Anh Nguyễn Trung Hối, Chị Nguyễn Thị Thanh Bình:* Văn Học số 131 in xong mới thấy hai truyện ngắn có nhiều lỗi quá. "Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi bề". Nguyên do là khi chuyển nhu liệu để layout, liếc qua trang đầu thấy không có gì trục trặc, cứ để như vậy mà in , không ngờ các trang sau có nhiều chữ bị chuyển sai, đọc lại ngượng chín người. Một bài học cho các số sau. Không còn biết làm gì khác hơn là xin cáo lỗi cùng nhị vị và độc giả.

*Cụ Nguyễn Thượng Đức, Gold River CA:* Nhà thơ Nguyễn Hàn Thư đã tiết lộ thân thế của "cụ" cho chúng tôi biết rồi, nên từ nay thư từ qua lại xin phép dùng chữ anh cho tiện nhé! Vừa nhận bài thơ vui của anh, đọc thích lắm, cho đi ngay số này. Mong bạn đọc cũng xem bài thơ này chỉ là

một lối đùa cho đời bớt nhàm chán, không bắt bẻ tác giả lẫn Văn Học về cái tội nhại giọng địa phương.

*Anh Nguyễn Hưng Quốc, Úc châu:* Nhận e-mail của NHQ vội trả lời ngay, nhưng cả hai lần đều bị trả về vì địa chỉ e-mail NHQ cho không đúng. Đã đọc bài viết của Đỗ Minh Tuấn trên Văn Nghệ số 9 đầu tháng Ba 1997 về cuốn *"Thơ, v.v... và v.v.."* Ông Tuấn viết nghiêm chỉnh đấy chứ! Đọc cái nhan đề tưởng là chê, nhưng đọc xuống nội dung bài viết thì thấy ông ấy khen NHQ hết cỡ. Cho gửi lời cảm ơn Nguyệt.

*Bà K-Phuong Schalch-Lê, Thụy sĩ:* Chúng tôi đã nhận được thư bảo đảm, và đã gửi các cuốn: *Võ Phiến, Em ơi biết đâu tìm, Sống và Viết, Một chút riêng tư* cho Bà hôm 18.3.1997. Vì bưu phí quá đắt nên chúng tôi chỉ có thể gửi theo đường thủy, có lẽ hơn 6 tuần mới tới. Xin Bà cảm phiền chờ.

*Chị Lê Minh Hà Lindberg Đức:* Anh bạn đã chuyển ngay thư Fax của Chị cho Văn Học. Chị khỏi phải áy náy vì "Nợ" đã đăng trên "Gió Đông", vì tạp chí ấy không hay chưa phổ biến ở vùng Bắc Mỹ. "Nợ" đã đăng trên số này, như Chị đã thấy. Nhưng Chị còn "nợ" Văn Học truyện "Về làng" đấy nhé. Cho gửi lời thăm "ông biên tập" khó tính của Chị. Nguyễn Hưng Quốc bên Úc cho biết nhiều bạn bè ở Hà Nội có nghe buổi phát thanh ấy, chắc thế nào trong số thính giả cũng có người chị quen.

*Lauren Hoàng Lan, California:* Đã nhận được tiền gia hạn báo còn được phụ trội thêm lời khen Văn Học năm 1996 vừa qua bài vở trội hẳn so với những năm trước, chúng tôi sung sướng lắm. Xin chuyển lời khen của Hoàng Lan đến các tác giả đã đóng góp bài cho Văn Học trong năm qua.

*Ông Tôn Thất Phu, Mission, Texas:* Văn Học có chuyển bài viết của ông cho anh BVP, để nếu được làm một cuộc thảo luận nghiêm chỉnh về những điều ông đặt ra. Tuy nhiên, sau đó Văn Học đổi ý, vì thấy cách viết của ông "gay gắt" quá, khó có thể tranh luận một cách khách quan và tương kính. Xin ông tùy nghi sử dụng bài viết trên một diễn đàn khác.

*Anh Trần Ngọc Tuấn, Đức:* Đã nhận được Tao Đàn, hình thức tuy còn nhiều khiếm khuyết nhưng nội dung bài vở được lắm. Xin phép anh trước: Nếu thấy có bài nào trên Tao Đàn cần phổ biến cho độc giả bên này, Văn Học xin đăng lại với lời ghi xuất xứ rành mạch. Ý anh thế nào?

# hộp thư

**● Thư từ nhận được liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:**

Purchase Power Co. Louisville KY, Nguyễn Minh Thiện Norway, Dương Thanh Phong Brossard Canada, Phạm văn Thương Bellevue WA, Tôn Thất Quỳnh Tiêu Richardson TX, MacArthur ACQ Library Australia (thiếu báo số 126), Library of Congress DC, Lê văn Hữu San Jose CA, Ngày Mai Magazine Midway City CA, Mrs Thanh K. Le Santa Clara CA, Hồ Đăng Định Renton WA, Nguyễn văn Dũng Lethbridge Canada, Trần Chí Dũng Ganiteau Canada, Bibliotheque Nationale de France Paris, P. Schalch-Lê Thụy sĩ, Lauren Hoanglan Nguyen Santa Ana CA, PPCC Norwalk CT, Tân N. Nguyễn Delavan WI, ACO Dept Barr Smith Library University of Adelaide Australia, NP Vietnamse Books Riverwood NSW Australia, Trần Việt Hùng Hawthorne CA, Chinh H Nguyễn Baton Rouge LA, Vo Minh Gretna LA, Khổng Tước M. Trần San Diego CA, Tuyết Nguyễn Plano TX, Sương T. Nguyễn Houston TX, Minh Văn Bookstore Fulls Church VA, Dr. Phan Văn Thinh Rockville MD, Trần văn Sơn Philadelphia PA, Nguyễn T. Hồng Phong San Jose CA, Phạm Hữu Thanh Montbard France

**● Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:**

Văn phong của BVP gửi từ Mission TX, Nhật ký viết từ rừng Yên Báy đến La Costa Verde, Điểm lại một số quan điểm-phương pháp dạy học ở giai đoạn đầu tiên (học vần) tại VN gửi từ London England, Văn học ơi là văn học gửi từ Gloucester Canada, Thị Lộ gửi từ Atlanta GA, Hậu cứ gửi từ Montréal Canada, Thương tiếc Hoàng lão sư gửi từ San Francisco CA, Rừng xuân vội, Đường mưa xưa, Nụ em.., Tản mạn về sách trong nước gửi từ Paris France, Ngày hội lớn gửi từ Stoneham MA, Nhiều dạng sóng gửi từ S. Gabriel CA, Lời ru cơn buồn, Như loài men rượu đắng gửi từ San Jose CA, Tháng Giêng và Em, Em là Tây thi gửi từ Orlando FL, Mưa Em và Quê nhà gửi từ Emporia KS, Phương đông gửi từ Canada, Chuyện dài làng thơ gửi từ Gold River CA, Về hướng mặt trời lặn gửi từ Plainfield NJ

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh

lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả. Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Windows), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette, và save bài trong diskette dưới dạng text only (saved as text only). Điều vô cùng quan trọng là xin quí bạn ghi rõ nhu liệu các bạn dùng trên nhãn diskette để tránh khó khăn cho Tòa soạn.

# sách mới

📖 ***Cởi trói***, truyện dài hai tập của Vĩnh Hảo, Chiêu Hà xuất bản, dày 740 trang, giá tại Hoa Kỳ 15 MK một tập, ngoài Hoa Kỳ mỗi tập thêm 2 MK bưu phí. Nhà văn có sức viết dồi dào nhất hiện nay tại hải ngoại lại cho xuất bản thêm một bộ truyện dài quan trọng, nội dung dựa vào kinh nghiệm lao tù cộng sản của mình ở Việt Nam. Cởi Trói nằm trong bộ trường thiên tiểu thuyết Phương Trời Cao Rộng của Vĩnh Hảo, hai tập này là Phương Trời Cao Rộng 4. Tuy là chuyện tù, nhưng đọc "Cởi Trói" không có cảm giác nặng nề như những chuyện tù cải tạo khác, có lẽ vì tác giả bị bắt vì hoạt động chống lại chính quyền cộng sản, nên xem chuyện tù tội là cái giá tất nhiên phải trả cho lý tưởng của mình. Không xem chuyện tù là "tai trời ách nước" mình gánh chịu một cách bất công như đa số tù cải tạo khác, Vĩnh Hảo viết chuyện tù với một trí nhớ tốt, một cách nhìn người và đời khách quan, một lối kể giản dị mà lôi cuốn. Nói tóm lại, đây là một truyện dài giá trị trong thể loại tù cải tạo.

📖 ***Người đàn bà sau tấm quảng cáo***, tập truyện ngắn của Hoàng thị Bích Ti, Văn Mới xuất bản, tranh bìa của họa sĩ Võ Đình, sách dày 140 trang, tìm mãi không thấy đề giá bán ở đâu cả. Tập truyện gồm 11 truyện ngắn của một cây bút nữ chủ lực của tạp chí Sóng Văn. Tác giả giới thiệu tác phẩm của mình là "những mẩu chuyện rời rạc trong đời sống, những truân chuyên, những va chạm giữa vật chất và tinh thần mà mỗi con người phải trải qua, trong bất cứ xã hội nào, mới hay cũ, Đông hay Tây. Tập truyện, dĩ nhiên, mang nhiều hư cấu, nhưng vẫn phản ảnh, đúng và thật, những bầm dập thê thảm. Những nhân vật trong đó có thể là anh, là chị, là tôi, là đứa con nít nhỏ hay một người già chúng ta gặp gỡ mỗi ngày....Hơn thế nữa, tập truyện tuy được viết nên từ những cảnh ngộ bi đát, nhưng bên cạnh những thương tâm mà những câu chuyện trình bày, chúng vẫn khiến chúng ta biết ơn những hạnh phúc tầm thường nhỏ nhoi của một ngày được sống".

Lời nhận định trên đúng cho tất cả mọi tác phẩm văn chương. Sách do Nhà xuất bản Văn Nghệ

tổng phát hành.

📖 ***Uống trà sớm mai***, tập thơ sưu tập những bài lục bát còn lại Hoàng Ngọc Biên viết từ 1962-1996, Trình Bầy xuất bản. Diễm Châu và Hoàng Ngọc Biên là hai cây viết chủ lực của Nhóm Trình Bầy trước 1975 ở Sài Gòn, ra hải ngoại hai anh tiếp tục công việc xuất bản của nhóm, với những cuốn sách in mỏng, trang nhã và phát hành hạn chế. Trong nhóm, Hoàng Ngọc Biên là cây bút "Tây" nhất, avant garde nhất. Nhưng tập thơ này cho thấy một Hoàng Ngọc Biên hoàn toàn khác. Thơ lục bát của anh cô đọng như Đường thi, đậm đà hương vị Đông phương. Xin đọc một bài lục bát viết từ Salt Lake City:

*lênh đênh trong cõi vô thường*
*bạn bè còn những đoạn đường rong chơi*
*diêm hồ trần mỗi mình tôi*
*mây quàng cổ núi khói trời quanh hiu*

hoặc một bài khác:

*hương xa còn lại tháng ngày*
*núi đồi tiếp những bóng mây chập chùng*
*cuộc đời bỗng thấy lạ lùng*
*đất trời có những ngàn trùng cách xa.*

Sách tặng không đề giá bán.

📖 ***Những mộng đàm về Phật giáo Thiền tông***, của Quốc sư Mộng Sơn, Huỳnh Kim Quang dịch, Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, sách dày 160 trang, giá 8 MK. Thiền sư Mộng Sơn (1275-1351) là vị Tổ sư khai sáng Chùa Thiên Long ở Kyoto Nhật bản. Ngài là thầy của bảy vị hoàng đế Nhật, và được tôn phong làm Quốc sư. Tác phẩm này ghi lại tất cả những lời dạy quí báu của Thiền sư Mộng Sơn, khai thị, dẫn giải những chỗ mê lầm, cố chấp và thiên lệch của người đời đối với Phật giáo Thiền tông. Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

📖 ***Vạn Hạnh, kẻ đi qua cầu lịch sử***, Trung tâm Văn hóa Phật giáo VN tại Hoa Kỳ xuất bản, sách dày 106 trang, giá 8 MK. Sách là tập hợp bốn bài giảng về Sư Vạn Hạnh, Sư Mãn Giác, Thơ và Kệ, Ngôn từ trong Văn hóa Thiền kèm theo phần phụ lục những bài thơ bài kệ được nhắc tới, với nguyên văn, dịch nghĩa. Giảng về Thiền, nhiều bậc cao tăng đã làm. Nhưng giảng nghĩa Thiền một cách văn chương, một cách thơ, chỉ một số ít vị cao tăng đồng thời cũng là thi sĩ như Thiền sư Mãn Giác mới làm được, như trong tập sách này. Sách có bán tại các hiệu sách.

📖 ***Đức Phật vẫn ngồi yên***, tạp văn của Huyền Không (một bút hiệu khác của Thiền sư Mãn Giác), Trung tâm Văn hóa Phật giáo VN tại Hoa Kỳ xuất bản, dày 165 trang, không thấy đề giá bán.

Tác phẩm sưu tập những bài tạp ghi đã đăng trên tạp chí Phật giáo Việt Nam của Thiền sư Mãn Giác đề cập đến nhiều vấn đề, cả đạo lẫn

đời sống của người Phật tử, cũng như những sinh hoạt của Phật giáo hải ngoại. Và cũng giống như cuốn sách vừa giới thiệu ở trên, cuốn này tuy là tạp văn, nhưng qua lối viết, vẫn thấy phảng phất bóng dáng nhà thơ Huyền Không.

📖 ***Trích giảng Truyện Kiều*** của Hồ Đình Chữ, Việt Luận (Úc) xuất bản, sách dày 330 trang, giá 20 Úc kim. Tác giả giảng dạy văn chương VN và Việt ngữ tại các Đại học ở Úc, nên sách giảng văn này xuất phát từ những bài dạy văn chương Truyện Kiều. Một tài liệu giáo khoa cần thiết cho những bậc phụ huynh ở hải ngoại muốn con cháu hiểu rõ hơn cội nguồn văn hóa dân tộc.Địa chỉ liên lạc với tác giả:

Hồ Đình Chữ
2 Cunningham Street
Telopea NSW 2117 Australia

📖 ***Tiếng hờn chiến mã***, tập thơ của Song Nhị, Cội Nguồn xuất bản, sách dày 180 trang, giá 10 MK.

Hầu hết thơ trong tập này tác giả sáng tác lúc bị đưa đi trại cải tạo dưới thời cộng sản, làm thơ trong lén lút và phải gắng nhớ thuộc lòng cho đến ngày ra tù ghi lại. Một thi sĩ cũng đã trải qua kinh nghiệm tù dày cộng sản như Song Nhị, nhà thơ Hà Thượng Nhân, trong lời Tựa nhận xét về Song Nhị rất đúng: "Không cúi đầu mà lại còn diễu cợt chính mình, lại còn đùa nghịch với những cảnh ngộ ngang trái mà mình đang trải qua. Nếu chẳng có một niềm tin bền vững làm sao con người lại có thể ung dung tự tại đến như thế được?" Nội cái tự tại trong cảnh tù đày đã là một bài thơ đẹp rồi.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Cội Nguồn
691 Albanese Circle
San Jose CA 95111

gió đông
giai phẩm văn học

mở ra con đường **mới** trong sinh hoạt văn học tại châu Âu

**ra mắt trong tháng Giêng 1997**

Posttach 190127, 53037 Bonn. Tel: 0228-214 536

**THANH VĂN**
P.O. BOX 411723
Los Angeles, CA 90041

Tìm mua những tác phẩm giá trị do Thanh Văn xuất bản:

**VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI**
tập truyện ngắn của
Trần Doãn Nho
Sách dày 251 trang, giá 12 Mỹ kim

**VĂN, SỬ, Y, DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG**
biên khảo của
Trần văn Tích
Sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

**TẠNG THƯ SỐNG CHẾT**
của Thiền sư Tây Tạng Sogyal Rinpoche
Bản Việt dịch của Trí Hải
Sách dày 436 trang, giá 18 Mỹ kim

**MARIE SẾN**
truyện dài của Phạm thị Hoài
Sách dày 160 trang, giá 10 Mỹ kim

**SÓNG TRÔI**
Tập truyện của Ngụ Thuyết
Sách dày 240 trang, giá 12 Mỹ kim

**NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT**
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
Sách dày 430 trang, giá 18 Mỹ kim

Liên lạc Nhà Phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301, Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

*Đã phát hành khắp nơi:*

## Dưa Cà Mắm Muối

Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm 12 truyện ngắn, dày 114 trang, giá 6.00 Mỹ Kim

## Về

Tập truyện của Hà Thúc Sinh.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

## Lời Của Quá Khứ

Tập truyện của Khế Iêm.
Gồm 9 truyện ngắn, dày 120 trang, giá 7.00 Mỹ Kim.

## Sống Và Viết

Tùy bút của Võ Phiến,
Sách dày 170 trang, giá 10.00 Mỹ Kim.

## Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo

Tập truyện của Hoàng Thị Bích Ti
Gồm 10 truyện ngắn, dày 130 trang, giá 8.00 Mỹ Kim

## Dấu Quê

Thơ Khế Iêm, giá 7.00 Mỹ Kim

---

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
**nhà phát hành VĂN NGHỆ**
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 527-5761

## PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____Tiểu Bang_____Zip_____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

## PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

## GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

# TẠNG THƯ SỐNG CHẾT

## SOGYAL RINPOCHE

TRÍ HẢI dịch

*Tạng Thư Sống-Chết* không những là một tuyệt tác về tâm linh mà còn là một sách dẫn, một cẩm nang, sách tham khảo, và một nguồn cảm hứng thiêng liêng. "Trong một thời đại cực kỳ nguy hiểm như ngày nay, khi nhiều người trong chúng ta đang tìm kiếm sự hướng đạo minh triết và những giải đáp soi sáng cho ta về cách sống cuộc đời mình và cách đối mặt với cái chết, thì tác phẩm này đang cống hiến một sự hướng đạo như thế, một vài giải đáp như thế. Nó đã được viết ra để gợi cảm hứng cho người đọc khởi sự cuộc hành trình tiến về giác ngộ, để thành những "sứ giả hòa bình" theo như tác giả gọi, những người làm việc với trí tuệ và tình yêu thương, để trực tiếp góp phần vào sự cứu vãn tương lai nhân loại.

Sách có bán tại các tiệm sách, hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 527-5761

VĂN NGHỆ

*NXB VĂN NGHỆ*
*P.O. Box 2301*
*Westminster, CA 92683 - USA*
*Phone: (714) 527-5761*

## SÁCH MỚI 1996

| | | |
|---|---|---|
| • **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản) | hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn* | **20 MK** |
| • **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản) | *Bùi Bảo Trúc* | **16 MK** |
| • **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước** | *Bùi Vĩnh Phúc* | **27 MK** |
| • **Cấu Trúc Thơ** | *Thụy Khuê* | **13 MK** |
| • **Thư Gửi Bạn Ta II** | *Bùi Bảo Trúc* | **16 MK** |
| • **Thơ v.v... và v.v...** | *Nguyễn Hưng Quốc* | **14 MK** |
| • **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ** | hồi ký *Trần Thư* | **15 MK** |
| • **Về Vùng Chiến Tuyến** | hồi ký *Lê Xuân Nhuận* | **15 MK** |
| • **Mặt Trận Ở Sài Gòn** | truyện ngắn *Ngô Thế Vinh* | **12 MK** |

## SÁCH PHÁT HÀNH

| | | |
|---|---|---|
| • **Tạng Thư Sống Chết** | *Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch | **18 MK** |
| • **Marie Sến** | truyện *Phạm Thị Hoài* | **10 MK** |
| • **Hồi Ký Ngoài Văn Chương** | hồi ký *Thế Phong* | **13 MK** |
| • **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc** | *Phạm Công Thiện* | **18 MK** |
| • **Em Ơi Biết Đâu Tìm** | truyện *Kiệt Tấn* | **12 MK** |
| • **Một Bông Hồng Cho Cha** | truyện *Võ Hồng* | **7 MK** |
| • **Hoa Trôi Trên Sóng Nước** | *Nguyên Phong* | **13 MK** |

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

Giá:$4.00